NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 171 • JULY 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

ĐƯỜNG TRĂNG
NHẤT LINH

"HẬU" CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP
HỒ HỮU TƯỜNG

TRĂNG LỒNG ĐÁY NƯỚC
KAWABATA YASUNARI

TẠI LAS VEGAS

PHỞ SAIGON 8

5650 Spring Mountain Rd., Suite B, Las Vegas, NEV. 89146
Tel: (702) 248-6663 * Fax: (702) 248-6443
www.phosaigon8.com

- Các loại Phở, Bún, Cơm
- All kinds of Vietnamese Noodle Soup
- Vietnamese dishes

* Đầu bếp kinh nghiệm

* Thuộc hệ thống Phở Saigon tại Texas

Mở cửa 7 ngày:
9 AM - 10 PM

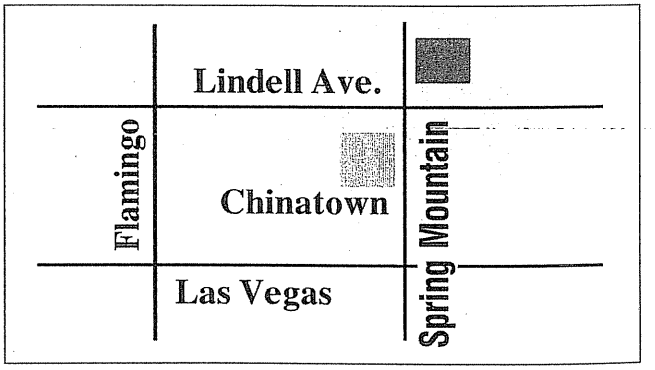

Cuốn Video của người Việt tha hương

"TÌM TRONG KỶ NIỆM"

- Một cuốn VIDEO ca vũ nhạc đầy tình tự dân tộc và tình người, mang nhiều sắc thái, phong cách và văn hóa Việt Nam.
- Ánh sáng, âm thanh hoàn hảo, hình ảnh được quay trên sân khấu và ngoài trời sống động, vui nhộn.
- Người mẫu cùng với những vũ công trẻ trung tươi mát, lộng lẫy.
- Ca sĩ tên tuổi và nhiều giọng ca mới được nhiều khán thính giả mến mộ.
- Nhạc phẩm chọn lọc và đủ loại thể điệu để làm vừa lòng mọi giới yêu nhạc. ***Đặc biệt với nhạc phẩm "KHÔNG ĐÂU BẰNG TRÊN QUÊ HƯƠNG TÔI" và tiếng đàn hòa tấu Hạ Uy Cầm của nhạc sĩ PHẠM MẠNH ĐẠT.***
- Một cuốn VIDEO có giá trị về nghệ thuật, người Việt xứ Việt đã có bán khắp nơi...

TRUNG TÂM HOA VÀNG

***Phone*: (408) 971-2551** và **(408) 569-9055**

E-Mail: PHAM697@CS.COM

Web: WWW.PHAMMAN

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : **Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa**

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

dermatika

ALL NATURAL DOCTOR FORMULATED

Kem Dưỡng Da Bào Chế Bằng Tất Cả Nguyên Liệu Thiên Nhiên Không Hóa Chất

dermatika
Cosmetics

- Hair Nourishing Natural Shampoo
- Hair Nourishing Leave-In Conditioner
- Renewal Facial Cleanser
- Balancing Facial Toner
- Replenishing Moisturizer
- Revitalizing Microdiamond Scrub
- Reviving Eye Gel
- Skin Whitening
- Sun Block SPF30

Quý vị muốn có một làn da mịn màng tươi trẻ và trắng trẻo. Xin mời dùng dược mỹ phẩm kem dưỡng da Dermatika với một công trình nghiên cứu và thí nghiệm nhiều năm do một nhóm Bác sĩ Y Khoa Mỹ Việt tại miền Nam California lần đầu tiên được ra mắt trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Dermatika với các loại dược mỹ phẩm đặc biệt, hoàn hảo và công hiệu nhất như:

- **Kem tẩy trắng da (Skin Whitening)**
- **Kem trị nám, tàn nhang, đồi mồi..... Bảo đảm hiệu quả**
- **Kem dưỡng da sẽ giúp cho quý vị có một làn da luôn tươi trẻ**
- **Eye Gel là một loại gel đặc biệt chống nếp nhăn và mở bao chung quanh mắt**

Đặc biệt Shampoo và Conditioner Dermatika là dầu gội đầu giúp chống rụng tóc và giúp nuôi lại mái tóc bị khô gẫy.

Tất cả những dược mỹ phẩm của công ty Dermatika bảo đảm hữu hiệu, làm tại USA và hoàn toàn không hóa chất.

Mọi chi tiết xin liên lạc: **1-866-MỊN-MÀNG hay 1-866-646-6264**

những **ước mơ**
sẽ trở thành **sự thật.**

những câu chuyện...
những **kinh nghiệm** *sống...*
những cuộc **hành trình...**
thử thách...
đam mê...
tất cả sẽ **gặp nhau** *tại*

VIFF

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế
Vietnamese International Film Festival (ViFF)

Sẽ được Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts & Letters Association -VAALA) và VietNamese Language & Culture (VNLC) tổ chức tại University of California, Irvine, Hoa Kỳ, vào tháng 10/2003.

Mời tất cả các đạo diễn người Việt tại hải ngoại hãy gửi phim về tham dự Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế! Ban Tổ Chức nhận phim truyện, phim tài liệu, phim ngắn, phim hoạt họa... Hạn chót nhận phim là ngày **30 tháng 6, 2003.**
Xin gửi phim về địa chỉ:

VAALA
14781 Moran Street,
Westminster, CA 92683, U.S.A.

Mọi chi tiết, xin vào **www.VietFilmFest.com**

Designed by VAL Designs 714-227-0324

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

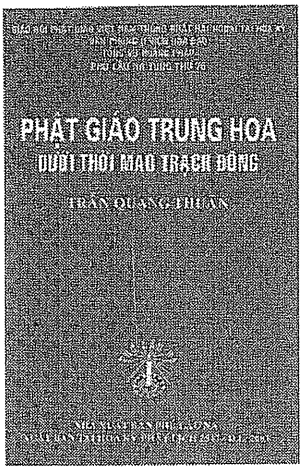

PHẬT GIÁO TRUNG HOA DƯỚI THỜI MAO TRẠCH ĐÔNG
Biên khảo của **TRẦN QUANG THUẬN**
Một nghiên cứu đầy đủ nhất từ trước đến nay bằng tiếng Việt tình hình Phật giáo tại Trung Hoa dưới thời Mao Trạch Đông. Trong chế độ cộng sản, tất cả các tôn giáo đều gặp pháp nạn. Riêng Phật giáo dù trải qua nhiều pháp nạn cũng không vì thế bị xóa bỏ trong tiềm thức người Trung Hoa. Phật giáo chỉ bị tiêu diệt tại Trung Quốc khi nào người Trung Hoa không còn phải là người Trung Hoa nữa. Giá 18 Mỹ kim.

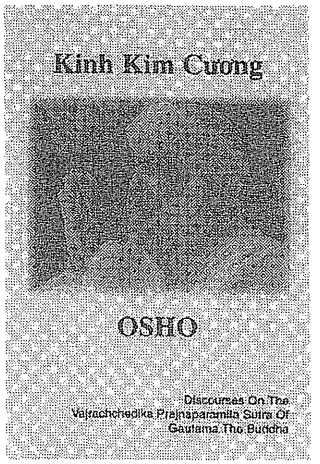

KINH KIM CƯƠNG
Bài nói về Kinh Kim Cương của đạo sư OSHO. Bản dịch của NHƯ KHÔNG
Đức Dalai Lạt Ma đã viết về Osho: *"Osho là một chân sư giác ngộ. Ngài hoạt động trên mọi lãnh vực để giúp nhân loại vượt qua những giai đoạn khó khăn trong việc trau dồi tâm thức."* Lời giảng của Osho về Kinh Kim Cương chứa đầy những khái niệm rất mới mẻ và gây nhiều hứng thú, vì đã kết hợp và hòa giải một cách tài tình những vấn đề tôn giáo, triết học, tâm lý học... thuộc các nền văn hóa khác nhau. Giá 10 Mỹ kim

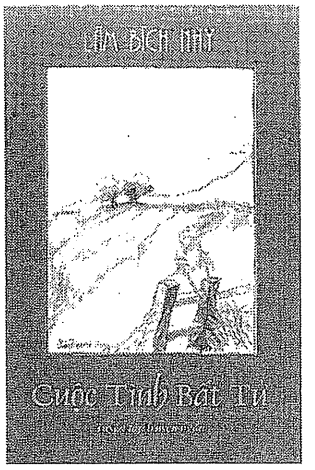

CUỘC TÌNH BẤT TỬ
Tập truyện của LÂM BÍCH NHY
Tác giả là một cô gái 27 tuổi sống đã 19 năm trên vùng đất NaUy. Mang tâm thức Phật giáo truyền thống của gia đình, Lâm Bích Nhy, tuy trưởng thành từ một xứ sở Bắc Âu, vẫn có bút pháp giản dị, e ấp, chừng mực và trầm lặng của một nhà văn nữ Đông phương. Qua 12 truyện ngắn, các nhân vật đã nói thay tác giả cái khát vọng hướng về một chân trời siêu tuyệt...Giá 10 Mỹ kim

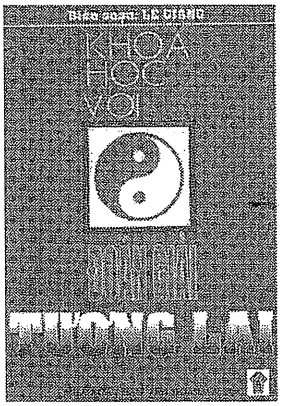

KHOA HỌC VỚI ĐOÁN GIẢI TƯƠNG LAI
Do **LÊ GIẢNG** biên soạn
Người ta ai cũng có một "vận mệnh." Nhưng vận mệnh là gì? Có thể đem ánh sáng của lý trí để tìm hiểu nó hầu hướng dẫn cuộc đời mình được không? Cuốn sách này nghiên cứu về Chu Dịch, với quan niệm rằng Chu Dịch có thể giải thích, hướng cho người đời biết họa mà tránh, biết phúc mà đón, biết xử thế trước mọi biến cố trong cuộc đời. Giá 14 Mỹ kim.

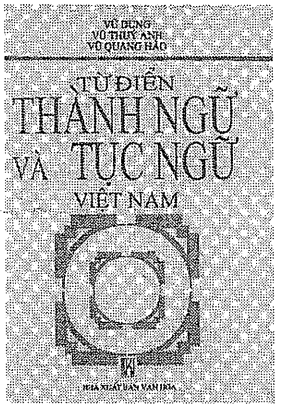

TỪ ĐIỂN THÀNH NGỮ VÀ TỤC NGỮ VIỆT NAM
Các tác giả: VŨ DUNG, VŨ THÚY ANH, VŨ QUANG HÀO
Chứa đựng một kho thành ngữ và tục ngữ với lời giảng rành rẽ chi tiết. Đây cũng là một kho cô đọng phong tục, tập quán, nghi lễ, tôn giáo, truyền thống văn hóa và lối nghĩ riêng của dân tộc Việt Nam, đồng thời là kho tàng kinh nghiệm dân gian về cách sống, cách ứng xử, về trồng trọt, chăn nuôi, làm ruộng, mua bán v.v... Giá 22 Mỹ kim

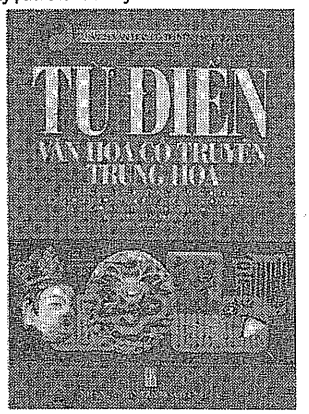

TỪ ĐIỂN VĂN HÓA CỔ TRUYỀN TRUNG HOA
Người dịch: **LÊ KHÁNH TRƯỜNG**
Văn hóa cổ truyền Trung Hoa là nền văn hóa phong phú, đa dạng, xuất hiện từ cổ đại cho đến ngày nay. Cuốn từ điển này giúp người sử dụng tìm hiểu, tra cứu một cách hệ thống và toàn diện về những đề mục như: *âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, khí công, Trung y, dịch lý, tượng số, thuật đoán mệnh, tướng thuật, chiêm tinh, Đạo giáo, Phật giáo, chư thần...* Giá 52 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình
Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ - VĂN HỌC - LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: Tranh của Nhất Linh (tài liệu riêng của Trương Kim Anh)
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Bé Ký
Kỹ thuật: Võ Thành Điểm
Hí họa: Babui
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 171 – Tháng Bảy 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
6. Xì-căn-đan xáo động làng báo Mỹ – Ngô Nhân Dụng
15. Trường hợp Hoa Kỳ, Xứ Đàng Trong và Việt Nam XHCN – Tôn Thất Thiện
19. Chiều hướng đối ngoại mới của Hoa Kỳ – Nguyễn Gia Tiến
22. Nhìn lại chiến tranh của Mỹ ở Iraq – Cổ Lũy
31. Chào liệt sỹ Năm Cam – Lô
LỊCH SỬ – KHOA HỌC
89. Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp... (tiếp theo và hết) – Nguyễn Quốc Trị
104. Chẩn đoán và thông tin xác suất – Nguyễn Văn Tuấn
VĂN HỌC – TƯ LIỆU
46. Giòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh – Nguyễn Tường Thiết
58. Hồ Hữu Tường – Thụy Khuê
65. Vài kỷ niệm với bác Năm Tường – Đinh Quang Anh Thái
69. Hồ Hữu Tường: người chết u uẩn – Đỗ Thái Nhiên
75. Chuyện về ông Hồ Hữu Tường – Lê Ngọc Minh
VĂN
48. Đường trăng – Nhất Linh
52. Trăng lồng đáy nước – Kawabata Yasunari, Nguyễn Văn Thực dịch
77. "Hậu" Con thần lằn chọn nghiệp – Hồ Hữu Tường
80. Phi Lạc Sang Tàu (trích) – Hồ Hữu Tường
101. Về tắm ao xưa – Bùi Dương Chi
108. Không có gì, phía sau – Hồ Minh Dũng
114. Chuyến tàu – Hồ Phú Bông
THƠ
55. Đưa người – Lý Thừa Nghiệp. 61. Dấu xưa – Mạc Phương Đình. 84. Quê tình – Đức Phổ. 102. Vườn trưa – Nguyễn Bạch Dương. 106. Thật xa – Trần Hoài Thư. 110. Như bóng – Nguyễn Thị Minh Thủy. 116. Quảng Nam – Chu Vương Miện
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư trị sự
34. Sổ tay – Ngô Nhân Dụng
41. Đời sống quanh ta – Thanh Thảo và Trần Quán Niệm
119. Chân trời VHNT – Phạm Trần
120. Giới thiệu sách

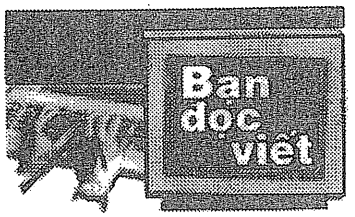

Bức thư của người con

Kính gởi các bạn tại Tòa soạn tạp chí Thế Kỷ 21,

Tôi xin chân thành cám ơn các bạn đã nỗ lực xuất bản đặc san về cha tôi là ông Hồ Hữu Tường. Đây là một dự án rất công phu và tôi rất khâm phục các bạn đã đưa đến thành công. Tôi xin thú thật là tôi đã đọc được một số chi tiết về đời cha tôi mà trước đó tôi lại không biết đến.

Miền Nam có một số nhà văn và nhân vật lịch sử tôi thiết nghĩ nên được chú ý đến. Tôi rất mong Thế Kỷ 21 sẽ có dịp đề cập đến họ trong một tương lai gần đây.

Một lần nữa, tôi xin cám ơn tất cả các bạn và chúc cho tạp chí Thế Kỷ 21 gặp nhiều thành công và may mắn.

Hồ Huệ Tâm
(Boston MA)

Về hai bức họa chân dung Hồ Hữu Tường

Số Thế Kỷ 21 về Hồ Hữu Tường vừa rồi khá đầy đủ và hay, đặc biệt quý vị kiếm được hai bức chân dung của nhà văn họ Hồ giúp cho số báo đặc sắc hẳn. Bức tranh bìa cho thấy vẻ khôi ngô của một người có tiếng là thông minh, cách dùng màu sắc và nét bút chu đáo tỉ mỉ của họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi đã mang lại vẻ thẩm mỹ rất giá trị cho tờ báo. Một người bạn của tôi trước kia đã từng gặp gỡ Hồ Hữu Tường nói rằng thật ra ông không "đẹp trai" như trong bức họa, nhưng vẫn công nhận rất giống và rất đẹp. Bức thứ hai của Tạ Tỵ đăng ở trang trong – lần đầu tiên Thế Kỷ 21 "dám" chơi màu ở trang trong, một cố gắng đáng khen – lại cho thấy một Hồ Hữu Tường khác hẳn. Đó là hình ảnh khắc khổ của một con người trầm tư và đã nhiều phen lao đao vào tù ra khám. Cũng người bạn của tôi nói rằng theo anh ta, đó đúng là con người thật của Hồ Hữu Tường, và người họa sĩ chỉ trong một giây phút xuất thần đối diện với nhân vật mới nắm bắt được cái "thần" của ông ta như thế. Đó là giây phút "thần" này gặp cái "thần" kia, mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết trong bảy chữ: "Cảm thông một phút *bừng* ân ái." Kết quả "ân ái" của người nghệ sĩ có gì khác hơn là tác phẩm?

Ngô Trọng Bằng (Paris)

Chuyện Dầu hỏa Trung Đông và Việt Nam

Bài "Ông Tây Nhỡ Tầu" (Thế Kỷ 21 số 170, tháng Sáu 2003) của ông Trần Văn Khởi rất hay, cho thấy tác giả thuộc hàng chuyên viên có tầm vóc quốc tế, với kiến thức vững chắc và lập luận thâm trầm, sâu sắc. Tác giả cũng đã trình bày vấn đề bằng một lối viết hấp dẫn, trong sáng.

Tôi cũng đã có dịp tìm thấy lối viết giản dị và mạch lạc đó của tác giả trong cuốn *"Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975: Những Ngày Còn Nhớ."* Đây là một bút ký rất công phu, với nhiều tài liệu quan trọng về chương trình tìm dầu của Việt Nam Cộng Hòa trước đây. Sách có nhiều bài rất hay, nhiều đoạn thật cảm động. Tôi đã mượn cuốn sách đó ở một thư viện công cộng tại Houston, do chính tác giả ký tặng độc giả của thư viện Parker-Williams.

Tôi cũng nhận thấy rằng trong khi hàng trăm trang báo chí Việt ngữ đã dành viết về chuyện con phật con ma, thì hình như không thấy có báo nào điểm cuốn sách quý giá đó về dầu hỏa, kể cả tờ Thế Kỷ 21, phải chăng vì thấy đề tài quá chuyên môn? Thật ra, đề tài tuy có chuyên môn, nhưng qua lối kể chuyện giản dị và truyền cảm của tác giả, tôi thấy cuốn sách rất dễ hiểu, đọc rất thú vị.

Nguyễn T. Nguyên
(Houston, Texas)

*Thưa ông, Thế Kỷ 21 đã giới thiệu cuốn "*Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975: Những Ngày Còn Nhớ*" của Trần Văn Khởi trong số 159, tháng Bảy năm 2002.*

Con thằn lằn chọn nghiệp

Cách đây vài năm tui có đọc cuốn *Chữ Nghĩa Bề Bề* của Đặng Trần Huân có chỗ nói truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp của Hồ Hữu Tường vào đến bán kết một cuộc thi của một nhà xuất bản ở Pháp chọn chừng 50 truyện hay nhứt thế giới. Cũng lâu rồi, khoảng nửa thế kỷ. Đọc tên truyện tui thấy lạ quá, chẳng hiểu nói cái gì, và cũng ao ước có được truyện đó coi hay như thế nào mà chen chưn được với bao truyện hay của thế giới, và nhứt là hiểu được cái nhan đề như vậy là tại sao. Nhưng ao ước vậy rồi quên đi, vì ở vùng Little Saigon tui chẳng thấy có cuốn truyện nào của ông Hồ Hữu Tường hết. Vừa rồi nhờ tờ *Thế Kỷ 21* mà tui được đọc truyện đó. Một câu chuyện rất bình thường, rất Việt Nam, nhưng sức nặng của nó quả là ngàn cân. Đọc rồi mà trong đầu cứ ngẩn ngơ như có một điều gì chưa giải được.

Tui muốn biết thêm về cuộc thi truyện ở Pháp năm đó mà chịu không biết tìm tài liệu ở đâu. Có vị nào lớn tuổi biết chuyện nầy thì xin mách bảo dùm thêm chi tiết, xin đa tạ.

David Lê
(Anaheim, Nam California)

Hết ý kiến

Trong một số Thế Kỷ 21 trước đây tôi nhớ có đọc lời than

phiền của một độc giả về cách đánh giá ông Hồ Chí Minh của ông Hoàng Xuân Hãn, và sau đó ông Nguyễn Đức Tường, tác giả bài điểm sách "Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp" của Thụy Khuê đã lên tiếng giải thích. Sự việc ấy đã khiến tôi tò mò tìm đọc cuốn sách ấy. Ngoài rất nhiều điều hay ho hữu ích mà cuốn sách mang lại, tôi lại còn tìm thấy ở đó những chứng cứ rõ rệt về sự không đứng đắn của người cộng sản Việt Nam hiện nay trong việc in lại những tác phẩm của người Việt ở nước ngoài. Trong bài Tựa, tác giả Thụy Khuê có đoạn viết:

"... *để bài phỏng vấn Hoàng Xuân Hãn có thể in được ở Việt Nam, chúng tôi đồng ý với yêu cầu của ban biên tập là có thể cắt bỏ một vài chữ, vài đoạn, với điều kiện là phải để ngoặc [...] thay thế những đoạn hay những chữ bị cắt, và đề rõ xuất xứ, nếu thấy trên Hợp Lưu, như vậy độc giả có hể tìm lại được bản gốc để biết chỗ bị cắt.*

Khi sách in ra, chúng tôi thấy có một vài thay đổi: như tiểu tựa Hoàng Xuân Hãn, Chứng Nhân Lịch Sử *được đổi thành* Những Cuộc Tiếp Xúc Khó Quên, *có những đoạn bị cắt, một vài câu thêm vào, những chữ nôm để trống và không đề xuất xứ Hợp Lưu, không in bài dẫn nhập với những dè dặt của chúng tôi... Do đó, trong lần in này, chúng tôi sẽ chú thích để độc giả biết đoạn nào đã bị cắt trong La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, hoặc câu nào không có trong nguyên văn lời nói Hoàng Xuân Hãn.*"

Quý vị có ý kiến gì sau khi đọc đoạn văn trên?

Nguyễn Văn Tư (Boston)

Mỗi năm đến hè...

Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn...

Đó là câu hát của một thời xa xưa, nói về tình cảm học trò, mà thời học trò của người tị nạn chúng ta thì nhìn lại đã xa lắc xa lơ. Buồn vì sắp xa thầy, xa lớp, xa bạn bè, trong đó có thể có người yêu, để... nghỉ hè. Cái buồn của tuổi học trò nó đơn sơ và trong sáng là thế!

Bây giờ tại đất tị nạn, không biết con em của chúng ta có mang nỗi buồn học trò khi hè đến không, nhưng cộng đồng Việt Nam nói chung thì phải nói là rất vui, với những tin tức tới tấp về sự thành công về học vấn, thi cử của con em mình. Quý vị cứ giở những tờ nhật báo tiếng Việt của vùng Little Saigon trong khoảng tháng Năm, tháng Sáu ra là sẽ thấy. Đầy những ô chúc mừng sự thành đạt khoa bảng.

Ai chúc mừng ai? Bạn bè, bà con chúc mừng nhau: được tin ông bà A có con là cậu B vừa tốt nghiệp bác sĩ Y khoa, chúng tôi xin có lời mừng và chúc v.v..., dưới ký tên chú bác cô dì hay bạn hữu XYZ. Có khi trong gia đình cũng mừng lẫn nhau bằng lời rao trên báo: ông bà nội, ông bà ngoại, bố mẹ, anh chị em... được tin (mẹ kiếp, trong nhà mà cũng "được tin") cô C vừa đậu bằng Dược sĩ, sau đó là rối rít những lời mừng rỡ chúc tụng.

Loại bằng cấp nào được chúc mừng nhiều nhất? Các loại này, theo thứ tự ưu tiên: bác sĩ y khoa, bác sĩ nha khoa, dược sĩ, luật sư. That's it. Chẳng thấy ai chúc mừng các cô cậu tốt nghiệp ngành sư phạm, ngành kỹ sư computer, thậm chí những môn học rất khó như về không gian chẳng hạn. Những món ấy chẳng sang trọng danh giá gì cả, chả bỏ công để khoe trên báo. Đối với người Việt Nam thì phải là mấy cái "sĩ" mới ăn tiền (mà ăn tiền thiệt!) còn "sư" thì yếu, may lắm chấp nhận được cái anh luật sư.

Ấy thế, thấy thiên hạ vui và chúc tụng loạn xạ, tự nhiên tôi lại thấy không vui, và mở miệng hát câu hát xưa: *Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn...*

Trần Hạnh (Internet)

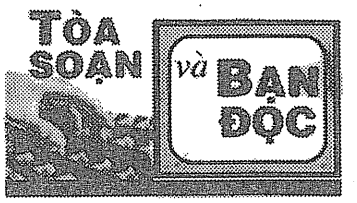

Tháng qua chúng tôi nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Văn Tuấn, Tôn Thất Thiện, Phan Quốc Sơn, Cổ Lũy, Đinh Quang Anh Thái, Đỗ Thái Nhiên, Phạm Thành Châu, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Văn Thành, Thế Uyên, Nguyễn Hà Tuệ, Thu Tứ, Lô, Ánh Dương, Phan Hoàng Điệp, Lê Ngọc Minh, Chu Vương Miện, Hoàng Huy Khanh, Trần Huy Sao, Nguyễn Văn Cường.

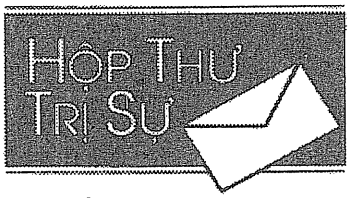

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Thomas H Nguyen CA – Le Huu Chi CA – Trinh Van Hieu CA – Do Linh TX – Nguyen Kim Ngoc NY – Vu Ngo Quy Canada – Dang Hieu Kinh VA – Tran D Quang MA – Nguyen Thi Van FL – Nguyen Can FL – Nguyen Tien CA – Luu Huu Phuc TX – Trinh Hieu Chanh TX – Do Van Thu IL – Doan Thu TX – Tran T Thuong Thuong NM – Huong Ly Australia – Tran Tan Viet CA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Vu Thanh Thong CA – Nguyen Thanh Bich Belgis – Huynh Trung Dung Canada.

VĂN HỮU ỦNG HỘ

VH: Ho Minh Dung GA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Tu Van Dat MN – Phung Van Phuc MN – Bui Duy Thuyet CA – Phạm Đỗ Chí LAOS.

Những vụ từ chức trong báo New York Times

XÌ-CĂNG-ĐAN XÁO ĐỘNG LÀNG BÁO MỸ

NGÔ NHÂN DỤNG

"Tài sản có giá trị nhất của một tờ báo là uy danh tiếng tốt. Tài sản giá trị hàng thứ nhì là các ký giả làm cho báo đó, uy tín của tờ báo nằm trong tay họ. Nhật báo *New York Times* có mối nguy là đang phá tán cả hai thứ tài sản trên..."

Đó là nhận xét của nhật báo the *Financial Times* ở Anh quốc trong ấn bản phát hành tại Mỹ, nhân vụ cả chủ bút lẫn thư ký tòa soạn của nhật báo *New York Times* từ chức, đầu tháng Sáu năm 2003. Họ từ chức một tháng sau khi một vụ xì căng đan nổ ra, khi tờ báo được coi là danh tiếng nhất nước Mỹ thú nhận một ký giả đang lên của họ bị cho nghỉ việc vì gian dối khi viết tin.

Các vị chủ biên trên từ chức sáng Thứ Năm, ngày 5 tháng Sáu 2003, các đài phát thanh loan tin ngay, buổi tối đến các đài truyền hình, và ngày hôm sau tất cả các nhật báo ở Mỹ đều loan tin trên trang nhất. Các nhật báo tiếng Việt ở California không coi đó là quan trọng, có lẽ vì New York ở xa quá đối với người Việt ở quận Cam.

Nhưng vụ xì căng đan chấn động làng báo Mỹ này rất đáng quan tâm. Nó cho thấy khi các ký giả vi phạm những tiêu chuẩn nghề nghiệp thì họ bị phán đoán một cách nghiêm khắc như thế nào.

Ai phán đoán họ? Không có một phiên tòa nào xử. Không có các độc giả biểu tình phản đối, đe dọa. Chủ nhiệm tờ báo và các cổ đông làm chủ cổ phần của công ty xuất bản tờ báo cũng không đòi các người có trách nhiệm phải từ chức. Các cơ sở truyền thông khác dù tường thuật và phê phán cũng không mấy ai chỉ trích nặng nề, vì ai cũng nghĩ biết đâu có ngày mình cũng phạm lỗi lầm tương tự. Cuối cùng, ông chủ bút và ông thư ký tòa soạn phải rút lui vì chính các bạn đồng nghiệp bên trong tờ báo, từng người một, bày tỏ ý kiến. Họ cho thấy rằng nếu cứ để nguyên như vậy mãi thì mọi người đều xuống tinh thần. Mà khi người viết báo xuống tinh thần, họ sẽ phải bỏ đi, tìm việc làm nơi khác; hoặc nếu ở lại cũng không thể làm việc hăng hái, tích cực được nữa. Họ là tài sản quý đứng hạng nhì của một tờ báo. Nếu tài sản đó bị tiêu tán, danh tiếng của tờ báo cũng sẽ tan theo, dù tan dần dần, chậm chạp hơn.

Chúng tôi sẽ mời quý vị độc giả theo dõi câu chuyện này từ đầu, nhưng trước hết xin tóm tắt mấy diễn biến chính.

Bốn trang báo nhận lỗi

Bắt đầu là việc báo *New York Times* đăng những lời nhận lỗi và xin lỗi độc giả. Lời thú nhận và xin lỗi đăng ngày Chủ Nhật 11 tháng 05 năm 2003, tình cờ tôi đang có mặt ở New York dự đám cưới nên đọc được ngay, nhưng tôi chỉ chú ý thấy một điều là bài báo đó dài quá đáng, dài đến bốn trang đầy chi tiết. Phải đợi các nhật báo khác đếm mới biết lời thú nhận dài hơn 14 ngàn chữ; và nhật báo *Wall Street Journal*, một đối thủ của tờ *New York Times* đếm kỹ hơn, cho con số chính xác hơn là 14,500 chữ. Trong bài báo gồm hai trang tường thuật và hai trang chứng cớ, tờ báo cho biết một ủy ban điều tra nội bộ đã khám phá ra nhiều điều sai lầm, ngụy tạo, đạo văn của ký giả Jason Blair trong cả năm trời trước khi ông ta bị mời ra khỏi tờ *New York Times* từ đầu tháng Năm.

Ngày Thứ Tư 14, chủ nhiệm, chủ bút tờ báo phải hội họp các ký giả của mình để giải thích đầy đủ. Ông chủ bút Howell Raines, 60 tuổi, nhận lỗi đã dùng nhầm người, ông chủ nhiệm và chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Arthur Sulzberger Jr. cũng chia sẻ trách nhiệm nhưng ông báo trước nếu ông Raines xin từ chức ông sẽ không chấp nhận. Một người cũng chia sẻ trách nhiệm là ông thư ký tòa soạn Gerald Boyd, 52 tuổi. Sau đó, ai nấy về tòa soạn làm việc. Nhưng hai tuần sau, một vụ xì căng đan khác lại xẩy ra trong báo *New York Times* khi một ký giả nổi danh của báo này, ông Rick Bragg xin từ chức vì bị tờ báo tố cáo đã ký tên một mình dưới một bài tường thuật mà tất cả

nội dung bài đó là do một nhà báo tập sự dưới quyền cung cấp. Cả hai ông Blair và Bragg đều là những ký giả được ông Raines trọng dụng và nâng đỡ.

Trong thời gian hai tuần đó, ký giả Jayson Blair đã trả lời những cuộc phỏng vấn truyền hình và có lúc tỏ ra rất thỏa mãn là mình đã đánh lừa được "những người làm báo thông minh nhất!" Jason Blair cũng được nhiều người tiếp xúc đề nghị viết hồi ký về vụ này, có người còn tính làm phim. Các ông chủ bút Raines và chủ nhiệm Sulzberger đã gặp gỡ các ký giả trong tòa soạn, từng người hoặc từng nhóm để biết thêm tình hình và tham khảo ý kiến. Đến ngày 5 tháng 06 thì ông Sulzbegrer Jr., 51 tuổi phải chấp nhận đơn từ chức của hai người cộng sự do ông đưa lên, trong một buổi họp tòa soạn mà mọi người đều tỏ ra có tư cách đáng trọng, nhưng một số nhà báo đã chảy nước mắt.

New York Times là một định chế công cộng

Tại sao vụ từ chức của hai người điều khiển ban biên tập 1000 người của một nhật báo lại được cả nước Mỹ chú ý? Vì tờ *New York Times* là một định chế công cộng của nước Mỹ, không khác gì báo *Le Monde* ở Pháp hay tờ *Times* ở London, Anh quốc. Ở các nước có tự do báo chí, nhiều tờ báo có uy tín và ảnh hưởng tới lòng dân không khác gì các định chế công cộng khác, như Quốc Hội, Tòa Án Tối Cao... Giá trị và ảnh hưởng của họ là do giữ được lòng tin của mọi người, cả những người không đọc họ.

Tờ báo *New York Times* đã có 152 năm lịch sử. Số lưu hành trên toàn quốc đứng hàng thứ nhì sau báo *Wall Street Journal* nhưng ảnh hưởng lớn hơn trong giới trí thức và chính trị gia, cũng như tờ nhật báo Wall Street ảnh hưởng trên giới đầu tư và kinh doanh. Năm ngoái số thâu nhập của *New York Times* là hơn ba tỷ mỹ kim và trị giá các cổ phần của công ty là bảy tỷ, do 48,000 người làm chủ cổ phần. Ông Arthur Sulzberger Jr. là đại diện gia đình chủ nhân chính của tờ báo, ông là một trong hội đồng tám người của gia đình này. Gia đình này chỉ làm chủ 1.5% cổ phần nhưng theo điều lệ có quyền cử đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Một phóng viên giỏi bịa đặt và gian dối

Sau khi khám phá ra tội gian dối và buộc phóng viên Jayson Blair từ chức, nhật báo *New York Times* đã cử năm phóng viên và hai phụ tá tìm tài liệu để duyệt lại gần 700 bài do phóng viên Jayson Blair viết trong thời gian bốn năm anh ta chính thức làm việc cho báo này. Nhiều lỗi lầm của anh tập trung vào hai năm cuối cùng, mặc dù trước đó anh đã bị khiển trách vì hay viết những chuyện sai sự thật. Nhiều vị chủ biên của tờ báo đã cảnh cáo anh ta và báo động cho cấp trên về các lầm lẫn trong các bài do anh này viết từ hơn một năm trước, nhưng không ai có biện pháp nào chế tài Jayson Blair. Tháng Tư năm 2002, ông Jonathan Landman, chủ biên tin tức địa phương New York đã gửi email cho những người chỉ huy phụ trách phòng tin tức của tờ báo, ông viết: "Phải chấm dứt không cho Blair viết cho tờ Times này. Ngay lập tức."

Một nhật báo như tờ *New York Times* có rất nhiều chủ biên (editors) mỗi người phụ trách duyệt bài, kiểm soát, biên tập, sửa chữa mấy phóng viên của mình. Các chủ biên chung một lãnh vực đặt dưới sự kiểm soát của những chủ biên có trách nhiệm cao hơn trong lãnh vực đó, trên cùng là Thư ký tòa soạn (managing editor) và có khi thêm Chủ bút (thường gọi là editor in chief, ở báo *New York Times* gọi là executive editor. Báo *Wall Street Journal* chỉ có managing editor.) Hai người điều khiển ban biên tập *New York Times* khi xảy ra vụ Jayson Blair gian dối là ông Gerald Boyd, thư ký tòa soạn và Howell Raines, chủ bút. Sau khi khiển trách Jayson Blair bằng lời và bằng văn thư, hai người điều khiển lại coi như Blair đã cố gắng chuộc lỗi, biệt phái Jayson Blair từ ban tin tức địa phương sang làm việc cho ban tin tức toàn quốc, một hình thức thăng cấp. Lý do được nêu ra là vì ban đó thiếu người theo dõi vụ bắn sẻ nhiều người chết trong vùng thủ đô Mỹ. Jayson Blair được đưa lên vùng Washington vì, theo ông Boyd nói, Jayson Blair sinh trưởng ở Fairfax, Virginia, vùng phụ cận thủ đô. Và ông Raines cũng nói, "Anh này nó đang hăng!" Ông Raines từ khi làm chủ bút đã chủ trương tờ báo phải dồn nhân lực vào một số tin tức nổi bật hàng đầu, và lúc đó vụ bắn sẻ đang là tin làm rung chuyển cả nước Mỹ.

Vào tháng 11 năm 2002 Jayson Blair bắt đầu loan những tin bịa đặt và nhiều lần bị cải chính. Một tin do Jayson Blair viết được đăng trên trang nhất là vụ hung thủ tình nghi Muhammad đang được thẩm vấn ở sở cảnh sát thì được chuyển qua cho biện lý cuộc Maryland. Trong bản tin đó Jayson Blair bịa ra rằng các cảnh sát viên cho biết Muhammad đang sắp sửa khai về những động

cơ khiến hắn đi bắn sẻ giết người một cách vô tội vạ, nhưng lại bị chuyển đi lên Phòng Biện lý do áp lực của Tòa Bạch ốc. Sau đó các cảnh sát viên đã cải chính là không hề có chuyện Muhammad sắp khai điều gì quan trọng cả. Người chủ biên trực tiếp cho Jayson Blair là ông Fox và người phụ trách toàn ban phóng viên tin toàn quốc là Jim Roberts trước đó đều không được thông báo để biết quá khứ Jayson Blair đã phạm nhiều sai lầm, gian dối. Cho nên họ không nghi ngờ, không gặng hỏi tại sao Jayson Blair đã viết sai và nguồn tin của anh ta là ai. Hai vị chủ biên cao nhất, Raines và Boyd cũng không đặt câu hỏi nào về các nguồn tin của Blair. Sau đó, Jayson Blair lại viết một tin đăng trang nhất khác, cho biết chàng thiếu niên Lee Malvo con nuôi Muhammad cũng là một hung thủ, chính chú bé này đã bắn sẻ. Nhưng không có cơ quan điều tra nào xác nhận có tin này cả.

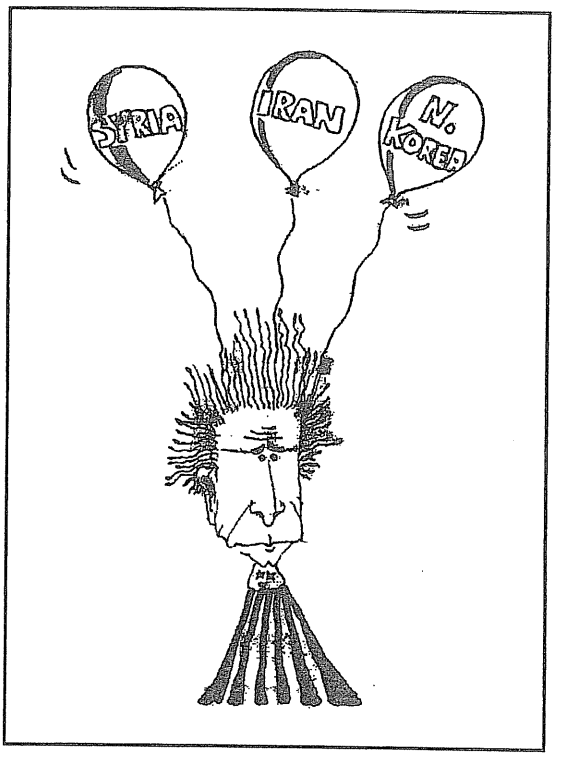

Jayson Blair còn bịa ra những cảnh anh ta thăm, những cử chỉ, lời nói của nhân vật trong bản tin, giống như viết tiểu thuyết.

Thí dụ, Jayson Blair viết về cuộc gặp gỡ với gia đình Gardner ở Hunt valley, Md. họ có một người con trai là thủy quân lục chiến đang tham chiến ở Iraq. Anh ta tả bà Martha Gardner "vội vã quay ghế nhìn lại màn ảnh ti vi khi nghe tin nói đến thủy quân lục chiến ..." cũng như tả phong cảnh trước ngôi nhà họ ở. Trong lúc viết bài này, Jayson Blair còn email báo cho xếp của anh là Jim Roberts các công việc anh đang làm, anh đã gặp gia đình Gardner và họ như thế nào, vân vân. Ông Roberts cũng tin thật và khen ngợi anh ta với mọi người. Cả ông bà Gardner khi đọc bản tin trên báo *New York Times* cũng thích quá, viết thư khen ngợi. Nhưng sau khi điều tra mọi người mới biết Jayson Blair vẫn ở New York, chỉ điện thoại hỏi chuyện nhà Gardner chứ không đến tận nơi gặp họ bao giờ!

Cũng vậy, Jayson Blair được cử theo dõi vụ cô Jessica Lynch, nữ tù binh Mỹ được giải cứu ở Iraq. Anh ta mô tả ngôi nhà của bố mẹ Jessica ở tiểu bang West Virginia đứng trên đồi nhìn ra phía trước là cánh đồng thuốc lá và bãi cỏ chăn bò. Nhưng sự thật ngôi nhà này ở trong rừng, dưới thung lũng, chẳng hề có những cảnh đó. Anh ta cũng nói gia đình Lynch nhiều đời trong quân đội, là chuyện không hề có. Anh ta ở quanh New York mà bịa đặt ra những chuyện đó. Trong một bài Jayson Blair viết về một mục sư ở Cleveland có con đi đánh tại Iraq bị mất tích, anh ta chép lại năm sáu đoạn nguyên văn từ nhật báo *Washington Post*! Anh ta còn hẹn một nhiếp ảnh gia của báo *New York Times* đến chụp hình ngôi nhà thờ ở Cleveland, nhưng chính anh ta vẫn ở New York!

Một con người bệnh hoạn

Phải nói là Jayson Blair mắc một thứ bệnh tâm thần, bệnh nói dối. Bệnh trở nên trầm trọng vào mấy năm gần đây và anh ta có khuynh hướng tự hủy hoại, càng ngày càng nói dối nhiều hơn, táo tợn hơn.

Là con trai của một công chức liên bang và một bà giáo, Jayson Blair có khiếu làm báo ngay từ nhỏ, vì thích nghe ngóng tin tức, tường thuật các câu chuyện anh nghe được. Nhất là thích thấy tên mình in trên báo. Ở trường trung học, Jayson Blair đã tham gia vào tờ báo học sinh, sau đó làm tập sự cho một tờ tuần báo địa phương. Người chủ bút bây giờ còn nhớ ngày nào anh ta cũng la cà ở tòa báo. Anh ta vào học một college rồi sang phân khoa báo chí Đại học Maryland. Ông phó khoa trưởng thấy anh ta hăng hái và có khả năng, đã mướn làm việc cho ông. Nhưng ngay khi viết cho tờ báo sinh viên ở trường này, Jayson Blair tường thuật những trận đấu bóng, anh ta đã bị bắt quả tang bịa đặt những lời người này người kia

nói, hoàn toàn không người nào có thật! Anh ta còn có tật vắng mặt bất thường, đến kỳ hạn thì không đưa bài rồi nói dối để chạy tội, ngay từ lúc làm báo sinh viên!

Blair đã bỏ ngang việc học và đi tìm được việc làm tập sự ở nhật báo *Boston Globe* và *Washington Post*. Ở Boston, nhiều đồng nghiệp còn nhớ anh ta có tính hay ngồi lê đôi mách, nhiều khi lấy trộm ý của người khác để đi tìm tin mà viết, và nhận công trạng về những việc mình không làm.

Khi về làm tập sự ở tờ *New York Times* Jayson Blair vẫn giữ tật khoe khoang mình được cấp trên thân thiết. Anh ta thường nói về ông Gerald Boyd một cách thân mật, lúc ông này làm Phụ tá Thư ký Tòa soạn: "Gerald bảo tôi thế này ..." hoặc "Gerald rất thân với tôi." Blair và ông Gerald Boyd đều là người Mỹ da đen. Sau này ông Boyd đã cải chính không hề thân với Blair. Trong tòa báo, Jayson Blair còn có tật hay nhìn trộm bài đang viết của các bạn và mở máy vi tính của các phóng viên khác ra coi sau giờ làm việc. Khi làm cho ban tin địa phương, Jayson Blair đã viết láo. Có lúc anh ta đáng lẽ có mặt ở hiện trường sau một vụ phạm tội ác thì anh ta thật sự đang đi dự tiệc. Và nhiều người bạn cho biết Jayson Blair uống rượu quá nhiều, và có lúc dùng ma túy.

Tuy vậy, Jayson Blair cũng được tuyển làm phóng viên chính thức, do một hội đồng quyết định sau một cuộc phỏng vấn do ông Boyd đứng đầu, và được chủ bút cũ là ông Joseph Lelyveld chấp thuận.

Trong thời gian đó, cuộc sống cá nhân của Jayson Blair cũng rất tồi tệ. Căn apartment mà anh ta thuê chất đầy rác rưởi và đồ đạc hư hỏng, thức ăn để meo mốc, phòng tắm để hơn hai năm không cọ rửa. Sau vụ 11 tháng Chín năm 2001 Blair xung phong xin miễn không phải viết một bài về gia đình các nạn nhân. Anh ta than mình quá xúc động vì có một người em họ bị chết trong vụ đó ở New York. Nhưng sau này người ta mới biết gia đình nạn nhân đó nói không có họ hàng gì với anh ta. Dần dần, chủ biên tin địa phương, ông Landman viết email yêu cầu chấm dứt ngay công việc của Blair. Đầu năm 2002 Blair xin nghỉ phép hai lần lâu ngày, sau khi trở về được chuyển sang làm tin thể thao. Rồi đến khi vụ bắn sẻ ở vùng Washington xẩy ra thì được chuyển sang ban tin toàn quốc. Trong thời gian này có lúc Blair đã xin rút đi làm tin tức khác, rồi muốn nghỉ một thời gian để săn sóc cho một ông chú bị bệnh. Anh ta lại tiếp tục được trao cho làm những tin quan trọng có tính cách toàn quốc, như về các gia đình có con đi đánh ở Iraq. Có lúc anh ta viết email cho cấp trên, làm như anh ta đang ở Atlanta nhưng trong thực tế anh ta đang ở New York. Nhiều lần anh ta dùng lap top gửi bài, dùng cell phone báo cáo công tác đang làm ở nơi xa, nhưng thực sự vẫn ở New York. Anh ta bắt đầu kết bạn với cô Zuza Glowacka, một người gốc Ba Lan tập sự trong báo *New York Times* mà anh ta khoe rằng mẹ cô này là bạn của người vợ mới cưới của ông chủ bút Raines. Một điều anh ta che giấu là anh phải đi gặp bác sĩ tâm thần nhiều lần và phải dùng thuốc. Nhiều người bạn cho là anh ta uống rượu và dùng ma túy cũng vì tâm thần bất ổn. Có lẽ anh ta có tâm trạng muốn tự hủy diệt hoặc làm hại ngay tờ báo dùng anh ta mà không ý thức được chuyện đó. Nhưng, người có trách nhiệm là các ông Thư ký tòa soạn Boyd và Chủ bút Raines vẫn không biết, có lúc muốn nhận cho Jayson Blair làm phóng viên thực thụ trong ban tin toàn quốc. Hai ông này đã nhận hậu quả là phải từ chức.

Phong cách của một chủ bút

Khi ban giám đốc nhật báo *New York Times* họp nhân viên để trần tình, ba ngày sau bản tin về những vụ gian dối của Jayson Blair đăng trên báo với lời xin lỗi, ông chủ bút Howell Raines đã tự đặt một câu hỏi thẳng thắn trước các đồng nghiệp và các nhà báo dưới quyền: Có phải ông đã bỏ qua các lỗi lầm của Jayson Blair và trao cho anh ta những trách nhiệm mới một cách dễ dàng vì Jayson Blair là một người da đen hay không? Một lần, vị chủ biên Tin Địa Phương yêu cầu cho Jayson Blair nghỉ ngay lập tức; nhưng sau đó anh ta chỉ bị đổi sang Tin Thể Thao, rồi thăng lên ban Tin Toàn Quốc. Sau đó, có hai bản tin của Jayson Blair viết điều tra vụ tay khủng bố bắn sẻ ở vùng Washington D.C. đăng trang nhất rồi phải cải chính, bình thường thì người phóng viên phải bị giáng cấp, nhưng anh ta lại có cơ hội viết mấy tin đặc biệt khác để được khen ngợi. Có phải vì ban giám đốc muốn nâng đỡ các phóng viên da đen hay không?

Ông Howell Raines nói: "Quý vị có quyền hỏi rằng phải chăng tôi, một người da trắng từ tiểu bang Alabama với những niềm tin có sẵn, đã cho anh ta quá nhiều cơ hội lúc không bắt anh ta rút khỏi toán phóng viên theo dõi vụ bắn sẻ?" Và Raines thú nhận: "Khi nhìn sâu tận thâm tâm mình tìm sự thật, tôi phải trả lời là: Đúng!"

Tuy câu hỏi và câu trả lời của Howell Raines có thể chỉ cốt che đậy lỗi lầm của mình khi điều động nhân viên dưới quyền, nhưng tâm trạng của Howell Raines là điều có thật. Ông sinh ra trong một gia đình khá giả ở một tiểu bang miền Nam nước Mỹ nổi tiếng về kỳ thị chủng tộc. Lớn lên, ông chứng kiến những cảnh phân biệt mầu da một cách có hệ thống chung quanh mình, và một bà đầy tớ già người da đen là người đã chỉ cho ông thấy những bất công trong xã hội do mầu da gây nên. Ông Howell Raines tốt nghiệp đại học Alabama năm 1963, đúng lúc xảy ra vụ tàn sát làm lương tâm dân Mỹ thức dậy. Nhiều người da trắng kỳ thị đã bắn vào một nhà thờ của người da đen trong lúc hành lễ, làm chết bốn cô gái. Khi bắt đầu viết, Howell Raines dự tính thành một nhà văn, ông đã xuất bản một cuốn tiểu thuyết về phong trào tranh đấu đòi dân quyền cho người da đen. Năm 1978 ông bắt đầu viết báo, từ Atlanta, qua Washington, London và New York. Năm 1992 ông nhận làm chủ biên trang Ý Kiến Và Bình Luận của nhật báo *New York Times* và được mọi người chú ý khi tờ báo này tấn công tổng thống đương thời Clinton đến nỗi ông Clinton phải than thở với các vị chủ nhân tờ báo. Thông thường, nhật báo này hay đồng ý với các nhà lãnh đạo thuộc đảng Dân Chủ hơn. Năm 2001 Howell Raines được ông chủ tịch công ty kiêm chủ nhiệm Sulzberger Jr. cử làm chủ bút. Ông Sulzberger Jr. đã thực hiện một chương trình khuếch trương hoạt động của công ty *New York Times* qua các lãnh vực mới như truyền hình, truyền thanh và vào thị trường quốc tế, như việc mua đứt các cổ phần của báo *Washington Post* chung trong tờ báo *Herald Tribune* và ấn hành ấn bản Pháp ngữ của báo *New York Times* tại Paris. Ông chọn Howell Raines trong chiều hướng phát triển đó, và Howell Raines cũng muốn "thổi một luồng gió mới" vào các trang tin tức của tờ nhật báo.

Khi nhận làm chủ bút, Howell Raines có một chủ đích rõ rệt: Thay đổi phong cách làm tin tức, ông gọi là "thay đổi cái metabolism" - chuyển hóa sinh dưỡng trong cơ thể. Nhưng Howell Raines có một khiếm khuyết là ông ta chưa bao giờ làm trong ban tin tức chính ở trụ sở trung ương tờ báo này. Ông bước từ vai trò chủ biên trang Bình Luận nhảy sang làm chủ bút. Và ông lại muốn thay đổi cách làm việc của 376 phóng viên chạy ngoài, cùng các trưởng văn phòng địa phương và các chủ biên tin tức, tổng cộng một ngàn nhà báo - tức là một ngàn cái ngã mạn, ego.

Một điều Howell Raines đã thay đổi là tấn công mạnh vào tin tức trang nhất, tập trung đội ngũ phóng viên vào một vài đề tài nóng hổi để tờ New York Times vượt lên qua mặt các nhật báo khác, khi điều tra và loan tin đầy đủ nhất về một số tin quan trọng. Thí dụ như vụ 11 tháng 9 và vụ bắn sẻ ở Washington. Nhưng ông Howell Raines cũng chủ trương tờ báo của mình phải khai thác những tin độc quyền và làm nổi bật lên thành một đề tài khiến cả nước phải chú ý và suy nghĩ. Thí dụ, nhật báo *New York Times* đã loan tin liên tiếp về các vụ tranh tụng buộc Hội Đánh Cù Augusta (Golf Club) phải thâu nhận hội viên phụ nữ. Khi đặt các chiến dịch có mục tiêu đặc biệt và dồn quân số vào các mục tiêu như vậy, Howell Raines phải trực tiếp điều động nhân viên, nhiều khi không cần tham khảo ý kiến cấp chỉ huy trực tiếp của họ.

Howell Raines có lối làm việc tập trung quyền quyết định, khác hẳn người tiền nhiệm là ông Lelyveld. Ông Lelyveld thường chia trách nhiệm cho nhiều vị chủ biên, và hay tìm cách chứng tỏ quyền hạn của mình rất nhỏ. Thí dụ, khi thấy một tin tức do mình đề xướng được hội đồng chủ biên chọn đăng trang nhất trong ngày đó thì Lelyveld lại khoe: Tôi thắng được một tin hôm nay! Howell Raines không như vậy. Ông chỉ huy các nhân viên một cách trực tiếp hơn và áp dụng hệ thống "quân giai" cứng rắn hơn, với một số nhỏ các cộng sự viên thân cận. Các đồng nghiệp rất kính trọng ông về khả năng của một nhà báo, biết "ngửi thấy" đâu là tin quan trọng và tin gì làm độc giả phải chú ý, cũng như kính trọng khả năng làm việc và chuyên môn của ông. Ông đã từng được một giải Pulitzer, một giải quan trọng nhất trong làng báo Hoa Kỳ, năm 1991 khi đang làm cho báo *New York Times*.

Khuyết điểm của ông là trong phong cách quản trị người khác. Lúc mới nhậm chức, Howell Raines tìm cách cho các người cộng sự thấy ông coi tất cả tờ báo cần thay đổi, nghĩa là đang rất tệ! Ông thay đổi chủ trương biên tập cũ, chú trọng nhiều đến các tin chiều sâu, và ông muốn đưa nhiều phóng viên ra chạy bên ngoài hơn. Khi nói chuyện với tòa soạn ngày 14 tháng 5 vừa rồi ông Howell Raines tự vạch ra các khuyết điểm mà ông nghĩ các người cộng sự đang trách ông: độc đoán, không lắng nghe người khác. Vào cuối tháng Năm, ông họp 25 vị chủ biên cao cấp nhất của tờ báo, hứa sẽ thay đổi, trao lại nhiều quyền quyết định về tin tức, biên tập và tuyển dụng cho những người quản lý cấp dưới. Nhưng trong hơn một năm làm chủ bút ông Howell Raines đã giúp tờ báo thành

công rất nhiều.

Howell Raines lên làm chủ bút ngày 5 tháng 9 năm 2001 thì ngày 11 xẩy ra vụ khủng bố tàn khốc ở ngay New York. Howell Raines đã huy động lực lượng phóng viên và các chủ biên điều tra và tường thuật vụ 11 tháng 9 và các hậu quả của nó. Tiếp theo là cuộc chiến ở Afghanistan. Năm sau, nhật báo *New York Times* đã chiếm bảy giải Pulitzer, một kỷ lục, trong đó có sáu bài về vụ 11 tháng 9 và một bài về chiến tranh Afghanistan.

Nhưng phong cách làm việc của Howell Raines khiến nhiều nhà báo bất bình. Ông muốn chọn những tin đáng lên trang nhất, không đồng ý với các đồng nghiệp trong tòa báo, làm thay đổi cả bộ mặt tờ báo có từ lâu. Nhiều nhà báo than rằng hai ông Raines và Boyd khi đã chọn một đề tài rồi thì chỉ chú trọng đến chuyện làm sao có tin và khi nào có, chứ không quan tâm đến chuyện làm sao có tin đúng nhất.

Howell Raines cũng hay can thiệp vào công việc tuyển mộ và thăng thưởng. Ông không ưa bà Jill Abramson, trưởng Phòng Tin Tức ở thủ đô Washington. Ông chọn một phóng viên xuất sắc, Patrick Tyle cho về thủ đô. Ông này nhiều lần qua mặt bà Abramson bàn với các phóng viên dưới quyền về các tin tức họ phải làm, khiến cho nhiều người tin rằng bà Abramson sắp bị thay thế đến nơi. Kevin Sack là một phóng viên kỳ cựu đầy kinh nghiệm, làm việc ở Atlanta lâu năm, nay Howell Raines muốn ông ta phải đi nhiều nơi khác, nếu không đi thì mất việc. Vì muốn ở lại Atlanta nên Sack đã xin nghỉ việc, đầu quân cho nhật báo *Los Angeles Times*. Sau đó, Sack và một đồng nghiệp khác của tờ L.A. Times đã đoạt một giải Pulitzer năm nay.

Ký giả Rick Bragg cũng là một người được Howell Raines tin tưởng, cũng đã được giải Pulitzer một lần. Ông Bragg thường bất chấp các chủ biên của mình vì được ông Howell Raines tín cẩn. Đến khi ông ta bị tố cáo đã ký tên dưới một bài mà phần lớn tin tức là do một phóng viên tập sự cung cấp, thì ông Bragg phải từ chức.

Một nhược điểm của Howell Raines là ông không đối xử công bằng với các cộng sự viên. Bình thường, các phóng viên phải cho chủ biên của mình và cấp trên biết nguồn tin mình viết lấy từ đâu. Một phóng viên về tin thương mại, bà Gretchen Morgenson viết một tin đặc biệt về vụ công ty Enron mà các chủ biên đề nghị đưa lên trang nhất, nhưng bà dựa trên một "nguồn tin dấu tên." Ông Howell Raines yêu cầu bà phải cho biết nguồn tin này là ai, bà từ chối vì đã hứa với người ta. Ông ra lệnh không đăng tin đó nữa. Bà Morgenson sau này cũng được giải Pulitzer, bây giờ còn ngạc nhiên là tại sao khi phóng viên Jayson Blair viết về các "nguồn tin mật" rồi bị cải chính thì ông Howell Raines không bao giờ đặt câu hỏi về nguồn tin đó cả.

Trong những ngày sau khi báo *New York Times* công khai xin lỗi về những tin bịa đặt và gian dối của Jayson Blair, ban giám đốc, chủ nhiệm và chủ bút của tờ báo đã gặp riêng từng nhóm nhà báo để tham khảo ý kiến. Cuối cùng, nhiều nhà báo nói thẳng rằng họ không thể làm việc được trong không khí mất tinh thần, với hai ông Raines và Boyd còn ngồi đó. Khi hai ông từ chức, nhiều nhà báo không cầm được nước mắt. Vì họ biết Raines là một nhà báo và một chủ bút có tài, nhưng phong cách làm việc độc đoán đã khiến ông đặt quá nhiều tin tưởng và hy vọng vào một phóng viên trẻ tuổi, mà không lắng nghe ý kiến người khác. Ông Lelyveld, 66 tuổi, được mời trở lại tạm thay thế ông Raines. Người ta đang chờ coi ai sẽ về ngồi vào cái ghế quan trọng bậc nhất trong làng báo Mỹ. Có thể là Martin Baron, chủ bút nhật báo *Boston Globe*, cũng thuộc công ty New York Times. Có thể là Dean Baquet, thư ký tòa soạn tờ *L.A. Times*, trước đã làm việc ở *New York Times*. Có thể là Bill Keller, một cựu chủ biên và nay vẫn viết bình luận cho tờ *New York Times*. Và cũng có thể là một người ngoài tờ báo này. Sau 152 năm lịch sử, tờ *New York Times* đã trải qua nhiều cơn sóng gió, nhưng chưa có vụ nào được các đồng nghiệp chú ý theo dõi như vụ Jayson Blair và Howell Raines. Nhật báo *Wall Street*, một đối thủ của *New York Times* về thương mại cũng như lập trường, nhận thấy ông Raines phạm hai lỗi lầm. Thứ nhất là tập trung quyền hành; thứ hai là thúc đẩy 1,000 nhà báo thay đổi nhiều quá. Một bình bút của tờ *Financial Times* ở London mỉa mai rằng ngay việc báo *New York Times* đấm ngực tự trách mình về những lỗi lầm của Jayson Blair cũng chỉ chứng tỏ lòng tự cao tự đại của báo này về tính chất quan trọng của họ. Nhưng phần lớn các báo đều kính trọng quyết tâm của ban giám đốc tờ *New York Times* muốn bảo vệ gia tài của họ được xây dựng từ một thế kỷ rưỡi nay, đó là lòng tin của độc giả. Như ông chủ biên Jon Landman, người đã đề nghị cho Blair nghỉ việc từ đầu, nói với các bạn đồng nghiệp: Chúng ta chỉ có một thứ đáng giá thôi, đó là sự chính xác!

VĂN HÓA VÀ SỰ GIÀU MẠNH CỦA CÁC NƯỚC:
TRƯỜNG HỢP HOA KỲ, XỨ ĐÀNG TRONG, VÀ VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tôn Thất Thiện

Một câu hỏi quan trọng

Trong thời gian qua, tôi được may mắn đọc một tác phẩm của bà Li Tana, một học giả quốc tịch Trung Hoa, gốc Mông Cổ, mang tít *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*[1]. Đây là một luận án Tiến sĩ được xuất trình tại Đại Học Quốc Gia Úc vào năm 1992. Chủ đề của luận án này là trong hai thế kỷ XVII và XVIII, ở Xứ Đàng Trong, giang sơn của các Chúa Nguyễn, đã xuất hiện không những một quốc gia, mà một nền văn hóa mới, mang bản sắc đặc biệt. Nhờ đó mà Xứ Đàng Trong không những đã vững chắc về chính trị, mà còn hùng cường về binh lực, và phong phú về kinh tế, đủ sức để một mặt đương đầu với Nhà Trịnh, đất đai rộng lớn hơn, dân số đông hơn, tài nguyên nhiều hơn, và mặt khác mở rộng biên giới Việt Nam đến Châu Đốc, Hà Tiên, Cà Mau.

Tôi sẽ trình bày quan điểm rất mới lạ này về lịch sử Việt Nam chi tiết hơn ở đoạn sau. Ở đây tôi muốn đề cập trước đến phản ứng của tôi về quan niệm mới mẻ trên đây, là: liên quan giữa sự tạo ra một văn hoá mới và sự giàu mạnh của quốc gia. Muốn giàu mạnh một quốc gia phải chấp thụ một văn hoá mới. Nhưng thế nào là "mới"?

Tôi đang suy ngẫm về những mối manh của quan niệm trên đây thì xảy ra vụ tranh cãi lớn ở Hội Đồng An Ninh của Liên Hiệp Quốc về vấn đề dùng binh hay không dùng binh chống Iraq. Cuộc tranh cãi không đi đến đâu, và Hoa Kỳ, bất chấp không được sự đồng thuận và yểm trợ của Hội Đồng, quyết định dụng binh để lật đổ chính quyền Saddam Hussein.

Các quốc gia không ưa thích Hoa Kỳ, các bình luận gia và các giới "cách mạng," phản chiến, thiên tả, "politically correct," xoa tay, mỉm cười, nghĩ rằng mình lại có dịp la ó, hô khẩu hiệu, biểu tình, tố cáo, chống đối, Hoa Kỳ trong một vụ Mỹ bị "sa lầy ở Việt Nam" nữa. Nhưng, tuy Hoa Kỳ chỉ gôm được một liên minh nhỏ, trong đó chỉ có Anh là cường quốc, với một số quân tương đối nhỏ (250.000, so với 700.000 lúc đánh Saddam năm 1991, và 500.000 ở Việt Nam), họ đã thanh toán chế độ Saddam chỉ trong có ba tuần, và tổn thương dưới 150 binh sĩ...Về tổn phí, cuộc hành quân chưa tiêu đến 20 tỷ đô la, trong số 80 tỷ — sơ khởi — mà Quốc Hội Mỹ đã cho phép chi tiêu cho cuộc chiến.

Hoa Kỳ đã thành công toàn diện và chớp nhoáng nhờ có lực lượng hùng mạnh, nhứt là về không quân và các loại khí giới tối tân mà chỉ có Hoa Kỳ mới có đủ khả năng kỹ thuật và tài chính để chế tạo. Nghĩa là Hoa Kỳ đã tỏ ra ràng mình mạnh hơn tất cả các quốc gia khác, và giàu hơn tất cả các quốc gia khác. Đây là một dữ kiện buộc mọi người phải suy ngẫm, và tìm hiểu tại sao có dữ kiện này?

Về mặt rộng lớn và tài nguyên, Hoa Kỳ không hơn gì các quốc gia như Nga, Trung Hoa, Brésil, Canada. Diện tích Hoa Kỳ là 9,3 triệu km2, so với Nga (17 tr), Canada (9,9 tr.), Trung Quốc (9,5 tr), Brésil (8,5 tr.). Về dân số thì Hoa Kỳ chỉ có 283,2 triệu, so với Trung Quốc (1,275 tr.), Ấn Độ (1,008 tr.). Nhưng về GNP thì Hoa Kỳ bỏ xa các quốc gia khác với GNP 9.837 tỷ đô la, so với Trung Quốc (1.873 tỷ), và các quốc gia dẫn đầu Âu Châu: Đức (1.873 tỷ), Pháp (1.294 tỷ), và rất xa Nga (251.1 tỷ).

Nói tóm, trong tình trạng hiện tại, về quân sự, cũng như về kinh tế, tại sao các quốc gia trên đây lại thua Hoa Kỳ xa vậy, và dù tất cả có liên minh với nhau , cũng vẫn thua.

Hoa Kỳ nay là quốc gia giàu mạnh nhất thế giới. Tại sao? Một câu hỏi cực kỳ quan trọng.

Văn hoá Mỹ hướng về tương lai

Giải đáp cho câu hỏi đã đến với tôi rất rõ nhờ sự hội tụ của hai sự kiện: tác phẩm của Bà Li Tana, và một câu trong bài "Iraq: chiến tranh hay nhân đạo?" (*Thông Luận*, tháng 4, 2003) của anh Nguyễn Gia Kiểng. Về Bà Li Tana thì xin để cập đến sau. Ở đây, xin nói đến đóng góp của anh Kiểng. Trong bài của anh có câu: "Trước đây, quốc gia được định nghĩa như một *quá khứ* chung, ngày nay quốc gia chủ yếu là một *tương lai* chung.

Một diễn viên *mới* đã xuất hiện và chiếm trung tâm của sân khấu: cá nhân....Đó là nền tảng của một trật tự thế giới *mới*...." (*Tôi, T.T.T., nhấn mạnh*).

Sự thực hiện ra trong đầu tôi như sau: so với Hoa Kỳ, các quốc gia Âu châu, là những quốc gia được coi như tân tiến hạng nhất của thế giới, đã không tiến được vì *người Âu châu hấp thụ một văn hoá nặng về phần bảo tồn quá khứ.* Hoa Kỳ đã vượt tới được *vì người Mỹ chấp thu một văn hoá hướng về tương lai.* Bí quyết của phát triển, tiến bộ ngày nay là đó. Quá khứ là cái neo, có tác động rì chiếc tàu lại, trong khi tương lai là động cơ, có tác dụng đẩy chiếc tàu đi tới.

Dân nước Mỹ có một cách nhìn đời, nhìn sự vật, nhìn người, xử sự, đặc biệt: họ quay lưng cho quá khứ, và hướng mặt về tương lai. Họ không bịn rịn về quá khứ, không muốn vướng mắc với quá khứ, vì họ là dân di cư, đã đoạn tuyệt với quá khứ, để tìm, để dựng cho mình một cuộc đời mới, tốt hơn, đẹp hơn. Mà cuộc đời mới hơn, tốt hơn, đẹp hơn đó chỉ có thể ở phía trước họ, ở tương lai. Phần khác, là dân di cư có quá khứ khác nhau, họ không thể xây dựng một quốc gia trên căn bản của một quá khứ chung được, mà chỉ có thể ý thức quốc gia như một tương lai chung, một tập hợp mới.

Cho nên người Mỹ có tiếng là ít trọng lịch sử, không thích nói về chuyện đã qua. Họ chú trọng hơn về hiện tại và nghĩ đến tương lai, chuyện sắp tới, tìm cái mới, làm cái mới.

Trong khi đó, người Âu châu (cũng như Á châu) cứ tự đắc về "văn minh cổ xưa" của họ. Họ rất chú trọng đến lịch sử, và không ngớt ca ngợi "thành tích" của người xưa và thời xưa. Thái độ này thâu tóm trong danh từ "cổ kính": cái gì "cổ" là đáng "kính." Danh từ Pháp "ancien" (khác với "vieux"), và Anh "ancient" (khác với "old") có nghĩa đó.

Tất nhiên không phải cái gì xưa, cổ cũng xấu, và nên vất đi. Nhưng điều cần ghi ở đây là "thành tích" của người xưa là những giải đáp hay, tốt, thích hợp cho những vấn đề, và với những kiến thức và phương tiện về thời của họ. Mỗi giai đoạn lịch sử có những vấn đề mới, đòi hỏi những giải đáp mới, dựa trên những tri thức và những phương tiện mới. Nước Mỹ đã vượt xa các quốc gia khác vì người Mỹ đã lấy lối tiếp cận này làm nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng và đời sống hàng ngày của họ.

Xứ Đàng Trong cùng thái độ

Thái độ trên đây cũng là thái độ của dân Xứ Đàng Trong trong hai thế kỷ XVII và XVIII dưới sự cai trị của các Chúa Nguyễn.

Theo Bà Li Tana, trong hai thế kỷ XVII và XVIII, ở Xứ Đàng Trong không những đã xuất hiện như một quốc gia, mà còn là *một nền văn hoá mới, mang bản sắc đặc biệt, khác với nền văn hoá cổ truyền phổ thông ở Đàng Ngoài.*[2] Ở miền đất phía nam Núi Hoành Sơn, "vùng đất rời rạc nhất thế giới... phủ đầy rừng rậm, và bao gồm một số vùng định cư biệt lập với nhau," họ Nguyễn đã thiết lập và duy trì được một quốc gia thống nhất, và người Việt đã tạo ra được một Việt Nam khác: họ đã có cơ hội để phát triển linh hoạt về mặt văn hoá, tạo nên những truyền thống mới.

Theo Bà Li Tana, Miền Nam không những là một thực thể khác Miền Bắc về mặt chính trị, kinh tế và xã hội, mà lại có những điểm riêng biệt làm cho nó có một nền văn hóa rất khác với văn hoá cổ truyền. Bà nói rằng một số nhà viết sử Việt Nam có khuynh hướng hạ giá lịch sử Đàng Trong, và vương quốc họ Nguyễn thường được xem như "một biến thể có tính địa phương của Triều Lê và của nền văn hoá theo Nho giáo" không khác Đàng Ngoài mấy. Người ta có khuynh hướng bàn về một nước "Đại Việt" duy nhất với những "nét đặc trưng chung của Việt Nam ngay cả vào các thế kỷ 17 và 18", nhưng sự thực hoàn toàn khác. Bà viết:

"Khi người Việt ở phía nam chấp nhận những cái tên mới họ đặt cho hai miền – vùng ở 'trong' (Đàng Trong), chỉ vùng đất của họ và vùng ở 'ngoài,' (Đàng Ngoài) chỉ phía bắc, thì rõ ràng đã có sự khác biệt giữa hai miền nam, bắc. Sự khác biệt này mang ý nghĩa quan trọng: từ nay, sẽ có hai cách thức làm người Việt Nam khác nhau ... đây là một thay đổi căn bản và đầy ấn tượng trong lịch sử Việt Nam. Về tầm quan trọng, sự kiện này có thể sánh với việc Việt Nam giành được độc lập từ tay Trung Hoa vào thế kỷ 10 ... về bản chất, đây là một sự kiện đã dẫn đến thành lập một hệ thống nhà nước mới và một nền văn hoá mới phồn thịnh ... vào thời đó, không chỉ có hai nước 'Đại Việt' mà còn có thể nói, vương quốc ở phía nam có những điểm riêng biệt làm cho nền văn hoá Việt Nam trong tương lai xa thêm phong phú rất nhiều." [*các đoạn viết nghiêng để nhấn mạnh trong bài này là do tôi, T.T.T.*]

Có tình trạng trên đây là do khí lực và sức sống của Đàng Trong nảy sinh trực tiếp từ óc thực dụng và mềm dẻo của các người Việt di dân. Những người này đã *"sẵn sàng coi nhẹ những khía cạnh của tập tục và truyền thống tuy vẫn còn ý nghĩa đối với người dân ở phía bắc, nhưng không còn thích hợp tại vùng đất phía nam nữa."*

Nói đến "tập tục và truyền thống" là nói đến

Khổng giáo. Nhưng, Bà Li Tana giải thích, các Chúa Nguyễn không thể dùng Khổng giáo làm căn bản cai trị được, vì "khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với Triều đình." Ta nên nhớ là căn bản tư tưởng Khổng giáo là tôn trọng "chính thống," "tôn ty trật tự," "tam cương" (trong đó "trung quân" chiếm hàng đầu), và trong một quốc gia Khổng giáo, phiến loạn, hay chỉ bị nghi là có ý phiến loạn, chống đối Triều đình, là "trọng tội," tội nặng nhất dẫn đến không những tử hình cho cá nhân đương sự, mà đến cả "tru di tam tộc." Thái độ của các Chúa Nguyễn, từ Nguyễn Hoàng trở xuống, không thể nào thích hợp với Khổng giáo được.

Phần khác, dân Xứ Đàng Trong là dân từ nhiều vùng, nhiều gốc, nhiều loại, khác nhau. Như Giáo Sư Phan Khoang viết trong tác phẩm *Xứ Đàng Trong 1558-1777 (* Sài- Gòn, 1967):

"Nhân dân Thuận Hóa bấy giờ [lúc Nguyễn Hoàng đến Thuận Hóa] gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn những người theo họ Mạc, khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đày,những du đãng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa, xâm nhập qua thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những quan quân bất mãn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào nam, những thổ hào, thổ tù cường nghạnh, những nhiễu lương dân, những người Chàm còn ở lại."

Sẵn sàng thay đổi

Như Bà Li Tana nhận xét , những phần tử trên đây, tuy nguồn gốc khác nhau, nhưng có một điểm chung: đối với họ, miền nam là "mảnh đất của những giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn, là một ngõ thoát." Họ là di dân, đến một vùng đất mới, muốn thử một vận hội mới, quyết định xây dựng một cuộc đời mới tốt hơn là những gì cũ mà họ đã dứt khoát bỏ lại đàng sau họ. Họ là những người sẵn sàng di chuyển và thay đổi, không chịu gò bó, dễ dàng bỏ cái cũ, chấp nhận cái mới. Những người này ít bị ràng buộc bởi những gò bó của một địa vị xã hội cao và những quy định trong cách ứng xử của xã hội cũ nên *được tự do phát huy sáng kiến* khi họ liên tục tiến xuống phía nam. Sự phát triển xuống phía nam này đã tạo một vùng đất trên đó Khổng giáo, ý thức hệ đã chiếm địa vị thống trị ở bắc triều, không được đề cao, thậm chí, về căn bản, hầu như không được biết đến.

Phần khác, những người dân di cư gốc Việt phải hoà đồng với những người dân sở tại gốc Chàm, gốc Thượng, gốc Miên, và dân di cư gốc Trung Hoa, và mọi người đều ý thức rằng một tập hợp như vậy không thể có một quá khứ chung, mà chỉ có thể có một tương lai chung. Do đó, văn hóa của họ là một văn hóa hướng về tương lai.

Song song với tình trạng trên đây, các Chúa Nguyễn áp dụng một chính sách đối ngoại và ngoại thương cởi mở. Không những các Chúa không áp dụng chính sách "bế quan tỏa cảng," mà còn khuyến khích giao dịch với ngoại quốc. Thương mại với Đông Nam Á được mở rộng. Thuyền buôn của Đàng Trong qua lại buôn bán với Manila, Batavia, Cao Miên, Xiêm. Thương mại với Tây Phương thực hiện qua trung gian thương nhân Trung Hoa. Các công ty thương mại của người Hoa ở Quảng Đông và thuyền của họ cung cấp cho tàu Âu châu các sản phẩm của Việt Nam và cung cấp cho Việt Nam hàng Trung Hoa và sản phẩm của Âu châu mà Việt Nam cần. Một điều cần nhấn mạnh ở đây là: Phủ Chúa không nắm độc quyền, mà hàng hóa được trao đổi tự do và hàng ngày tại các thị trường địa phương.

Khuyến khích ngoại thương không những mang lại lợi ích cho chính quyền, mà còn là một nguồn thịnh vượng chung. Nhờ có giao dịch với ngoại quốc các Chúa Nguyễn có được khí giới, vật liệu – đại bác, súng tay, thuốc súng, đồng, v.v...—giúp họ chống lại quân Trịnh hữu hiệu, mà nhờ thâu được thuế nhiều, họ còn giải quyết được vấn đề tài chính của một chính quyền mới ở trên một mảnh đất chưa được khai phá. Phần khác, nhờ buôn bán tự do, và được tham gia, dân thường cũng được hưởng những lợi ích mà ngoại thương mang lại: có hàng hoá để dùng, có thị trường để tiêu thụ hàng hoá sản xuất.

Ngoại thương phát đạt, tất kinh tế cũng phát đạt, và mức sống của dân Đàng Trong cũng rõ ràng cao hơn Đàng Ngoài. Bà Li Tana ghi nhận: so sánh mức sống tại Đàng Ngoài với mức sống tại Đàng Trong, thấy sự khác biệt giữa hai vùng phải là lớn. Bà trích dẫn Lê Quý Đôn, nhận xét rằng: Đàng Trong đã quen thuộc với những thứ hàng không thuộc loại thông thường, và dân Đàng Trong phong phú ... dân gian cũng mặc áo đoạn ... lấy áo vải móc làm hổ thẹn, "coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực."

Tình trạng kể trên chấm dứt với vụ nổi loạn Tây Sơn, và sau đó, khi đánh bại được quân Tây Sơn, lập lại và nới rộng uy quyền Họ Nguyễn, Chúa Nguyễn Phúc Ánh xưng Đế toàn Việt Nam. Nhưng vì bị vụ nổi loạn của Tây Sơn, nghĩa là đảo lộn quyền uy, trật tự xã hội, Vua Gia Long và các vua kế tiếp lại bỏ những chủ trương đã mang lại giàu mạnh cho Đàng Trong mà các Chúa đã theo đuổi trong hai thế kỷ, để đi ngược lại , quay

mặt về quá khứ — sùng Khổng, bế quan tỏa cảng – làm suy yếu đất nước, với những hậu quả tai hại, mà mọi người đều biết.

Nhưng đường lối mà Vua Gia-Long và các Vua kế tiếp lựa chọn – quay mặt về quá khứ – lại là đường lối mà Đảng Cọng Sản Việt Nam đang theo đuổi hiện nay.

ĐCSVN hướng về quá khứ

Trong ngôn ngữ thường dân, "cách mạng" có một nghĩa khá đặc biệt. Các ông Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, v.v... thường được liệt vào hàng "cách mạng." Ở đây, "cách mạng" có nghĩa là gan dạ, làm chuyện mà ít ai dám làm – đòi độc lập cho Việt Nam, thách thức chính quyền Pháp.

Nhưng ĐCSVN hiểu "cách mạng" theo một nghĩa khác. Theo nghĩa này, "cách mạng" là đổi đời, bỏ cái cũ theo cái mới. "Cách mạng" đây phù hợp với quan điểm quay lưng cho quá khứ, hướng mặt về tương lai, bỏ cái cũ, lấy cái mới. ĐCSVN vẫn tự hào là một đảng "cách mạng." Cho nên, nói rằng ĐCSVN hướng về quá khứ thì cũng khá ly kỳ.

Nhưng trong thực tế, và căn cứ trên thực tại ở Việt Nam từ 1975 đến nay, mà ai cũng biết, ĐCSVN là một đảng luôn luôn quay mặt về quá khứ. Họ chủ trương "kiên trì" chủ nghĩa Mác Lê, triệt để giữ cho Mác-Lê "trong sáng," bám sát Cách Mạng tháng 10. Chủ thuyết Mác, đưa ra năm 1848, nay đã cũ rích rồi, và không còn phù hợp với những biến chuyển đã xảy ra trên thế giớ hơn 150 năm nay. Thời nay không phải là thời của xe ngựa, hay những những nhà máy tối tăm, thiếu không khí, của dân chúng bệnh hoạn không được săn sóc, mất việc chỉ chờ chết đói, nữa, v.v... Chủ thuyết Lê-nin, đưa ra các đây một thế kỷ, chẳng còn hiệu nghiệm nữa, vì tư bản đã đổi thay rất nhiều, và lại được công nhận là tiến bộ hơn chủ nghĩa xã hội, theo nhận xét của chính những đảng viên kỳ cựu như Nguyễn Khắc Viện và Nguyễn Kiên Giang. Còn Cách Mạng tháng 10, thì nó đã tiêu ma với sự tan rã của Liên Bang Xô Viết và sự giải thể của Đảng Cọng Sản Liên Xô năm 1991. Nghĩa là cọng sản nay chỉ là một đống gạch vụn.

Nhưng mỗi năm năm, ĐCSVN lại họp đại hội, tuyên bố "kiên trì" với chủ nghĩa Mác-Lê trong sáng (nghĩa là của những năm 1848 và 1905), lấy nó làm kim chỉ nam cho tư tưởng cũng như cho hành động của Đảng, và theo dặn dò của "Bác," vẫn bám chặt Cách Mạng tháng 10 (năm 1917), chăm chỉ nghiên cứu học hỏi, bắt chước kinh nghiệm Bôn-sê-vích, nghĩa là tìm sự thực và một lối đi cho họ và cho xứ sở trong một đống gạch vụn, thay vì nhìn tới, hướng về tương lai, sử dụng cái máy tàu, thay vì cái neo.

Với tình trạng trên, như anh Nguyễn Gia Kiểng soi sáng trong "Tiến tới một văn hoá tổ chức" (*Thông Luận*, tháng 5, 2003), những "thay đổi" mà nhiều người cho là đã xảy ra ở Việt Nam trong thời gian qua không bảo đảm được đà tiến sẽ giữ được trong một thời gian lâu, vì chính quyền cọng sản dùng mọi cách để ngăn chận đà tiến của dân tộc Việt Nam. Dân chúng phải vật lộn với chính quyền cọng sản để tiến. Trong cuộc vật lộn này, dân chúng Việt Nam tiêu biểu cho ý chí hướng về tương lai, trong khi ĐCSVN tiêu biểu cho ý chí hướng về quá khứ. Thật là mỉa mai!

Tôi muốn kết thúc bài này với một nhận xét về một tư tưởng mới, mà anh Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra trong bài vừa dẫn trên: cần tiến tới một "văn hoá tổ chức." Thật ra, văn hoá tổ chức này là một phần, trong nhiều phần khác cần nhận diện và phát huy ra, của văn hoá hướng về tương lai, nguyên do của sự giàu mạnh phi thường của Hoa Kỳ ngày nay, và cũng đã được lãnh đạo Xứ Đàng Trong áp dụng với kết quả tương tự trong hai thế kỷ XVII và XVIII.

Tôi đã viết dài dòng về giai đoạn các Chúa Nguyễn, vì nó nhắc nhở chúng ta rằng trong tư tưởng Việt Nam, trong tâm lý dân Việt, đã có quan niệm: muốn giàu mạnh phải chấp nhận một văn hoá hướng về tương lai. Nay chỉ cần áp dụng nó thôi. Mà điều này rất cần thiết vì trong tình trạng hiện tại của Việt Nam, với dân chúng hai miền Nam, Bắc, phân ly trong 200 năm thời Trịnh-Nguyễn, lại thêm cuộc chiến "quốc-cọng" với lăng mạ, chém giết, thù hận nhau trong nửa thế kỷ nay, không thể tạo dựng một quốc gia giàu mạnh trên căn bản của một quá khứ chung, mà chỉ có thể xây dựng một quốc gia giàu mạnh trên căn bản một tương lai chung.

Những dữ kiện trình bày trên đây cho thấy rõ rằng những vấn đề lớn hiện nay của xã hội Việt Nam – hoà giải dân tộc, dân chủ đa nguyên, phát triển, hiện đại hóa – chỉ có thể giải quyết một cách hữu hiệu trong khung cảnh của những cố gắng suy nghiệm, tìm tòi, với thiện chí tối đa, áp dụng một cách tiếp cận mới, khách quan, trong tinh thần xây dựng, nhằm nhận diện những khuyết điểm của người Việt, đề nghị những thay đổi cần thiết nhằm tạo ra một văn hoá *mới*, để cho xã hội Việt Nam có khả năng đáp ứng được những đòi hỏi của hiện đại, và không tê liệt trước những biến chuyển trong tương lai.

Ottawa
Tháng 5, 2003

CHIỀU HƯỚNG ĐỐI NGOẠI MỚI CỦA HOA KỲ

NGUYỄN GIA TIẾN

Chuyển hướng quan trọng sau vụ 911 và chiến thắng Iraq

Vụ khủng bố 11 Tháng 9. 2001 đã làm thay đổi sâu xa chiều hướng đối ngoại của Hoa Kỳ. Thực vậy, kể từ nay, có lẽ Hoa Kỳ sẽ áp dụng một đường lối táo bạo, cứng rắn, khác hẳn với mấy thập niên vừa qua.

Đây không phải là sự mới lạ, mà chính phủ Bush chỉ nối lại với truyền thống đã có từ thời T.T. Mỹ Truman, ngay sau Thế Chiến II, khi Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất, có vũ khí nguyên tử. Để tránh cho thảm kịch chiến tranh khỏi tái diễn, các chiến lược gia lúc đó đã phác họa một trật tự thế giới mới trong đó sức mạnh của Hoa Kỳ sẽ đóng vai chủ chốt để duy trì hòa bình khắp nơi. Chính sách này quan niệm bất cứ thể chế độc tài toàn trị nào cũng sẽ là mầm mống cho sự bất ổn cho toàn thế giới, dẫn đến chiến tranh, và từ đó đe dọa trực tiếp nền an ninh của Hoa Kỳ. Do đó, ngăn chặn và triệt hạ sự độc tài toàn trị, không phải là một chủ thuyết luân lý viển vông, mà chính là thiết yếu cho bản thân Hoa Kỳ. Như vậy, sách lược toàn cầu »cứng rắn» này đã được hoạch định ngay từ trước khi Liên Sô trở thành mối đe dọa đối với Hoa Kỳ.

Khi Liên số chế tạo được bom nguyên tử, Hoa Kỳ mất vị thế độc tôn. Sự ổn định thế giới chỉ còn dựa vào thế cân bằng gây ra bởi mối đe dọa nguyên tử song phương.

Suốt mấy thập niên trong Chiến tranh Lạnh, ngoại trừ giai đoạn ngắn dưới thời T.T. Reagan, cả hai Đảng Dân Chủ và Cộng Hòa đều áp dụng một chánh sách đối ngoại khiêm nhượng, tự chế, mà chủ yếu chỉ thụ động nhằm «be bờ» (containment) khối CS Liên Sô và Trung Cộng. Thậm chí có lúc còn thi hành chủ thuyết «thực dụng» (realpolitik), mong dễ dàng đạt nhu cầu thực tiễn trước mắt, hoặc tìm cách sống chung hòa bình với các thể chế độc tài toàn trị qua chính sách «hòa dịu» (détente) của Kissinger.

Cao điểm của đường lối ngoại giao «thụ động» này là vào thập niên 70, khi mà lập trường chủ bại thiên tả của phe Dân Chủ trong Quốc Hội Mỹ đã hội tụ, kết hợp với chủ thuyết thực dụng hẹp hòi realpolitik của phe Cộng Hòa do Kissinger đề xướng. Tất cả cho thấy đã dẫn đến kết quả thảm hại là cuộc tháo chạy nhục nhã của Hoa Kỳ ra khỏi Đông Dương, sự lấn tới khắp nơi của khối Cộng Sản, sự thảm bại của Mỹ tại Iran.

Sau «vụ Việt Nam» và cả cho đến ngày nay, đa số các chính khách Hoa Kỳ vẫn tụng niệm «bài học Vietnam» để biện minh cho ý đồ muốn «rút dù,» co cụm, của họ trên khắp thế giới, không cần biết tới những phân tách sáng suốt, hợp lý, cho rằng chính sự nhu nhược, ngây thơ chủ bại đối với khối Cộng Sản, đã đem lại thảm họa Việt Nam.

Khi Liên Sô xụp đổ, Hoa Kỳ trở lại địa vị độc tôn như sau Thế Chiến II. Tuy nhiên các chính phủ Mỹ vẫn tiếp tục chính sách dè dặt, không can thiệp. Để làm giảm mối đe dọa do các thể chế độc tài còn lại như Trung Cộng, Hoa Kỳ đã áp dụng chủ trương «giao kết» (engagement) như dưới thời Clinton. Kết quả cho thấy đã ngược lại những điều mong muốn, và Trung Cộng mỗi ngày càng trở thành mối đe dọa lớn hơn cho Hoa Kỳ.

Các đường lối «tự chế» này bắt nguồn từ chủ thuyết cho rằng ngoại trừ khi nào quyền lợi trực tiếp bị đe dọa, Hoa Kỳ không nên, và không có khả năng xía vào mọi chuyện rắc rối khác trên thế giới. Lập trường này, cho tới chính phủ Bush I, còn được thể hiện qua việc Saddam chỉ bị đánh bật ra khỏi Kuwait mà không bị Mỹ hạ bệ, vì cho rằng Saddam không trực tiếp đe dọa Hoa Kỳ.

Ngày nay, còn tiếp tục tiêu biểu cho chính sách «rụt rè, cẩn thận» này, không ai khác hơn là Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell. Vừa qua, Powell lại thất bại trong việc lôi kéo Liên Hiệp Quốc vào chiến dịch Iraq. Powell cũng là người thường chống lại mọi sự can thiệp quân sự của Mỹ, kể từ cuộc chiến vùng Vịnh, qua Kosovo, tới Iraq, khiến ngoại

trưởng M. Albreight thời đó bực mình đã phải thốt lên: «Có quân đội hùng mạnh thì cũng có lúc phải mang ra xài chứ?» Quả thực nếu áp dụng «chủ thuyết Powell» thì quân đội Mỹ sẽ luôn luôn... «nằm nhà», không can thiệp bất cứ nơi nào trên thế giới ! Và ngay trong những tháng đầu của Chính phủ Bush II, khi chưa xảy ra vụ 911, ông Bush «con» vẫn còn nghĩ rằng không cần can thiệp ra nước ngoài nhiều, và có thể sống co cụm trong nước Mỹ mà ông cai trị như một PDG điều hành một xí nghiệp ! Ông chỉ coi tổng quát và giao toàn quyền cho các thuộc cấp CEO quản lý các ngành liên hệ!

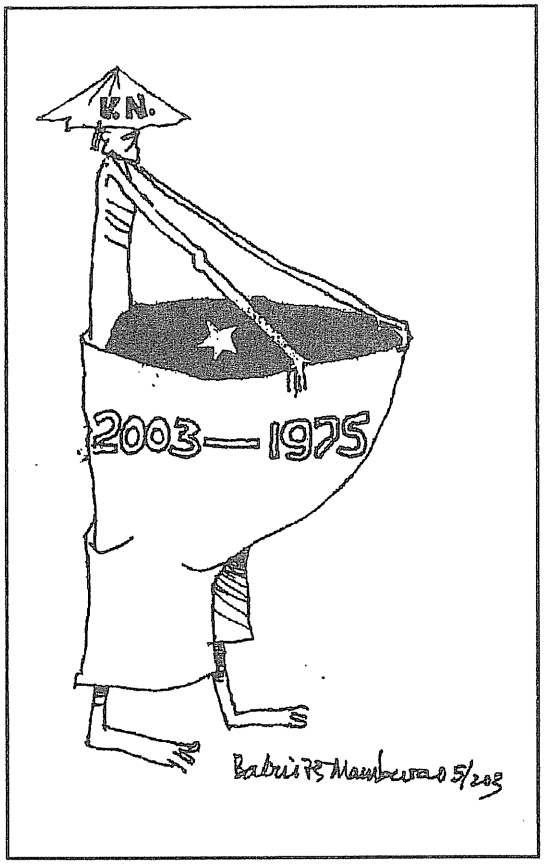

Nhưng phút chốc, tất cả đã thay đổi ! Thế giới sững sờ nhìn hai tòa tháp New York xụp đổ long trời lở đất ! Kể từ biến cố 11 Tháng 9. 2001, Hoa Kỳ đã trực diện với một kẻ thù mới, vô hình, linh động, hiện diện khắp nơi : đó là những nhóm khủng bố quá khích Hồi giáo, có khả năng xử dụng vũ khí tàn sát tập thể, được hỗ trợ bởi các chế độ độc tài trong khối Ả Rập, hoặc những nước mệnh danh là các «quốc gia côn đồ» (états voyous) như Iran, Iraq, Bắc Hàn... Phút chốc, bài học thời T.T. Truman được nhớ lại. Một số chiến lược gia Mỹ chủ trương phải xét lại toàn bộ khái niệm về an ninh của Hoa Kỳ. Đó là nhóm «diều hâu» trong chính phủ Bush , điển hình là Rumsfeld, Wolfowitz, và các cố vấn hàng đầu đứng sau họ như William Kristol, Robert Kagan ...

Nhóm này từ lâu vẫn không chấp nhận tinh thần chủ bại của các chính trị gia thuộc thế hệ «hậu Việt Nam,» và muốn nối lại truyền thống Truman-Reagan. Họ còn đi xa hơn nữa, và chủ trương với sức mạnh vô song hiện nay, Hoa Kỳ phải tận dụng và đánh phủ đầu ngay các thế lực thù địch, trước khi chúng trở thành mối đe dọa. Bài học rút ra là khi Liên Sô có bom nguyên tử thì Hoa Kỳ đã phải bó tay. Lần này, theo họ, cùng với việc triệt hạ nhóm Al-Qaida tại Afghanistan, phải bắt đầu ngay một tiến trình «dân chủ hóa» toàn vùng Trung Đông, khởi sự bằng chiến dịch Iraq. Tiến trình này có lẽ nhằm giải quyết tận gốc rễ mối đe dọa khủng bố Hồi giáo, nhiều hơn là để bảo toàn nguồn cung cấp dầu hỏa cho Phương Tây. Thực vậy, nhóm chiến lược gia này quan niệm rằng các thể chế độc tài Trung Đông, cộng với nguồn tài chánh vô tận do dầu hỏa, sẽ là những mối đe dọa lâu dài đối với Hoa Kỳ. Nhưng tiếng nói của họ chưa có nhiều trọng lượng. Phải đợi đến chiến thắng chớp nhoáng, dễ dàng, vừa qua tại Iraq. Nhóm «diều hâu» chứng tỏ đã có lý. Họ sẽ «thừa thắng xông lên.» Một chánh sách đối ngoại hoàn toàn cứng rắn, táo bạo, sẽ được thi hành.

Phổ biến Dân Chủ: một "thiên chức" (messianisme) của Hoa Kỳ

Một lý thuyết có vẻ hợp lý thường được nêu lên là, giữa các nước theo chế độ Dân chủ, sự xung đột trầm trọng không xảy ra. Các nước này tất yếu phải sống chung hòa bình, và do đó, loại bỏ được mọi mầm mống của chiến tranh. Đây chắc là viễn ảnh lý tưởng mà Nhân loại vẫn mong ước.

Căn cứ vào nhận định trên, nhưng diễn tả một cách "chủ quan" hơn, William Kristol phác họa chủ trương mới của Hoa Kỳ. Rất rõ ràng, giản dị, và khá... "trắng trợn"! Có thể tóm tắt vài điểm nổi bật như sau:

1) Thể chế Dân Chủ Tự Do (Démocratie libérale) của Mỹ và các "giá trị" mà Hoa Kỳ tôn trọng, như kinh tế thị trường, tự do, nhân quyền..., cũng là những giá trị cần thiết cho các nước khác. Cũng "tất yếu phải tốt đẹp" cho phần còn lại của

thế giới!

Hoa Kỳ tin rằng có thể kết hợp "Lý tưởng" và "Thực dụng," để thực hiện trong cùng một sứ mạng, sự phục vụ "lý tưởng" nhân loại, và đạt mục tiêu "thực dụng" là an ninh, quyền lợi, của Hoa Kỳ. Táo bạo hơn nữa, là họ chủ trương rằng sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ hiện nay cần được đem sử dụng để đạt các mục tiêu này!

Họ quan niệm rằng sức mạnh quân sự Mỹ sẽ tiếp tục vô địch, như "chưa hề có kể từ thời Đế quốc La Mã" (sic). Quân lực Mỹ còn cần phải tăng cường để áp đặt khắp thế giới các "giá trị Mỹ" trong nhiệm vụ mà Hoa Kỳ tự cho như một "thiên chức" (messianisme) để phổ biến Dân chủ và đem lại trật tự, hòa bình trên thế giới .

2) Xóa bỏ, thay đổi, các thể chế độc tài (regime change) trên thế giới, và không thỏa hiệp sống chung. Điều này sẽ được thực hiện bằng quân sự. Không như dưới thời Clinton cho rằng sự phát triển kinh tế có thể chuyển hóa dần dần các thể chế độc tài , chủ trương mới của Hoa Kỳ khẳng định là không chờ đợi, không thỏa hiệp sống chung hòa bình, mà dứt khoát hành động bằng quân sự để «dẹp bỏ chế độ,» vì họ hiểu rằng bản chất các nhóm độc tài không khi nào biến thể, và đều là những đe dọa trong tương lai cho Hoa Kỳ. Vì vậy có lần chính phủ Bush đã tuyên bố thẳng thừng rằng Trung Cộng là «đối thủ chiến lược» (adversaire stratégique) của Hoa Kỳ, chứ không thể là «người đồng hành chiến lược» (partenaire stratégique) như lập trường của Clinton .

3) Quan trọng hơn cả, và cũng là điều làm nhiều chính trị gia «thận trọng» phải «lắc đầu,» đó là chủ trương sự «khống chế, giữ thế thượng phong» (pre-eminence) của Mỹ đối với thế giới. Hoa Kỳ quan niệm không thể chấp nhận để một lực lượng quân sự của quốc gia nào khác phát triển, tiến lên ngang hàng, làm đối trọng với Hoa Kỳ, và lập luận rằng đó không phải là vì quyền lợi ích kỷ của Mỹ, mà chính là... vì «phúc lợi» của Thế giới (!), hầu giữ trật tự chung và an toàn khắp nơi. Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ sẽ dùng quyền «đánh phủ đầu» (pre-emptive attack) ngay từ mầm mống, các lực lượng nào tỏ ra có khả năng đe dọa Hoa Kỳ trong tương lai . Về điểm này, Rumsfeld cho rằng làm như vậy sẽ... «đỡ tốn tiền» hơn nhiều (!), thay vì chờ đến khi Hoa Kỳ thực sự bị đe dọa. Thí dụ được nêu ra là vụ Israel ném bom nhà máy nguyên tử Osirak của Iraq năm 1981.

Tóm lại, trên đây là vài nét chính trong đường lối đối ngoại mới của Mỹ, được phác họa bởi nhóm lý thuyết gia mệnh danh là "Tân Bảo thủ" Hoa kỳ (néo-conservateurs). Có người nói huych toẹt rằng đó là "Chủ nghĩa Tân Đế quốc" (néo-impérialisme), có lẽ cũng không sai!

Kết luận

"Ngang ngạnh và trịch thượng!", đó là một số những chỉ trích tại Âu châu đối với chủ thuyết của nhóm «diều hâu» Hoa Kỳ. Có nhận xét còn so sánh thái độ này với kinh nghiệm bành trướng của Nã Phá Luân qua việc đem «văn hóa phổ biến bằng mũi gươm,» nhắc nhở rằng mọi đế quốc đều suy tàn, và còn mỉa mai thêm là «chỉ cần 17 năm sau chiến thắng Ai Cập của Nã Phá Luân là dẫn đến cuộc thảm bại Waterloo!» Lại có phê bình cho rằng chủ trương này cũng chẳng mới lạ, và chỉ là lịch sử tái diễn. Trong Thế kỷ 18, các nước Tây phương cũng đã từng mang những «lý do tốt đẹp» khi đi khai phá thuộc địa!

Những lập luận trên đây có vẻ không đứng vững, bởi lẽ các đế quốc xưa không hề bị đe dọa đến bản thân như trường hợp Hoa Kỳ ngày nay.

Nhận xét khách quan về bối cảnh thế giới hiện tại cho thấy, mặc dầu khá ngang ngạnh, kế hoạch của nhóm «tân bảo thủ» Hoa kỳ tỏ ra không thiếu cơ sở, khá thực tiễn, và có cơ thành tựu. Thực vậy, thử hỏi có chủ thuyết nào hiện nay đủ khả năng đem lại mô hình ổn định hơn cho thế giới ? Lập trường về một thế giới đa cực (multipolaire) như Pháp khởi xướng có lẽ chỉ là một ảo tưởng. Và tham vọng đối kháng với Hoa Kỳ hiện nay của những lực lượng không mấy «tốt đẹp» như Pháp, Nga, Trung Cộng, hoặc khối Hồi giáo quá khích, chắc chắn chẳng thể tạo ra được những mô hình đáng chấp nhận.

Sau nữa, phải chăng viễn ảnh tương lai của Nhân loại, trong điều kiện thuận lợi nhất, sẽ là sự thiết lập khắp nơi nền Dân Chủ, theo như giả thuyết nổi tiếng của Fukuyama, cho rằng nền Dân Chủ Tự Do sẽ là «chặng đường cuối cùng của Lịch sử loài người !» (Fukuyama : The End of History and The Last Man).

Trong khi chờ đợi, và riêng cho hoàn cảnh của nước Việt Nam hiện tại, người dân Việt Nam chỉ có lợi, nếu thực sự chủ trương mới này của Hoa Kỳ là không thỏa hiệp, không sống chung, (như dưới thời Clinton), mà nhằm dứt khoát xoá bỏ những thể chế toàn trị man rợ còn lại trên trái đất, như Bắc Kinh, Hà Nội ...

Thụy Sĩ, Tháng 6, 2003

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:

NHÌN LẠI CHIẾN-TRANH CỦA MỸ Ở IRAQ

CỔ LŨY

Cuộc chiến của Mỹ ở Iraq kể như đã xong rất nhanh chóng về mặt quân sự (giống như ở A-Phú-Hãn—Afghanistan) —mặc dầu qua lời các sĩ quan chỉ huy, sinh mạng của lính Mỹ bị đe dọa hơn bao giờ hết vì công tác cảnh binh hàng ngày cùng những chống đối của dân chúng Iraq, ở cả thành phố lớn lẫn vùng hẻo lánh xa xôi. Mỗi tuần lại có báo cáo vài lính Mỹ thiệt mạng vì súng đạn, tấn công thù nghịch, hoặc tai nạn.

Về mặt chính trị Hoa-Kỳ gặp nhiều khó khăn hơn với tình hình bất ổn, thiếu an ninh trật tự cùng những dịch vụ nhà nước tối thiểu, và tình trạng trì trệ trong công cuộc tái thiết. Toàn bộ giới lãnh đạo lực lượng chiếm đóng dân sự dưới quyền tướng hồi hưu Jay Larner được thay thế bởi phái bộ chuyên viên ngoại giao dưới sự lãnh đạo của ông L. Paul Bremer III (một nhà ngoại giao chuyên nghiệp đặt dưới quyền bộ Quốc-phòng) chọn bởi tòa Bạch-Ốc để tránh những xung đột kèn cựa giữa hai bộ Ngoại-giao và Quốc-phòng. Từ đầu tháng Sáu chính trị nội bộ Anh và Mỹ bắt đầu sôi động vì những nghi vấn về vũ khí có tầm tác hại lớn lao (Weapons of Mass Destruction, WMD).

Những khó khăn chính trị nói trên được giải thích khá rõ ràng qua các phân tích, nghiên cứu chuyên môn của các giáo sư, học giả, chuyên viên lần lượt được nhắc đến sau đây. Những nghiên cứu, phân tích này cũng cho thấy đường lối và kinh nghiệm ngoại giao của Mỹ áp dụng cho quá khứ, hiện tại và tương lai.

CỔ-LŨY

Những tính toán lạc quan về quân sự của Hoa-Kỳ trước khi tấn công Iraq đã thành sự thật. Rằng quân lực Iraq chỉ chống đối qua loa và lực lượng Mỹ sẽ nhanh chóng tiến chiếm thủ đô Baghdad và lật đổ ông Saddam Hussein (hai điều không thành sự thật: bằng cách giết chết hoặc bỏ tù Saddam). Rằng thêm nữa quân Iraq sẽ không chịu tuân lệnh sử dụng vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD), hoặc sẽ bị lực lượng Mỹ ngăn cản sử dụng WMD. Rằng số thương vong dân sự sẽ không lớn lắm.

Những tính toán chính trị, ở mặt khác,không xảy ra đúng như Hoa-Kỳ mong muốn. Rằng đa số dân chúng Iraq sẽ hân hoan đón mừng "giải phóng" khỏi ách Saddam (dân chúng hân hoan lẻ tẻ mấy ngày đầu, và ông Bush "thất vọng" vì không đủ người Iraq lật đổ tượng Saddam, phải nhờ đến xe cần trục nhà binh Mỹ buộc giây kéo đổ; nay thì dân phản đối Mỹ bằng biểu tình và bạo động). Rằng một chính quyền Iraq có Mỹ ủng hộ và ủng hộ Mỹ sẽ được đặt để nhanh chóng (cho đến nay vẫn chưa có chính phủ tạm). Rằng những xung đột phe nhóm, chủng tộc và tôn giáo sẽ hạn chế và dễ khống chế (bất ngờ lớn: nhóm giáo phái Hồi Shiite có ủng hộ của đa số dân Iraq và Iran ngay cạnh đang tích cực sửa soạn chính quyền Hồi giáo kiểu Iran). Rằng ngọn sóng bài Mỹ ở các nước Hồi giáo khác sẽ không đưa đến hậu quả ghê gớm (từ giữa tháng Năm bom và chất nổ "khủng bố Hồi giáo" đe dọa hoặc nổ khắp từ bắc Phi châu sang đông và tây Phi châu, "Trung Đông," Chechnya và đông cùng nam Á châu, nhằm vào những nước hòa hoãn hay ủng hộ Mỹ ở Iraq). Rằng lực lượng Mỹ sẽ rút ra khỏi Iraq sau giai đoạn chiếm đóng tương đối ngắn từ sáu tháng tới một năm (tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và tướng chỉ huy trưởng mặt trận Iraq Tommy Franks mới tuyên bố Mỹ cần phải ở lại Iraq nhiều năm nữa).

Những tính toán bi quan có thể đang thành hình. Rằng người Iraq có thể sẽ chống đối "giải phóng" Mỹ bằng những bắn sẻ và khủng bố, những biểu tình bất bạo động lẫn bạo động. Rằng người thiểu số Kurd ở phía bắc, người Hồi giáo

phái Sunni (khoảng 35 đến 40 phần trăm dân số) ở trung, và người Hồi giáo phái Shiite (khoảng 60 đến 65 phần trăm) ở nam và trung Iraq có sự ủng hộ quyết liệt của anh em Shiite (ở Iran ngay cạnh và từng nắm chính quyền từ cuối thập niên 1970) sẽ tranh chấp dành quyền lợi và quyền lực đưa đến nội chiến, kẹp cứng quân lực Mỹ vào giữa. Rằng quân đội Mỹ sẽ phải ở lại Iraq cả chục năm hoặc cả thế hệ để giữ trật tự. Rằng điều này sẽ đưa đến oán ghét và chống đối Mỹ trong khắp thế giới Hồi giáo làm gia tăng khủng bố khắp nơi.

NHÌN LẠI LÝ-DO CUỘC CHIẾN

Trong những tuyên bố công khai Tổng thống George W. Bush cùng các nhân vật quan trọng trong chính quyền ông đã đưa ra ba lý do chính cho chiến tranh Mỹ ở Iraq và lật đổ ông Saddam Hussein: 1) giải giới toàn bộ lò WMD của ông Saddam; 2) giảm thiểu mối đe dọa khủng bố quốc tế; và 3) triển dương dân chủ ở Iraq và những khu vực lân cận. Đây là những lý do hay mục tiêu vĩ đại cho cuộc chiến vội vã—nhưng có thật là như vậy chăng?

Vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD: Weapons of Mass Destruction)

Trước khi tấn công Iraq, trong giai đoạn sửa soạn tâm lý và dư luận chính trị trong nước cũng như thế giới, lý do chính quyền Bush thường đưa ra là mối đe dọa nguy hiểm của WMD từ phía Iraq. Nếu Iraq tấn công Hoa-Kỳ bằng WMD , tai họa lớn lao sẽ xảy ra gấp bội những tai họa trong vụ tấn công 11 tháng Chín trước đây —và tổng thống có quyền sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đánh phủ đầu (preemptive strike) nhằm ngăn chặn đe dọa WMD. Theo giáo sư Michael T. Klare ở Massachusetts (xin xem lời giới thiệu về ông Klare của Cổ-Lũy trong bài "*Dầu hỏa, Khủng-bố và An-ninh của Mỹ,*" THẾ-KỶ 21, tháng Năm, 2003) nếu WMD là mối bận tâm lớn lao của tổng thống Bush, ông đã bận tâm không đúng chỗ. Những tài nguyên dồi dào của Mỹ —quân lực, tiền bạc và thế lực, ảnh hưởng chính trị lớn lao trên toàn thế giới– có thể được sử dụng đúng chỗ hơn: Bắc-Hàn hoặc Hồi-Quốc (Pakistan). Bất cứ ai có chút ít hiểu biết về mối đe dọa WMD trên thế giới cùng các giả thiết quốc phòng của Mỹ hoặc theo rõi tin tức quốc tế đều thấy là mối đe dọa WMD lớn nhất trong giai đoạn hiện nay nằm ở Bắc-Hàn cộng sản và Pakistan. Hai nước này là đe dọa lớn nhất vì nhiều lý do sau đây. Cả hai có nhiều WMD gấp bội Iraq. Pakistan có đến vài tá đầu đạn nguyên tử cùng với phi đạn và máy bay đủ khả năng chuyên chở những đầu đạn này hàng trăm dặm. Pakistan cũng bị nghi là đã phát triển vũ khí hóa học. Bắc-Hàn bị xem là có đủ chất plutonium để chế dăm sáu bom nguyên tử. Bắc-Hàn cũng tàng trữ nhiều vũ khí hóa học và phi đạn liên lục địa—hiện nay có tầm hoạt động đến các tiểu bang phía tây Hoa-Kỳ. Ngược lại, Iraq không có vũ khí nguyên tử, ít nhất là cho đến giai đoạn này (giới khoa học và tình báo quốc tế đều xác nhận phải vài năm nữa, và với điều kiện thuận tiện nhất, Iraq mới đủ khả năng). Iraq có thể có vài vũ khí hóa học và sinh học và khoảng một tá phi đạn loại Scud. Từng được sử dụng trong chiến tranh Kuwait (1991) ngày nay không chắc Iraq còn giữ được những phi đạn này, và cũng không chắc nếu còn những phi đạn này có sử dụng được không, hoặc tầm hiệu lực quân sự đi đến đâu. Cho đến nay, với cả trăm ngàn lính, với đủ khí cụ tối tân cùng chuyên viên khoa học kỹ thuật và tình báo ở ngay trong Iraq Hoa-Kỳ vẫn chưa thấy một dấu vết nào về vũ khí hóa học, sinh học hay hạch nhân. Mới đây, thất vọng vì chính quyền Bush không đưa nổi một bằng chứng về WMD thượng nghị sĩ thâm niên và lão thành Robert Byrd (Dân chủ, Virginia) tuyên bố trước thượng viện là chính quyền dùng WMD "đánh lừa" dân chúng Mỹ để xâm lăng Iraq, và nhiều người trong giới truyền thông nhại chữ WMD (Weapon of *Mass Distraction*) để nói về vũ khí ngoại giao ông Bush dùng để đánh lạc dư luận quần chúng về những trì trệ kinh tế trong nước. Từ tháng Sáu WMD bắt đầu thành vấn đề chính trị khó khăn cho chính quyền Bush. Mối đe dọa WMD của Iraq là lý do chính hai chính quyền Mỹ (tổng thống Bush) và Anh (thủ tướng Tony Blair) đưa ra để tấn công Iraq và lật đổ Saddam Hussein. Tổng thống Bush trong diễn văn hàng năm về Tình hình Liên bang trước quốc hội đầu năm 2002 tuyên bố: "Chính quyền Iraq đã âm mưu phát triển anthrax, hơi độc và vũ khí nguyên tử hơn một thập niên." Tháng Mười ở Ohio ông tuyên bố chế độ Saddam Hussein "hiện có trong tay và sản xuất vũ khí hóa học và sinh học. Và chế độ đang tìm kiếm vũ khí nguyên tử." Tháng Tám trước đó, phó tổng thống Dick Cheney nói trước hội Cựu Chiến binh Viễn chinh: "Nói một cách giản dị, không còn nghi ngờ gì nữa, Saddam Hussein hiện có WMD. Rõ ràng Saddam Hussein đang thu thập những vũ khí này để sử dụng chống

lại những nước bạn, những đồng minh và cả chúng ta." Tháng sau đó tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld tuyên bố với các phóng viên: "Ta biết là họ có WMD. Hoàn toàn không có chút nghi ngờ gì về WMD." Bên kia bờ Đại-Tây-Dương, ông Tony Blair cả quyết giới quân sự Iraq "có thể tấn công bằng vũ khí hóa học và sinh học trong vòng 45 phút." Nhưng trước đó, Cơ quan Tình báo Quốc phòng (Defense Intelligence Agency, DIA, thuộc bộ quốc phòng) báo cáo: "Không có tin tức đáng tin cậy nào cho thấy Iraq đang sản xuất hoặc tàng trữ vũ khí hóa học, hay Iraq đã hoặc sẽ thiết lập cơ sở sản xuất vũ khí hóa học ở đâu." Cũng trong tháng Chín, trước Liên-Hiệp-Quốc ông Bush tuyên bố Iraq mua những ống nhôm có cường độ cao nhằm gia tăng phẩm chất uranium để có thể chế bom nguyên tử "trong vòng một năm." Mười hai ngày sau, ông Blair tiết lộ tài liệu cho thấy Iraq "tìm mua số lượng uranium lớn từ Phi châu," và "có thể sản xuất bom nguyên tử trong vòng từ một đến hai năm." Khoảng giữa tháng Mười-hai bộ Ngoại giao Mỹ xác nhận nguồn uranium là ở Niger, Phi châu và ông Bush nhắc lại điều này trong diễn văn Tình hình Liên bang 2003 và cả quyết "chính phủ Anh có tài liệu cho biết mới đây Saddam Hussein tìm mua số lượng uranium lớn ở Phi châu" để sản xuất bom nguyên tử, dù CIA đã báo cho Bạch-ốc là tài liệu không đáng tin cậy. Ông Mohamed ElBaradei, chủ tịch Cơ quan Nguyên tử năng Quốc tế thuộc Liên-Hiệp-Quốc (LHQ), xác định tháng Ba vừa qua rằng tài liệu về uranium ở Niger là tài liệu giả mạo rất thô thiển được bán từ Niger qua tình báo Ý tới tình báo Anh (mới đây cố vấn an ninh của tổng thống Condoleezza Rice cũng xác nhận điều này). Cuối tháng Ba ông Rumsfeld khẳng định: " Ta biết WMD nằm ở đâu. Chúng nằm ở quanh thành phố Tikrit và Baghdad và đông, tây, nam và chếch về phía bắc," dù phái bộ thanh tra chuyên môn LHQ dưới quyền tiến sĩ Hans Blix đã có mặt ở Iraq từ sau 1991không đồng ý.

Bây giờ, ba tháng sau khi tấn công chớp nhoáng và xâm chiếm Iraq mà không có một dấu hiệu gì về WMD, tổng thống cả quyết là Iraq có "chương trình," hay kế hoạch sản xuất WMD, để tránh mũi dùi dư luận đối lập tố cáo chính quyền bóp méo sự thật để đánh lừa dân chúng về mối đe dọa của WMD. Nặng nhất có lẽ là tuyên bố của ông Paul Wolfowitz, thứ trưởng quốc phòng và một trong những kiến trúc sư chính của chiến tranh Iraq (và cũng là nhân vật nòng cốt của khối tân bảo thủ, neo-conservative, thân Do-Thái), trên tờ nguyệt san *Vanity Fair* đầu tháng Sáu: "Sự thật là, phần lớn bởi những lý do hành chánh, chúng tôi thỏa thuận chọn cái cớ WMD vì [giới lãnh đạo chính quyền] dễ đồng ý với nhau hơn cả." Quốc hội Anh đã mở màn điều tra những tuyên bố về WMD trước chiến tranh của chính quyền Blair, và phe Dân chủ quốc hội Mỹ cũng đang nhắm theo hướng này. Hai phát triển đáng ngạc nhiên là việc truy lùng WMD ở Iraq, từ giữa tháng Sáu, được trao trọn vào tay giám đốc CIA George Tenet, người đứng sau những tuyên bố đao to búa lớn về WMD của những nhân vật nòng cốt chính quyền Bush. Những nhân vật này nay kêu gọi thế giới hãy kiên nhẫn chờ đợi bằng chứng về WMD —dù trước đây chính họ không kiên nhẫn để cho phái đoàn thanh tra LHQ làm công tác này. Ông Tenet cũng chọn một chuyên viên trong phái đoàn thanh tra LHQ —mà trước đây chính quyền Bush không tin tưởng chút nào— để cầm đầu nhóm 1300 chuyên viên Mỹ truy lùng WMD ở Iraq sau khi tướng Giames Conway, chỉ huy Thủy quân Lục chiến Mỹ ở đây, cho những tin tức tài liệu của CIA về WMD là hoàn toàn sai lạc.

Quan trọng hơn nữa là ý định sử dụng WMD. Tổng thống Hồi, tướng đảo chánh Pervez Musharraf mà trước đây tổng thống Bill Clinton không chịu bắt tay và nay có ủng hộ nhiệt thành của tổng thống Bush cả về mặt quân sự lẫn chính trị và tiền bạc, từng tuyên bố công khai ông sẵn sàng sử dụng vũ khí nguyên tử chống lại Ấn-Độ (cũng có và cũng sẵn sàng sử dụng vũ khí nguyên tử) năm 2002 ở vùng Kashmir mà cả hai nước đều tranh giành vì tôn giáo và đất đai. Đây không có nghĩa là ông Musharraf có thể sử dụng vũ khí nguyên tử chống lại Hoa-Kỳ, nhưng phải nhớ rằng đa số dân chúng Hồi theo Hồi giáo cực đoan và ủng hộ Taliban, Al Qaeda, và Osama bin Laden ở nước anh em Afghanistan bên cạnh hơn là ông Musharraf thân Mỹ. Và nhất là nếu Musharraf lên nắm quyền bằng đảo chánh quân sự thì người khác cũng có thể đảo chánh tương tự —có lẽ dễ dàng hơn, với chiêu bài chống Mỹ và ủng hộ Hồi giáo cực đoan.

Đáng lo ngại hơn nữa là tuyên bố của Bắc-Hàn: Bắc-Hàn sẽ xem việc Hoa-Kỳ và Liên-Hiệp-Quốc bao tỏa kinh tế Bắc-Hàn (vì nước này theo đuổi vũ khí hạch nhân) như một gây hấn và sẽ đáp ứng đúng mức, biến nước Mỹ thành một "biển

lửa." Đây cũng không có nghĩa là Bắc-Hàn sẽ thực sự và sẵn sàng sử dụng WMD, nhưng thử tưởng tượng chiến tranh xảy ra "Lãnh-tụ thân mến" Kim (con của "Lãnh-tụ vĩ-đại" Kim Nhật Thành) sẽ làm gì để duy trì quyền hành chuyên chế và để khỏi thua cuộc?

Còn ở Iraq, CIA đã kết luận ông Saddam sẽ không sử dụng WMD trừ phi sống còn của chế độ bị đe dọa hay Baghdad bị tấn công trực tiếp. Khi quân đội Mỹ đến sát nách Baghdad, và khi Baghdad cùng chế độ và ông Saddam không còn, WMD cũng chẳng thấy đâu. Ông Charles L. Glaser, phó khoa trưởng phân khoa Nghiên cứu An ninh Quốc tế viện Đại học Chicago, đưa ra nhận xét về việc Saddam không sử dụng WMD: Nếu thực sự Iraq có WMD như chính quyền Bush khẳng định, và Saddam đã không đem ra dùng, có lẽ là ông ta sợ nguy hại cho mình không dám dùng WMD. Như vậy, nếu ông Saddam biết sợ (như nhiều người chống chiến tranh Iraq tin tưởng), Hoa-Kỳ không có lý do để tấn công Iraq. Lực lượng hùng hậu của Mỹ trong vùng và toàn cầu thừa sức cảnh cáo Iraq. Saddam có thể lo sợ thiệt hại lớn lao cho Iraq nếu ông dùng WMD., nhưng nếu ông biết sợ như vậy xâm lăng Iraq không phải là điều cần thiết. Một giả thiết nữa là Saddam không thấy có lợi trong việc dùng WMD vì ông không tin rằng những vũ khí này có hiệu quả hoặc không muốn thẳng tay trả đũa Hoa-Kỳ. Nếu đúng như thế, không cần phải đe dọa Saddam và WMD của Iraq cũng không phải là mối đe dọa cho Hoa-Ky. Nếu Saddam muốn dùng WMD ông cũng có cả mấy tháng trời để sửa soạn: ông đã có đủ thì giờ. Chính quyền Bush cần phải giải thích rõ rệt hơn về hiện hữu của WMD, ý định dùng WMD của Saddam và nhu cầu tấn công Iraq vội vàng như đã xảy ra.

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm chiếm Iraq và lật đổ ông Saddam là điều cần phải làm để ngăn chặn Iraq chuyển WMD cho khủng bố chống Mỹ. Đây là mối lo chính đáng, nhưng Pakistan với dân chúng và giới lãnh đạo tôn giáo, giới quân sự và tình báo vừa thân khủng bố vừa chống Mỹ mới dễ chuyển WMD hơn là Iraq. Ông Saddam và giới lãnh đạo Iraq hiện nay không có liên hệ với giới Hồi giáo cực đoan; đúng ra, Saddam Hussein có lập trường chống đối phe Hồi giáo cuồng tín từ lâu và những nhóm này xem ông là kẻ thù vì Saddam quá nặng về phần đời hơn phần đạo.

Chống khủng bố

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm chiếm Iraq và lật đổ Saddam Hussein là đỉnh cao và thành công lớn lao của cuộc chiến chống khủng bố. Không có bằng cớ về liên hệ giữa Saddam và Al Qaeda, Taliban hoặc bin Laden, chính quyền đưa ra lý luận mơ hồ rằng thái độ thù nghịch của Saddam đối với Mỹ nuôi sống và làm hứng khởi đe dọa khủng bố chống Mỹ. Dựa vào đây chính quyền kết luận rằng nếu triệt hạ được Saddam khủng bố quốc tế sẽ thấm đòn nặng và khả năng khủng bố sẽ yếu hẳn đi.

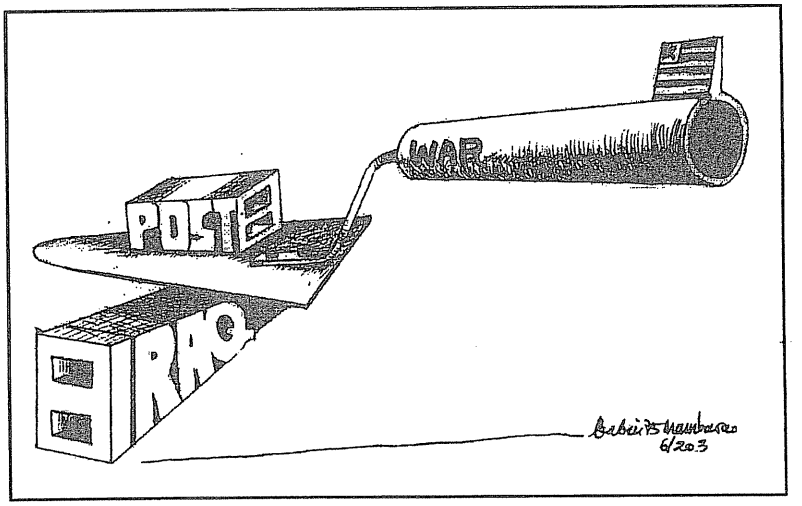

Trong diễn văn Tình hình Liên bang tháng Giêng vừa qua tổng thống Bush tuyên bố rõ rệt rằng Saddam Hussein trợ giúp và bảo vệ khủng bố, kể cả các thành viên Al Qaeda. Điều này có đúng phần nào: Iraq , cũng như đa số các nước Hồi giáo A-Rập, đều trợ giúp tiền bạc cho các nhóm Palestine chống Do-Thái. Sau chiến tranh, phóng viên của tờ *Los Angeles Times* có đi thăm một trại huấn luyện của nhóm Hồi giáo cực đoan Ansar al Islam ở phía bắc Iraq và tìm thấy bằng cớ là thành viên Al Qaeda có đến đây sau khi chạy trốn khỏi Afghanistan. Nhưng điểm đáng chú ý là trại huấn luyện này nằm trong khu vực tự trị của người thiểu số Kurd và Saddam Hussein không có quyền hành gì trong vùng.

Như đã nói ở trên, liên hệ giữa Saddam và khủng bố —nếu có liên hệ nào đó— là một liên hệ thù nghịch. Những tổ chức, phong trào Hồi giáo cực đoan, khủng bố đều có mục tiêu lật đổ bất cứ chính quyền trong thế giới Hồi nào không chịu theo Hồi giáo chính thống và thay vào đó bằng chính quyền Hồi giáo cực đoan (ví dụ như ở Iran và Algerie). Theo lý thuyết của Al Qaeda, những chính quyền nặng phần đời hơn phần đạo như chính quyền đảng Baath của Saddam, chính quyền ở Ai-Cập (Egypt) , Jordan và Saudi Arabia phải bị đạp đổ (đây cũng là lý do tại sao hoàng tộc Saudi Arabia bỏ ra nhiều tiền bạc có lẽ hơn ai hết nhằm mua chuộc Al Qaeda và bin Laden để được yên thân. Điều này ai cũng rõ, trừ giới chính quyền Mỹ ngoảnh mặt làm ngơ vì Saudi Arabia là nước sản xuất và cung cấp dầu cho Hoa-Kỳ nhiều nhất). Nếu Hoa-Kỳ lật đổ Saddam và thay vào đó bằng một chính quyền không bị chi phối bởi tôn giáo hơn cả chính quyền Saddam (như đúng ý Mỹ, tổng thống Bush và một số giới lãnh đạo Tin-lành Mỹ có ảnh hưởng lớn với tổng thống) và được hỗ trợ bởi sức mạnh quân sự Mỹ, ngọn lửa Hồi giáo cuồng tín cực đoan chẳng khác gì được đổ thêm dầu.

Điều dễ thấy hơn nữa là phản ứng dân chúng Hồi giáo đối với cuộc tranh chấp giữa Do-Thái và người anh em Hồi Palestine. Đa số người Ả-rập Hồi giáo, dù ưa hay ghét Saddam Hussein, đều xem Hoa-Kỳ là nước đạo đức giả (nếu không nói là tệ hơn nữa): một mặt chấp nhận (ngay cả ủng hộ) chính sách khủng bố của nhà nước (state terrorism) Do-Thái đối với người Palestine bị Do-Thái chiếm đóng, một mặt lên án và tìm cách trừng phạt Saddam vì ông đối xử tàn bạo với dân chúng trong nước Iraq. Nhận xét này là căn bản tinh thần và hành động chống đối Do Thái-Mỹ trong thế giới Hồi giáo. Việc Hoa-Kỳ xâm lăng Iraq không làm giảm mà thật sự gia tăng tinh thần và hành động nói trên. Thật khó tưởng tượng việc Hoa-Kỳ xâm lăng Iraq là một cao điểm trong chiến tranh chống khủng bố! Sự thật, như thấy hiện nay, là một loạt những khủng bố bạo động mới nhắm vào những nước Hồi giáo hòa hoãn với Hoa-Kỳ và những nước ủng hộ Hoa-Kỳ trong chiến tranh ở Iraq—có vẻ như gián tiếp nhắm vào Hoa-Kỳ, đủ để cảnh cáo nhưng cũng không làm dân chúng Mỹ cáu kỉnh đến độ có lợi cho ông Bush (người được "hưởng lợi nhiều nhất," theo tuần báo *Newsweek*, mượn danh nghĩa chống khủng bố).

Khi bom đạn, hỏa tiễn Mỹ rơi ào ạt trong đợt tấn công Iraq đầu tiên tổng thống Ai-Cập Hosni Mubarak cảnh cáo: thay vì một, Hoa-Kỳ đang nuôi dưỡng một trăm Osama bin Laden trong thế giới Ả-Rập.

Xuất cảng Dân chủ Tự do

Lý do rất lớn —nhưng đến phút chót chính quyền Bush mới đưa ra cho thế giới và dư luận Mỹ biết, như một lý do mới nghĩ ra— để xâm lăng Iraq và lật đổ Saddam là để dọn đường cho dân chúng Iraq (dưới sự hướng dẫn của Hoa-Kỳ) thành lập một chính phủ thật sự dân chủ, như ngọn đuốc soi đường và hứng khởi cho cả thế giới Hồi giáo hồ hởi tiến lên đường dân chủ hóa, với thêm hàm ý (cũng đưa ra phút chót) rằng chuyện này có thể giải quyết tranh chấp đẫm máu trên nửa thế kỷ giữa Do-Thái (có Mỹ hỗ trợ) và Palestine (với khối Ả-Rập Hồi giáo hỗ trợ). Có thể xuất cảng tự do dân chủ đến thế giới Hồi giáo là điều hay, và đáng khuyến khích (tạm gác qua chuyện người Shiite đa số không những chống đối Mỹ chiếm đóng Iraq mà cả nỗ lực mang đến dân chủ kiểu Tây phương Hoa-Kỳ nghĩ là dân chúng sẽ hoan nghênh). Nhưng thời điểm chọn lựa hơi lạ vì Hoa-Kỳ đã đến vùng này và nhiều vùng khác trên thế giới cả nửa thế kỷ nay với cùng chiêu đề và thực tế như đi ngược lại lời nói. Lịch sử đặt nhiều câu hỏi chưa giải thích được.

Giả hay thật?

Nhiều nhân vật cao cấp trong trong chính quyền ông Bush hiện thời, đặc biệt như tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và phó tổng thống Dick Cheney, rất thân thiện với chế độ độc tài khát máu Saddam Hussein trong thập niên 1980 khi Iraq đang gây hấn với Iran (Ba-Tư, một kẻ thù của Mỹ bấy giờ). Tổng thống đương nhiệm Ronald Reagan (hai nhiệm kỳ, 1981-1989) với phó tổng thống George W.H. Bush (bố ông Bush hiện nay) quyết định đứng về phe Saddam trong cuộc chiến tàn khốc tám năm giữa Iran-Iraq. Hoa-Kỳ bỏ tên Iraq ra khỏi danh sách những nước "xấu" để Saddam có credit nhận hàng tỉ Mỹ kim trợ cấp nông nghiệp cùng các thứ khác nữa. Người mang tin vui này đến cho Saddam chẳng phải ai khác hơn là ông Rumsfeld, đặc sứ của tổng thống Reagan đến Baghdad gặp Saddam tháng Mười-hai năm 1983. Cũng trong thời gian này tổng trưởng quốc phòng Caspar Weinberger cung cấp cho Iraq tài liệu vệ tinh bí mật về vị trí

quân sự Iran để Saddam có lợi điểm tấn công bằng vũ khí hóa học (qua bộ ngoại giao, Mỹ biết là Iraq dùngvũ khí hóa học "hàng ngày"—trước khi bị giải giới bởi Liên-Hiệp-Quốc). Ông Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng dưới thời tổng thống Bush bố, tiếp tục cung cấp tài liệu vệ tinh mật cho Saddam. Trong thời gian này cả hai ông Rumsfeld và Cheney không hề nói đến chuyện Iraq dùng vũ khí hóa học hay đề nghị Hoa-Kỳ ngừng ủng hộ chế độ độc tài tàn bạo Saddam. Như vậy có nghĩa là giới lãnh đạo chính quyền chỉ nói đến tự do dân chủ ở Iraq khi Saddam không còn ích lợi gì cho Mỹ nữa.

Nhiều người rất bi quan về ý định xiển dương dân chủ ở "Trung-Đông" của chính quyền Bush vì nó mâu thuẫn với giây liên hệ mật thiết của chính quyền với những chính quyền độc tài chuyên chế trong vùng như Kuwait hay Saudi Arabia (cung cấp dầu hỏa cho Hoa-Kỳcả nửa thế kỷ nay). Và gần đây nữa là liên hệ với những chế độ chuyên chế ở những cộng hòa hậu-Sô-viết như Azerbaijan, Kazakhstan và Uzbekistan. Các nhân vật lãnh đạo như Heydar Aliyev, Nursultan Nazarbayev và Islam Karimov ở ba nước nói trên đều cai trị theo kiểu Stalin và từng là tay chân thân cận của đế quốc Sô-viết trước đây. Chỉ ít nặng mùi hơn SaddamHussein chút xíu những nhân vật trên từng là khách quí đến Bạch-ốc để nhận ủng hộ và viện trợ rộng rãi của ông Bush. Mâu thuẫn lớn là chính quyền Bush muốn lật đổ Saddam vì tình yêu với dân chủ đồng thời đi lại với các chế độ chuyên chế khát máu nhưng chịu làm theo ý Mỹ.

Bài học dân chủ kiểu Mỹ

Giữa tháng Tư vừa qua, gần đền thờ cổ kính và những mảnh vụn lịch sử ở vùng Ur, một trong những văn minh lâu đời nhất thế giới, Hoa-Kỳ tổ chức họp mặt đầu tiên giữa người Iraq để sửa soạn cho một chế độ mới. Nhưng cùng lúc các đại biểu đã chọn lựa trước bởi Hoa-Kỳ ngồi nghe các diễn văn dài dưới lều vải vĩ đại mầu vàng tươi —với giây thép gai và máy bay trực thăng bay là là để ngăn chặn những người Iraq khác bên ngoài, nhất là người phái Shiite đa số —Hoa-Kỳ bắt đầu đặt để những lãnh tụ "tay sai" mới của Mỹ. Chín ngày trước đó, không quân Mỹ bay bốn chiếc C-17 khổng lồ đem Ahmad Chalabi và sáu trăm lính "Iraq tự do" ăn lương Ngũ-giác-đài đến vùng này. Đại đa số dân Iraq không biết Chalabi là ai, gốc gác ra sao. Một tay chuyên mở ngân hàng ở Trung-Đông và Thụy-Sĩ với án khổ sai vì lem nhem tiền bạc ở Jordan và đã trốn khỏi Iraq hơn bốn-mươi năm, ông Chalabi chân ướt chân ráo trở về Iraq như người thay thế Saddam Hussein được chọn lựa sẵn bởi phó tổng thống Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và thứ trưởng quốc phòng Paul Wolfowitz —dù có phản đối mạnh mẽ của bộ ngoại giao, CIA và cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Bush.

Lời nói thường không đi đôi với việc làm ở Hoa-thịnh-đốn, nhất là khi nói chuyện dân chủ. Nhưng không chỉ giới hạn trong chính quyền Bush mà thôi, Hoa-thịnh-đốn thường không khéo tay, hay thành thật, trong công cuộc xây dựng dân chủ thực sự từ trước đến nay. Theo ông Roger Morris, một thành viên Hội-đồng An-ninh Quốc-gia thời tổng thống Lyndon Johnson (Dân chủ, 1963-1969) và Richard Nixon (Cộng hòa, 1969-1974) và tác giả nhiều sách nghiên cứu về chính trị và ngoại giao Mỹ (ông sắp sửa in một tập sách mới về những hoạt động chìm của Mỹ ở trung Á châu), trong suốt nửa thế kỷ vừa qua hầu như không một nơi nào trên thế giới trở thành dân chủ tự do hơn khi Hoa-Kỳ ra tay "thay đổi chế độ" ("regime change," nói theo kiểu tổng thống Bush): từ những đảo chánh thời thập niên 1950 của CIA ở Iran, Guatemala, Congo, đến những viễn chinh vùng biển Carribean (trung Mỹ), Phi châu cùng nhiều nơi khác, thời 1960, 1970 ở Đông- Nam-Á, qua những vùng khác thời 1980, 1990. Ngay cả Đức và Nhật sau Thế chiến II (1939-1945) cũng không có tự do dân chủ khi Hoa-Kỳ đến giải giới hai nước này với ý định xây dựng dân chủ tự do ngăn chặn đối đầu với cộng sản đang quyến rũ một Tây Âu và Á châu điêu tàn hậu chiến: CIA đi đêm với kẻ thù Quốc xã hôm qua ở Bonn (Đức) để vạch đường tiến thoái cho đồng minh mới trong Chiến tranh Lạnh đang đi tới; CIA hoạt động chìm đặt để giới tài phiệt Nhật (zaibatsu: một số đại gia đình tài phiệt khống chế kỹ nghệ và ngân hàng từ đầu thế kỷ 19) nắm giữ vị trí kinh tế chiến lược lâu dài ngay Tokyo. Trường hợp "xây dựng dân chủ tự do" mới nhất đây là ở Afghanistan như đi thụt lùi trở lại thời Trung cổ ở châu Âu hay tiền-Taliban với các lãnh chúa, sứ quân mỗi người một cõi, không cần biết đến "tổng thống" Hamid Karzai (có vệ sĩ Mỹ bảo vệ sau nhiều ám sát hụt bởi chính dân Afghanistan). Ông Karzai mới tới Hoa-thịnh-đốn phúc trình về tình hình trong nước và yêu cầu lực

lượng Mỹ đối phó dẹp các lãnh chúa vì tổng thống không dám ra khỏi thủ đô Kabul và các lãnh chúa không chịu nghe lệnh bãi bỏ quân đội riêng hay gởi tiền thuế má mãi lộ cho nhà nước chi dùng. Lực lượng "giải phóng" Mỹ thì nằm nguyên ở các căn cứ quanh thủ đô dưới pháo kích thường xuyên bởi Al Qaeda.

Trong một nước với tinh thần quốc gia cao và chống đối đế quốc mạnh mẽ, nếu Iraq có dân chủ tự do thật sự Hoa-Kỳ sẽ khốn đốn nhiều. Hoa-Kỳ sẽ tính sao nếu Iraq chọn một chính sách dầu hỏa độc lập khác với ý Mỹ như một chính quyền trước đây đã làm? Hoặc giáo phái đa số Shiite nắm chính quyền qua bầu cử hợp hiến, và quyết định liên minh với anh em Shiite láng giềng cầm quyền ở Iran hay các thế lực Hồi giáo bảo thủ khác chống lại Hoa-Kỳ? Hoặc Iraq, một trong những xã hội A-rập tiến bộ với khuynh hướng xã hội, không chịu đi theo kinh tế thị trường toàn cầu kiểu Mỹ? Hoặc một chính quyền Iraq hợp hiến quyết định tái vũ trang để chạy đua với Do-Thái đã có vũ khí hạch nhân? Liệu Hoa-Kỳ có chấp nhận những giả thiết rất có thể thành sự thật nói trên theo đúng nguyên tắc dân chủ chăng? Hay như theo lời một phụ tá của tướng hồi hưu "phó vương" ở Iraq (nay đã bị thay thế), "Dân chủ rất là chộn rộn. Nhưng Hoa-Kỳ đã tính toán hết rồi." Như ở nhiều nơi khác trước đây, Hoa-Kỳ muốn chắc chắn quyền lợi kinh tế, chính trị, quân sự hay chiến lược Mỹ được bảo đảm tối đa và dân chủ tự do cũng như kinh tế thị trường hầu như chỉ là cái đến sau—chẳng khác mấy cái cớ "khai phóng" làm nòng cốt trong chính sách và hành động thực dân đế quốc ở các thuộc địa của Anh ("white men's burden") hoặc Pháp ("mission civilisatrice") hai thế kỷ trước.

Ôn cố tri tân

Theo ông Paulo Pinto, giáo sư thỉnh giảng phân khoa chính trị học viện Đại học Liên bang Ba-Tây (Brazil, Nam Mỹ), thí nghiệm dân chủ tự do của Pháp và Anh ở vùng "Trung-Đông" Ả-Rập không mang nhiều hứa hẹn tốt đẹp cho việc xây dựng dân chủ tự do ở Iraq của Hoa-Kỳ. Chính quyền Bush ngộ nhận rằng một Iraq tự do dân chủ sẽ đương nhiên là đồng minh của Mỹ. Như đã thấy ở trên, Iraq có ý nguyện và mục tiêu khác, và nhiều khi ngược hẳn Mỹ.

Một ví dụ như việc tái thiết hạ tầng cơ sở đã bị Hoa-Kỳ phá hủy và khai thác nguồn dầu hỏa. Những chế độ tạm gọi là dân chủ trước đây ở Syria và Iraq thất bại hoàn toàn vì cả hai đều bị xem như công cụ thuộc địa của Pháp và Anh. Nếu các công ty Mỹ và Anh, dưới sự bảo vệ của một chính quyền Iraq từ Anh và Mỹ ra, chiếm hết giao kèo tái thiết và khai thác dầu Iraq, chính quyền mới chắc chắn sẽ mang vết nhơ tay sai thuộc địa. Mối mâu thuẫn khác có thể là chính sách ngoại giao của Iraq mới. Nếu thực sự có dân chủ tự do, người Ả-Rập phái Shiite đa số sẽ có tiếng nói mạnh mẽ trong chính quyền — đây có nghĩa là Iraq sẽ có liên hệ chặt chẽ hơn với anh em Shiite ở Iran, và Iraq sẽ có một chính quyền với luật lệ nặng Hồi giáo chính thống (Sharia) như Iran. Đây là chuyện đi ngược hẳn lại chính sách cô lập Iran của Mỹ.

Xung đột lâu đời giữa Do-Thái và người Palestine là bế tắc lớn hơn nữa. Hoa-thịnh-đốn như có vẻ tin rằng một chính quyền dân chủ ở Iraq sẽ sẵn sàng áp lực chính quyền Palestine không có đất nước (Palestinian Authority) chịu chấp nhận hòa giải với Do-Thái. Nhưng dư luận dân chúng Iraq luôn luôn đứng về phe anh em Ả-Rập Hồi giáo Palestine, và bất cứ chính quyền Iraq nào có vẻ như thiên về Do-Thái sẽ bị dân chúng xem như là bù nhìn của Mỹ. Hoa-Kỳ sẽ như người đi giây leo trong nỗ lực dân chủ hóa Iraq. Lịch sử cho thấy nếu Hoa-Kỳ quá mật thiết liên hệ vào việc thành lập chính quyền mới, thí nghiệm dân chủ sẽ thất bại và quyền lợi kinh tế chính trị trong vùng của cả Mỹ lẫn Anh sẽ bị tổn thương. Và lịch sử cũng cho thấy một chính quyền "dân chủ" lem nhem sẽ đưa đến những bất ổn chính trị và xáo trộn xã hội khó lường trước được— và đây là môi trường sung mãn dễ làm nẩy sinh vô số những lãnh tụ độc tài nắm chiêu bài chống Mỹ có sự ủng hộ rộng lớn của dân chúng.

Lật đổ hôm nay: trả giángày mai

Hoa-Kỳ đã tốc chiến tốc thắng ở Iraq, lật đổ chính quyền Saddam Hussein nhanh chóng. Bài học rút ra từ đây, như nhiều nhân vật chính quyền và tổng thống đồng ý, là sẽ "tính sổ" Iran, Bắc Hàn và Syria kế tiếp. Dĩ nhiên Hoa-Kỳ thừa sức để làm chuyện tính sổ này, và nếu việc làm có đi chung với lời nói đây cũng không phải là lần đầu tiên Hoa-Kỳ dùng vũ lực lật đổ một loạt chính quyền quanh thế giới. Theo ông Jon Wiener, Giáo sư sử học viện Đại học California (University of California), từ nửa thế kỷ nay Hoa-Kỳ đã lật đổ nhiều chính quyền từ Mỹ sang Á châu, Phi châu.

Tháng Tám năm 1953, Thủ tướng Mohammed

Mossadegh ở Iran bị CIA đảo chánh (mãi đến hai-mươi năm sau dân chúng Mỹ mới rõ chuyện này) vàthay thế bởi Sa hoàng ("Shah," có lẽ rút từ tên Hoàng đế La-Mã Caesar, như "Czar" ở Nga) Mohammed Reza Pahlavi. Lý do chính: được dân chúng bầu ra hai năm trước ông Mossadegh đã quốc hữu hóa dầu hỏa lấy lại độc quyền khai thác của Anh; Sa hoàng Pahlavi đồng ý cho các công ty dầu hỏa Mỹ dẫn đầu bởi Gulf Oil khai thác bốn-mươi phần trăm dầu của Iran. Thêm vào đây là vị trí chiến lược của Iran: Hoa-Kỳ có thể đặt căn cứ, phi đạn và ra-đa ngay sát nách Nga-Xô. Cái giá đảo chánh rất rẻ: CIA bỏ ra một triệu đô-la, và chỉ có 300 người bị chết.Triều đại Pahlavi trở thành đồng minh lớn nhất của Mỹ trong vùng "Trung Đông," nhưng những hủ hóa từ lợi tức dầu hỏa mỗi ngày một nhiều đưa đến chống đối của dân chúng, và áp chế của nhà nước, mỗi ngày một lớn. Đầu năm 1979 Sa hoàng bị lật đổ bởi dân chúng Hồi giáo Shiite cực đoan dưới sự lãnh đạo của Giáo sĩ Ruhollah Khomeini sau này thành nhân vật Hồi giáo quan trọng nhất thời hiện đại. Phong trào Hồi giáo thuần túy từ đó cho đến nay chống đối Mỹ triệt để. Osama bin Laden là con đẻ ý thức hệ của Giáo sĩ Khomeini, người đầu tiên đặt tên cho Hoa-Kỳ là "Ác quỷ Sa-tăng." Nửa thế kỷ sau đảo chánh gọn nhẹ ở Iran, bin Laden thực hiện nổi điều Khomeini mơ ước: đem thánh chiến chống Mỹ và Tây phương vào căn bản của niềm tin Hồi giáo và nghi ngờ mọi chính quyền Hồi giáo có liên hệ chặt chẽ với Mỹ.

Mười tháng sau khi đảo chính ở Iran, tổng thống Dwight Eisenhower và ngoại trưởng John Foster Dulles, có em là giám đốc CIA, lại quyết định đảo chánh ở Guatemala (Trung Mỹ). Tổng thống Guatemala Jacobo Arbenz đã nắm quyền ba năm và đã quốc hữu hóa đất đai (để chia cho dân nghèo trong chiến dịch cải cách điền địa, land reform) của công ty United Fruit Co., một đại công ty nắm đất đai và công nhân trồng tỉa (agribusiness) khắp châu Mỹ La-tinh nhằm độc quyền các sản phẩm nhiệt đới như cà-phê, chuối, đường mía, dứa, cacao v.v... Ông bị đảo chánh bởi "lực lượng giải phóng" và Hoa-Kỳ lại thành công với số thương vong rất nhẹ: một chính quyền mới do CIA đặt để "trả lại" đất đai quốc hữu hóa cho United Fruit Co. Tuy Hoa-Kỳ không phải trả giá như ở Iran dân chúng Guatemala trả giá khá đắt: cuộc nội chiến giữa chính quyền quân sự có Mỹ bảo trợ và du kích nông dân cùng thổ dân kéo dài hơn ba-mươi-sáu năm nay với hơn một triệu người mất nhà mất cửa, khoảng hai trăm ngàn người chết, chín-mươi phần trăm là thường dân bị giết hoặc thủ tiêu —trong đó có cả người Mỹ chống đối chính quyền Guatemala.

Những "tính sổ" nói trên, và truyện dài Hoa-Kỳ liên hệ vào "Đông-Dương" từ 1954 tới 1975 cho ta thấy can thiệp của Mỹ vào nội bộ nước khác là chuyện không nên làm. Dân chúng khắp nơi, ông Wiener kết luận, muốn làm lịch sử của riêng nước mình —dù lịch sử đó có cả áp chế như Saddam Hussein. Một chiến thắng nhanh chóng và dễ dàng ở Iraq không thể là khuôn mẫu cho một loạt những đảo chánh ở nhiều nơi trên thế giới.

THAY LỜI KẾT
BAO NĂM LÊ GÓT QUÊ NGƯỜI

Khi ông Ahmad Chalabi cùng khoảng sáu trăm "người Iraq tự do" được không quân Mỹ đưa về Iraq dưới sự bảo trợ của phó tổng thống và tổng trưởng quốc phòng Mỹ sau hơn bốn-mươi năm lưu vong, giới quân sự Mỹ nghĩ rằng với một vài cố vấn quân sự Chalabi sẽ trở thành người cầm đầu nỗ lực tái thiết chính trị ở Iraq.

Năm-mươi-tám năm trước điều tương tự đã xảy ra ở Đại-Hàn và người lưu vong không là ai khác hơn Lý-Thừa-Vãn (Syngman Rhee). Những tương tự giữa Chalabi và họ Lý cho thấy nhiều bài học đáng chú ý, theo ông Frank Gibney, giáo sư chính trị viện đại học Pomona, California.

Họ Lý trở về một nước Đại-Hàn sau gần bốn-mươi năm dưới chế độ thuộc địa tàn bạo của Nhật-Bản. Giữa những hứng khởi, hận thù và bỡ ngỡ trước quá khứ và tương lai, nhiều ủy ban giải phóng xuất hiện khắp Đại-Hàn với nhiều khuynh hướng khác biệt: dân chủ, thân dân, thân Nhật, tư bản và cộng sản. Hoa-thịnh-đốn không chịu chấp nhận một chính quyền bản xứ. Tướng tổng chỉ huy mặt trận Thái-Bình-Dương Douglas McArthur đưa Lý trên máy bay riêng từ Đông-Kinh (Nhật) về thẳng Hán-Thành (Seoul, Đại-Hàn). Lúc đó họ Lý đã bẩy-mươi tuổi; ông đã đi lưu vong khỏi xứ trên dưới bốn-mươi năm và suốt thời gian này ông ở trên đất Mỹ —cũng một lãnh tụ lưu vong. Ở Hoa-Kỳ ông hô hào giới lãnh đạo chính trị và tôn giáo Mỹ ủng hộ độc lập cho Đại-Hàn. Cũng giống như Chalabi, trong nước không mấy ai biết họ Lý là ai, bộ ngoại giao Mỹ không chịu cấp thông hành cho ông, phải có bộ quốc phòng can thiệp qua McArthur mới về nước được. Về nước họ Lý dựa vào liên hệ với các quan Mỹ, chiêu

bài chống cộng quyết liệt và tài nói tiếng Mỹ để nắm vai trò lãnh tụ cố vấn chiếm đóng, rồi hai năm sau trở thành tổng thống đầu tiên của Đại-Hàn cộng hòa qua bầu cử có Mỹ bảo trợ năm 1948. Năm sau chính quyền quân sự chiếm đóng Mỹ rời khỏi Đại-Hàn, hy vọng họ Lý sẽ tiếp tục con đường "dân chủ." Kết quả sau đó khác hẳn những gì Hoa-Kỳ mong muốn: suốt thập niên 1950 chính quyền "dân chủ" bề ngoài của họ Lý biến thành chính quyền độc tài, tham nhũng, cai trị bằng công an mật vụ.

Năm 1960 dân chúng Nam Hàn nổi dậy đuổi họ Lý khỏi nước. Những chính quyền quân nhân kế tiếp của tướng Phác-Chính-Hi và Chung-Đô-Hoán một mặt thành công phát triển kinh tế Nam Hàn (chiến tranh ở Việt-Nam giúp vào thành công này không nhỏ) một mặt tiếp tục độc tài chuyên chế chính trị đàn áp dân chúng, nhất là công nhân và thanh niên sinh viên đòi hỏi dân chủ. Ngày nay, một nửa thế kỷ đã qua, Nam Hàn mới có mức dân chủ tự do khả dĩ. Bài học cho Hoa-Kỳ và những họ Lý tương lai kể cả Chalabi: dân chủ "có liền" dễ đưa đến tai họa đổ vỡ —và phải lâu lắm mới có thể sửa chữa hàn gắn được.

Mục tiêu dầu hỏa và đế quốc

Trở lại với Giáo sư Michael Klare và bài "*Dầu hỏa, Khủng-bố và An-ninh của Mỹ*." Mục tiêu thực sự của Mỹ, thứ nhất, rút từ sự lệ thuộc của Mỹ vào dầu hỏa "Trung-Đông" (hay dầu hỏa "vịnh Ba-Tư," con đường thủy đưa dầu từ vùng này đến khắp nơi) và "chủ thuyết Carter," rằng Hoa-Kỳ sẽ không chấp nhận một nước nào đe dọa nguồn cung cấp dầu này đến Hoa-Kỳ. Thứ hai, ý thức rằng bất cứ thế lực nào khống chế được "Trung-Đông" sẽ đương nhiên nắm ngay cổ họng kinh tế toàn cầu; chính quyền Bush muốn thế lực này là Hoa-Kỳ. Thứ ba, những âu lo về mức cung cấp dầu trong tương lai: Hoa-Kỳ càng ngày càng lệ thuộc vào Saudi Arabia, và Hoa-thịnh-đốn cần ngay một nguồn dầu hỏa khác nếu bất ổn xảy ra ở Saudi Arabia (bất ổn mà Hoa-Kỳ chịu phần trách nhiệm không nhỏ). Nước độc nhất trên thế giới có nguồn dầu hỏa tương tự là Iraq, và Hoa-Kỳ phải ra tay hành động.

Trong diễn văn đọc trước hội Cựu Chiến-binh Viễn-chinh ngày 26 tháng Tám, 2002, phó tổng thống Dick Cheney cho thấy rất rõ: "Với cả kho vũ khí khủng khiếp và với mười phần trăm số dầu dự trữ toàn cầu Saddam Hussein sẽ tìm cách khống chế toàn vùng Trung-Đông, kiểm soát một phần lớn nhiên liệu thế giới, trực tiếp đe dọa những nước bạn của Mỹ trong vùng và Hoa-Kỳ với vũ khí hạch nhân."

Hơn mười hai năm trước ông Cheney đã điều trần trước Ủy ban Quân lực Thượng viện khi Iraq tấn công Kuwait. Nội dung điều trần không khác mấy năm 2002: "Iraq kiểm soát mười phần trăm dự trữ dầu hỏa toàn cầu trước khi tấn công Kuwait. Khi Saddam Hussein chiếm Iraq, mức dự trữ tăng lên gấp đôi... Một khi Saddam nắm được Kuwait và trấn đóng đạo quân lớn của Iraq [ngay sát biên giới Saudi Arabia], chắc chắn ông sẽ nắm quyền quyết định chính sách nhiên liệu thế giới, và từ đó sẽ nắm ngay cổ họng kinh tế Mỹ cùng nhiều nước khác nữa." Thay vì để Saddam Hussein làm, Hoa-Kỳ lật đổ Saddam và "nắm lấy cổ họng kinh tế toàn cầu" cho chắc ăn. Động thủ này cho Hoa-Kỳ thêm vũ khí kinh tế chi phối toàn cầu —và giải thích một phần lý do tại sao những cường quốc như Nhật, Anh, Pháp và Đức (những nước đã kỹ nghệ hóa lâu đời và lệ thuộc vào dầu hỏa) và cả Trung-Hoa (đang phát triển kỹ nghệ), dù không đồng ý với Hoa-Kỳ trong nhiều vấn đề lớn, cũng sẽ ngoan ngoãn đi theo.

Duy trì kiểm soát mức cung cấp dầu thô từ vịnh Ba-Tư cũng đi đôi với mục tiêu công khai của chính quyền Bush: ngăn chặn không cho nước nào đạt đến sức mạnh quân sự ngang ngửa với Hoa-Kỳ. Như đề ra trong tuyên ngôn *Chiến-lược an-ninh quốc-gia của Hoa-Kỳ* (*The National Security Strategy of the United States of America*) tháng Chín 2002, Hoa-Kỳ phải "đủ sức mạnh để thuyết phục mọi đối thủ không nên gia tăng sức mạnh quân sự với hy vọng vượt quá, hoặc đến mức ngang hàng với sức mạnh của Hoa-Kỳ." Một cách thực hiện điều này là chiếm lấy dự trữ dầu vùng vịnh Ba-Tư để nắm ngay cổ họng kinh tế những địch thủ khả dĩ để họ không dám thách đố Hoa-Kỳ vì sợ cổ họng bị bóp nghẹt: mức cung cấp dầu hỏa Mỹ sẽ không chảy tới. Nhật và các nước châu Âu đã nằm trong gọng kìm này vô hạn định; nay Trung-Hoa cũng trên đường, vì cùng với đà kỹ nghệ hóa nước này mỗi ngày một lệ thuộc hơn vào dầu hỏa vịnh Ba-Tư.

Việc lật đổ Saddam Hussein và thay vào đây bằng những chính quyền chịu nghe theo Mỹ là một phần chính trong chiến lược bảo đảm sự khống chế toàn cầu lâu dài của Hoa-Kỳ. Như Giáo sư Michael Ignatieff thuộc viện đại học Harvard nhận xét, mức dầu hỏa tập trung ở vùng vịnh Ba-Tư nhiều đến độ "vùng này thành một nơi mà các nhà chiến lược quân sự phải gọi là trọng tâm của đế quốc Mỹ."

CHÀO LIỆT SỸ NĂM CAM

LÔ

Ở Việt Nam không có luật sư cho tội hình sự. Một nhà báo của tuần san *Kinh tế Sài Gòn* bàn thế khi nói về vụ Năm Cam. Ý là luật sư rất ngại phải cãi cho bị cáo hình sự vì dễ bị tòa vu luôn tội danh hình sự cho luật sư.

Nghe buồn cười nhưng chuyện đó đã xảy ra trong vụ "Năm Cam và đồng phạm," như cách nói của nhà nước Việt Nam về vụ án Trương Văn Cam. Đây là một vụ án đáng buồn cho nền tư pháp Việt Nam, đáng mừng vì phơi bày sự tan rã trong hàng ngũ cộng sản, nhưng đặc biệt là vừa xấu hổ vừa đáng hãnh diện cho nền báo chí Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vụ bắt Nam Cam là một màn kịch có lớp lang hẳn hoi. Người viết kịch bản đã sắp xếp trên cơ sở vĩ mô, lúc nào thì cho kép độc (Đảng) xuất hiện, lúc nào thì đưa (các) nhân vật chính lên sân khấu, và lúc nào thì 'tiếp thị' để đưa vở kịch đến tận tay nhân dân, vận động dư luận chú mục vào một thành quả của Đảng để quên đi những bất lực khác của chế độ.

Khi Năm Cam bị bắt, và trong nhiều tuần lễ sau đó, hệ thống truyền thông của Đảng liên tục, bền bỉ, đặc biệt là thống nhất trong hình thức và nội dung tin, đánh bóng hình ảnh của chính quyền thông qua hình ảnh Thiếu tướng công an Nguyễn Việt Thành, phó tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, chỉ huy trưởng lực lượng tấn công 'bọn tội phạm xã hội đen Năm Cam." Hình của ông Thành được đưa lên báo, được chụp ở góc độ, viết ở mức độ, như một vị anh hùng dân tộc. Chân dung ông Thành đứng nghiêng, tay chỉ phía trước như đang hô xung phong, và những câu nói 'lịch sử" của ông được trích dẫn thường xuyên trên báo. Các quán cà phê cốc Sài Gòn, các tài xế xe đò, những người đi buôn liên tỉnh không ngớt kháo nhau về hình ảnh viên tướng công an có công đầu trong việc 'bí mật điều động công an từ Tiền Giang lên Sài Gòn" tốc chiến tốc thắng đánh úp lực lượng Năm Cam!' Người ta kháo nhau công an Tiền Giang, quê hương ông Thành, rất nghiêm, không nhận hối lộ, xe hơi chạy trong địa phận Tiền Giang phải cẩn thận vì cảnh sát công lộ ít chịu ăn, nào ông Thành là một vị tướng sạch, sống đơn sơ đạm bạc, ngoài giờ làm việc ông vui với thú chăm sóc cây cỏ, làm vườn, tỉa cây vân vân. Người ta kháo nhau những chuyện như thế nhờ một hệ thống truyền thông chấp hành tốt kỷ luật, đồng loạt phỏng vấn và viết bài về ông tướng công an, tượng trưng cho quyết tâm của chính quyền làm sạch xã hội xã hội đen và xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đó là màn đầu. Sau một chút và cũng gần như 'hiện cảnh đồng thời,' hệ thống truyền thông ráo riết kể tội Năm Cam và đồng bọn. Quyết liệt nhất là hai tờ *Thanh Niên* và *Công an TPHCM*. Tổng biên tập *Thanh Niên* là Nguyễn Công Khế hể hả kể công trên truyền hình rằng chính báo ông ta đã báo động về Năm Cam và đồng bọn rất nhiều năm trước đó.

Trong khi tòa án chưa đưa các bị cáo ra xử thì báo chí đã nhiệt tình làm công việc vừa kể tội vừa buộc tội bị cáo. Quan niệm 'chừng nào bị tòa tuyên án thì mới có tội' không có trong luật pháp Việt Nam hiện hành. Báo chí sung sướng, hể hả, nhiệt tình, và cay cú kể các tội của Năm Cam từ các nguồn tin do trên đưa xuống.

Nhưng kỳ quặc hơn là trong khi tòa đang truy xét thì báo chí thay vì chỉ đưa tin lại tham gia luận tội bị cáo.

Kỳ quặc hơn cả là khi luật sư đang bào chữa thì cả một hệ thống truyền thông lên tiếng đánh luật sư hệt như luật sư đang phạm tội hình sự! Trường hợp luật sư Đặng Văn Luân, bào chữa cho bị cáo Ủy viên Trung ương Đảng Trần Mai Hạnh là rõ nhất. Khi ông Luân tranh luận rằng nhiều tình tiết do Viện Kiểm sát đưa ra là bịa đặt, như nói tờ *Nhà báo và Công luận* số 4, ngày 10 tháng 11 năm 1996 có đăng một công văn của Trần Mai Hạnh nhưng tìm số báo này thì chẳng có công văn nào của Trần Mai Hạnh.

Liền sau đó báo chí lên tiếng đả kích luật sư Đặng Công Luân nặng nề, buộc ông Luân cái tội không làm đúng thiên chức luật sư, đã dám "mạ

ly" Viện Kiểm sát, công an, Hội đồng Xét xử, và "phải chịu trách nhiệm trước pháp luật."

Nền báo chí của Hà Nội làm luôn nhiệm vụ công tố một cách hung hãn và hạ cấp. Khi đọc những bài báo hằn học và cáu tiết đối với luật sư đang bào chữa, người ta không khỏi bàng hoàng về một nền công lý cần phải mượn truyền thông để chuẩn bị tốt tinh thần dư luận, để nhân dân chấp nhận những "bản án bỏ túi" được viết sẵn trước cả khi phiên tòa kết thúc.

Dư luận đã được chuẩn bị tốt rồi nên tòa án chỉ còn hoàn tất thủ tục. Vì thế nên xử 155 bị cáo mà Hà Nội chỉ cần có 57 ngày là xong.

Người đại diện cho những "bản án bỏ túi" (viết sẵn), thẩm phán Bùi Hoàng Oanh, nhũn nhặn nói hôm kết thúc phiên toà (ngày 5 tháng 6) rằng "Trước khi xử tòa đã ấn định xét xử 55 ngày và để hai ngày tuyên án." Coi như đạt chỉ tiêu!

Vụ án Năm Cam chứng tỏ sức mạnh của truyền thông và chính phủ Việt Nam hiểu rất rõ điều đó. Họ bền bỉ và dồn dập điều khiển báo chí viết bài theo diễn biến của phiên tòa, từng ngày. Khi tòa đang xử một bị cáo, thì báo chí đưa tin, viết bài, chụp ảnh, làm phóng sự về bị cáo đó thay cho tòa, thay cho điều tra viên và tất nhiên *góp ý* luôn cho luật sư của cả nguyên đơn lẫn bị đơn.

Hệ thống tuyên truyền toa rập và đồng nhất như vậy đã có hiệu quả. Cả nước xôn xao bàn tán về Năm Cam. Và điều này đưa đến một hệ quả gì? Nhà nước đã đánh lạc hướng quần chúng, khiến quần chúng cảm thấy như họ cũng có một vai trò trong việc đánh bắt tội phạm, quên đi những thất bại của chính phủ trên những lãnh vực khác. Quần chúng, ít nhất là trong một lúc, không cảm thấy bức thiết trước hình ảnh một đất nước tả tơi, trước chuyện những chiếc cầu sụp, những kế hoạch đầu tư ngu dốt như đổ tiền làm nhà máy lọc dầu Dung Quất, những thất bại ê chề trên mặt trận ngoại giao như vụ cá ba-sa, những bất lực của một hệ thống giáo dục tồi bại điển hình qua việc khập khểnh tổ chức các kỳ tuyển sinh đại học, rồi trường đại học giả, bằng thiệt nhưng làm giả, quên đi một hệ thống y tế sát nhân với nhân viên bịnh viện coi bịnh nhân như chó mèo trâu ngựa.

Thi thoảng, một vài nhà báo mới 'mò ... ngựa' cho đỡ bực. Nhưng cũng chỉ là những chuyện vặt. Thí dụ vụ viên công an hình Phan Lê Sơn bị giết trong một quán nhậu ở quận 1. Ban đầu báo chí mô tả Sơn như một công an hình sự gương mẫu, chăm chỉ truy quét tội phạm, hiền lành. Nhưng trong khi đối chất và đối chiếu các lời khai giữa những người tham gia giết Sơn, thì Phan Lê Sơn bị giết... là phải: Sơn chạy honda đến quán ăn, rọi đèn vào mặt đàn em của Năm Cam đang ngồi nhậu, khi bị cự nự thì Sơn chửi thề và quát "Có biết ông nội mầy là ai không!" rồi xông lại đấm đá túi bụi người bị dọi đèn. Nói tóm lại, Phan Lê Sơn là người đại diện cho pháp luật. Nhưng là một thằng đại diện mất dạy.

Chính một số nhà báo cũng nhận xét như vậy. Ấm ức nên nhân lệnh trên bắt viết bài tường thuật, họ kể luôn những hành vi hình sự của công an hình sự. Nhưng những tiết lộ ấy cũng chỉ là chuyện vặt.

Có thể nói một cách... không khiêm tốn rằng, nếu tình hình kiểm soát thông tin ở Việt Nam vẫn như hiện nay thì chắc còn lâu tư duy của người Việt Nam trung bình mới phát triển ngang bằng người Miên, nơi mà tuyền thông đang càng ngày càng khá lên, khá hơn đất nước Việt Nam anh hùng nhiều lắm.

Năm ngoái khi vụ cháy tòa nhà Thương xá Sài Gòn (góc đường Công Lý cũ và Lê Lợi) xảy ra, sau một tuần tổng kết, báo chí loan báo chính thức số người chết là 57 người.

Thực sự không phải vậy. Chi tiết đầu tiên phải kể là khi lửa ngọn đang bốc cao, bà Phạm Phương Thảo (nguyên Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. HCM), hiện nay là Trưởng ban Tư tưởng và Văn hóa thành ủy, cũng tức tốc cho tài xế chở tới hiện trường. Câu đầu tiên khi bà nhảy ra khỏi xe, nhìn ngọn lửa bốc cao là: "Mấy cái két sắt có sao không?"

Thương xá Sài Gòn là tòa nhà năm tầng do Công ty quốc doanh Vàng bạc Đá quý, thuộc UBND, quản lý.

Khi đám cháy xảy ra, có một đám cưới trên tầng ba, và hằng trăm nhân viên của nhiều công ty đang làm việc. Số người nhảy lầu chỉ khoảng vài chục.

Một ngày sau, tờ *Thanh Niên* đưa tin 'ước tính trên 100 người thiệt mạng trong vụ hỏa hoạn ở Thương xá Sài Gòn.' Liền tối hôm báo đưa tin, thành ủy họp báo và bà Phạm Phương Thảo đính chính lại tin trên, nói phỏng định vài chục người. Tất nhiên tờ *Thanh Niên* phải đính chính lại sau đó.

Nhưng chính xác là bao nhiêu người chết? Theo một nhà báo giấu tên thì khoảng gần 300 người. Anh đưa ra các chứng cớ gồm số người hiện diện lúc hỏa hoạn, số người nhảy lầu xuống

đất, và chứng nhân là những người buôn bán quanh khu vực. Bưng bít số người chết vì chính phủ sợ quần chúng thêm bất mãn trước bất lực quá rõ ràng của chính phủ. Lính cứu hỏa tới và bất lực vì không có phương tiện chữa cháy, chưa kể một mớ lợi dụng hôi của trước chữa lửa sau. Nhưng sau đó tất cả lính cứu hỏa đều được tuyên dương. Một sự trơ trẽn vượt khỏi óc tưởng tượng của một người bình thường.

"Kiểm kê" những hiện tượng trên để thấy vai trò của thông tin, tác dụng hữu hiệu của việc ngu dân hóa qua kiểm soát thông tin, và để thấy cái nguy hiểm của nhiều lớp người lớn lên và ngu ngơ trong nền thông tin bị kiềm chặt.

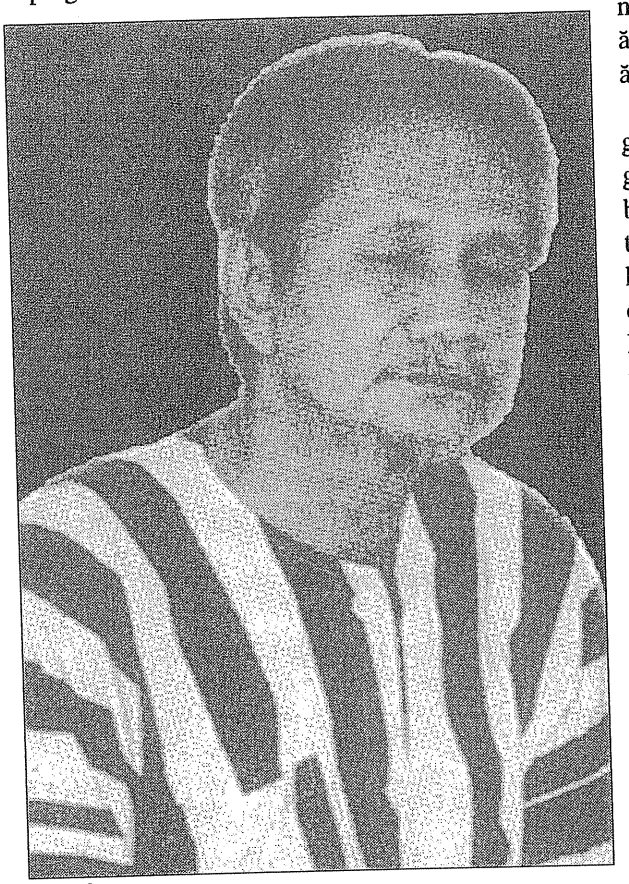
Năm Cam

Chính phủ đã đánh bóng những vụ án hình sự để tạo niềm tin nơi quần chúng.

Chính phủ tô điểm những vụ vi cảnh nhặt nhạnh để đánh lạc hướng quần chúng, như vụ bốn thanh niên đua xe đất tiền được cả một hệ thống báo chí thổi phồng như một biến cố lớn.

Những "biến cố" đó đã giúp chính phủ, hoặc ít nhất cũng làm giảm, những đôi mắt soi mói vào nền hành chính tan rã. Trong nhất thời người ta quên đi những vụ thất thoát vốn trong tất cả các công trình lớn nhỏ, những vụ chưa xây xong cầu đã gãy, hay vừa xây xong nhà đã sập.

Trong nhất thời quần chúng quên đi một nước Việt Nam bệ rạc, hư hỏng và tiêu tán.

Người ta đã dần cảm thấy bình thường trước những bằng chứng tàn phá môi trường hằng ngày. Người ta thấy bày bán ngay bên hông Dinh Độc Lập cả những con đại bàng, dây xích buộc vào chân, ủ rủ, buồn nhìn những hàng xe nườm nượp. Người ta thấy những con chồn dơn dác, những con nhím co ro, những thú rừng hiếm quý ngay giữa lòng Sài Gòn đô thị.

Người ta quên đi một Tây nguyên khô hạn không phải hoàn toàn do thiếu mưa mà do chính quyền đổ lỗi cho hạn hán để che dấu bất lực. Người ta quên đi cái câu hỏi là tại sao giữa những vùng hạn hán lại có những con suối rộng hàng chục thước tràn trề nước nhưng không ai sử dụng! Quần chúng đã quên thắc mắc vai trò của chính quyền, không thấy rằng chính chính quyền chứ không phải ai khác, phải tổ chức khai thác một hệ thống dẫn thủy nhập điền để dùng nguồn nước không hề cạn kiệt, thay vì chính phủ chỉ làm cái nhiệm vụ "kêu trời" để ăn xin nhân dân và đi ăn mày ngoài nước.

Ở một mức độ gay gắt, báo chí, dưới một guồng máy điều khiển bài bản, đã thành công trong việc đưa dư luận hướng tới những "biến cố" tầm phào. Điều ấy không còn là nguy cơ mà đang là một hiện thực.

Bằng những cách khác nhau, những người cầm bút ở nước ngoài cần thấy rõ hơn sự bức bách ấy, để viết nhiều hơn, viết bằng một tâm thái bình tĩnh, về những nguồn tin, về những thay đổi căn cơ, với một hy vọng và đau buồn là phần nào cân bằng lại những thông tin sai lạc trong nước, giảm những suy tư non trẻ của một đám đông rất đông dù đã già tuổi đời nhưng vẫn không có cách nào hơn là quanh quẩn với những lo toan và tư duy vặt vãnh, đang ở trong một đất nước khánh kiệt.

Nếu không làm được thế thì nên ngã mũ phong cho "anh" Năm Cam chức "liệt sỹ," vì ít ra "ảnh" cũng đánh ngã được nhiều "anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân," nhiều Trung ương ủy viên, dù "ảnh" không cầm bút vì chỉ học hết lớp ba tiểu học.

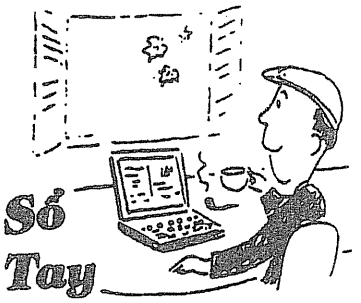

NGÔ NHÂN DỤNG

HỐI LỘ VÀ ĂN HỐI LỘ

Người đi đưa hối lộ với người ngồi ăn hối lộ, hai hạng đó ai có tội lớn hơn? Theo cách thi hành luật pháp của chế độ Cộng Sản ở Việt Nam thì các anh đưa tiền có tội nặng hơn cái anh ngồi nhận tiền. Nhưng đây vẫn là một câu hỏi rất đáng đặt ra, vì ai cũng muốn theo đạo công bằng. Và cũng vì phần lớn mọi người cũng muốn bài trừ bớt nạn tham nhũng.

Đưa hối lộ và ăn hối lộ giống như hai mặt của một đồng tiền, không thể có mặt này mà không có mặt kia. Nếu không có cái anh ngồi bàn giấy, giữ con triện và nắm quyền ký tên đóng dấu, và sẵn sàng nhận tiền thì không thể có người lo đi cửa trước cửa sau để đưa hối lộ. Bằng cớ là ở bên Mỹ này có ai muốn đưa hối lộ cũng rất khó vì khó tìm ra địa chỉ nhận tiền! Nhưng giữa hai bên, người đưa hối lộ và người nhận hối lộ thì tội bên nào nặng hơn?

Ông Trương Văn Cam bị kết án bẩy thứ tội khác nhau. Chưa kể tội giết người được coi là đáng chết, riêng tội "đưa hối lộ" cũng khiến các quan tòa cho một án tử hình. Trong vụ án Năm Cam này còn nhiều người bị kết tội vì đưa hối lộ nữa. Nguyễn Văn Nhã bị án chung thân nhưng trong đó ngoài tội hối lộ còn lý do chính là tội tổ chức đánh bạc. Coi như Năm Cam được chế độ đãi ngộ đặc biệt với án tử hình, còn mấy người đưa hối lộ hạng nhì thì chỉ được xếp đồng hạng 20 năm tù mà thôi.

Bà Phan Thị Trúc, vợ Năm Cam bị 20 năm tù vì tội đưa hối lộ. Con rể là Dương Ngọc Hiệp "Hiệp Phò Mã" cũng vì đưa hối lộ mà bị 20 năm. Trần Văn Thuyết là tay trung gian nắm trong tay mạng lưới đem tiền đi hối lộ giúp Năm Cam, bị 20 năm tù vì đi hối lộ (hối lộ cho người khác hưởng và bằng tiền của người khác.) Thuyết "Buôn Vua" còn bị bảy năm tù khác vì khi đi trung gian hối lộ chính anh ta cũng hưởng, tội "lợi dụng ảnh hưởng người có chức vụ quyền hạn để trục lợi." Tiếp theo đến những tay đưa hối lộ hạng ba, như Nguyễn Quốc Khánh, Tạ Đắc Lung, Nguyễn Thành Thảo, Triệu Tô Hà... bị từ 10 năm đến 15 năm tù.

Bây giờ đến mặt bên kia của đồng tiền hối lộ dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, đó là những người ăn hối lộ.

Bị án nặng nhất là Trần Mai Hạnh, mười năm tù, Phạm Sĩ Chiến bị sáu năm tù, cả hai đều vì tội nhận hối lộ. Trong khi đó Bùi Quốc Huy, nguyên trùm công an Sài Gòn, nguyên Thứ Trưởng Bộ Công An, thì không bị kết tội nhận hối lộ, chỉ bị bốn năm tù mà thôi. Các tay công an khác ở Sài Gòn từ Dương Minh Ngọc, sáu năm; Võ Văn Tâm đến Trần Văn Chính, bốn năm; rồi bọn loàng xoàng cấp dưới chỉ bị ba năm thôi.

So sánh hai bên, các quan ăn tiền và người dân nạp tiền, thì thấy cán cân công lý của chế độ Cộng Sản nghiêng hẳn lòng khoan hồng về phía các quan, coi nhẹ phía thường dân; vì bên đưa hối lộ bị phạt nặng nề còn phe nhận hối lộ coi như tội nhẹ, án tù chưa bằng một nửa.

Thực ra lấy công tâm mà xét thì bên nào có tội nhiều hơn? Nếu muốn so sánh thì đặt câu hỏi: Bên nào là nhân, bên nào là quả? Vì có anh đi đưa tiền hối lộ nên những người nhận tiền mới sa ngã? Hay là vì có những anh ngồi đó để bán quyền hành, ảnh hưởng lấy tiền nên người khác mới phải lo lót? Nêu vấn đề nhân quả rất khó trả lời dứt khoát, cũng giống như câu hỏi con gà có trước quả trứng hay quả trứng có trước con gà. Có khi hai loại người, đưa hối lộ và ăn hối lộ cùng là hệ quả của một cái gì thứ ba, đó mới chính là nguyên nhân!

Đặt câu hỏi đó thì thấy câu trả lời dễ hơn. Có thể nói cả Trương Văn Cam, Trần Văn Thuyết, và Trần Mai Hạnh, Phạm Sĩ Chiến đều là "con đẻ" của một chế độ trong đó phương pháp làm ăn sinh lời nhiều nhất không phải là trong thị trường kinh doanh, mà là trong thị trường mua bán quyền thế. Chế độ Cộng Sản từ bản chất không quan tâm đến pháp luật, chỉ căn cứ vào lập trường chính trị để bổ nhiệm quan chức, từ chức trùm công an đến chức tổng thư ký hội nhà báo. Vì họ không cần pháp luật nên quyền hạn của mỗi quan chức đều vô giới hạn, chỉ bị giới hạn bằng quyền của vị quan chức bên trên mình mà thôi. Trong một chế độ như vậy, việc mua bán quyền thế rất dễ xẩy ra. Công an bé phải ăn hối lộ để nộp cho công an lớn, công an lớn lại lo nộp cho công an lớn hơn, cứ như thế lên đến những người có quyền sai bảo, thăng chức, giáng cấp tay trùm công an lớn nhất, đó là Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản.

Trong một chế độ như vậy,

thị trường kinh doanh hàng hóa và dịch vụ bị khống chế bởi guồng máy quyền lực. Thị trường mua bán quyền lực quyết định thị trường kinh tế. Chỉ cần nghe biệt danh của mấy bị can là ta hiểu tính chất của thị trường này. Trần Văn Thuyết được gọi là "Thuyết Buôn Vua" chứng tỏ trong chế độ này món hàng Vua được mua, bán là chuyện bình thường ai cũng công nhận.

Nhưng trong vụ án Năm Cam này còn tay Hiệp Phò Mã. Dương Ngọc Hiệp là con rể Năm Cam mà được gọi là Phò Mã, tức con rể của Vua. Suy ra thì trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa ở nước ta khi nói Vua không phải chỉ nói đến ông Nông Đức Mạnh, mà còn chỉ bất cứ một tay trùm trong bất cứ lãnh vực nào. Miễn là có quyền trong tay đối với một nhóm người đều có thể gọi là vua của nhóm đó. Nông Đức Mạnh là vua mà Trần Mai Hạnh, Bùi Quốc Huy, Phạm Sĩ Chiến cũng là các ông vua một cõi cả. Thuyết buôn vua nghĩa là Thuyết buôn quyền lực của các ông vua lớn vua bé đó. Trần Văn Thuyết mua sỉ, bán lẻ, bọn Trương Văn Cam và đàn em là dân tiêu thụ, trả tiền. Thuyết đi mua hàng đem về bán, chứ không phải chỉ đóng vai nhà bưu điện chuyển thư hoặc vai mối lái bán địa ốc và chứng khoán. Cho nên khi luật sư của Thuyết bênh vực cho Thuyết xin tòa án đổi tội danh, không gọi là tội "đưa hối lộ" mà là tội "môi giới hối lộ" thì tòa án không cho. Theo tòa phán thì "toàn bộ số tiền của gia đình Năm Cam đều đưa cho Thuyết. Việc đưa quà hay tiền cho ai, đưa lúc nào đều do Thuyết toàn quyền quyết định." Nói tóm lại, quan tòa cũng đồng ý Thuyết là một nhà buôn sỉ, làm ăn lớn, xứng đáng với danh hiệu buôn vua.

Nhưng cuối cùng thì câu hỏi vẫn đặt ra, là tội bên nào nặng hơn? Nếu chúng ta nhìn thấy chế độ Cộng Sản là nguyên nhân gây ra tất cả thị trường mua bán quyền lực, thì những người trong mạng lưới ăn hối lộ và đưa hối lộ chỉ là tòng phạm. Chính phạm là chế độ Cộng Sản, truyền từ thời ông Stalin qua ông Hồ Chí Minh ăn rễ vào nước ta. Thủ phạm này cũng có mặt trong phiên tòa Trương Văn Cam, nhưng không ngồi ở hàng ghế bị cáo mà lại ngồi ở ghế quan tòa. Cho nên khi xử án, quan tòa có phần nhẹ tay đối với đồng đảng, nặng tay đối với người ngoài đảng. Không những các quan chức bị tội nhẹ hơn, mà họ vẫn còn giữ được nhiều quyền lợi nhờ có công lao đối với đảng. Tòa án đã "căn cứ vào thành tích cống hiến của Trần Mai Hạnh," tức là cống hiến cho đảng. Phạm Sĩ Chiến cũng được "xem xét đến quá trình công tác để giảm nhẹ một phần hình phạt." Và các tù nhân gốc quan chức chỉ bị cấm đảm nhiệm các chức vụ tại cơ quan nhà nước trong thời hạn năm năm thôi. Nếu vây cánh của họ còn vững thì khi ra khỏi tù họ vẫn có thể ngồi ở những cái ghế trong guồng máy đảng! Và những cái ghế đó mới sinh ra nhiều quyền lực. Khi đó, họ lại sẵn sàng đóng vai ngồi rao hàng "ai muốn mua vua không?"

VỤ ÁN "KHÔNG CHỐNG THAM NHŨNG!"

Báo chí ở trong nước khi tường thuật vụ Năm Cam đều theo đúng chỉ thị của Đảng Cộng Sản; họ không gọi vụ này là một "vụ án chống tham nhũng" mà luôn luôn nhấn mạnh đây là một "vụ án hình sự lớn nhất." Một nhà báo ngoại quốc không nhận được chỉ thị, đã hỏi ông chánh án Sài Gòn ngồi xử vụ này rằng ông ta có cho rằng vụ án này "gửi một thông điệp tới các quan chức tham nhũng khác hay không?" Chánh án Bùi Hoàng Danh đã cải chính, "phải xác định vụ này là một vụ án hình sự mang tính chất trị an, hoàn toàn không phải là vụ án chống tham nhũng!"

Anh chị em đồng chí thân yêu trong liên đoàn các nhà cách mạng tiền phong của giai cấp tham nhũng toàn thế giới bèn thở phào nhẹ nhõm! Đảng Cộng Sản Việt Nam không hề gửi một thông điệp nào cho anh chị em hết! Xin cứ tiếp tục phấn đấu làm ăn như thường lệ!

Quan tòa được phong chức là do Đảng đề bạt, ăn lương, nhận chỉ thị của Đảng, nói theo lời Đảng, đã làm đúng bổn phận của mình. Còn các nhà báo, nhận được chỉ thị ra sao mà trên báo chí cũng không ai dám gọi vụ án này là một vụ án chống tham nhũng cả? Trong hơn 150 bị cáo, hơn một nửa bị buộc tội "đưa hối lộ" hoặc "nhận hối lộ." Chỉ cần một người bị kết án "nhận hối lộ" thôi là đủ gọi đây là một "vụ án chống tham nhũng" rồi. Tại sao lại kiêng? Nếu nhận hối lộ không phải tham nhũng thì như thế nào mới là tham nhũng? Phải vừa nhận hối lộ vừa ngủ, vừa đút tiền vào túi vừa đọc Tạp Chí Cộng Sản, hoặc vừa hút thuốc lá mới gọi là tham nhũng chăng?

Một người ngoại quốc không nhận được chỉ thị của Trung Ương Đảng là giáo sư Carlyle Thayer thuộc Đại Học Quốc Gia Úc. Được đài BBC phỏng vấn, ông Thayer nhận xét, "Từ năm 1954 cho tới nay, chưa có vụ án tham nhũng nào lớn tới như vậy

tại Việt Nam." Hóa ra ông Thayer hiểu ý Đảng Cộng Sản Việt Nam còn hơn người Việt Nam. Ông gọi đây là "vụ án tham nhũng" chứ không phải là "vụ án chống tham nhũng" như chúng ta lầm tưởng! Ở Việt Nam từ năm 1954 đến nay có thể còn nhiều "vụ tham nhũng" lớn hơn vụ Bùi Quốc Huy, Trần Mai Hạnh, Phạm Sĩ Chiến, nhưng đem ra tòa để trở thành một "vụ án tham nhũng" thì đây là một kỷ lục.

Cuối cùng thì cả nước Việt Nam vẫn phải nghe lệnh Đảng không gọi vụ án này là một vụ án chống tham nhũng. Chẳng qua chỉ vì có hai ông ủy viên trong Trung Ương Đảng ra tòa! Ông Trần Mai Hạnh thì từng đóng vai cái loa tuyên truyền của Đảng và ra lệnh, sai bảo các nhà báo. Ông Bùi Quốc Huy thì từng đứng đầu công an Sài Gòn, mà các đàn em ăn hối lộ ngày đêm kiên cường không mỏi, nhưng chính ông lại không bị kết tội tham nhũng! Ông đã từng làm ủy viên trung ương, làm Thứ Trưởng Bộ Công An. Trong lúc băng đảng mafia hoành hành và mua chuộc quan chức tham nhũng bao nhiêu năm nhưng ông vẫn được coi là "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn!" Vì thế, dân chúng không được gọi vụ Năm Cam là một "vụ án chống tham nhũng!" Chống tham nhũng tức là chống các ủy viên Trung Ương Đảng, mà kết tội một ủy viên trung ương tham nhũng thì chẳng khác gì kết tội cả Đảng Cộng Sản!

Nhưng Đảng Cộng Sản biết lý luận biện chứng của vụ án này. Nếu gọi đây là một vụ án hình sự, đặc biệt chỉ xét xử các tội ăn cướp, gá bạc, tổ chức mãi dâm, giết người, vân vân, thì Đảng không đóng vai chính phạm trong đó. Có khi Đảng còn mở miệng kể công nữa. Vì nếu không có Đảng cầm cân nẩy mực độc quyền lãnh đạo thì các tay tội phạm đâu có thể làm ăn lớn và lâu dài như vậy được, để đưa chúng ra tòa?

Nếu gọi đây là một "vụ án chống tham nhũng" thì các đồng chí ủy viên trung ương phải đóng vai chính. Còn khi gọi đây là một vụ án giết người, cướp của, nuôi gái điếm thôi thì các ủy viên trung ương Đảng chỉ đóng vai "tòng phạm." Bọn Năm Cam, Thuyết Buôn Vua, vân vân là những kẻ chủ mưu gây tội ác, còn các ông Phạm Sĩ Chiến, Bùi Quốc Huy và các chiến sĩ công an thành đồng bảo vệ Đảng, họ chỉ tham dự một cách thụ động, có khi bất đắc dĩ, cũng giống như và không quan trọng gì hơn các người có máu tham đi đánh bạc, hoặc các cô gái dại dột đi làm nghề mại dâm trong các ổ do đám Năm Cam chỉ huy! Nếu không gọi vụ án này là một "vụ án chống mãi dâm" thì cũng không thể gọi là một "vụ án chống tham nhũng" được! Biện chứng pháp nói rõ ràng như vậy!

Vả lại, nếu gọi đây là một "vụ án chống tham nhũng" thì rắc rối lắm. Ai cũng biết tham nhũng ở Việt Nam và ở Congo giống nhau ở một điều này: Là những tay tham nhũng bán quyền lực nằm trong một mạng lưới sản xuất quyền lực, chứ không thể tự mình tạo ra quyền để mà bán được. Thuyết Buôn Vua đi mua sỉ quyền lực, đem về bán cho vợ chồng Năm Cam, chứ chính hắn không thể sản xuất ra quyền hành mà bán lẻ. Tại sao các viên công an ở Sài Gòn lại có quyền bắt người này, tha người khác, làm giấy giả, vân vân? Vì họ được ông Bùi Quốc Huy ở trên trao quyền. Tại sao các ông Bùi Quốc Huy, Phạm Sĩ Chiến lại có khả năng khi bắt khi tha? Vì các ông được Đảng trao quyền. Tại sao ông Trần Mai Hạnh mang danh một nhà báo, một giám đốc đài phát thanh, mà lại khiến cho người ta phải đem đô la đến nộp chạy cho chồng được tha sớm? Vì ông Hạnh là một ủy viên trung ương Đảng, mà đó là những người được Đại Hội Đảng bầu ra, nắm độc quyền sinh sát trên cả nước! Nếu cứ đi lần tìm từ cấp dưới lên trên, lần mãi tới trên đỉnh thì phải thấy còn có những người ngồi trên đầu các ông Quốc, ông Hạnh, vân vân. Thấy ông Trương Tấn Sang, cựu Bí Thư Thành Ủy Hồ Chí Minh. Thấy ông Võ Văn Kiệt, đứng đầu thành Hồ trước ông Sang và từng làm Thủ Tướng Chính Phủ. Cứ như vậy, không một tay tham nhũng nào có thể làm ăn mà không có dù che, ở dưới cần dù nhỏ, càng lên cao càng phải có dù lớn.

Muốn chống tham nhũng thì phải chặt tới những ô dù lớn, nếu chỉ đánh vào cấp dưới thì không khác gì gãi gãi bên ngoài da mà tính chữa bệnh phong cùi. Cho nên vụ án Năm Cam mang được những tay uy quyền cao cấp nhất là ủy viên trung ương Đảng, vẫn phải coi là một vụ án hình sự, không phải một "vụ án chống tham nhũng."

Nếu một đảng độc tài muốn chống tham nhũng thì phải làm như một vị "tể tướng" hồi thế kỷ 17 bên Pháp, là Richelieu. Tể Tướng Richelieu phò vua Louis thứ 13 trong một giai đoạn lịch sử khó khăn, chế độ phong kiến đang cản trở không cho chính quyền quân chủ thống nhất nền cai trị, và xung đột tôn giáo chia đôi dân Pháp trong đủ mọi giới. Khi hàng ngàn nhà quý tộc chống lại vua Louis XIII và

Richelieu, ông đã dùng các hình phạt rất mạnh. Có người trách ông tàn nhẫn quá, Richelieu trả lời: "Không có gì bảo vệ giềng mối pháp luật tốt bằng cách trừng phạt những người ở cấp cao với những tội phạm lớn tương đương!"

Các ông Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải đều ra rả nói chuyện chống tham nhũng. Nhưng đến lúc bắt được những con cá tham nhũng lớn nhất cỡ trung ương Đảng thì các ông lại co vòi, không dám gọi tên tham nhũng là tham nhũng! Không dám gọi đây là một vụ án chống tham nhũng để làm gương nữa! Cho nên phải suy ra rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam chưa muốn chống tham nhũng thật sự!

Anh chị em chiến sĩ tham nhũng nhân dân toàn thế giới, hãy tập hợp lại!

Chú thích: Đọc Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ, ta quen gọi là Hồng Y Richelieu. Nhưng nên gọi ông là tể tướng. Tuy ông được phong Hồng Y nhưng vai trò chính của ông là chính trị. Nhiều lúc ông theo quyền lợi nhà vua đi ngược với chủ trương của Giáo Hoàng.

CUỐI CÙNG AI CŨNG ĐÒI TỰ DO

Vừa rồi, một số sinh viên đại học ở Teheran, thủ đô xứ Iran, tuyệt thực không ăn cơm tối để phản đối dự án bắt sinh viên phải đóng học phí, trong chương trình gọi là tư nhân hóa các đại học. Từ trước đến nay các đại học ở Iran vẫn là trường công lập và miễn phí, giống như các đại học công lập ở Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975. Tổng Hội Sinh viên Teheran kêu gọi bãi khóa và bỏ bữa cơm tối ở quán ăn sinh viên.

Cuộc tuyệt thực phản đối dự tính sẽ ôn hòa và chỉ diễn ra trong khuôn viên đại học, nhưng khi các sinh viên đã tập họp là có chuyện. Nhiều người lên phát biểu ý kiến. Vì có những sinh viên thấy quyền tự do học vấn của họ không thể thực hiện được nếu cả nước Iran chưa có tự do. Một sinh viên nói: "Chúng tôi muốn có tự do tư tưởng!" Nhiều sinh viên khác hô khẩu hiệu: "Phải thả các tù nhân chính trị!" và tất cả hoan hô. Và sau đó nhiều sinh viên kéo nhau ra đường vào lúc nửa đêm. Dân chúng Teheran hưởng ứng cũng xuống đường; bà Fariba một phụ nữ 46 tuổi nói: "Chúng tôi đến đây để hỗ trợ các sinh viên."

Trong một thành phố 15 triệu dân thì mấy trăm người biểu tình có thể bị đàn áp và dẹp tan rất nhanh không để lại dấu vết, nếu đó là một thành phố ở Việt Nam, Bắc Hàn hay Trung Quốc. Ngay trong buổi tối, công an và cảnh sát đặc biệt của chính phủ Iran đã bắt giữ trên 80 người. Nhưng ngày hôm sau cuộc biểu tình đã lan rộng thành mấy ngàn người và họ đòi các quyền tự do dân chủ, chứ không phải chỉ phản việc đối biến đại học công thành trường tư mà thôi. Bộ Trưởng An Ninh chính phủ Iran tố cáo những người biểu tình "do ngoại quốc giật dây," vì có một đài truyền hình của người Iran lưu vong ở Los Angeles đã loan báo tin biểu tình và kêu gọi dân Iran đứng lên đòi tự do, dân chủ. Nhưng người dân Iran biết họ muốn gì, không cần ai giật dây cả. Khi công an đàn áp thì cuộc biểu tình đã biến thành bạo động, đập phá nhà cửa, đốt xe, các hành động này có thể do công an tổ chức để lấy cớ đó dẹp tan phong trào sinh viên.

Năm 1979 người Iran đã đứng lên lật đổ chính quyền của vị cựu quốc vương để các giáo sĩ mở đầu một chế độ Cộng Hòa Hồi Giáo, trong đó các vị giáo sĩ cao cấp nắm quyền tuyệt đối không khác gì Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ nhân danh Hồi Giáo hạn chế các quyền tự do của người dân. Nhưng ngay trong giới giáo sĩ cũng có nhiều người cấp tiến và từ hai năm nay vị tổng thống dân cử Mohammad Khatami đã đưa ra nhiều cải cách dân chủ hóa. Ông bị các giáo sĩ thủ cựu ngăn cản và trở thành bất lực.

Dân Iran đã nhẫn nhục chịu đựng chế độ độc tài 24 năm qua, một chế độ chỉ giỏi khoa trương lý thuyết trong khi đưa hàng triệu thanh niên vào cõi chết trong cuộc chiến tranh với Iraq 20 năm trước đây. Một đại biểu quốc hội Iran nói: "Tôi không ngạc nhiên nếu trong tương lai sẽ còn nhiều cuộc biểu tình khác. Cả xã hội nước tôi giống như một cái lò đầy hơi đốt, chỉ chờ một tia lửa là bật cháy!"

Các nước đang sống dưới chế độ độc tài đều giống như những thùng thuốc nổ chỉ chờ một ngọn lửa là bốc cháy. Sinh viên và dân chúng Iran đã châm một ngọn lửa, nhưng chính quyền độc tài của các giáo sĩ vẫn còn khả năng dập tắt ngọn lửa này. Trong khi đó, ở Trung Quốc cũng mới phát động một phong trào đòi các quyền tự do dưới một hình thức ôn hòa, nhưng có thể gây ảnh hưởng sâu xa và lâu dài không kém.

Ba giáo sư trẻ ở Trung Quốc đang gây xôn xao trong giới trí thức vì đã công khai đưa ra một đề nghị nhỏ: Yêu cầu đảng Cộng Sản hãy thi hành bản hiến pháp của họ! Đây là một đề nghị nhỏ, vì các vị giáo sư này chỉ nhắm vào quyền tự do của một loại người dân ở Trung Quốc, là các di dân đang lang thang đi kiếm

việc làm tại các thành phố trong khắp cả nước. Nhưng con số các lưu dân này lớn hơn dân số Việt Nam: khoảng 100 triệu người. Riêng ở Bắc Kinh có ba triệu người bị coi là sống không hợp pháp.

Trong một bản kiến nghị đưa lên Quốc Hội Nhân Dân được nhiều tờ báo của đảng Cộng Sản loan tin, các giáo sư đã công kích chính sách đối đãi của cảnh sát công an với các lưu dân này. Những người dân chỉ có một tội là đi tìm việc làm để sống nhưng có thể bị công an bắt bớ, giam giữ, phạt tiền, có khi còn đánh đập, bất chấp các thủ tục pháp lý, và không được một cơ quan chính quyền nào giám sát.

Bản kiến nghị được đưa ra từ tháng trước, nhân xảy ra vụ công an đánh chết một người lưu dân ở thành phố Quảng Châu, thủ phủ tỉnh Quảng Đông. Nhưng bản kiến nghị không phải chỉ nêu lên một trường hợp đơn lẻ mà đặt một vấn đề lớn hơn, khi tố cáo hệ thống hình sự này "trái ngược với hiến pháp và luật lệ của xứ sở" và nhân danh quyền của các công dân yêu cầu các đại biểu quốc hội phá bỏ hệ thống đó.

Giáo sư Tô Từ Vĩnh (Xu Zhiyong), 30 tuổi, dậy ở luật khoa đại học Viễn Thông Bắc Kinh là tác giả của bản kiến nghị này. Ông nói, "Chúng tôi muốn nhân một trường hợp cụ thể này tranh đấu cho các quyền hiến định khác, nói chung." Hiện nay chế độ Cộng Sản ở Trung Quốc vẫn dành độc quyền lãnh đạo như đảng Cộng Sản Việt Nam, một số nhà trí thức đã đem một vấn đề coi như là nhỏ để yêu cầu thay đổi, và vấn đề đang được nêu ra là cải cách pháp luật, cho nên có thể được đảng Cộng Sản Trung Quốc cho phép đem ra thảo luận. Một giáo sư Luật Học đã phê bình bản hiến pháp Trung Quốc chỉ là "một mớ những khẩu hiệu" không có ích lợi gì, mặc dù trong đó ghi đủ các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp hay tự do cư trú. Nhưng trong thực tế các luật lệ do đảng Cộng Sản đưa ra tước bỏ các quyền căn bản đó. Trong tháng trước có bốn nhà trí thức mới bị kết án tù vì yêu cầu thảo luận về dân chủ hóa.

Giáo sư Tô và hai bạn đồng nghiệp đều 30 tuổi và tốt nghiệp đại học Luật Khoa ở Bắc Kinh. Nhiều luật gia khác đã công khai ủng hộ họ, nêu vấn đề căn bản pháp lý của các hàng động bắt giữ các lưu dân tìm việc làm ở các thành phố. Năm nhà trí thức khác cũng ký một kiến nghị thứ hai. Ông Hà Duy Phong (He Weifang), chủ bút tạp chí Luật Học Đại học Bắc Kinh là tác giả bản kiến nghị thứ nhì, tố cáo hệ thống công an bắt giam các lưu dân "là lạm dụng quyền hành và vi phạm các quyền căn bản của con người. Phá bỏ hệ thống đó là một bước quan trọng để xây dựng một xã hội có luật pháp."

Hàng trăm triệu người dân Trung Hoa sống trong nước họ nhưng không có quyền cư trú, không có quyền làm việc, có thể bị công an bắt bất cứ lúc nào. Mỗi ngày họ đứng chờ ở các ngã tư, nhà ga, bến tầu, họp Chợ Cơ Bắp như ở Giảng Võ, Hà Nội, đứng mãi mỏi chân thì ngồi, nếu chưa bị bắt. Chính quyền Cộng Sản Trung Quốc đối xử với họ giống như những dân Mễ sống ở Mễ Tây Cơ nhưng bị coi là "người Mễ!" Các nhà trí thức Trung Quốc đã đòi hỏi một cách khiêm tốn, chỉ đòi cho các công dân quyền được đối xử theo bản hiến pháp đã ghi!

Đây là một tấm gương cho những người tranh đấu dân chủ ở Việt Nam. Một nhà trí thức Việt Nam mới qua thăm California nói rằng: Vấn đề nan giải của nước ta là chính người dân không biết họ có quyền! Khi chính quyền Cộng Sản chi tiêu cho một chương trình gì, thì họ bắt dân phải "biết ơn Đảng!" Cho nên dân cũng không biết tiền đó chính là tiền của mình, chứ không có đảng nào làm ra cả! Trong khi chúng ta vẫn đòi đảng Cộng Sản phải tôn trọng các quyền tự do cơ bản, như quyền tự do sinh hoạt tôn giáo, tự do báo chí, tự do hội họp, thì những người tranh đấu cũng phải tìm hiểu đời sống của những người dân bình thường nhất mà các quyền hiến định của họ, được ghi trong hiến pháp nhưng mỗi ngày vẫn đang bị xúc phạm.

Đối với nước Trung Hoa 01 tỷ 300 triệu người thì một triệu người bị bắt bớ trái phép có thể không được ai quan tâm. Nhưng giới trí thức ở một nước có bổn phận nhìn thấy xa hơn mọi người; và ở Trung Hoa các thanh niên trí thức đã tìm thấy một mục tiêu tranh đấu cụ thể, cho những con người cụ thể. Từ đó, họ có thể đánh thức người dân về các quyền tự do mà họ phải được hưởng. Những người tranh đấu dân chủ Việt Nam cần học kinh nghiệm này, cuộc tranh đấu cho nhân quyền có thể bắt đầu bằng những bước khiêm tốn nhưng đằng sau đó là những vấn đề căn bản của xã hội.

Và các đảng Cộng Sản ở Việt Nam và ở Trung Quốc cũng nên nhìn vào bài học ở Iran. Nếu những cuộc tranh đấu khiêm tốn của các ông Tô Từ Vĩnh và Hà Duy Phong bị đàn áp thì thùng

thuốc súng sẽ ngày càng nặng hơn, sẽ có ngày được một tia lửa nhóm lên!

DÂN CHỦ LÀ GÌ?

Khi loan tin về bản án 13 năm tù mà tòa án Hà Nội mới xử bắt ông Phạm Hồng Sơn phải chịu, một tờ báo ở Thái Lan gọi ông là một "nhà làm báo internet." Và họ đã nêu ra một hành động khiến ông Sơn bị xử tù về "tội gián điệp." Đó là ông đã đăng trên địa điểm mạng lưới (website) của ông bản dịch một bài tiểu luận có nhan đề "Dân chủ là gì?"

Phần lớn đồng bào ta ở Việt Nam không dùng máy vi tính. Hoặc nếu được dùng máy cũng không có dịp vào internet. Cho nên, chắc đa số bà con ta không biết "bài báo" do ông Phạm Hồng Sơn dịch đã giải thích hai chữ Dân Chủ như thế nào.

Nhưng đọc tin bản án xử ông Phạm Hồng Sơn thì dù không đọc chữ giải thích về chế độ dân chủ, người ta vẫn có thể nhận ra ngay một xã hội như thế nào thì phải coi là không có dân chủ.

Khi một người dân chỉ tìm cách mang đến cho nhiều người đọc một bài báo định nghĩa "Dân chủ là gì" mà người dân đó bị bắt bỏ tù, như vậy cũng đủ cho ta nhận ra rằng chế độ này không có dân chủ. Giống như Maynard Keynes nói: "Bảo tôi định nghĩa Con Voi là gì thì tôi không biết nói sao, nhưng nếu thấy con voi là tôi nhận ra nó liền." Có thể bắt chước Keynes mà nói: "À! Trông thấy con chó thì tôi biết ngay nó không phải là con voi."

Tờ nhật báo ở Thái Lan cũng nhắc lại trong một năm qua chính quyền Hà Nội đã bỏ tù sáu người bất đồng ý kiến, tranh đấu cho tự do dân chủ. Trong đó có luật gia Lê Chí Quang, ông bị bốn năm tù vì "tội phổ biến các tài liệu chống Đảng và nhà nước Cộng Sản." Người dân Thái Lan đọc tin này chắc mừng rỡ đã may mắn thoát nạn. Trong thập niên 1960-70 phong trào Cộng Sản ở Thái Lan cũng lên mạnh, hàng chục ngàn thanh niên, sinh viên đã bỏ nhà vào bưng theo các cán bộ của Liên Xô hoặc Mao Trạch Đông để "giải phóng công nhân, nông dân," xây dựng một thiên đường vô sản. Đến một lúc, Quốc Vương Thái Lan ra lệnh các ông tướng phải mở một chiến dịch chiêu hồi, bất cứ ai bỏ khu trở về được trở lại đời sống bình thường, hứa không ai tra hỏi một câu nào cả. Hàng chục ngàn thanh niên Thái lại trở về nhà, tiếp tục đi học. Bây giờ có người làm ruộng, nhiều người đi dạy học, nhiều người làm kỹ sư, làm nhà báo. Dân Thái Lan may mắn không bị "giải phóng!" Không bị cùm tay dắt lên chủ nghĩa xã hội!

Dân Thái Lan không biết tu từ kiếp nào mà trong hai thế kỷ qua họ không bị các nước Tây Phương chiếm làm thuộc địa. Trong khi đó Ấn Độ, Miến Điện ở phía Tây, Cam Bốt, Lào, Việt Nam ở phía Đông, cả Trung Quốc ở phía Bắc, Mã Lai ở phía Nam đều bị các nước Tây Phương chiếm để khai thác và bóc lột. Các hoàng đế Rama III và Rama IV, đồng thời với vua Tự Đức và các vua Hiệp Hòa, Đồng Khánh triều Nguyễn ở nước ta. Nhưng các vị vua Thái Lan đã mở cửa giao thương với các nước Âu Châu một cách đồng đều, cho họ cạnh tranh và kiềm chế lẫn nhau. Và các vị vua Thái này đã tìm học ở Tây Phương, thay vì "đóng cửa dạy nhau." Vua Rama III đã cho hoàng thái tử sang Anh du học. Trước khi về, ông hoàng còn đi qua Đức và du lịch nước Pháp để mở rộng tầm kiến thức.

Tinh thần cởi mở của các vua Thái Lan chắc là kết quả của kinh nghiệm nhìn thấy các nước trên thế giới người ta tiến bộ hơn dân mình như thế nào. Nhờ hiểu biết rộng rãi, họ khiêm tốn hơn, không như các vua quan triều Nguyễn cứ khăng khăng coi mình là "đỉnh cao trí tuệ" chỉ thua có thiên triều Trung Quốc! Chiếc xe hơi đầu tiên chạy ở Thái Lan là quà tặng của Nữ Hoàng Victoria cho vua Thái, chắc đó là lý do nước này lái xe bên trái như người Anh. Thái Lan đã biết dùng tài ngoại giao quốc tế để thoát nạn ngoại xâm. Không những giao du với các nước Anh, Pháp thường vẫn đem quân đi chinh phục thuộc địa ở Á Châu, Thái Lan còn bắt liên lạc với Nga, một cường quốc Âu Châu xa tít, nhưng là thế lực cân bằng với Pháp, Đức, Anh. Năm 1890 vua Thái Lan đã tiếp đón hoàng thái tử Nga, Sa Hoàng Nikolai II sau này. Năm 1897 vua Rama IV đã đi thăm Nga, một chuyến đi có ảnh hưởng ngoại giao lịch sử. Lúc đó Nga vừa mới thua Nhật trong một trận hải chiến. Năm nay Thái Lan sắp đón tiếp Tổng Thống Nga Putin, sau khi Thủ Tướng Thái đã sang Mỹ gặp Tổng Thống Bush, một chuyến đi bị phe đối lập ở Thái chỉ trích, bảo rằng ông Thaksin đi "bệ kiến Thiên Triều." Vì trước khi ông đi, chính quyền đã bắt giữ ba nhân sĩ Hồi Giáo, gọi họ là quân khủng bố, căn cứ vào lời khai của một tay tình nghi khủng bố người Singapore. Thủ Tướng Thái phải đích thân "cực lực cải chính" rằng việc chính quyền địa phương bắt giữ ba người đó

là do tin tình báo chứ nước Mỹ không dính dáng gì đến cả. Và chính ông Thaksin cũng nói rằng chưa có thể xác định ba người đó có liên hệ đến tổ chức Hồi Giáo cực đoan DI ở Singapore hay không. Trong lúc đó, các viên chức chính phủ ở các tỉnh phía Nam đi gặp gỡ các nhân sĩ Hồi Giáo để giải thích tạo niềm thông cảm, chứng tỏ chính phủ có lắng nghe những lời phản đối của người dân.

Người dân Thái Lan quen nghe các ý kiến chỉ trích chính phủ từ lâu rồi. Cho nên khi đọc tin những nhà trí thức ở Hà Nội bị tù chỉ vì đem in hoặc cho lên internet những bài báo khuyên đảng Cộng Sản phải tôn trọng các quy tắc dân chủ, thì họ biết ngay chế độ Cộng Sản không có chút nào là dân chủ. Cũng như trông con chó biết ngay không phải con voi! Tờ báo Thái Lan loan tin ông Phạm Hồng Sơn bị tù còn nêu lên rằng các tổ chức nhân quyền và báo chí tự do trên thế giới đã lên án chính quyền Cộng Sản Việt Nam đang thực hiện một kế hoạch đàn áp những người không đồng ý với đảng Cộng Sản, để cho không ai dám nói gì nữa.

Người dân Thái Lan quen với các ý kiến chỉ trích chính phủ từ lâu và họ biết rằng điều đó có ích lợi chung cho cả xã hội. Nếu cứ để cho chính phủ muốn làm gì thì làm, không ai được nói, thì xã hội không thể tiến bộ. Đặc biệt là nạn tham nhũng không thể giảm được.

Ở Thái Lan các quan chức cũng biết tham nhũng, không kém ở bất cứ nước nào. Nhưng khi các tờ báo đều có quyền tố giác những hành động tham nhũng, lạm quyền của các ông quan to nhất, thì nạn tham nhũng phải được giảm bớt. Ngay trong mục thư độc giả cũng có những lời tố cáo cảnh sát tham nhũng! Ở một nước dân chủ, người ta không bịt miệng các nhà báo. Có những nhà báo tốt, nhà báo xấu, ở đâu cũng vậy; nhưng nếu vì có một người xấu mà cấm tất cả những người khác không được làm báo tự do thì cả xã hội bị thiệt thòi. Vì người dân ở bất cứ xã hội nào cũng cần được thông tin và nghe các ý kiến khác nhau.

Cho nên chỉ cần thấy một chính quyền sợ nhà báo, không cho phép nhà báo săn tin, điều tra tin tức, không cho phát biểu các ý kiến ngoài tiếng nói của nhà nước, ta biết ngay đó là một xã hội không có tự do, dân chủ.

Khi Đảng Cộng Sản Việt Nam cho tòa án xét sử ông Phạm Hồng Sơn, họ cấm các nhà báo ngoại quốc không cho vào dự khán! Riêng điều đó cũng chứng tỏ đây là một quốc gia không có dân chủ rồi! Rõ ràng không phải là con voi! Một viên công an gác tòa án Hà Nội nói với các phóng viên ngoại quốc rằng: "Đây là một chuyện nội bộ của Việt Nam, các ông không được vào!" Lối lý luận đó không nghe được. Trong một làng mà có một người đánh đập vợ con thì cả làng phải xúm vào can, không can thiệp được thì phải còng tay anh ta mang ra tòa. Thế giới bây giờ như một ngôi làng, nhà nọ ngó sang nhà kia. Chỉ có nước Việt Nam lạc hậu cứ đóng cửa để tha hồ bắt bớ những người tranh đấu cho tự do, dân chủ. Riêng cái cảnh đóng cửa, bưng bít "chuyện trong nhà" như vậy đủ thấy đó là một nước không dân chủ.

Khi các ngoại trưởng khối ASEAN yêu cầu chính quyền quân phiệt Miến Điện trả tự do cho bà Aung San Suu Kyi, họ đã nhân danh các giá trị nhân bản của cả loài người mà can thiệp vào chuyện nội bộ của một nước hội viên. Bao giờ các chính phủ ASEAN mới ngó đến nước Việt Nam của chúng ta?

Cả ngôi làng thế giới đang theo dõi vụ án Phạm Hồng Sơn. Khi báo chí khắp nơi loan tin vụ án này, với những nhận xét, phê bình của họ, trích dẫn những lời lên án của các tổ chức Nhân Quyền Quốc Tế, của Ủy Ban Quốc Tế Bảo Vệ Nhà Báo, cả làng thế giới biết dân Việt Nam bây giờ vẫn còn sống dưới một chế độ lạc hậu trước thế kỷ 18! Ngày xưa vua quan nhà Nguyễn đã quyết tâm đóng cửa quốc gia, nhắm mắt bịt tai trước các tiến bộ khoa học kỹ thuật của nước ngoài, cho nên nước ta chịu cảnh lạc hậu suốt hai thế kỷ. Ngày nay các vua quan Cộng Sản lại tiếp tục chính sách đó bưng bít trong ngoài đó, không chấp nhận các giá trị nhân bản của loài người. Làm người Việt Nam bây giờ đi ra nước ngoài là bị người ta nhìn bằng con mắt khinh bỉ. Vì mọi người biết rằng một quốc gia còn giữ thói tục độc tài hủ lậu như vậy sẽ còn chậm tiến mãi, sẽ tụt hậu thêm một thế kỷ mới này nữa!

Hy vọng rửa nhục của dân tộc ta hiện nằm trong tay những thanh niên trong thế hệ Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, những người trong lớp tuổi 20, 30 không biết sợ và nhất định không chịu sống nhục nhã mãi. Làm sao không nhục được khi trông thấy nòi giống mình thua kém tất cả các nước láng giềng từ thế kỷ này sang thế kỷ khác?

"KHAI BÁO ĐẦY ĐỦ" LÀ QUI TẮC THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT

THANH THẢO

Sau vụ tai tiếng tạo bất an trong thương trường của công ty ENRON, các công ty có bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đã áp dụng qui tắc "khai báo đầy đủ", tạm dịch từ "full disclosure" trong kỳ bầu cử thành viên hội đồng quản trị và chủ tịch năm nay. Công ty Wal-Mart chẳng hạn, chứng tỏ "khai báo đầy đủ" là qui tắc thương mại tốt nhất! Đại công ty Wal-Mart không phải là công ty duy nhất thực hiện điều này.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, công ty Wal-Mart, một đại công ty bán lẻ lớn nhất nước Mỹ, đã liệt kê danh sách những vị giám đốc hoặc thành viên hội đồng quản trị có liên hệ gia đình với những cựu giám đốc, chủ tịch, hoặc thành viên hội đồng quản trị công ty, ít nhất là kể từ năm 1999. Cao nhất trong danh sách những nhân vật "nặng ký" này có ông Rollin Ford, một phó tổng giám đốc đương nhiệm, là con rể của ông Donald Soderquist, cựu phó chủ tịch công ty. Ông Sorderquist đã rời hội đồng quản trị công ty Wal-Mart năm ngoái.

Ngoài Wal-Mart, các công ty lớn trên thương trường Hoa Kỳ từ công ty viễn thông Sprint đến công ty tài chính chứng khoán Charles Schwabb cũng bắt đầu công bố đầy đủ liên hệ mật thiết giữa những thành viên hội đồng quản trị và những nhân viên khác trong công ty. Trong đợt này, các cổ đông được biết trên một tá nhân viên có liên hệ gia đình trực tiếp với Tổng Giám Đốc đang làm việc tại công ty chuyên cung cấp bộ phận xe hơi Lear. Không những chỉ có anh em, con trai, con gái mà cả hai con rể của ông Tổng Giám Đốc đều giữ những chức vụ quan trọng tại đây.

Đưa thành viên gia đình vào giữ các chức vụ quan trọng trong công ty mình làm giám đốc có gì sai đâu? Điều này nhiều công ty vẫn làm xưa nay đâu có thấy ai hỏi đến hoặc cần biết đến, đúng không?

Tại sao các công ty lớn lại đột nhiên quyết định công bố đầy đủ những mối liên hệ gia đình trực thuộc của các nhân viên? Cho đến nay Ủy Ban Kiểm Soát Thương Mại Liên Bang chưa có thay đổi nào về quy định phải công bố những điều trên. Muốn hiểu rõ chiều sâu của vấn đề chúng ta cần lướt qua những điều chính liên quan đến công ty có trao đổi cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Những công ty nhỏ, do một cá nhân, vài cá nhân hay một đại gia đình làm chủ và không bán cổ phiếu ra ngoài để gây vốn có quyền nhận nhân viên là người thân của mình và giao bất cứ trách nhiệm nào trong công ty cũng được. Là cơ sở tiểu thương không ảnh hưởng trực tiếp đến sự an nguy tài chính công cộng, các công ty này chỉ có trách nhiệm với nhân viên của công ty và với các cơ quan chính quyền liên quan đến ngành nghề công ty đang hoạt động.

Trái lại, những công ty có trao đổi cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thường là những công ty cỡ trung hoặc cỡ lớn. Khả năng hoạt động của các công ty này ảnh hưởng trực tiếp đến vốn liếng tài chính của những cổ đông đã bỏ tiền đầu tư mua cổ phiếu. Các cổ đông này gồm các công ty đầu tư tài chính, các xí nghiệp, hoặc người tiêu thụ nói chung. Quyền lợi của cổ đông cần được bảo vệ theo qui định Ủy Ban Kiểm Soát Thương Mại đã đề ra.

Đợt khủng hoảng gian lận kế toán tài chính cuối năm 2001 mở đầu bằng trường hợp công ty ENRON, tiếp nối bằng sự sụp đổ của những đại công ty khác như WorldCom... đã gây chấn động thị trường chứng khoán, làm hàng triệu cổ đông mất vốn đầu tư và khiến giới đầu tư mất tin tưởng vào thị trường chứng khoán nói chung. Một trong những vấn đề chính gây bất an trong giới đầu tư là việc các công ty không khai báo đầy đủ những dữ kiện quan trọng về khả năng hoạt động của công ty, về mức lợi tức và phúc lợi khác các nhân viên cao cấp được hưởng, ngay cả về khả năng điều hành của các nhân viên cao cấp này. Cho đến nay niềm tin của giới đầu tư vào thị trường phố Wall vẫn còn được kể là ở mức rất thấp.

Ngày 19 tháng Năm 2003 Ủy Ban Kiểm Soát Thương Mại Liên Bang thỏa thuận nhận số tiền phạt lên đến $500 triệu Mỹ Kim từ công ty MCI (trước đây

là công ty WorldCom), vì gian lận kế toán tài chính. Điều này chứng tỏ những cá nhân hay một nhóm người phạm luật sẽ bị trừng phạt nặng. Số tiền phạt này cao gấp 50 lần mức phạt cao nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Đi xa hơn, Ủy Ban Kiểm Soát Thương Mại Liên Bang còn buộc các công ty vi phạm không được xin hoàn lại tiền phạt từ phần tiền bảo hiểm bồi thường và không được tìm cách trừ số tiền này khỏi phần lợi tức phải đóng thuế.

Nhân viên Ủy Ban Kiểm Soát Thương Mại còn tìm mọi cách đưa những người vi phạm luật hình sự ra tòa. Nếu bị kết tội những người vi phạm sẽ đành ngồi bóc lịch trong tù chờ ngày mãn án tội lừa gạt công chúng.

Có thể chỉ vì lo xa mà các công ty đã tự nguyện khai báo đầy đủ liên hệ giữa các cá nhân hay nhóm người đang làm việc trong công ty. Ít nhất, nếu điều này không trở thành quy luật trong tương lai thì những cổ đông cũng không thể khiếu nại mình không biết rõ liên hệ giữa các nhân viên cao cấp trong công ty. Trong thương trường, nhìn xa thấy rộng và đi trước đối thủ vẫn là điều tốt.

TẶNG KHÔNG SẢN PHẨM ĐỂ THU LỢI

THANH THẢO

Tuần qua đi mua cereal (thức ăn sáng khô) với các con, Thanh Thảo được đề nghị nên mua thử loại cereal hiệu Kellogg's có hình chú cọp màu cam. Lý do vì hãng chế thực phẩm Kellogg's đang có chương trình quảng cáo mới, tặng không những dịp nghỉ mát cuối tuần do hãng hàng không American Airlines đài thọ cho những người may mắn được chọn bằng hình thức xổ số. Người muốn được nằm trong số được chọn chỉ cần cắt và gửi về Kellogg's những mẩu nhỏ có những số mật mã trên hộp chứa cereal.

Phản ứng thông thường của người tiêu thụ khiến Thanh Thảo không khỏi thắc mắc chẳng lẽ mấy công ty hàng không dân sự như American Airlines thua lỗ chưa đủ hay sao mà còn định tặng không vé máy bay? Kinh doanh kiểu này làm sao thu lợi?

Thắc mắc của Thanh Thảo được giải thích rõ ràng trong bản tin vắn trên tạp chí *BusinessWeek* số phát hành June 16, 2003. Theo bản tin này hiện nay không những chỉ có công ty hàng không American Airlines áp dụng chiến dịch tặng không vé máy bay mà những công ty khác như Delta Airlines cũng tặng điểm đổi được thành vé máy bay miễn phí cho người tiêu thụ. Chiến dịch quảng cáo của Delta Airlines gắn liền với dịch vụ cố vấn tài chính của công ty American Express. Người tiêu thụ sử dụng dịch vụ American Express được tặng điểm đổi được vé máy bay của hãng Delta Airlines. Một số hãng hàng không khác đã có những chương trình tặng vé máy bay miễn phí cho người du lịch thường xuyên và nay tăng thêm chiến dịch quảng cáo nhằm có dịp... cho không thêm vé máy bay.

Điều đáng kể là các công ty hàng không không bị thiệt khi tặng không vé máy bay. Trái lại, đây là dịch vụ thu lợi chính của nhiều hãng hàng không vì các công ty này bán cho các công ty trung gian tiền vé máy bay tính theo dặm. Giá bán không phải rẻ như chúng ta tưởng và chắc chắn không phải là... cho không.

Tuy nhiều công ty hàng không từ chối nêu số tiền họ bán mỗi dặm với giá bao nhiêu cho công ty trung gian, American Airlines cho biết công ty này bán giá 2.2 xu mỗi dặm bay. Tính đại khái theo con số này, chẳng hạn công ty Kellogg's chọn tặng vé máy bay cho 10 người, mỗi vé máy bay xa 2,000 dặm, Kellogg's sẽ phải trả cho American Airlines $440 Mỹ kim mỗi vé. Tổng cộng Kellogg's sẽ phải chi ra $4,400.00 Mỹ kim. Bán vé với giá này American Airlines có lợi, mà công ty trung gian Kellogg's cũng có lợi. Vì muốn trúng giải vé máy bay miễn phí do hãng American Airlines đài thọ, người tiêu thụ sẽ mua nhiều cereal hiệu Kellogg's hơn.

Những kế hoạch kinh doanh Hoa Kỳ theo kiểu lưỡng lợi này được gọi là loại kinh doanh "ai cũng thắng," tạm dịch từ cụm từ "win-win situation."

Còn những công ty hàng không có chương trình đổi vé máy bay miễn phí cho những người du lịch thường xuyên hưởng lợi nhờ người du lịch chịu khó mua vé máy bay của cùng một hãng với mục đích tích tụ nhiều dặm bay nhằm hưởng vé miễn phí. Chẳng hạn muốn được vé máy bay miễn phí của hãng hàng không Continental Airlines, người du lịch thường xuyên sẽ chịu khó đổi giờ giấc sao cho phù hợp với các chuyến bay sẵn có của Continental để đến cùng địa điểm mặc dù có thể nhiều công ty khác có các chuyến bay thuận tiện hơn.

Làm cách này các công ty hàng không chịu đổi vé miễn phí

tính trên số dặm người tiêu thụ góp lại loại hẳn được đối thủ cùng lúc tăng thương vụ.

Hãng hàng không United Airlines công bố năm 2002 chi nhánh tặng không vé máy bay cho những người du lịch thường xuyên đã có mức lợi tức đến $226 triệu Mỹ kim trên tổng số $703 triệu Mỹ kim thu vào. Mức lời cao này khiến các công ty hàng không khác đua nhau quảng cáo những chương trình tặng hoặc đổi vé máy bay tương tự.

Nếu là người từng trải, đã quen thuộc với câu "Trên đời có ai cho không ai cái gì bao giờ!" có lẽ chúng ta phải công nhận các công ty kinh doanh Mỹ quả thật có nhiều sáng kiến. Dưới hình thức gần như cho không vé máy bay các công ty hàng không đã thành công nhờ gợi sự tò mò của người tiêu thụ mà lại tăng được thương vụ.

Trong thời gian tới nếu nhận được những thư quảng cáo cho không vé máy bay của các hãng hàng không chúng ta nhận ra được tuy không hoàn toàn miễn phí, các vé máy bay này không đòi hỏi chúng ta phải trực tiếp bỏ tiền túi ra mua.

Và vì vậy các công ty hàng không tặng loại vé máy bay kiểu này có thể nói hầu như cho không (người tiêu thụ) sản phẩm nhằm tăng thương vụ.

BỆNH TÒNG KHẨU NHẬP

(bệnh do miệng vào)

TRẦN QUÁN NIỆM

Ngày nay thực phẩm hàng ngày trên bàn ăn của người dân Hoa Kỳ đến từ siêu thị. Để tạo tin tưởng cho người tiêu thụ là thực phẩm được chuẩn bị một cách sạch sẽ, vệ sinh, bổ dưỡng và an toàn, siêu thị được trình bầy sáng sủa, gọn gàng, sạch sẽ, không mùi hôi. Rau xanh mơn mởn, không dính chút bùn đất. Trái cây mầu sắc tươi hồng, không vết trầy tróc vì sâu ăn, tròn trĩnh, căng mọng. Thịt được cắt gọn, nằm trong vỉ sốp trắng bọc giấy bóng kính, hồng tươi, không vết máu, vết bầm. Cá xếp hàng ngay ngắn trên nền nước đá, hay bơi lội tung tăng trong hồ nước. Nhân viên "hàng tôm, hàng cá" áo blouse trắng toát, tươi cười lịch sự như các ông đốc tờ, nhanh nhẹn làm vẩy cá, lấy lòng, rồi gói cá trong bao giấy, gọn gàng đưa cho khách, khiến khách hàng không cảm thấy nhớt bẩn hay mùi tanh hôi. Đồ hộp, thịt nguội, trứng, sữa. cheese bánh ngọt bầy la liệt, chưa kể đến những món ăn nóng nấu nướng sẵn.

Ngoài ra khách hàng còn biết rằng cơ quan giám định thực phẩm thuộc Bộ Canh Nông Hoa Kỳ (USDA=US Department of Agriculture) thường xuyên thanh tra các nhà máy biến chế thực phẩm.

Chính vì thế, nhiều khách hàng tin tưởng tuyệt đối đến nỗi sau khi mua thực phẩm về họ chỉ rửa sơ qua lấy lệ hay cho ngay vào lò nấu nướng. Phần đông người Việt Nam định cư tại Mỹ cũng nằm trong con số những người này.

Có một điều họ không biết là theo thống kê của Trung Tâm Kiểm Soát và Ngăn Ngừa Bệnh Tật, (phổ biến trên nhật báo Phildephia Inquirer ngày 18 tháng 5, 2003) hàng năm có 76 triệu người bị ngộ độc nhẹ vì thực phẩm, 325 ngàn phải vào bệnh viện điều trị, 5 ngàn người chết. (trong khi hiện nay chứng viêm phổi cấp tính SARS chỉ ảnh hưởng khoảng 8,000 người và có chừng 800 người chết mà làm thế giới kinh hoàng). Năm 2002 số thực phẩm bị thu hồi vì nhiễm độc lên tới con số rất cao trong đó có 27.4 triệu pound thịt nguội của công ty biến chế thực phẩm Wampler tại Pennsylvania và Pilgrim's Pride Corp tại Texas. Toàn quốc Hoa Kỳ có 6,500 hãng chuẩn bị hoặc biến chế thực phẩm. Từ trước đến nay, cơ quan USDA đảm trách thanh tra thực phẩm, nhưng từ năm 1998, một cải cách quan trọng là USDA giao phần lớn trọng trách thanh tra thực phẩm cho ngành biến chế thực phẩm nhân viên hãng thịt. Một quyết định mà nhiều người cho là chính quyền đã sai lầm.

Thẩm quyền của USDA

Để bào chữa, giới chức của USDA cho biết, hệ thống thanh tra ngày nay tốt hơn bao giờ hết. Nhằm chứng minh điều này, giới chức USDA cho hay từ năm 1996 đến nay số người bị ngộ độc vì thức ăn (vi khuẩn campylobacter, salmonella, listeria) giảm bớt. Tuy nhiên, trước việc thu hồi thực phẩm càng ngày càng gia tăng, USDA cảm thấy cần phải thẩm định lại phương pháp thanh tra các loại vi khuẩn, gia tăng huấn luyện chuyên viên thanh tra, và khuyến cáo các nhà biến chế thực phẩm cẩn thận hơn. Trong một bài diễn văn gay gắt đọc trước các viên chức ngành biến chế thực phẩm, Garry McKee, một viên chức cao cấp ngành thanh tra thực phẩm, đã trách cứ các viên chức ngành này là họ không hề để tâm tới vấn đề ngộ độc của người tiêu thụ.

Khi giao trọng trách kiểm phẩm cho hãng sản xuất, cơ

quan USDA đã tự làm suy yếu thẩm quyền của mình. Theo ông Arthur Hughes, một thanh tra, thì bây giờ USDA chỉ có thể phản ứng sau khi có một vụ nhiễm độc xẩy ra. Ông cho hay nhân viên USDA giảm từ con số 12,000 năm 1976 xuống 7,600 hiện nay. Một nhân lực quá ít để thi hành phận sự thanh tra. Ngoài ra, USDA không có thẩm quyền để ra lệnh hãng biến chế thực phẩm phải thu hồi sản phẩm mỗi khi có nhiễm độc hoặc đóng cửa hãng, cũng như không thể phạt vạ công ty và không thể thông báo đến công chúng hãng nào có thực phẩm ngộ độc bị thu hồi. Quả tình rằng USDA không đủ quyền lực để kiểm soát ngành sản xuất thịt bò và thịt gà, một ngành có tiềm lực rất lớn, với số tiền vốn trên 120 tỷ đô la.

Năm năm trước, 1993, sau khi thịt bò nhiễm độc E. Coli của hãng Jack In The Box làm thiệt mạng bốn trẻ em và làm đau ốm 700 người khác, USDA cố gắng tìm ra phương cách để khám phá thực phẩm bị mang vi khuẩn. Trên một nửa số hãng biến chế thịt bò không có khả năng phát hiện vi khuẩn E. Coli, loại vi khuẩn có trong thịt bò, hàng năm làm thiệt mạng 60 người và làm ốm đau 73,000 người. Năm 2002 có 59 triệu pounds thịt bị thu hồi vì nhiễm độc, nhiều gấp ba lần năm 2001. Tuy nhiên nên nhớ rằng khi hãng thực phẩm ra thông cáo thu hồi thực phẩm nhiễm độc, thì thực phẩm đã được bầy bán nhiều tuần hay cả tháng tại siêu thị. Phần lớn người tiêu thụ không mang trả thực phẩm bị thu hồi, lý do giản dị là họ đã ăn hay vứt đi, hoặc còn nằm trong tủ lạnh.

Kinh nghiệm của một thanh tra

Ông Vincent Erthal đã thấy hãng Wampler Foods chuẩn bị thịt nguội gà tây (pastrami) bán ngoài siêu thị, và ông không dám ăn thịt nữa. Ông chứng kiến những "kinh hoàng" sau đây: ruồi và dán chạy quanh nơi biến chế thịt, nước bẩn nhỏ giọt trên thịt chờ gói lại, những mảnh thịt vụn ôi sình dính trên máy xay nhiều ngày và công nhân nhặt thịt nguội trên sàn nhà nhớp nhúa để chuyển sang khu vực gói hàng trước khi mang ra siêu thị. Sau vài lần đề nghị lên cấp trên để chấn chỉnh tình trạng trên, ông bị cấp trên ngầm tỏ thái độ không đồng ý và họ tiếp tục để mặc công ty hoạt động trong tình trạng tồi tệ vừa nói. Sau hai năm rưỡi ông bị thuyên chuyển sang phần hành khác. Vincent cho hay "Thật khó tin, nếu chính tôi không thấy tận mắt" (trường hợp này, ông Vincent chỉ nói đến những mất vệ sinh trước mắt, chưa kể đến các hóa chất nguy hiểm và vi khuẩn tiềm ẩn trong thịt).

Tháng 10, 2002 Trung Tâm Kiểm Soát Và Phòng Ngừa Bệnh Tật đã công nhận hãng Wampler là nguồn nhiễm độc vi khuẩn *listeria* gây thiệt mạng cho tám người, khiến ba bà chửa sẩy thai và 54 người khác ngộ độc tại miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Cũng trong trường hợp này, công ty thịt Pilgrim's Pride Corp thuộc Pittsburg tiểu bang Texas (công ty mẹ của Wampler) đã cho thu hồi 27 triệu pound thịt (một vụ thu hồi lớn nhất trong lịch sử thực phẩm của nước Mỹ), nhưng rủi thay, 1.8 triệu pound đã được phân phối và tiêu thụ tại các trường học để học sinh ăn trưa.

Ăn tiệm

Trên đây chúng tôi chỉ đề cập đến thực phẩm được nấu nướng tại nhà. Khi ăn tiệm chúng ta còn lãnh thêm một phần nguy hiểm nữa, do các tiệm ăn sửa soạn thực phẩm để đem ra cho chúng ta trên bàn ăn những tiệm sang trọng hay các tiệm bình dân hoặc các xe thực phẩm bán tại lề đường. Những món ăn nóng hay nguội, trông ngon lành được hầu bàn trịnh trọng đặt lên bàn và chúng ta đã vui vẻ ăn uống thoải mái, không mảy may ngờ rằng tính mạng và sức khoẻ của chúng ta hoàn toàn giao phó cho bàn tay và phương pháp nấu nướng của người đầu bếp, khuất mắt chúng ta sau bức tường ám khói.

Một trường hợp ngộ độc điển hình

Thứ ba 31 tháng 7, 2001 khi thấy đứa con trai hai tuổi thức giấc buổi sáng bị nóng sốt và tiêu chẩy, bà Barbara Koalcyk và chồng đoán chừng Kevin bị cảm sốt thường. Sáng thứ tư, thấy con không thuyên giảm, hai vợ chồng vội vàng đưa con đến phòng cấp cứu bệnh viện Madison tiểu bang Wisconsin. Bác sĩ cho thử phân và gửi Kevin về nhà. Thứ năm, bệnh viện cho hay Kevin bị nhiễm trùng E. Coli từ thực phẩm. Thứ sáu, thận Kevin không hoạt động. Sau này bà Barbara cho hay "Đêm đó tôi tưởng con tôi chết rồi. Người nó lạnh ngắt nhưng lại đổ mồ hôi dầm dề."

Kevin được chuyển qua bệnh viện nhi đồng. Sáng thứ bẩy, tim nó đập rất nhanh (200 nhịp một phút), áp huyết lên cao. Bác sĩ phải dùng máy lọc máu thay cho thận (dialisys) và truyền máu cùng huyết thanh. Barbara nói "Tội nghiệp con tôi, nó khát quá nhưng tôi không dám cho nó uống nước. Nó mê man, tưởng tượng đang ở ngoài bãi biển thay trong hồ bơi. Khi tôi dùng miếng sốp thấm nước lau cơ thể nó, nó vồ lấy tấm sốp để mút nước. Bao

tử nó không hoạt động, mắt trũng sâu, khuôn mặt xệ xuống."

Càng ngày tình trạng của Kevin càng suy sụp. Vi khuẩn E. Coli lọt vào máu Kevin, gây nhiễm độc nặng. Nó phải dùng máy trợ giúp hơi thở, và máy lọc máu. Thân hình nó phù lên gấp ba lần bình thường. Bệnh viện phải cho ống vào cơ thể nó để hút bớt nước ra.

Thứ bẩy 11 tháng 8, tim Kevin ngừng đập. Bác sĩ cố cứu nó hai lần bằng cách dùng máy trợ tim và máy thở nhân tạo, nhưng đến lần thứ ba thì tim Kelvin ngừng đập vĩnh viễn. Kelvin chết vì nhiễm độc E. Coli. Vi trùng này đã ăn lủng cả ngàn lỗ trong ruột non và ruột già của nó, đồng thời E Coli còn ngăn chận máu phân phối đến ruột.

Gia đình Kowalcyk cho hay, trước khi Kelvin bị bệnh, cả nhà đã ăn thịt bò hai lần. Lần đầu, họ ăn hamburger tại một hội chợ đồng quê. Lần thứ nhì ăn hamburger tại nhà. Thử máu cho hay cả nhà bị nhiễm trùng E. Coli, nhưng chỉ có Kelvin là nặng nhất. Bà Barbara cho biết bà rất cẩn thận, rửa thực phẩm rất kỹ trước khi nấu ăn, dùng bát đĩa muỗng nĩa riêng cho từng người, lau chùi bồn rửa chén bát và mặt bàn bếp, thậm chí rửa cả hot dog trước khi luộc, khiến bạn bè chế nhạo là họ quá cẩn thận. Vi trùng E. Coli thường thấy trong thịt bò. Bà Barbara không rõ là cả gia đình đã bị nhiễm trùng trong trường hợp nào.

Phương thức ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm

1- Rửa tay thường xuyên bằng nước ấm và sà bông - rửa kỹ thực phẩm trước khi nấu nướng

2- Nướng thịt hay làm bí-tết ở nhiệt độ tối thiểu 145 độ F. Nướng gà nguyên con ở nhiệt độ 180 độ F, nướng thịt bò xay ở 160 độ F. Dùng nhiệt kế để đo cho chính xác - Tránh ăn thịt tái (bò bí tết rare, bò tái chanh) hay cá sống (gỏi).

3- Nhớ rửa thớt, dao, nĩa, mặt bàn và đừng để thịt đã nướng chín trên đĩa đựng thịt chưa nấu.

4- Đừng dùng thớt gỗ (để tránh mùn gỗ hoặc các lỗ nhỏ ẩn chứa vi trùng), mà nên dùng thớt bằng nhựa. Rửa thớt bằng máy rữa chén, hay rửa kỹ bằng tay với nước nóng và sà bông.

5- Bỏ vào tủ lạnh hay bỏ vào ngăn đá thức ăn còn dư. Đừng để thức ăn quá hai giờ trong nhiệt độ bình thường nơi phòng ăn. Đừng đựng quá nhiều thức ăn trong tủ lạnh, tủ lạnh cần được thoáng hơi cho không khí luân lưu.

6- Luộc hay chiên trứng cho chín, đừng ăn khi lòng đỏ còn lỏng (sunny-side-up hay trứng lòng đào)

7- Rửa kỹ rau, trái trước khi ăn.

HAPPY CAR RENTAL
TRUNG TÂM CHO THUÊ XE

* Thành thật * Phục vụ vui vẻ
* Bảo đảm giá rẻ nhất cho quý đồng hương

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới

8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng
* Detail cho các loại xe

* Có phục vụ mướn xe miễn phí trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

GIÒNG SÔNG THANH THỦY

NHẤT LINH

Về lần tái bản năm 2003

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

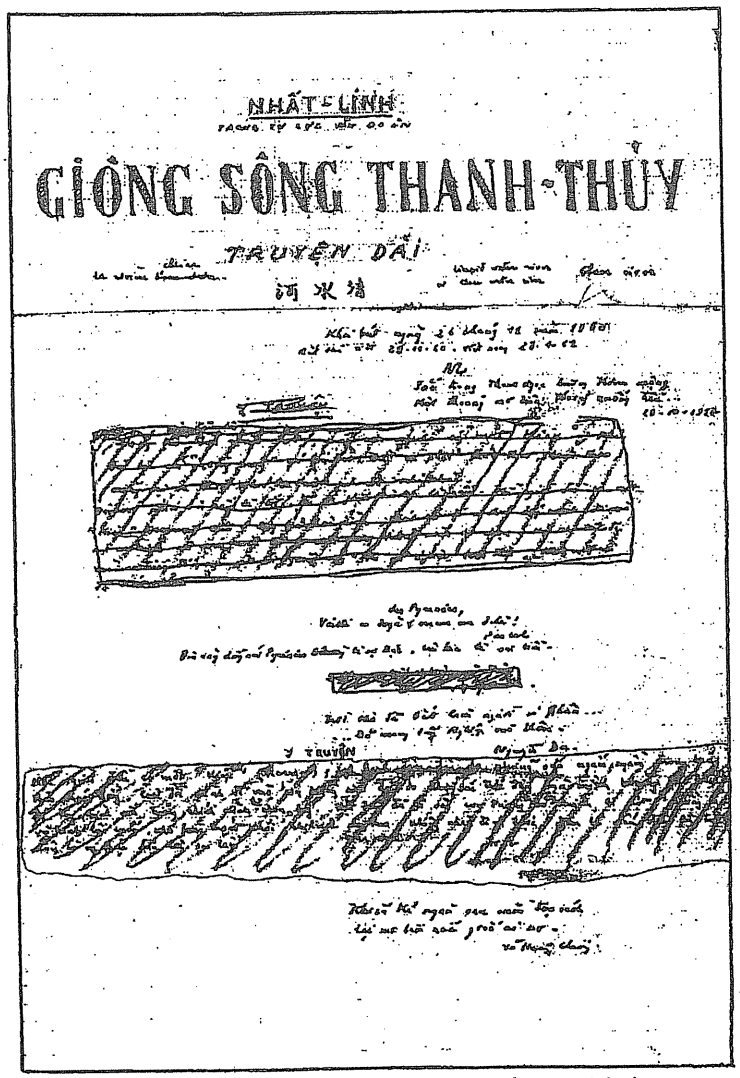

Trang đầu bản thảo Giòng Sông Thanh Thủy do Nhất Linh phác họa

LTS. Tháng Bảy năm nay, gia đình nhà văn Nhất Linh và nhà xuất bản Văn Mới tái bản Giòng Sông Thanh Thủy, cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Nhất Linh, được viết vào đầu thập niên (19)60. Bài viết ngắn sau đây của anh Nguyễn Tường Thiết, con út của nhà văn, nói rõ trường hợp sáng tác bộ truyện cùng lý do vì sao cần phải tái bản trong thời gian này. Chúng tôi cũng trích đăng tiếp theo một trích đoạn của Giòng Sông Thanh Thủy như một tưởng niệm Nhất Linh nhân ngày

mất của ông, ngày 7 tháng Bảy.

*

Cuốn truyện dài Giòng Sông Thanh Thủy được xuất bản lần đầu năm 1961 tại Sài-Gòn, Việt-Nam và là tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh, thân phụ tôi.

Nhà Đời Nay in bộ truyện làm ba quyển: Ba Người Bộ Hành, Chi Bộ Hai Người và Vọng Quốc. Toàn bộ dầy hơn 600 trang sách khổ nhỏ.

Trong bản thảo, Nhất Linh chia Giòng Sông Thanh Thủy làm ba phần, mỗi phần không có nhan đề riêng. Tác giả chỉ đặt nhan sách cho mỗi phần khi ông quyết định để nhà Đời Nay in làm ba cuốn.

Trong lần tái bản này in gộp thành một quyển tôi chọn cách bố cục giống như bản thảo, nghĩa là sách chia làm ba phần, nhưng mỗi phần có nhan riêng: Phần Một: Ba Người Bộ Hành, Phần Hai: Chi Bộ Hai Người và Phần Ba: Vọng Quốc.

Để các nhà nghiên cứu văn học có thêm tài liệu tìm hiểu về tác phẩm này, trong phần Phụ Lục, ngoài việc in mấy trang bản thảo tôi cũng cho công bố hai bức thư viết tay của tác giả, ký tên Nguyễn Tường Tam, dưới cương vị Đảng trưởng và Bộ trưởng Ngoại giao, được viết gần thời gian mà diễn tiến xẩy ra trong truyện. Ngoài ra hai bài viết giá trị của nhà phê bình văn học Thụy Khuê và nhà văn Võ Phiến mà chúng tôi được các tác giả cho phép đăng trong phần Phụ Lục này, góp phần soi rọi Giòng Sông Thanh Thủy, tác phẩm, tác giả.

Nhất Linh viết Giòng Sông Thanh Thủy trong một thời gian ngắn và ở một hoàn cảnh đặc biệt. Trong bản thảo viết tay mà tôi dùng đánh máy toàn bộ cho lần tái bản này, ông ghi ngày khởi viết (28-11-60) và ngày viết xong (28-1-61). Hai tháng. Hai hôm trước khi khởi viết bộ truyện ông phác thảo phần dàn truyện và đặc tính nhân vật, xong ông ghi ngày giờ trên trang đầu tập bản thảo: 26-11-60, 3 giờ sáng.

Vào cái đêm khuya khoắt ấy Sài-Gòn chìm trong bóng tối bất an. 15 ngày trước đó, 3 giờ sáng, tiếng súng nổ ở phía Dinh Độc Lập. Cuộc đảo chính bất thành 11-11-60 mà cha tôi đính líu về mặt chính trị hẳn còn nguyên vẹn trong tâm trí ông. Trên một căn gác nào đó của thành phố nơi ông ẩn trốn, tôi hình dung, qua những ghi chú thời khắc trên từng trang bản thảo (30-11, 4 giờ sáng; 4-12, 2 giờ sáng; 6-12, 8 giờ sáng v.v...) một Nhất Linh lặng lẽ đơn độc ngồi viết tác phẩm sau cùng của đời mình, viết mê say, viết không ngưng nghỉ như thể ông tự cho là mình sẽ không còn một cơ hội nào khác để viết nữa...

Hiện nay trong nước sách ra đời trước 1945 của Nhất Linh được phép ấn hành. Những tác phẩm sau của ông thì không những không thấy in lại mà ngay trong các sách bình luận văn học ở trong nước cũng không thấy đề cập đến (hoặc giả nếu có đề cập thì cũng xem như không có giá trị đáng kể). Đó là lý do tôi cho tái bản hai cuốn truyện sau cùng của Nhất Linh: Xóm Cầu Mới (Văn Mới ấn hành 2002) và Giòng Sông Thanh Thủy (Văn Mới ấn hành 2003) với ý nguyện là để hai tác phẩm quan trọng này khỏi bị mai một.

Nói về sự nghiệp văn chương của Nhất Linh mà bỏ qua hai cuốn trường thiên tiểu thuyết trên của ông là một thiếu xót lớn. Theo tôi bình tâm mà xét Nhất Linh viết hai tác phẩm sau cùng này sâu sắc hơn, cao rộng hơn những tác phẩm trước của ông.

Tìm đọc

NGƯỜI THÍCH NHÌN VÚ

Tập truyện

của NGUYỄN VĂN THÀ

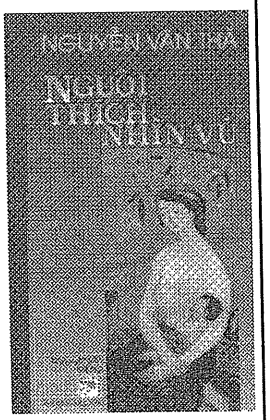

"Bốn chữ 'Tinh ích cầu tinh' đáng dành để chúc mừng anh Nguyễn Văn Thà: anh Thà kiến thức rộng, văn có bản sắc riêng. Viết đã tinh, mong rằng càng ngày càng tinh thêm."

Trích thư của nhà văn Võ Phiến gửi nhà xuất bản.

Nhiều ý nghĩa sâu xa ẩn đàng sau những câu chuyện của đời thường trong NTNV. Phải vượt qua định kiến chật hẹp mới nhìn thấy được những sự thật vẫn có đấy, nhưng không phải ai cũng có khả năng và đảm lược như Nguyễn Văn Thà để phanh phui.

Giá 15 Mỹ kim (trong nước Mỹ cộng $2.00 cước phí)

Liên lạc: **Yen Tran**

9702 Bolsa Ave. # 112

Westminster CA 92683 - USA

ĐƯỜNG TRĂNG

NHẤT LINH

Khi Ngọc tới cửa rạp xi-nê thì Thanh đã chờ sẵn ở đấy. Hai người đi bộ qua Kim-Bích lộ về phía Phục-Hưng Tân-Thôn rồi thuê xe ngựa đi Đại Quan Lâu. Xuống thuyền thì vừa trăng lên. Một bà già người Tàu và một đứa bé độ mười tuổi vốn đã quen việc đưa khách đi chơi hồ ban đêm nên thấy đôi trai gái xuống thuyền không ngạc nhiên, nhất là đêm ấy lại có trăng. Thuyền chui qua một cái cổng tò vò, đi ngang nhà nghỉ mát của Cậu Ba con Long Vân rồi ra hồ rộng.

Thuyền đi ven bờ một quãng. Ở giữa hồ nhỏ Đại Quan Lâu và hồ lớn có một biệt thự đường vào rất nhỏ hai bên toàn nước. Trong nhà đèn thắp sáng, có tiếng nhiều người nói cười vui vẻ nhưng nhìn vào các cửa sổ mở rộng tuyệt nhiên không thấy có bóng một người nào.

Thanh lay người Ngọc chỉ về phía biệt thự và thỏ thẻ vào tai Ngọc:

- Nhà ma đấy.

Ngọc nói:

- Chị thực very lôi thôi. Hết chi bộ ma lại đến nhà ma.

Tình cờ Ngọc đã dùng câu nói đùa riêng biệt của Thanh. Thanh mỉm cười:

- I am not very lôi thôi as you think. Tôi không lôi thôi lắm như anh tưởng đâu. Vốn nhà này trước vẫn là một nhà bỏ hoang, người ta bảo là có ma nên không ai dám ở. Chúng mình bỏ không làm cách mệnh nữa mà cũng chẳng cần đi tìm thiên thai cho tốn công. Thiên thai là cái nhà này. Chúng mình đến đây ở, chẳng ma nào biết vì đây là cái nhà ma rồi. Này anh nghe, tiếng người cười nói vui vẻ mà nhìn vào có thấy một bóng ma nào đâu.

Bà lái đò lái cho thuyền đi xa phía biệt thự rồi lẩm bẩm nói một mình:

- Chắc là bọn quân nhân Mỹ đến đóng. Người thường ai dám bén mảng.

Thanh nói:

- Anh có xem truyện Liêu Trai tả một đám cưới ma trong một cái lầu cũ không?

- Có, hình như có đọc qua nhưng không nhớ.

Thanh kể lại chuyện cho Ngọc nghe:

- Đấy, trong nhà có đèn sáng lại có tiếng nói cười vui vẻ mà từ lúc nẫy nhìn vào không thấy một người nào cả. Chắc là tụi hồ ly tinh cưới nhau. Để tôi vào phá đám họ rồi chúng mình đến đấy ở thay. Tôi cứng bóng vía lắm, ma cũng phải sợ. Như vậy đỡ tốn tiền mà không ai đến quầy rầy mình nữa.

Thanh quay nhìn bà lái đò, nói tiếng Tàu:

- Bà lái đò, bà ghé thuyền vào cái nhà này. Chúng tôi đến ăn tiệc cưới nhưng đến muộn sợ hai họ đợi. Bà cố chèo cho mau, đến thẳng mấy cái bực đá chỗ có hai cô, một cô mặc áo đỏ và một cô mặc áo vàng đương đứng giơ tay vẫy ấy mà.

Thanh cúi xuống lấy tay che miệng cho khỏi bật lên cười. Bà lái đò trù trừ, Thanh nói:

- Hay thôi bây giờ ăn cỗ cũng gần xong. Bà cứ chở chúng tôi đi ra ngoài ngắm trăng một lát. Mai chúng tôi viết giấy kiếu vậy.

Thuyền mỗi lúc một ra xa. Thanh nhìn kỹ thấy lưng chừng núi Tây Sơn một mảng trăng mờ mờ; nàng đoán đó là chùa Tây Sơn. Trăng mười bẩy và trời lại trong nên rải xuống mặt hồ một làn ánh sáng trông phảng phất như một con đường dẫn lối đến Thiên Thai. Thanh nhớ đến đoạn tả ánh trăng của Maugham trong một truyện ngắn nàng đọc đã lâu lắm. Nàng bảo Ngọc:

- Con đường ánh trăng sáng này nếu cứ theo mãi thì sẽ tới Thiên Thai.

Ngọc hỏi:

- Bây giờ chị lại muốn đến Thiên Thai. Sao sáng ngày...

Thanh ngắt lời:

- Thiên Thai cũng là hư vô... Thiên thai là một thứ gì đẹp lắm mà lòng ai cũng mơ ước, nhất là hiện giờ trên gần khắp thế giới họ đương đâm giết nhau. Cảnh đẹp đã có rồi còn thiếu thơ và tiếng ngâm để tôi nghĩ một câu thật hay rồi ngâm anh nghe.

Yên lặng một lúc rồi giữa đêm khuya thanh vắng Thanh cất tiếng ngâm:

Người ơi, hồ rộng bao la

Thiên Thai trăng mở đường hoa đón người.

*

Thuyền thuê đã đến lúc quay trở về cho đúng lời mặc cả với bà lái. Lúc đó thuyền đi về phía đông. Trước mái thuyền một quãng, ánh trăng rải một con đường rắc hoa bạc. Thuyền đi đến đâu thì ánh trăng ở gần biến đi và những hoa bạc khác lại dần dần hiện lên trên gợn sóng. Sương đêm bắt đầu xuống. Ngọc và Thanh không ai nói một lời nào, ngồi yên lặng ngắm vẻ đẹp của con đường lấp lánh hoa bạc như dẫn lối vào một thế giới xa xăm huyền ảo trong sương mờ.

Bỗng Thanh quay về phía Ngọc thở dài một cái rồi nói:

- Thế mà anh chàng Phạm Lãi lại phải đi với Tây Thi. Mà Tây Thi cũng bị Phạm Lãi ám ảnh ngồi kè kè ngay bên cạnh. Này anh có nhớ bài "Con Thuyền Không Bến" của Đặng Thế Phong không?

Ngọc đáp:

- Có, tôi chỉ nhớ loáng thoáng một vài đoạn: Đêm nay sương lam mờ trong mây, với lại: Cuốn theo chiều gió một con thuyền trôi trong trăng.

- Thế anh có muốn nghe không để tôi hát anh nghe nhé. Anh thì chẳng biết hát bài gì cả chỉ có việc ngồi ỳ thần xác ra đó để người khác hát cho nghe.

Ngọc cười:

- Tôi là phạm nhân mà.

Giọng Thanh trong và cao vẳng lên trong đêm trăng yên tĩnh. Bà lái nói:

- Cô hát hay quá. Tôi chưa nghe ai hát bài ấy bao giờ.

Thanh đáp luôn:

- Đây là một bài hát Quảng Đông nổi tiếng. Thế bà có biết bài phú Xích Bích của Tô Đông Pha không?

- Tôi có biết chữ nghĩa gì đâu.

- Thế bà có xem truyện Tam Quốc không. Ấy trận Xích Bích là trận Tào Tháo đánh nhau với Chu Du, bị Gia Cát cầu phong thua liểng xiểng.

- Có, tôi có biết Tào tháo vì đi xem tuồng.

Thanh nhìn Ngọc rồi nói với bà lái đò:

- Để tôi hát bài phú Xích Bích cho bà nghe.

Cả hai bài chữ nho lẫn bài dịch, buổi trưa nàng đã đổi sẵn đi vài đoạn hoặc vài chữ. Nàng cất tiếng ngâm to:

"Nhâm Tuất chi xuân, nhất nguyệt ký vọng; Ngọc tử giữ Thanh nữ phiếm du, du ư Tây Sơn chi hạ. Thanh phong từ lai, thủy ba bất hưng: cử xá xỉ chúc Ngọc, tụng công tác chi thi, ca cách mệnh chi chương. Thiểu yên, nguyệt xuất ư Tây Sơn

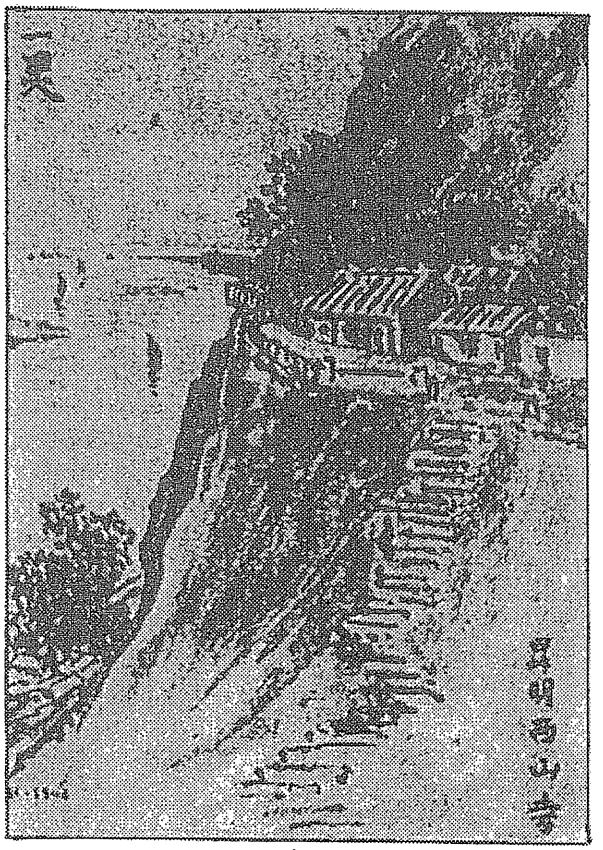

Chùa Tây Sơn (bức vẽ của Nhất Linh)

chi thượng, bồi hồi ư chàng Ngọc chi nhân; bạch lộ hoàng giang, thủy quang tiếp thiên. Túng nhất vĩ chi sở như, Lăng thư ký chi mang nhiên. Hạo hạo hồ như bằng hư ngự phong, nhi bất tri kỳ sở chỉ: chiêu chiêu hồ như di thế độc lập, Thanh Ngọc nhi đăng tiên...[1]

Thanh ngâm ngay xuống đoạn Tào Tháo, Chu Du không còn nữa:

"Ngọc nhất thế chi hùng dã, cô Kim an tại tai!"[2]

Rồi nàng chuyển sang bài hát dịch:

Xuân Nhâm Tuất tháng giêng, mười sáu
Một con thuyền, một cậu một cô
Tây Sơn rặng núi lờ mờ

Nàng Thanh, chàng Ngọc trên hồ ngắm trăng
Gió lạnh buốt, nước bằng phẳng lặng
Xá xị ngon, Ngọc lắng câu ca
Câu thơ cách mệnh ngâm nga
Nhớ công tác trạm xót xa, ngậm ngùi
Bỗng trên không sáng ngời Ngọc thỏ
Giữa Đẩu Ngưu soi rõ Tây Sơn...

Đến chỗ Tào Tháo, Chu Du nàng cao tiếng ngâm giọng thê thảm:

Tứ với Nghệ bây giờ đâu hở?
Thân phù du trơ bộ xương khô!

Thanh phải ngừng lại, lấy tay che miệng cười khi sắp ngâm đoạn cuối của bài dịch:

Vừa đồng chí vừa anh em
Hai chai xá xị say mềm mới thôi.
Ngổn ngang chai cốc rơi đây đó
Gối đầu nhau ngủ ở mạn thuyền
Hai người một giấc ảo huyền
Giòng Sông Thanh Thủy lên tiên có ngày.

Thanh ngâm hết bài thơ dịch, lại nhớ tới một câu trong bản dịch khác và tiếp luôn:

Tiếng đã dứt, dư âm còn mãi
Kéo dài ra như sợi tơ vương...

Ngọc nói:

- Chị ngâm nữa đi.

Thanh đáp:

- Hết rồi. Bây giờ ta cũng bắt chước anh Tường bàn chuyện triết lý. Anh xem còn đâu Tào Tháo, còn đâu Chu Du, cũng như sau này còn đâu Việt Quốc, Việt Minh, nhưng bóng trăng lòng sông Xích Bích, những câu phú hay của Tô Đông Pha muôn thuở còn mãi. Lâu bền nhất, thực nhất chỉ là cái đẹp. Đã có lần tôi nói với anh về kiếp con người và cái guồng máy, mỗi người đều có một kiếp, mọi hành động đều do những sức ngấm ngầm ở trong người mình thúc đẩy. Cuộc đời của mình nghĩa là cuộc đời anh, cuộc đời tôi, cũng như đời Tứ, Nghệ, đời của chị Nam y tá gì ở Văn Sơn, đi vào con đường nào đều do sức thúc đẩy mà không ai tự biết, tuy ai cũng vẫn tưởng chính mình đã lựa chọn, một khi vào con đường đó, mình bị một "guồng máy vô hình" lôi cuốn khó lòng thoát khỏi, chỉ cứ việc noi theo, không nhận định được cái gì là xấu, cái gì tốt, phía nào là sự thực, phía nào là sai lầm. Chắc anh cũng có biết câu của Pascal: "Bên này dẫy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm." Vậy nói đến Chân Thiện Mỹ, Chân không có...

Thanh cười rồi tiếp theo:

- Không phải chân không có để đi đâu. Không ai biết đâu là chân lý. Đạo nào, triết lý gia nào cũng nói chính mình mới có được chân thực, còn người khác chỉ có chân giả; còn thiện cũng vậy, sáng nay anh đã được xem ông Ác, ông Thiện nhưng ông nào ác ông nào thiện? Như anh giết Nghệ thế là anh thiện hay ác; Nghệ cũng định giết anh chắc Nghệ cho việc mình là phải là chân là thiện... à chỉ có cô Phương nhà anh là thiện thôi vì cô ta không giết ai bao giờ lại đan áo cho anh, thế là thiện lắm đấy chứ!

Ngọc nói giọng gắt:

- Bàn về triết lý xin chị để mặc cô Phương đấy.

- Tôi nói đến cô Phương việc gì anh cáu. Sắp đến Thiên Thai rồi. Ở Thiên Thai không ai cáu cả. Nhưng thôi, ba thứ Chân, Thiện, Mỹ thì Chân tùy từng người, Thiện cũng vậy, chỉ còn lại Mỹ; chỉ có cái đẹp là... khốn nhưng cái đẹp cũng tùy ý từng người nốt, anh, anh thấy cô Phương đẹp... Nhưng tôi lại khác, tôi thấy anh chàng Phạm Lãi đẹp hơn, tuy tôi chưa từng bao giờ thấy mặt. Mà Phạm Lãi hình như không bao giờ cáu, nhất là đối với Tây Thi...

Ngọc nói:

- Tôi không bao giờ hiểu nổi chị, chỉ có điều đó mới là sự thật, là chân lý.

Lúc hai người về tới thành phố thì đã khuya lắm. Thanh nói:

- Bây giờ tôi về nhà người bạn tôi ngủ đêm nay. Hai người cùng về khuya một lúc sợ anh Tường nghi ngờ. Anh Tường thì tôi không sợ lắm, tôi sợ nhất anh Ninh của anh, vì tôi chỉ báo anh Tường là đêm nay tôi bận nói chuyện về sự tiến triển của triết lý với anh mê mải nên về khuya. Tôi sẽ nói là tôi không muốn anh đi xi-nê tốn tiền vô ích, rủ anh về nhà bạn tôi để "thuyết" anh một trận: bắt đầu từ thuyết nguyên thủy triết lý, qua Platon, Aristote rồi đến Locke dựa vào quả táo của Newton, đến bọn theo thuyết Hédonisme, rồi Kant, Fichte cái anh chàng phát minh ra tự do, bố đẻ của Hegel tìm ra luật mâu thuẫn duy tâm, sau cùng đến cái anh chàng Marx đem đảo ngược cái Kim Tự Tháp duy tâm của Hégel, đẻ ra mâu thuẫn duy vật Cộng Sản khiến thế giới cũng đảo lộn; Việt Quốc, Việt Minh tìm cách đấu vật nhau và tay anh bao lần vấy máu. Đấy anh cố nhớ những tên các triết gia ấy, lỡ anh Tường có hỏi thì anh đem ra trả lời. Cần nhất quả táo rơi của Newton, hay anh nói vì một bông hoa Trà hay một cô Tây Thi từ lan can chùa Tây Sơn rớt xuống chân núi nên Fichte mới đẻ ra tự do, có tự do tất phải có cái chống lại thành ra luật mâu thuẫn

duy tâm của Hegel và duy vật của Marx. Bây giờ thì chuyện ngã ngũ rồi; tự do sinh ra dân chủ Tây Phương, tự do cũng sinh ra độc tài Cộng Sản. Lại còn anh chàng Nietizche với con người Siêu nhân cho phép Hitler đẽo một cái trục với Mussolini cả hai bây giờ để chết ngoẻo, nhưng Nhật theo đúng tinh thần của Vương Dương Minh vẫn còn; thiên hạ đánh nhau lung tung anh mới chạy sang đây gặp tôi và vì chán ngán nhân loại nên hai lần rủ tôi đi, một lần cùng tôi trôi vào Đào Nguyên, một lần ở hồ Tây Sơn cùng tìm kiếm Thiên Thai.

Thanh cười tiếp theo:

- Vì chuyện Thiên Thai mà anh đâm cáu sườn với tôi, chung qui chỉ tại cái anh chàng Fichte cái anh chàng Marx. Thôi bây giờ đến nhà bạn tôi rồi, anh về kẻo khuya.

*

Sáng hôm sau, Thanh đến sớm và mặc quần áo Việt. Một lát sau nàng bưng lên hai chậu nước trong bên cạnh có để hai chiếc khăn mặt sạch tinh, một cái màu trắng, một cái xanh nhạt cho khỏi lẫn; còn chiếc khăn mặt của Thanh thì màu hồng như màu hoa đào. Tường và Ngọc rửa mặt xong, trên bàn đã có hai cốc cà-phê tỏa hơi thơm.

Ngọc hai tay ôm lấy cốc cà-phê cho ấm đứng tựa cửa sổ nhìn xuống. Trời lạnh nhưng ở dưới vườn Thanh đã cởi chiếc áo len chỉ mặc có chiếc áo cánh. Nàng sắn tay áo để lộ ra hai bắp tay trắng rồi cúi mình thả dây cho thùng xuống giếng lấy nước đổ vô chiếc chậu gỗ giặt quần áo. Vì nàng cúi xuống cố sức kéo dây nên mỗi lần ngửng lên hai gò má ửng hồng, đỏ hơn cả hôm đứng gần cây trà ở chùa Sơn Tây. Nàng ngồi xuống khoảng cả hai tay vào chậu nước trong. Ngọc thấy nàng rùng mình một cái, chắc vì giếng nước giá lạnh. Hôm ấy nàng giặt mấy bộ quần áo ngủ của nàng. Thanh xát xà-phòng cho đầy nước bọt rồi vò từng chiếc áo một.

Nắng đã bắt đầu chiếu xuống bức tường cạnh giếng. Giặt xong, Thanh mím môi, lấy hai tay cố sức vắt áo thật kỹ rồi rũ và đem phơi lên chỗ giây thép có nắng. Dây thép ở gần chỗ buộc nên hơi cao, nàng phải kiễng chân mới với tới. Bỗng nàng ngửng nhìn lên, thấy Ngọc đứng ở cửa sổ, cốc cà-phê đã cạn nhưng vẫn cầm ở tay. Ngọc mỉm cười và thấy Thanh cũng mỉm cười đáp lại; vì hai con mắt Thanh hơi thoáng vẻ tinh nghịch nên Ngọc tưởng nàng định rủa thầm mình:

- Anh chỉ được cái ăn uống là giỏi...

Ngọc nhìn rất lâu vào hai con mắt thân yêu. Chàng thấy Thanh khác hẳn hôm trước khi đi chơi núi và chơi hồ, mơ mộng những chuyện Thiên Thai hoặc bàn luận lôi thôi về triết lý.

Sáng hôm nay, nhìn Thanh vắt và phơi quần áo, Ngọc thấy nàng chỉ là chỉ là một cô gái đơn sơ, như cảnh phơi quần áo ở một khu vườn nhỏ xinh xinh bắt đầu nhuộm nắng nhạt một buổi sáng trời trong, thoáng gió nhẹ.

- Chị Thanh ơi

Thanh ngửng lên nhưng mãi không thấy Ngọc nói gì. Ngọc nghĩ thầm:

- Thiên Thai ở đây. Cần gì đi tìm đâu xa, tốn công như Lưu Nguyễn.

(Trích trang 77 - 80 bản thảo cuốn
Giòng Sông Thanh Thủy của Nhất Linh.
Seattle, tháng Tư 2003.
Tựa đề do Nguyễn Tường Thiết đặt).

Tìm đọc trong tháng Bảy 2003:

Giòng Sông Thanh Thủy
của Nhất Linh
do Văn Mới tái bản

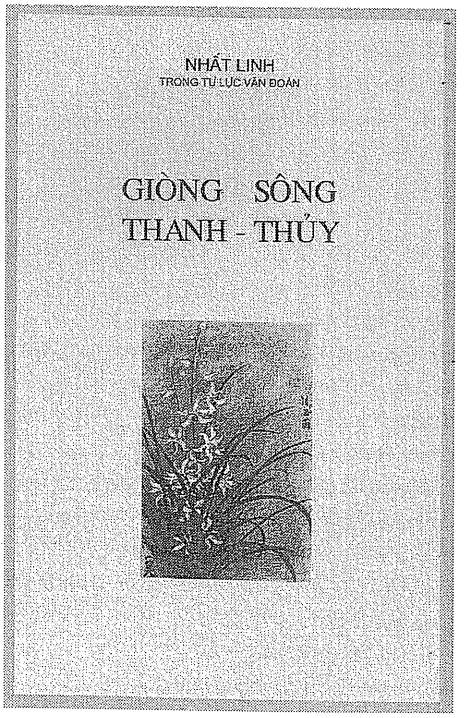

TRĂNG LỒNG ĐÁY NƯỚC

(Thủy Nguyệt)

XUYÊN-ĐOAN KHANG-THÀNH
(Kawataba Yasunari)
NGUYỄN VĂN THỰC *dịch*

Lời người dịch: Nhà văn Xuyên-Đoan Khang-Thành sinh năm 1899, ở Đại Bản (Osaka), học văn chương Anh ở đại học Đế Quốc ở Đông Kinh, mất năm 1972. Được xem như nhà văn lớn nhất của Nhật, đoạt giải Nobel văn chương năm 1968, vì ông là "bực thầy kể chuyện; và với sự bén nhạy tuyệt vời, diễn tả được cái tâm hồn Nhật Bản." Trong thập kỷ 20, ông được biết đến như là thành viên trong nhóm những nhà văn trẻ được mệnh danh là nhóm những người-cổ-võ-cảm-tính mới (neosensationists) ; họ chủ trương dùng cái thơ mộng và những nét chấm phá khơi khơi khi làm văn hơn là dùng kiểu tả chân xã hội đầy vẻ cha chú. Rồi dần dần ông tạo được bút pháp của riêng ông: trau chuốt mà lãng đãng lai rai. Đôi khi ông lại quan tâm đến việc tìm kiếm sự cô đơn, cho nên ông đã tìm và diễn tả một cách ngon lành tâm hồn người nữ, và tính dục của con người. Cái nét thơ mộng của văn ông hiện ra thoạt đầu với tác phẩm Nàng vũ nữ xứ Y Đậu (Izu) và tiếp tục với cuốn Xứ tuyết. Ngoài ra ông còn có các tác phẩm khác: Ngàn cánh hạc, Tiếng núi, Danh nhân, Cố đô... Ông bị bệnh, đâm chán đời, và tự tử ngày 16, tháng 4, 1972; nhưng có người lại cho là vì ông chưa toại lòng với xứ Nhật Bản anh đào nơi nơi và muốn tìm một xứ hoa đào nơi Nguồn Cội Bên Kia. Văn ông trau chuốt, tinh tế, giàu biểu tượng Á đông (chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa), nên các dịch giả Âu Mỹ thường là không thành công trong khi dịch các tác phẩm của ông, dù các dịch giả ấy đã đạt nhiều học vị trọng vọng về ngôn ngữ và văn chương Nhật. Các bản dịch tiếng Việt dựa trên các bản dịch chữ Tây cũng vì thế mà hư hao đôi phần. (Tôi nói thế vì lòng mộ mến văn của tiên sinh Xuyên-Đoan Khang-Thành, chứ không có ý gì khác.)

Ngoài ra ông còn là một người vẽ tranh - như nhà văn Nhất Linh - vì thủa nhỏ ông thích ngành vẽ và có học chút đỉnh. Ông còn - như nhà văn Võ Phiến - là người khám phá được và nâng đỡ nhiều nhà văn trẻ, trong đó có nhà văn lớn thứ thiệt Tam-Đảo Do-Kỷ-Phu: Mishima Yokio: Yukio Mishima (viết lộn ngược theo kiểu Tây).

Chuyện sau đây lấy từ Xuyên-Đoan Khang-Thành Toàn Tập; *tác giả viết khi ông đã 54 tuổi, lúc văn ông đang độ chín muồi./* NVT.

Có một ngày nàng Kinh Tử cứ miên man nhớ cảnh nàng cầm cái gương tay soi cho chồng đang nằm trên gác thấy mảnh vườn rau. Đối với người chồng bệnh liệt giường của nàng, làm như thế, ở một mức nào đó, gần như mở ra cho chàng một mảnh đời mới. "Ở một mức nào đó" mà thôi ư? Nói như thế thiệt không ổn!

Cái gương cầm tay ấy với giá gương vốn là những đồ tế nhuyễn thời con gái của nàng. Giá gương không lớn lắm nhưng bằng gỗ dâu, và khung gương tay cũng bằng loại gỗ đó. Nàng còn nhớ những khi cầm gương để bới tóc vào độ mới lấy nhau; ống tay áo trễ tràng, tay lộ tới cùi chõ; những lúc như thế nàng thẹn chín cả người. Chính là cái gương này đây; đâu như sau khi tắm.

"Vụng về quá à nghe! Nào, đưa đây cho anh cầm cho," chồng nàng nói và giằng lấy cái gương, rồi soi gáy nàng ở những góc độ khác nhau. Chính chồng nàng xem ra cũng vui. Soi gương như thế, dường như trước hết cũng là một hành vi khám phá. Làm gì có chuyện Kinh Tử vụng về, chẳng qua vì chồng soi nàng từ phía sau, nên nàng đâm ra bối rối.

Về sau, gương, dẫu bị đưa ra đưa vào, mà màu gỗ dâu vẫn chưa ngả màu thời gian. Nhưng khi đưa gương soi mảnh vườn rau, Kinh Tử lại nhớ thời chiến tranh, nhớ những ngày đầu lấy nhau, rồi nhớ tới lúc chồng ngả bệnh nặng; lúc ấy mặt gương mờ mờ, góc cạnh lem nhem phấn

thoa mặt, dơ dáng vì bụi. Dĩ nhiên, vì gương vẫn còn soi được, nên nàng không cảm thấy dơ, chứ nàng không phải là người đàn bà không vén khéo. Thời kỳ ấy chồng nàng cứ nằm kê gối, không bao giờ rời cái gương tay; và vì tính khí của người đang bệnh, vì chán, chàng đã chùi bóng cả mặt gương lẫn khung. Nàng thấy rất rõ là, dù cả khi gương chẳng mờ, chồng nàng vẫn cứ vừa thở dài vừa chùi. Nàng tưởng tượng vi trùng lao như đang len vào bên trong các kẻ nứt của các cạnh gương mà mắt không thể thấy. Chàng có thói quen tẩm một ít dầu cây Xuân lên đầu chải tóc, và sau khi đưa tay vuốt tóc, chàng cũng chà luôn vào gỗ dâu của gương. Dù gỗ dâu của giá gương có hơi lem nhem, nhưng gỗ dâu của chiếc gương tay lại bóng lưỡng.

Khi Kinh Tử bước thêm một bước nữa, nàng mang theo cả giá gương ấy.

Nhưng nàng đã bỏ cái gương tay vào quan tài người chồng trước và thiêu đi. Thay vào đó, nàng lại gắn vào giá gương ấy chiếc gương tay chạm trổ kiểu đời Liêm Thương [1]. Nhưng nàng không nói cho chồng sau biết. Theo tập tục, tay của chồng trước của nàng phải chấp lại và để cho các ngón đan vào nhau, nên cả khi đã nhập quan rồi, nàng vẫn không bỏ gương vào đôi tay chàng được; nàng đành bỏ trên ngực [2].

"Ngực anh vốn đau đớn, như thế này thì cũng đã nặng," Kinh Tử thầm thì, rồi bỏ gương trên bụng.

Cũng chỉ vì nghĩ cái gương tay đã dự phần nhiều vào đời sống của hai người, nên lần đầu nàng mới tính bỏ lên trên ngực. Nàng cố gắng bỏ chiếc gương tay vào quan tài sao để gương không đập vào mắt những người thân bên chồng. Nàng phủ lên chiếc gương những cành hoa cúc trắng. Khi hốt tro sau hỏa táng, thủy tinh của gương phần nhiều đã tan chảy, méo mó vì sức nóng, thành khối tròn tròn, độ dày không đều, vàng vàng đen đen khói bếp. Có người thấy thế la lên: "Có cái miếng gì trong này vậy nè!"

Thực ra nàng còn chồng thêm một cái gương soi nhỏ nữa trên gương tay đó. Đấy là một chiếc gương nhỏ thuộc túi đồ trang điểm, một kiểu gương nhỏ có lồng miếng kiếng, dài như thẻ-thơ-chữ-viết-dọc. Nàng đã ước mơ sẽ được dùng nó trong tuần trăng mật. Nhưng rồi vì chiến tranh, nên chuyện dùng gương ấy trong tuần trăng mật đã không thực hiện được. Sinh thời của người chồng trước, hai người nào có được tuần trăng mật!

Mãi với người chồng sau, nàng mới được đi hưởng tuần trăng mật. Túi trang điểm tùy thân thủa trước giờ đã dơ, và mặt ngoài đã bạc màu, nên nàng mua cái mới, và dĩ nhiên, có cả gương nhỏ.

Tuần trăng mật, ngày đầu tiên, người chồng sau sờ tay Kinh Tử, nói:

"Em trông như một cô gái nhỏ. Thiệt tội cho..."

Ông ta thốt lên như thế, không có vẻ gì châm chọc, mà chất chứa một niềm vui chợt đến. Có thể cái dáng dấp cô gái nhỏ nơi nàng làm ông thích. Kinh Tử buồn bã không nói, chảy nước mắt, và co người lại. Biết đâu ông chồng thấy nàng như thế lại nghĩ nàng giống cô gái nhỏ.

Kinh Tử cũng không biết là nàng khóc cho mình hay cho người chồng quá cố. Rõ ràng là nàng không rõ. Một khi đã như thế, nàng cảm thấy tội nghiệp cho người chồng mới, và nàng nghĩ phải làm duyên với ông.

"Em mà giống cô gái nhỏ được sao anh?" Mãi sau nàng mới nói như vậy. Nói rồi, nàng xấu hổ nóng ran cả người một cách kỳ cục, nhưng ông chồng lại tỏ ra thích thú.

"Thì đúng rồi, bởi em đã có con cái gì đâu!"

Nàng nghe như cắt ruột. Đứng trước một người đàn ông khác với người chồng trước của mình, nàng cảm thấy nhục như thể mình đang bị cợt nhã.

"Thì em cũng đã phải chăm như chăm trẻ!" Kinh Tử chỉ nói như thế, ngầm ý phản kháng. Người chồng bệnh liệt giường lâu ngày ấy, dù đã chết, nhưng anh vẫn như đứa con nhỏ đang ở trong lòng nàng.

Nhưng dầu gì đi nữa, người chồng trước vẫn cứ chết, như thế sự kiêng chuyện gối chăn với anh ấy phỏng có ích gì?

"Anh đã có lần thấy phố Rừng qua cửa sổ toa khi anh đi xe lửa đường Thượng Việt," người chồng mới vừa nói đến tên quê cũ của Kinh Tử vừa ôm nàng vào lòng. "Phố ấy có vẻ xinh, lại nằm trong rừng như cái tên phố."

"Em ở đó cho hết khi học xong trường nữ trung học. Rồi em được điều động làm ở xưởng quân nhu ở Tam Điều..."

"Như thế phố Rừng gần Tam Điều. Người ta nói ở Tam Điều có nhiều gái đẹp tuyệt trần, mà cái cô Kinh Tử cũng từ đó mà ra, cho nên đẹp là phải."

"Em xấu lắm!" Kinh Tử đưa tay áp lên cổ.

"Anh cho là một khi chân tay đẹp, thì thân thể cũng đẹp."

"Không có đẹp đâu anh!"

Và thấy tay mình còn nằm yên nơi ngực, nàng rón rén rút lại.

Chồng nàng áp miệng sát tai nàng, nói:

"Dù em có con đi nữa, anh nghĩ anh vẫn lấy em như thường. Có con trẻ để mà chăm sóc, yêu thương. Anh, anh thích con gái hơn."

Vì ông ta có đứa con trai, nên giọng nói tuy có vẻ đầy ân tình đấy, nhưng nghe như không thật tâm. Tuần trăng mật dài tới mười ngày, có lẽ cũng là vì ông ta nghĩ tới đứa con [3].

Người chồng mới mang theo một chiếc túi du lịch đựng đồ vệ sinh tùy thân, loại da thượng hạng. Túi của Kinh Tử không thể sánh được. Túi của ông là một loại túi to, có cái vẻ đàn ông, nhưng chẳng còn mới mẻ gì. Túi lên nước bóng loáng; không biết có phải vì ông ta đi du lịch nhiều, hay vì túi được chăm sóc kỹ lưỡng. Nàng đâm nhớ tới cái túi cũ chẳng bao giờ dùng, lên mốc lên meo của nàng. Tuy nhiên cái gương nhỏ nằm trong chính cái túi ấy thì nàng đã gởi về thế giới bên kia.

Kiếng của chiếc gương nhỏ đã tan chảy trên chiếc gương tay và dính chặt vào kiếng của gương tay. Nhưng chẳng ai bên cạnh Kinh Tử biết được cớ sự. Một khi chính Kinh Tử không nói cái khối kỳ lạ đó là cái gì, thì làm sao những người thân thuộc biết được đó là những chiếc gương soi.

Tuy nhiên, Kinh Tử cảm thấy cái thế giới đã nhiều lần in hình trong hai cái gương đó như thể đã nhanh chóng cháy rụi. Nàng cảm thấy chính mình cũng bị mất mát, giống như những gì của người chồng cũ cũng đã tiêu tan thành tro. Lúc đầu nàng soi mảnh vườn rau cho chồng, nhưng từ khi gắn được gương tay vào giá, chồng nàng nằm đầu kê gối và không bao giờ rời chiếc gương nữa. Và dường như cả gương tay cũng là quá nặng cho người bệnh, Kinh Tử cứ ngay ngáy lo lỡ có gì xảy ra cho cánh tay và vai của chồng, nên nàng đưa cho chồng cái gương nhỏ và nhẹ. Nàng không chỉ soi vườn rau qua hai cái gương mà thôi mà nàng còn soi cả cuộc đời của chồng. Nàng soi trời, mây, soi tuyết, soi núi xa, và soi cả rừng gần. Cả trăng nữa. Cũng nhìn thấy cả hoa đồng, chim thiên di trong gương. Người đi trên đường, con trẻ chơi ngoài vườn. Kinh Tử ngạc nhiên về sự giàu có, bao la của cái thế giới hiện ra trong gương ấy. Gương chỉ là dụng cụ trang điểm, là phương tiện giúp con người tạo nên vẻ mặt; và hơn thế, dù cái gương tay dùng để soi đầu, soi gáy, gương còn dâng cho người bệnh cuộc đời và một trời đất mới. Kinh Tử ngồi xuống bên cạnh gối chồng, vừa nhìn vào gương vừa nói về thế giới đang hiện lên trong đó. Nàng không còn thấy sự khác biệt giữa thế giới mà nàng thấy trong mắt nàng ngay lúc đó và thế giới hiện ra trong gương; hai thế giới khác nhau đó cùng hiện hữu một lúc: thế giới mới được sáng tạo trong gương, và thế giới ấy có vẻ là thế giới thực.

"Trong gương bầu trời màu bạc ánh, " Kinh Tử nói, rồi nhìn qua cửa sổ. "Dầu bầu trời mờ đục xám tro..."

Cái vẻ nặng nề, và màu tro ấy không có trong gương; bầu trời trong gương là bầu trời sáng.

"Anh đã lau kỹ gương rồi phải không?"

Người chồng đang nằm liệt giường động đậy đầu, nhìn bầu trời:

"Ừ, và bầu trời, em xem, mờ đục xám tro. Nhưng trong mắt người và, ví dụ, trong mắt chó, mắt chim sẻ, bầu trời có lẽ đều giống nhau. Khó mà biết mắt loài nào nhìn bầu trời đúng như là bầu trời."

"Cái đang trong gương, cái con mắt có tên là gương đó...."

Kinh Tử muốn gọi con mắt đó là con mắt tình yêu. Trong gương màu xanh của cây tươi xanh hơn và hoa huệ thanh khiết hơn.

Người chồng chỉ vào cạnh gương và nói:

"Em, có dấu của ngón tay cái em đây này."

Kinh Tử hơi giật mình. Nàng hà hơi vào gương rồi chà dấu tay.

"Không sao đâu! Chính cái lần đầu em soi cho anh thấy mảnh vườn rau, em đã để lại dấu tay."

"Vậy mà em đâu có biết."

"Có lẽ em không biết, nhưng anh, anh nhờ cái gương này mà có thể nhớ được ngón cái, ngón trỏ của em. Có lẽ chỉ có người bệnh liệt giường lâu ngày như anh mới nhớ được ngón trỏ của vợ mình."

Từ khi lấy Kinh Tử, chồng nàng cứ bệnh mãi.

Trong chiến tranh, chàng chẳng phải đi chiến đấu. Chiến tranh gần chấm dứt, chàng mới bị kêu đi lính, nhưng rồi chỉ làm ít ngày ở binh xưởng không quân. Chiến tranh chấm dứt, thế là về nhà. Ngày đó, vì chàng không thể đi bộ được, Kinh Tử cùng với người anh chồng đi đón chồng. Khi chồng vào lính, thời gian đầu Kinh Tử phải sống dựa vào cha mẹ nàng, nơi tản cư. Đồ đoàn của chồng cũng như của Kinh Tử lúc đó phần nhiều đã được chuyển đến đó trước. Căn nhà của hai người ở hồi mới cưới nhau đã bị cháy rụi. Họ phải mướn nhà người bạn một thời gian. Và chồng

nàng đi làm. Thực ra nàng chỉ chung sống với người chồng không bệnh, gần một tháng trong nhà của họ, nhà đôi vợ chồng son, và hai tháng trong nhà người bạn.

Chồng nàng thuê một căn nhà nhỏ trên cao nguyên và dưỡng bệnh ở đó. Gia đình người chủ khi tản cư cũng đã ở trong nhà này, nhưng khi chiến tranh chấm dứt, họ trở lại Đông Kinh. Kinh Tử cũng tiếp nhận luôn vườn rau. Nàng chỉ phát quang được ba bốn mét vuông từ miếng vườn đầy cỏ dại ấy.

Không phải là không mua được ở quán rau ráng cho hai người, nhưng khi cảm thấy rằng khó mà bỏ bê một mảnh vườn đặc biệt như vậy, nàng bắt đầu xắn tay làm. Kinh Tử cảm thấy hứng thú khi biết mình sẽ có được rau tươi tự tay trồng. Đành rằng không thể rời xa người bệnh, nhưng cứ chỉ may vá, rồi lại thêu thùa, mãi cũng đâm chán. Tuy vẫn nghĩ tới cũng một người chồng đó, nhưng trong khi làm vườn, nàng, trong lòng, lại giữ được niềm hi vọng tươi sáng. Nàng ra làm ngoài vườn rau vì lòng không dưng thấm đượm tình yêu đối với chồng. Và nàng nghĩ là khi làm vườn như thế nàng xem ra vớt vát lại một chút thân mình mà nàng đã đánh mất phần nào đó trong khi chăm sóc người chồng bệnh hoạn.

Khi dời lên cao nguyên thì cũng đã vào khoảng giữa tháng Chín. Sau khi khách đi nghỉ mát đã thối lui, những cơn mưa dài chớm thu rơi lướt thướt, lành lạnh. Có ngày, chớm hoàng hôn, bầu trời với tiếng chim bay qua trong ngần, nàng ra vườn rau nắng chiếu muôn tia nắng; rau xanh lung linh rạng rỡ. Nàng lơ đãng nhìn những đám mây hồng đào nơi viền núi. Nghe tiếng chồng kêu, nàng, tay lấm đất, trèo lên gác; chồng nàng đang thở hào hển khổ sở.

"Kêu em mà em chẳng nghe gì cả!"

"Xin lỗi. Em có nghe gì đâu anh!"

"Thôi thì ngừng làm ngoài vườn đi. Cứ phải kêu mãi như thế này, thì có nước chết mất. Nhất là khi chẳng thấy em ở đâu, em làm gì."

"Em ở ngoài vườn mà, nhưng thôi, vườn với tược, em sẽ thôi, không làm nữa."

Người chồng trùng xuống:

"Có phải chim sơn ca đang kêu đó không?"

Anh kêu, chỉ có thế thôi mà. Nàng toan nói như vậy, thì có tiếng chim sơn ca ở khu rừng bên. Khu rừng bồng bềnh trong nắng chiều hôm. Kinh Tử vẫn còn nhớ tiếng của con chim có tên sơn ca

LÝ THỪA NGHIỆP

Đưa Người

Ta đưa người qua phố
Những ngõ đèn loanh quanh
Người tóc đen tóc đỏ
Như lá úa trên cành.

Ta đưa người lên núi
Mây xanh mấy lưng đồi
Lòng bỗng dưng mê muội
Nét son hồng trên môi.

Đưa người qua sân lá
Vàng một cõi nhơn-như
Trong sương mù lạnh giá
Nỗi buồn nằm im ru.

Ta đưa người qua biển
Con sóng vỗ bạc đầu
Thơ dăm hàng xao xuyến
Chiều xuống, chiều xuống mau.

Ta đưa người vô đạo
Tâm tướng hề! như không
Qua hết nùa giông bão
Sen nở trắng trên đồng.

Đưa người xanh lối cỏ
Nắng chiều bỗng ngát hương
Ai vẽ hoài muôn thuở
Bức hý họa vô thường.

ấy.

"Anh chắc sẽ vui ra, khi có cái gì đó kêu được như chuông, nhưng cho tới khi mua được chuông, em bỏ tạm cái gì đó mà anh có thể ném được ở cạnh gối anh vậy!"

"Giá mà từ trên gác này có cái tách trà mà ném nhỉ! Chắc là vui lắm à nghe."

Thế rồi, công việc làm vườn vẫn tiếp tục một cách tốt đẹp; mùa đông dài, gay gắt rồi qua, và mùa xuân lại đến; nàng bắt đầu nghĩ đến chuyện soi vườn rau vào gương cho chồng.

Nhờ chiếc gương, miền lá non là niềm vui sống lại nơi người bệnh. Kinh Tử bắt sâu, và nghĩ nàng phải cầm sâu lên gác để cho chồng nhìn, nhưng khi nàng đang còn bận cuốc đất, người chồng đã kêu:

"Em ơi, anh có thể thấy con sâu trong gương!"

Khi ánh nắng chiếu xiên, Kinh Tử, đang ở trong vườn, bỗng rực sáng lên, nàng nhìn lên gác, thấy chồng đang dùng gương phản chiếu ánh mặt trời. Chàng đã bảo nàng sửa bộ đồng phục của thời học sinh thành quần dài đi làm. Chàng xem ra vui khi thấy trong gương nàng mặc như thế mà làm việc trong vườn rau.

Kinh Tử biết mình sẽ được chồng nhìn như thế trong gương, và nửa nhớ, nửa quên chồng nhìn, nàng làm việc.

Nàng thẹn khi thấy cùi chỏ mình trong gương nhỏ soi phía sau, và lòng nàng ấm lại khi nghĩ đến sự khác biệt giữa hôm nay và những ngày tân hôn.

Chỉ dùng gương nhỏ để trang điểm, là vì trong thời kỳ bị bại trận, chuyện điểm phấn tô son như nàng thích hầu như không có. Sau đó thì lo chăm sóc chồng, rồi lo chuyện an táng chồng, nên chuyện trang điểm chỉ mới bắt đầu sau khi nàng bước thêm một bước nữa. Nhìn vào gương và nàng cũng thấy mình đẹp. Chính người chồng mới cũng nói là nàng đẹp, và nàng nghĩ ông chồng của mình nói thật.

Những lúc tắm, thấy thân thể mình chiếu trong gương, nàng không còn thấy thẹn nữa. Nàng tự thấy mình đẹp. Nhưng về sắc đẹp trong gương, nàng đã được người chồng trước gieo trong lòng những cảm tình khác với cảm tình của những người khác, cái cảm tình ấy tới bây giờ vẫn chưa tan đi trong nàng. Nàng không phải không tin cái đẹp trong gương, đúng hơn, trái lại, nàng không nghi ngờ những gì của thế giới khác trong gương. Nhưng giữa làn da nàng thấy bằng mắt trần và làn da trong gương, nàng không thấy có sự khác biệt như sự khác biệt giữa màu xám của bầu trời và màu xám ánh bạc phản ánh trong gương. Có lẽ không phải chỉ là sự khác nhau về khoảng cách. Biết đâu khát vọng và lòng ước ao từ người chồng bệnh liệt giường đã khiến ra như vậy.

Nhưng rồi, giờ đây Kinh Tử không biết, trong gương tay người chồng nằm liệt giường cầm, nàng đã đẹp như thế nào nơi vườn rau. Lúc chồng trước còn sống, nàng cũng không rõ là mình như thế nào.

Kinh Tử cảm thấy một nỗi nhớ nhung, hay đúng hơn là một sự khát khao về hình dáng của mình đang làm việc nơi vườn rau trong gương tay người chồng quá cố cầm; hoa màu lam của cỏ huỳnh; sắc trắng của hoa huệ; đám trẻ con đang nô đùa nơi bờ ruộng; mặt trời ban mai lên trên núi tuyết xa; và cuối cùng về một thế giới riêng với người chồng cũ. Kinh Tử cảm thấy cái khát vọng tươi mát ấy, dù bây giờ vì người chồng mới mà bị dồn nén lại, nàng vẫn nghĩ khát vọng ấy chính là một nỗi trông ngóng về cõi trên.

Một buổi sáng tháng Năm nàng nghe có tiếng chim kêu từ chiếc máy phát thanh. Hồi còn ở cao nguyên, cho tới khi người chồng trước chết, nàng vẫn hay đi dạo trên núi gần nhà. Còn với người chồng bây giờ, khi đã tiễn ông ta đi làm, nàng lấy gương ra, soi lấy bầu trời tạnh ráo. Rồi nàng lại ngắm khuôn mặt mình trong gương. Nàng thấy có sự lạ. Nàng chỉ thấy được bản mặt mình khi nó phản ánh trong gương. Nhưng khuôn mặt đích thực của mình, nếu có soi gương, thời cũng chẳng thấy. Khuôn mặt đích thực ấy, mình không tự thấy được. Người ta cứ tin khuôn mặt trong gương là khuôn mặt của mình nhìn trực tiếp bằng mắt và sờ mỗi ngày. Trời đã dựng nên con người để rồi con người lại không tự thấy được khuôn mặt của chính mình, như thế là nghĩa lý gì? - Kinh Tử cảm thấy thú vị khi ngẫm nghĩ như thế.

Cứ tự hỏi nếu bạn nhìn khuôn mặt của mình, mà lại thấy mình đang giận dữ, bạn cũng chẳng làm gì được?

Nhưng con người, về hình dạng, có lẽ đã tiến hoá tới mức không thấy được khuôn mặt của chính mình. Và Kinh Tử nghĩ con chuồn chuồn và con ngựa trời và các con cùng loại, có lẽ thấy được mặt của chúng. Khuôn mặt mà người ta cứ nghĩ là tuyệt đối của riêng mình, xem ra khuôn mặt ấy có, là để cho người khác nhìn. Tình yêu có lẽ cũng giống như thế chăng?

Kinh Tử gỡ cái gương tay khỏi giá; và nàng nhận thấy cái gương chạm trổ kiểu Liêm Thương

và gỗ dâu không hợp nhau; cho tới ngày hôm nay cảnh ấy vẫn hiện ra trước mặt. Gương tay ấy đã chết theo người chồng trước, nên giá gương ấy như nường sương phụ. Nhưng việc đã đưa cái gương tay ấy cho người chồng cũ, rồi lại còn thêm cả chiếc gương nhỏ, chắc chắn có cái lợi lẫn cái hại. Người chồng cứ tối ngày nhìn vào chính khuôn mặt của mình, và khi nhìn khuôn mặt mình trong gương, lại đâm ra sợ hãi liên miên, bởi thấy mình bệnh ngày càng nặng; như thế hóa ra chẳng giống như đang gặp mặt thần chết? Nếu đấy là một sự tự sát mang tính chất tâm lý qua gương soi, thì Kinh Tử, xét theo mặt tâm lý, đã trở thành một kẻ giết người. Kinh Tử cũng có nghĩ tới mặt hại nầy, nhưng vào lúc ấy chồng nàng cứ khư khư cầm cái gương tay. Chàng nói:

"Chẳng lẽ anh lại không được nhìn những gì anh muốn hay sao? Trong những ngày còn lại của đời anh, anh muốn yêu thương tất cả những gì hiện ra trong gương này."

Chàng có lẽ dám hi sinh cả mạng sống mình để làm sao cho thế giới trong gương được tồn tại. Sau cơn mưa lớn, nàng ngắm trăng soi trong vũng nước trong vườn; và ngay cả bây giờ vầng trăng chấp chới không lời ấy vẫn còn vằng vặc trong lòng nàng.

"Tình yêu vẹn toàn chỉ trú ngụ trong những người toàn vẹn," người chồng sau nói, và Kinh Tử gật đầu thẹn thùng, nhưng tận đáy lòng nàng không đồng ý. Lúc người chồng trước đã chết, nàng nghĩ lại chuyện mình đã nghiêm khắc kiêng cữ ăn nằm với chồng liệu có ích lợi gì chăng. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó, khi mà chuyện kiêng cữ ấy trở thành nỗi nhớ về một tình yêu đớn đau và về tình yêu tràn lòng cả trong những tháng ngày đớn đau ấy, thì nàng chẳng còn cảm thấy ân hận gì. Xem ra người chồng sau xem tình yêu của người nữ một cách quá đơn giản.

"Anh là một con người dễ tính như vậy, thế thì tại sao anh lại bỏ vợ anh?" Kinh Tử đã có lần thử hỏi như thế, nhưng ông chồng sau im ỉm không nói. Người anh của ông ấy đã năn nỉ Kinh Tử; và thế là nàng lấy chồng. Chỉ bốn tháng sau. Hơn cô những mười lăm tuổi.

Khi Kinh Tử có thai, nàng kinh hãi khi thấy sắc diện mình thay đổi khá nhiều. Nàng bám lấy chồng, hét:

"Em sợ quá anh ơi! Em sợ quá!"

Nàng hét lớn như điên như khùng. Nàng bò ra vườn, lượm lá thông. Nàng bới một lượt tới hai hộp đồ ăn đi học cho thằng con riêng của chồng. Và hai hộp chỉ toàn cơm. Cô nhìn đăm đăm vào cái gương tay chạm trổ kiểu Liêm Thương gắn nơi giá gương, và cô nghĩ rằng cô đang nhìn thấu suốt gương. Nửa đêm chỗi giậy, ngồi trên chiếu trải sàn nhà, cô nhìn xuống người chồng. Trong khi nàng kinh hãi vì thấy rằng đời người, chao ơi, chỉ toàn những chuyện vặt vãnh, nàng cởi đai áo ngủ ra. Như thể toan thắt cổ chồng. Thế rồi, không biết sao, nàng khóc rống lên. Chồng nàng mở mắt tỉnh giấc, nhẹ nhàng cột đai lại cho nàng. Trong đêm giữa hạ, nàng run lên vì lạnh.

"Kinh Tử, em hãy vững tin vào đứa con trong bụng," chồng nàng nói và lắc vai nàng.

Bác sĩ đề nghị nàng đi nhà thương. Kinh Tử không ưng, nhưng rồi cũng chịu nghe lời.

"Vì phải đi nhà thương, nên trước khi đi nhà thương, em muốn đi thăm lại quê em, chỉ đôi ba ngày gì đó thôi!"

Người chồng đưa nàng đi về nhà cha mẹ nàng. Ngày kế tiếp nàng rời nhà cha mẹ, và đi đến miền cao nguyên nơi nàng đã chung sống với chồng trước. Ngày ấy là ngày đầu tháng Chín, sớm hơn mười ngày, ngày nàng cùng chồng trước dọn đến đó ở. Trên xe lửa, cảm thấy muốn mửa, nàng đưa mắt nhìn quanh dò hỏi, rồi, cảm thấy bất an, nàng những muốn nhảy ra khỏi cửa sổ toa. Nhưng khi ra khỏi nhà ga cao nguyên, nàng đụng ngay không khí trong lành, mát mẻ, và nàng trở nên vui ngay. Nàng lấy lại thần hồn, như thể hết bị quỉ ám. Nàng cảm thấy lạ lùng, và nàng ngừng lại, nhìn rặng núi điệp trùng bao quanh cao nguyên. Viền núi xanh, đang dâng lên màu lam nhạt, hiện tươi tắn trên không trung. Nàng cảm thấy thế giới đang sống động. Quệt mắt đẫm lệ ấm, nàng đi về phía nhà xưa. Giờ đây, có ánh tà huy hồng hoa đào từ cánh rừng bềnh bồng, và tiếng chim sơn ca hót như ngày ấy.

Nơi nhà xưa ấy, có ai đang ở, và nơi cửa sổ căn gác, thấy có màn cửa trắng. Kinh Tử không đi lại gần hơn để nhìn.

"Liệu đứa bé giống như anh thì sao? anh ơi!" Nàng thầm thì, và nàng ngạc nhiên cả với mình, rồi nàng sải bước trở về, nghe lòng ấm áp, an lành.

Tạp chí Văn nghệ Xuân Thu, tháng 11, năm thứ 28 đời vua Chiêu Hòa (1954).

Chú thích: (1) Triều đại Liêm Thương: Kamakura (1185-1333) (2) Hòm của người Nhật, nắp hòm có cửa như cửa tủ dùng để mở khi có người muốn xem mặt người quá cố, chứ không đóng đinh chặt như bên mình. (3) Ý nói: Không muốn để cho Kinh Tử gặp mặt đứa con riêng sớm.

HỒ HỮU TƯỜNG

(1910-1980)

THỤY KHUÊ

(Tiếp theo)

Con đường tư tưởng

Tiếp tục con đường tư tưởng đã vạch ra trong *Tương lai văn hóa Việt Nam*, những bài tiểu luận hoặc tham luận đến sau, đào sâu và mở rộng thêm đường hướng nhân văn và dân tộc của Hồ Hữu Tường.

Trong cuốn *Luận lâm I* (Huệ Minh, 1965), ông chọn chín bài viết trong khoảng 1948 đến 1964, mỗi bài một chủ đề khác nhau (văn hóa, chính trị, kinh tế, tư tưởng) mà ông cho rằng «biện chứng pháp không thể áp dụng được.» *Luận lâm* (tuy đề *Luận lâm I*, nhưng chỉ ra có một quyển) đưa ra những đề tài có thể gây tranh luận, với chủ đích đẩy sự nghiên cứu và suy tưởng đi xa hơn.

Trước hết với đề nghị *«Tìm (lại) nguồn gốc của dân tộc Việt Nam»* Hồ Hữu Tường cho rằng không có một thứ chủng tộc nào là thuần túy. Người Việt, là sự hòa đồng hai mặt: thổ dân sống trên giải đất này kết hợp với các sự chinh phục đến từ nơi khác. Bắc do Lạc Việt, Trung do Chàm (Chăm) và Nam do Miên (Khmer) đến chinh phục rồi lần lần bị đồng hóa. Giai đoạn kế tiếp là sự thống nhất theo lối phong kiến: người Việt (ở Bắc) tiêu hủy quốc gia Chàm (Trung) và đồng hóa người Chàm, chiếm Chân Lạp và đồng hóa người Khmer. Nền văn hóa Việt cao hơn hai nền văn hóa Chàm và Khmer nên tồn tại nhưng vẫn chứa đầy ảnh hưởng của hai nền văn minh này trong ngôn ngữ, âm nhạc, tư tưởng.

Về tư tưởng, người phương Bắc (Trung Hoa) chú trọng đến cảm giác chủ quan: Khi nhìn con ngựa, họ thấy mầu trắng trước, cho nên họ nói *bạch mã*, cũng như *ngã phụ* (tôi cha) (cái tôi đi trước). Tư tưởng Việt Nam (thuộc người phương Nam), gần gũi với Miến Điện, Xiêm, Mên, Chàm... mang tính phân tích và đi từ khách quan đến chủ quan, cho nên nói *ngựa trắng, cha tôi* v.v...

Về ngôn ngữ, Hồ Hữu Tường không nhận tiếng Việt hoàn toàn đơn âm, mà cho rằng những tiếng mượn từ chữ Hán thường đơn âm, còn những tiếng thuần Việt như éo le, oái oăm, lim dim... không thể bảo là đơn âm được.

Về âm nhạc, những điệu hò Huế, những bài vọng cổ chứng thực hiện tượng hòa hợp văn hóa Việt-Chàm, Việt-Miên. Tóm lại, theo Hồ Hữu Tường, muốn «tìm nguồn gốc dân tộc Việt Nam» trước hết phải chấp nhận những tiền đề:

- Gốc thổ dân sống trên giải đất này;
- Bãi bỏ thuyết chủng tộc và công nhận thuyết hợp chủng và đồng hóa;
- Nền văn hóa cao nhất trong các dân tộc hợp chủng sẽ sống còn;
- Lịch sử Việt Nam không phải là lịch sử của một cuộc Nam tiến mà là sự thống nhất theo đường lối phong kiến;
- Tư tưởng Việt (thuộc phương Nam) khác với tư tưởng Trung Hoa (thuộc phương Bắc).

Vẫn trong chiều hướng cổ võ cho sự thay đổi quan điểm suy tưởng và nghiên cứu, trong bài *«Đầu năm, nhắc một món ăn trân mỹ»* (Luận lâm), phê bình hai bộ văn học sử *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đổng Chi và *Việt Nam văn học sử* của Dương Quảng Hàm, Hồ Hữu Tường cho rằng quan niệm văn học sử của hai nhà nghiên cứu này đã lỗi thời và đề nghị một hướng mới: Theo ông, văn học sử Việt Nam là văn học sử viết bằng tiếng Việt, cho nên phải loại các tác giả viết chữ Hán, chữ Pháp ra ngoài, chỉ khảo cứu những tác phẩm:

- văn chương bình dân, ca dao, tục ngữ...
- văn chương chữ Nôm,
- văn chương chữ quốc ngữ

và phụ thêm có thể đưa ra bộ *Việt Nam tư tưởng sử* để khảo cứu xem người Việt đã phát biểu tư tưởng của mình bằng tiếng Việt, tiếng Tầu, tiếng Pháp, tiếng Anh như thế nào.

Ngoài ra ông còn đề nghị phải tìm hiểu thêm hai thời kỳ văn chương nhà Hồ và văn chương

đời Tây Sơn (nhóm Hồng Sơn văn phái, ngoài Nguyễn Du và truyện Kiều, còn để lại bản dịch sáu bộ tài tử của Tàu ra lục bát mà Hoàng Xuân Hãn đã nhắc tới, nay chưa tìm ra) mà chữ Nôm đã có một chỗ đứng quan trọng.

Đề nghị này của Hồ Hữu Tường, có hai ý nghĩa: trở về với văn hóa dân tộc và đẩy xa việc nghiên cứu quốc âm. Nhưng việc ứng xử với nền văn học chữ Hán là một vấn đề phức tạp.

Nếu dựa theo cách viết văn học sử trên thế giới nói chung, và Pháp, nói riêng là đúng. Nhưng Việt Nam có một lịch sử và lịch sử văn học không giống những dân tộc khác: Nếu những quốc gia khác từ thời lập quốc không bị đô hộ (lâu dài) hoặc không đổi ngữ tự, thì ngược lại, Việt Nam vừa bị đô hộ, vừa đổi ngữ tự.

Thời kỳ văn học chữ Hán là kết quả 1000 năm đô hộ của Tàu. Người Việt «bắt buộc» phải diễn tả tư tưởng của mình bằng Hán tự. Vì không có chữ viết hoặc nếu có, cũng không thể phát triển được. Sự đô hộ đã ảnh hưởng lâu dài đến những thế hệ sau: chữ Hán trở thành chữ thi cử, « quốc tự» chữ «thánh hiền.» Do đó, chữ Hán trong nhiều thế kỷ là chữ viết để chuyên chở nội dung ý nghĩ, tư tưởng Việt Nam. Vấn đề đặt ra ở đây là: Chữ viết là chính hay ý nghĩ là chính? Hiển nhiên là cả hai, bởi chữ viết chuyên chở văn phong lẫn tư tưởng. Viết văn Tàu, văn Pháp phải tuân theo quy luật của Hán văn, Pháp văn, hoàn toàn khác với văn phong Việt Nam. Tóm lại, một áng văn chương chữ Hán, chữ Pháp, do người Việt (thấm nhuần văn hóa Việt và có tâm hồn Việt) viết, thường là sự kết hợp hài hòa giữa hai nền văn hóa Hán-Việt, Pháp-Việt, tạo nên một tác phẩm «lai» và có chỗ đứng trong cả hai nền văn hóa gốc.

Mở rộng thêm vấn đề về trường hợp của những người Việt sống ở nước ngoài, một người (quốc tịch) Pháp hoặc Mỹ, gốc Việt, viết văn bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, nên xếp vào văn học sử Pháp, Mỹ hay văn học sử Việt? Trong trường hợp này, «bản chất» của tác phẩm cung cấp nhiều thông tin hơn quốc tịch của tác giả. Ví dụ, Linda Lê, dù là gốc Việt, nhưng khó tìm thấy dấu ấn (văn hóa và tâm hồn) Việt, trong tác phẩm của chị; ngược lại, Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, dù viết tiếng Pháp nhưng tác phẩm của họ thấm đậm tâm hồn và tâm thức Việt Nam. Cho nên vấn đề Hồ Hữu Tường đặt ra chỉ nên xem là một cách thúc đẩy mọi người khai triển và tìm kiếm những hướng đi khác trong cách viết văn học sử, đặc biệt nên chú ý đến *những mảng văn chương bị các chính thể khai trừ, thậm chí tiêu diệt*, và đó là điều thường trực xẩy ra ở mọi nơi, mọi thời.

Bài *«Tìm một ý thức hệ cho thời đại»* trong *Luận lâm* và bài *«Cái nghiệp tiên thiên»* trong *«Trầm tư của một tên tội tử hình»* (Lá Bối, Huế, 1965), phát triển tư tưởng *Minh đạo* đưa ra giải pháp: Canh tân đạo Phật, làm sao cho đạo Phật từ xu hướng tu thân, xuất thế, giải thoát cái khổ cá nhân, trở nên một *Minh đạo*, nhập thế, tìm giải pháp cho cái khổ tập thể của con người thời đại, chìm trong áp bức và chiến tranh.

«Có lẽ hồi thời của Phật, kinh tế còn là tự nhiên, con người ít bị đớn đau mỗi ngày vì bị bóc lột, chính trị còn là đơn sơ, thần dân ít bị khổ sở vì thiếu sự tổ chức xã hội; nên khi nhìn nhận cái khổ, Người chỉ thấy rõ có sinh, lão, bệnh, tử [...] Cái khổ này là cái khổ cá nhân, thì tìm sự giải thoát bằng phương pháp cá nhân là một việc giải thích được. Nhưng loài người càng phát triển, liên hệ xã hội càng phức hóa, thì một cái khổ khác tràn lên, cái khổ tập thể bởi sự tổ chức xã hội không thay đổi kịp để mãi thích ứng cho sự tiến triển nầy.» (Tìm một ý thức hệ cho thời đại, Luận lâm, nxb. Huệ Minh, 1965, trang 57)

«Đạo Phật, và chỗ nầy nó khác hơn các tôn giáo khác, là một sự tu luyện, theo nghĩa tầm nguyên của danh từ này: tu là làm cho càng tốt đẹp thêm mãi, luyện là làm cho tinh ròng thêm mãi. Phật tử tu luyện để làm cho lý trí càng thuần thục hơn hầu đến cái giác. Nếu sự tu luyện ấy dùng để dự bị vấn đề, chuẩn bị các điều kiện, vạch lối trước bằng trực giác hay thị kiến cho các sự giải đáp các vấn đề này, thì tôn giáo sẽ là hướng đạo cho đại đội quân của khoa học. Chừng ấy Niết bàn sẽ không còn là một cái chứa không có gì đựng ở trong và chỗ nhắm của các vị bồ tát (tự giác nhi giác tha) mới đạt được.» (trích *Cái nghiệp tiên thiên*, trong *Trầm tư của một tên tội tử hình*, trang 36-37, Lá Bối, 1965)

Nếu trong quá khứ ảnh hưởng đạo Phật thời nhà Lý đã đem đến các vị vua nhân từ như Thái Tông, Thánh Tông, Thần Tông... và đưa nước Việt đến một thời kỳ phát triển cực thịnh, thì ở đây, trong lý thuyết Minh đạo mới này, Hồ Hữu Tường dường như muốn mở rộng tính chất *đạo trị* hơn, muốn tâm thức thiền sư đi vào lòng người, qua phương pháp giáo dục, một cách «trồng người» mới, để tất cả đều có phương tiện đi tới bến giác ngay trong cuộc sống, tạo ra một cõi niết bàn tại thế. Vai trò của một Maitreya - Di Lặc thời nay - thời mạt pháp- là phải tạo ra một nền *văn minh tu*

sĩ, tức là đem đạo đức tôn giáo vào đời sống chính trị. Tôn giáo phải đồng nhất với chính trị để tạo ra những con người nói chung, và người cầm quyền, nói riêng, có đạo đức, thấm nhuần lòng từ bi, bác ái, thâm hiểu ý niệm bình đẳng và tự do. Tóm lại, sự đào tạo con người trong tinh thần *Minh đạo* tổng hợp bốn nền móng cơ bản: tôn giáo, triết học, khoa học và chính trị. Ở đây, Hồ Hữu Tường lấy lại hai chữ *Minh đạo* của Hồ Quý Ly để đưa ra một nội dung tư tưởng mới.

Vấn đề đạo đức tôn giáo nói chung và đạo đức nhà Phật nói riêng, ngày nay cũng đang thịnh hành ở Tây phương, đạo Phật phát triển rất mạnh ở Pháp. Dường như trong một thế giới «võ trị» như ngày nay, sự trở về với đạo đức, niềm tin, là một điều kiện cần thiết và lý thuyết *Minh đạo* mà Hồ Hữu Tường đề nghị cách đây hơn nửa thế kỷ vẫn còn rất hợp thời.

Lập thuyết *Minh đạo* đánh dấu giai đoạn chuyển biến tư tưởng thứ nhì của Hồ Hữu Tường. Trong năm năm tù Côn Sơn lần thứ nhất, dưới thời Pháp thuộc, Hồ Hữu Tường đã «trầm tư» ra chủ thuyết *dân tộc* để thay thế chủ nghĩa Mác-Lê. Ở Côn Đảo lần thứ nhì, dưới thời Ngô Đình Diệm, kẻ bị kết án tử hình «trầm tư» ra chủ thuyết *Minh đạo*: Tổng hợp chủ nghĩa xã hội và đạo Phật. Và đó là điều mâu thuẫn lớn lao trong tư tưởng Hồ Hữu Tường: suốt đời đánh đổ những ý thức hệ, và suốt đời lập thuyết. Nhưng chính điểm mâu thuẫn ấy là đức tính lớn lao của ông, tạo dựng tư cách độc đáo của một nhà văn, nhà chính trị và nhà tư tưởng, bộc lộ tính chất hành động trong tư tưởng Hồ Hữu Tường.

Cuốn *Nói tại Phú Xuân* (Huệ Minh, Sài Gòn, 1965) tập hợp những bài tham luận đọc tại Huế trước cử tọa thanh niên, Hồ Hữu Tường phân tích tất cả những nhược điểm trong ngành giáo dục của ta, thiếu sách vở, thiếu thày ..., và ông đã dùng tất cả tài năng hùng biện của mình để thúc đẩy tinh thần sinh viên, nêu lên những nguyên tắc rèn luyện tinh thần:

- Thứ nhất: *Tinh thần súc tích* (esprit d'accumulation). Súc là chứa, cất, tích là dồn lại. Kẻ đi học, với tinh thần súc tích ví chẳng khác anh nông dân, mùa khô gặt lúa, chứa thóc vào bồ để quanh năm lấy ra mà dùng. Nhưng người đi học mà chỉ có tinh thần súc tích thôi, thì khi ra đời chỉ có thể làm cán bộ thừa hành. Cho nên tinh thần súc tích chưa đủ.

- Phải có *tinh thần phê phán* để xét lại tất cả những thông tin mà mình thu thập được.

- Rồi tới *tinh thần tìm tòi* và *tinh thần phát minh*.

Nhưng bao trùm lên hết là *tinh thần dân tộc*.

«Tinh thần dân tộc là kết hợp rất nhiều phức cảm về màu da, về tiếng nói, về tập quán, về ý thức... chung quanh cái ý muốn chung làm cho dân tộc Việt được trường tồn [...] Tôi cho là tinh thần dân tộc không phải chỉ là cảm tình, là bản năng, nó còn có thể là sinh lý nữa [...] đọc bài văn tế các trận vong chiến sĩ của Nguyễn Đình Chiểu thì rơi nước mắt rồi dấn thân vào con đường kháng Pháp. Lùi lại lịch sử mấy trăm năm, đọc bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, chúng ta vẫn còn thấy tim rung động.» (trang 42-45)

Đối với Hồ Hữu Tường, sinh viên, nếu muốn tìm một phương pháp rèn luyện cá nhân để phụng sự dân tộc, thì phải nhìn thấy mấu chốt của vấn đề: *Tinh thần súc tích, tinh thần phê phán* và *tinh thần phát minh* là ba cái chân vạc của một cái đỉnh thờ: *tinh thần dân tộc*. Hồ Hữu Tường có cực đoan quá chăng? Không, bởi vì ông đã sống trong một thời kỳ mà đất nước bị người Pháp đô hộ, tiếp theo là cuộc nội chiến ý thức hệ giữa hai miền, do ngoại bang điều khiển. Rồi cuộc thống nhất đất nước, lại phát triển thêm hai cực:

- Một hướng tự đại, triệt để đề cao «bản sắc dân tộc» qua những nội dung trống rỗng, coi Việt Nam là trung tâm của vũ trụ, không cần học hỏi tìm tòi;

- Một hướng tự ti, vọng ngoại, lấy ảo ảnh Tây phương để thay thế cho ảo ảnh thiên đường xã hội chủ nghĩa.

Trong cả hai trường hợp, một tinh thần dân tộc đích thực, trong sự học hỏi, tìm kiếm và phát minh để xây dựng một tương lai văn hóa Việt Nam trong chiều hướng *văn trị*, vẫn còn cần thiết, nhất là khi hiện tượng toàn cầu hóa có thể phát triển trong chiều hướng *võ trị*.

Số kiếp con mọt và con thằn lằn

Nếu Hồ Hữu Tường luôn luôn nhắc nhở *«tôi không phải là nhà văn, tôi chỉ là kẻ dụng văn,»* thì những truyện ngắn của ông lại từ chối lời nhận xét trên đây và công nhận điều sau này: *«Đọc tiểu thuyết hay của các nước, tôi rất hiểu tiểu thuyết xây dựng thế nào, nhưng tôi không chịu viết tiểu thuyết, mà chỉ bám vào lối văn «kể chuyện.» [...] Tôi chỉ muốn «kể chuyện» cho hoang đường, cho hóm hỉnh, cho trào phúng, cho quê mùa, như những giáo sư văn chương của tôi mà thôi. Con nhà trâm anh thế phiệt, ông, bác, cha, anh, thảy đều khoa*

hoạn, thì viết văn điêu luyện như Nguyễn Du, việc ấy hợp lý, hợp tình. Con nhà nông như tôi, mà viết văn nông dân, việc ấy cũng hợp lý, hợp tình nữa.

Con vua thì đặng làm vua
Con sãi ở chùa thì quét lá đa

có cái văn tâm như thế, nên trong chín năm theo chủ nghĩa Mác-Lê, giáo điều của chủ nghĩa nầy dạy phải viết theo đường lối «tả chân xã hội» (réalisme socialiste), thà tôi nhịn viết văn, chớ tôi không chịu phản lại giai cấp tôi. [...] Cái văn tâm như thế đem những văn tứ «cổ điển» lại, chuyện «ma», chuyện thần tiên, chuyện hoang đường, chuyện tiếu lâm châm biếm ... «cổ điển» là cổ điển của thứ văn chương nông dân ta vào thế hệ của tôi.» (trích bài Tựa cuốn *Kể chuyện*, nxb Huệ Minh, Sài Gòn, 1965).

Như vậy rõ ràng là trong cách viết văn, Hồ Hữu Tường đã cố tình lựa chọn lối *kể chuyện*, ông không gọi là truyện ngắn, mà lấy ngay hai chữ *kể chuyện* làm tên sách. Và cách kể chuyện thần tiên, ma quỷ của Hồ Hữu Tường cũng là một cách chống lại «duy vật biện chứng» bằng con đường dân tộc: *«Về chuyện ma, kỷ niệm của tôi là kỷ niệm chung của tất cả, tất cả trẻ con Việt ở nhà quê. Một đêm tối om, bên cạnh ngọn đèn dầu leo lét, ba bốn người ngồi lại mà nghe kể chuyện, một thằng nhỏ giõ tai nghe. Một lát nó nhảy vào giữa, run sợ. Mà càng run thì nó càng thấy lý thú[...] Thế mà, vào nhà trường, học khoa học của Tây phương, thầy cấm đứa nhỏ ấy tin truyện ma, cho đó là dị đoan [...] Khi nhập vào chủ nghĩa Mác-Lê, thì giáo điều của duy vật luận biện chứng pháp lại càng nghiêm khắc với chuyện ma hơn nữa. Thế mà sự thật lại khác hẳn. Năm 1932, nhà của một người bạn của Tạ Thu Thâu là trạng sư Blaquière, ở đầu đường Taberd (nay là Nguyễn Du), xéo xéo nhà thờ lớn, lại có ma dời bàn, khiêng ghế, dựng ván đứng lên, làm «trò khỉ» (mượn lời của cựu thủ tướng Hương). Nhà mác-xít Tạ Thu Thâu tức quá, luôn ba đêm đến đó ngủ, để nghiên cứu bọn*

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

DẤU XƯA

cành phượng đỏ giấu mình trong cặp sách
em đi qua, khung cửa lặng nghiêng nhìn
hè đến vội khua bàn chân rộn rã
câu thơ buồn theo dấu đọng lời tim
ngày tháng hạ em bỏ trường xa lớp
riêng ta về giấc ngủ chẳng bình yên
trong mộng mị vẳng nghe lời ai hát
gợi âm xưa trong nỗi nhớ êm đềm
nét mực tím nhạt nhòa màu lưu bút
trang sách nào thao thức mở từng đêm.

hoa sen nở, chiều Tịnh Tâm lặng lẽ
hương ngọt ngào gội xuống tóc em xanh
trăng Thượng Tứ lạnh lùng soi bước nhỏ
đường em qua mê mỏi khúc ru tình
câu vụng dại chưa một lần trao gởi
sợ mây sầu giăng ngợp mắt long lanh.

em gái nhỏ tóc ôm bờ vai trắng
dấu tương lai trong nét vẽ cung đình.

ma có quyền lực gì, mà làm cái công việc mười người lực lưỡng chưa chắc làm nổi... Nhưng vì quyền lợi của chủ nghĩa duy vật mà chúng tôi đương vác cờ, không cho phép chúng tôi nói đến.» (Kể chuyện, trang 4-5)

Hồ Hữu Tường có tin ma hay không, điều đó không quan trọng. Ma chỉ là cái cớ để ông phát lộ tinh thần dân tộc: người dân mình tin ở thần linh, ma quỷ, thì mình cũng không thể xóa chúng trong sổ văn chương của mình. Tính chất *duy linh* là một phần «dân tộc tính» vẫn còn hiện hữu và Hồ Hữu Tường đã dùng *duy linh* để đối chọi với *duy vật* (vô thần). *Ma* như một cõi âm bí mật, không biết, chưa biết, giao thoa giữa siêu linh và tâm thần, nhưng *ma* có thể giúp *người* nói đến nhiều việc thực dụng, hiện hữu (Bồ Tùng Linh); *ma* là một trong những đề tài mà văn học có thể sử dụng để đưa đến những kết quả nghệ thuật bất ngờ: Hồ Hữu Tường đã «dụng ma» như ông đã «dụng văn» để trình bày tư tưởng của mình.

Những chuyện kể của ông, gom góp in lại thành sách, chỉ có ba tập. Cuốn *Quả trứng thần* gồm nhiều truyện thần tiên, in năm 1952, nay đã thất lạc; trong bài Tựa cuốn *Kể chuyện* (1965), tác giả có lời rao: *bạn nào có cuốn sách này xin cho mượn lại.*

Kể Chuyện (Huệ Minh, Sài Gòn, 1965) gồm bẩy truyện ngắn, những mẩu tiếu lâm về Quặp râu và một vở kịch trào phúng.

Cuốn *Nợ tinh thần* (Huệ Minh, 1965), do Nguyễn Ngu Í biên tập, là cuốn tạp văn, có bốn bài tiểu luận đặc sắc: *Một bài phi lộ,* đề xuất những kế hoạch nghiên cứu triết học, khoa học và thể hiện văn chương; *Tân Xuân Thu* (hai bài) so sánh thời chúng ta với thời Xuân Thu; *Xuân Thu cũ và Xuân Thu mới*, phê bình bộ Đông Chu liệt quốc, và hai truyện ngắn hay: *Tù trong tù* và *Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp*.

Cách kể chuyện của Hồ Hữu Tường rất đa dạng: *Răng đen* (trong *Kể chuyện*) là một «truyện thật ngắn» (ba trang) cô đọng và đặc sắc, vạch trần chính sách nham hiểm của thực dân: Hai sinh viên nhược tiểu (Maroc - Annam) gặp nhau trên «mẫu quốc». Trong ba năm học chung, họ rất quý mến nhau, nhưng đến khi tôi (tác giả) lên đường về nước, Ali mới thổ lộ: Tôi sợ anh lắm. Vì sao? Bởi Ali vẫn đinh ninh rằng nước «Đại Pháp» đã dẹp tan quân «phiến loạn» Abd-el-Krim, nhờ bọn «tirailleurs annamites» (lính khố xanh) nổi tiếng ăn sống thịt người đến nỗi máu khô đọng lại nhuộm đen răng!

Xuân An Hải (trong *Kể chuyện*) là một chuyện ma «thật sự» xẩy ra ở An Hải, một làng cổ ở Côn Đảo. Người tù bị «ma giấu» là một anh cộng sản chính hiệu và những người chứng kiến việc «ma giấu» này (gần 200 mạng) phần đông đều theo chủ nghĩa duy vật. Lập lờ giữa mê tín và giả đò, Hồ Hữu Tường muốn chế giễu cả *biện chứng* lẫn con người *duy vật*: tất cả chỉ là một trò giả đò như ma giấu hay chăng?

«Bỗng có tiếng hú vang, tiếng hú xa tít từ trên chót núi Chúa đưa xuống, lẫn với tiếng cây cối rung chuyển ào ào, như cơn bão rừng, như đạo kỵ binh rần rộ từ trên cao kéo xuống, nghe lạnh xương sống. Trông theo tiếng hú, thì thấy anh Xa mắt nhắm nghiền, hai tay đưa ra trước như nắm một dây cương ngựa tưởng tượng, từ trên cao phóng xuống như bay. Điều mà giữa ban ngày không ai dám làm, nữa là ban đêm, cái đêm cuối năm đen như mực xạ. [...] Thế mà Xa cứ chạy, chạy như bay, lướt trên mặt đá lởm chởm.» (Kể chuyện, trang 18)

Một quang cảnh rất siêu thực do bàn tay phù thủy sắp đặt: Tiếng hú trên núi *Chúa* đưa xuống, *trông* theo tiếng hú, thấy anh Xa *mắt nhắm nghiền, chạy như bay*... tất cả chỉ là phù phép, hỏa mù xung quanh một «thực thể» ghê gớm «tiếng hú từ núi Chúa.» Cả anh Xa, lẫn những kẻ «trông» thấy tiếng hú (gần 200 mạng tin theo duy vật), ở đây đều đã mu muội, đang lên đồng theo lệnh của *Chúa*. Điểm ngời ngời duy nhất sáng trưng ở đây là núi *Chúa*, nơi *Chúa* ngự. Chúa không ra mặt nhưng *Chúa* điều khiển, *Chúa* giật dây, *Chúa* làm lóe mắt, ù tai những kẻ «nghe» và «nhìn» thấy «*Chúa.*»

Đồng thiếp giữa giả và thật để hóm hỉnh nhạo báng các hạng «chúa tể» trên đời: Chúng chính là *ma*. Người bị ma giấu, mê hoặc trong một trận đồ, trở thành cuồng tín, nhảy nhót, đằng phi, đi mây về gió... vô tình làm trò đùa cho những cuộc chơi đồng thiếp, làm quân trong những trận «cờ người»?

Một hình thức «ma giấu» khác nằm trong truyện ngắn *Cọp hú. Cọp hú* (trong *Kể chuyện*) rút từ một huyền thoại miền Cà Mau. Người bị «cọp hú» cũng tương tự như bị quỷ ám, sẵn sàng dâng cả thể xác lẫn linh hồn cho cọp. Cọp hú là một hình thức ngụ ngôn thấm đậm màu sắc địa phương, dân dã, một mặt nói lên những mu muội của người ăn phải bả cọp (ngoại bang hay lý thuyết ngoại bang), quay trở lại «ăn thịt» đồng bào ruột thịt mình.

Côn Lôn là một ngục tù lũy thừa bốn: ông, cha, con, cháu. Kẻ ở trên đảo là kiếp tù ông. Trong đảo có banh (bagne), kẻ ở trong banh là kiếp tù cha. Trong banh có khám, bị nhốt trong khám là tù con. Tù con mà còn bị còng chân là tù cháu. Đó là thân phận *tù trong tù*.

Qua bốn cửa ải, vào vòng tận của khổ đau, trong cuộc đời gần 20 năm tù tội, Hồ Hữu Tường rất ít khi nhắc đến những đọa đầy thân xác trong tù, họa hoằn viết một vài hàng như: *«tôi lướt qua cơn dông tố mà ba phần tư anh em, vì yếu đuối vượt qua không nổi, phải gởi xương ngoài đảo.»*

Tù trong tù giúp chúng ta hiểu tại sao Hồ Hữu Tường có đủ nghị lực để vượt lên những cơn dông này: phải có một hoạt động tinh thần hàng ngày, phải tìm cách *«đằng phi trên vòm trời tư tưởng.»*

«Ấy là tôi có được người bạn đường (Nguyễn An Ninh) *để đằng phi trên vòm trời tư tưởng.*

Nhờ sự đằng phi trên vòm trời tư tưởng ấy, xét nét lại cả những hệ thống triết học, tôn giáo, tư tưởng, mà tôi quên rằng thời gian qua mau hay là quên chú ý đến những khổ cực nặng nề của đời tù con.» (Tù trong tù, Nợ tinh thần, Huệ Minh, 1965, trang 71)

Hồ cố gắng vươn lên, từ đớn đau của thể xác và tối tăm của định mệnh, một đời sống tinh thần phong phú, liên tục, một sức sáng tác không ngừng, trong tim, trong óc. Bao nhiêu người chết gục trong tù, riêng Hồ, để khỏi chết, *trầm tư* và *kể chuyện*, sáng tác «nhẩm,» hoặc viết, mặc dầu biết cái viết của mình đôi khi chỉ làm mồi cho mối mọt. Đó là bí quyết tồn tại. Lối «kể chuyện» của Hồ Hữu Tường, một lối kể bình dân, truyền thống như Nguyễn Đình Chiểu, như Hồ Biểu Chánh... rất miệt vườn, gắn bó với vùng đất mới Hậu Giang, nhưng đã biến dạng thành một lối kể đa diện và luôn luôn biểu lộ những suy tư của tác giả về cuộc sống, về sáng tác. Tiêu biểu nhất có lẽ là hai truyện *Nàng mọt sách* (trong *Kể chuyện*) và *Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp* (trong *Nợ tinh thần*).

*

Nàng mọt sách là một truyện thần tiên, không dựa theo cổ tích mà do tác giả sáng tạo. Truyện bắt đầu bằng những hàng: *«Ngày xưa ... Ở đất Hậu Xuyên có chàng học trò nọ, họHồ, tên Lân-Trinh, tự là Khổng Cưu...»*

Lối mở đầu này cho thấy ngay đây là một tự truyện vì cả Lân Trinh lẫn Khổng Cưu đều là biệt hiệu của Hồ Hữu Tường.

Lân Trinh nghèo lắm, không có tiền mua sách để đọc. Gặp buổi loạn ly, chàng phải lánh nạn ở một cái am nhỏ của một vị đạo sĩ. Một hôm quét am, Lân Trinh lượm được cuốn sách xưa, mừng quá, mở ra đọc, thì than ôi, không trang nào nguyên vẹn. Một con mọt hai đuôi đang vội vã lẩn trốn, định giơ tay giết nó, nhưng không nỡ vì chàng tự hỏi nó ăn sách để sống cũng như ta ăn cơm vậy, có tội lỗi gì? Không ngờ con mọt là hậu kiếp của Tiên Dung, con gái Ngọc Hoàng. Xưa ở Thiên Đình, nàng phải hâm rượu cho cha đãi quần tiên, nhưng vì mê đọc sách làm cạn cháy rượu đào, bị vua cha đầy xuống trần gian. Tiên Dung xin được làm kiếp con mọt để đi hết nhân gian tìm lại cuốn sách quý mà nàng mới lật vài trang, chưa kịp đọc hết (trong tủ sách Thiên Đình). Đây là một truyện ngắn xác định văn tâm và văn tài của Hồ Hữu Tường, quảng bá tư tưởng «văn hóa trị.» Về giai đoạn văn trị ở hạ giới, sao Thái Bạch tâu với Ngọc Hoàng: *«Sở dĩ loài người đang ngoan ngoãn thế này, ấy bởi họ đương trải qua một hồi «văn trị.» Họ không mê say việc chiến đấu, giết lẫn nhau. Họ không thèm nghĩ đến việc hại nhau, lừa nhau.»*

Ở thời kỳ văn trị này, loài người chỉ có một lối tranh đấu duy nhất là chọn con đường văn tự (gọi là thơ). *«Thơ có thể làm cho con người say mê như mê gái đẹp,» đó là một «tôn giáo mới mà giáo chủ là Nàng Thơ»*. Kẻ tín đồ của tôn giáo này cũng say mê, cũng khổ hạnh, cũng phải hi sinh, đôi khi tử vì đạo. Thỉnh thoảng cũng có kẻ «đắc đạo.» Kẻ đắc đạo sẽ lên cõi Tao Đàn, trở thành Tiên, và Tiên được các tín đồ gọi là Thi sĩ. Thi sĩ không cần uống thuốc trường sanh mà vẫn bất tử. Mỗi vị để lại những phù chú riêng của mình, ghi lại trong những thứ gọi là sách. Mỗi tín đồ, muốn tìm đến vị Tiên của mình thì chỉ việc giở sách ra là có thể đàm đạo được. Nghe Thái Bạch «báo cáo» những đặc điểm của chính sách văn trị ở hạ giới, Ngọc Hoàng sinh lòng ham muốn, bèn truyền cho các vị sao đi khắp nhân gian, thu lượm các kiệt tác văn chương đem về «nộp bổn,» tạo ra tủ sách Thiên Đình cho chư Tiên, Phật cùng thưởng lãm. Ngày lễ khánh thành thư viện, Tiên Dung, con gái Ngọc Hoàng, vì đam mê những kỳ lạ trong văn phong và tư tưởng của loài người nên mắc nạn, bị đầy xuống trần. Sự đầy đọa này lại đáp ứng đúng nguyện ước của Tiên Dung: muốn thoát khỏi thiên đàng «vô văn hóa» để đến với hạ giới văn hóa. Tiên Dung xin làm kiếp mọt để thỏa mãn đam mê tha thiết và nhỏ nhoi nhất

của mình: Xuống trần để được sống trong «cõi văn,» tìm lại cuốn sách hay mà nàng đang đọc dở. Sống kiếp mọt... bao lần bị loài người giết... nàng vẫn tái sinh thành mọt, Tiên Dung có tìm thấy hạnh phúc không? Hay chỉ là một kiếp lẩn tránh nguy cơ không ngừng bị tiêu diệt, mỗi lần gặp được một... «con người.» Hay chỉ là một trần gian bụi bậm, mà loài người đã bỏ rơi ... văn. Sách vở không ai đọc, làm mồi cho... mối, mọt? Thời kỳ «văn trị» đã qua rồi, hay tất cả chỉ là ảo tưởng? Một thiên đường tưởng tượng, chưa bao giờ hiện hữu? Lân Trinh và Tiên Dung là một kiếp: Hồ Hữu Tường.

Nếu trong *Nàng mọt sách* Hồ Hữu Tường còn có những giây phút lạc quan, tin tưởng vào một thời điểm hạ giới văn trị mà loài người không chém giết nhau, thì ở *Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp* Hồ nói lên tất cả những hoang mang, thất vọng của mình về con người võ trị. *Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp* cũng là một tự truyện, mang tính bi đát của một «tiếng kêu trong sa mạc.»

Đó là chuyện một thiền sư già, tu đã sắp thành chánh quả. Vị thiền sư đinh ninh rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo có dặn là hai nghìn năm trăm năm về sau -thời mạt pháp-, Di Lặc sẽ xuống trần cứu độ chúng sanh. Tính ngày, tính tháng, thiền sư thấy thời hạn đã đến. Vì vậy ông nguyện sẽ tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc để được đắc đạo. Nhưng dự định của ông có con thằn lằn nghe được, bèn tìm cách ngăn cản, vì nó biết chắc là sau khi tụng kinh đến lần thứ một nghìn, thiền sư sẽ lên giàn hỏa, tự thiêu, để đến cõi Niết Bàn. Đêm ấy, vị thiền sư tụng kinh (lần thứ một nghìn) dưới đĩa đèn dầu lạc. Thằn lằn bèn bò lên bàn thờ Phật, dần dần uống cạn đĩa dầu cho đèn tắt, nhà sư không tiếp tục tụng kinh được nữa. Nhiều lần như thế, thiền sư không hiểu nguyên do. Một đêm ông bèn vừa tụng kinh, vừa rình xem kẻ nào là thủ phạm vụ tắt đèn, và ông bắt quả tang thằn lằn tại trận. Nổi xung lên, nhà sư ngưng gõ mõ và mắng rằng:

«- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhằm ngay đầu con thằn lằn mà đập mạnh. Con thằn lằn bị đánh vỡ đầu chết ngay.»

Kiếp thằn lằn phải chăng cũng lại chính là kiếp của Hồ Hữu Tường? Suốt đời muốn ngăn chặn sự mù quáng, u mê, tự sát, chém giết... nhưng thất bại và chính bản thân mình bị đồng loại trù dập, triệt hạ.

Nhà sư phải chăng là cõi nhân sinh? Một nhân sinh tin vào những thiên đàng bánh vẽ, muốn tranh thủ niết bàn bằng mọi giá, bất kể phương tiện, thậm chí cả việc sát sinh?

Muốn cứu người ư?

Muốn độ người ư?

Thằn lằn phải làm cách nào mới đạt được kết quả? Vì không thể bắt buộc *người* rời bỏ sự mê tín, cũng không thể bắt buộc *người* phải hướng thượng. Đó là câu hỏi mà Hồ Hữu Tường muốn đặt ra cho chính mình. Dường như ông đã nhìn thấy sự không tưởng trong các lập thuyết hướng thượng, đồng thời cũng nhận thấy sự cô đơn tuyệt đối của mình trước định mệnh, nên ông viết:

«Hồn con thằn lằn từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu. [...] Thật chưa hề lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế.»

*

Đó là đoạn kết trong *Chuyện con thằn lằn chọn nghiệp* viết năm 1953. Đến năm 1966, Hồ Hữu Tường viết thêm một đoạn, do Nguyễn Thái sưu tầm, in trên báo Quê Mẹ, số xuân 1983, nội dung ngụ ý:

Hồn thằn lằn vẫn muốn độ người. Nhưng loài người vì vẫn mắc tham sân si, nên tất cả đã phải đầu thai làm kiếp chuột. Muốn cứu người, thằn lằn bèn xin Thích Ca cho được đầu thai làm chuột, lấy tên Long Thử. Long Thử thấy loài chuột đông như kiến mà sợ hãi không dám chống lại một chú Mèo. Nó bèn kiếm kế rử Mèo vào bẫy, nhưng rút cục kế của Long Thử cũng không thực hiện được vì loài chuột quá hèn nhát và ưa phản bội. Cuối cùng Long Thử lại bị đem ra xử tử hình một lần nữa về tội «Thử gian.» Muốn cứu người không dễ. Bởi người không tự cứu.

Hồ Hữu Tường bộc lộ sự tuyệt vọng tuyệt đối về con người: không có cách nào cứu vãn được. Dù đầu thai đến kiếp thứ mấy, con người vẫn y nguyên như cũ, với tất cả tham sân si cố hữu. Nhưng cũng không thể không có những kiếp thằn lằn, suốt đời tìm cách cứu độ nhân sinh, đưa người hướng thượng nhưng vô hiệu và những kẻ chọn nghiệp thằn lằn biết chắc con đường mình đi sẽ không dẫn đến chỗ nào khác ngoài cái chết.

(Kỳ chót: *Hồ Hữu Tường trong hồi ký và tiểu thuyết*)

Paris, tháng 5/2003

VÀI KỶ NIỆM TRONG TÙ VỚI BÁC NĂM TƯỜNG

ĐINH QUANG ANH THÁI

Tháng Giêng năm 1979, trại giam T 20 Phan Đăng Lưu ồn lên những lời đồn đãi là cộng sản Tầu đang động binh ở vùng biên giới mạn Bắc để đánh cộng sản đàn em Việt Nam. Tù nhân trong trại xì xầm bàn tán. Người thì hy vọng là tình hình sẽ sớm thay đổi để thoát cảnh chim lồng cá chậu, người thì quan ngại là Tầu mà thắng thì đất nước sẽ còn bi đát hơn, người thì dửng dưng phản ảnh tâm trạng chẳng còn trông mong gì nữa. Dù gì, thì những tin tức chẳng có gì là chính xác lọt từ bên ngoài do những tù mới đem vào phòng giam cũng giúp sinh hoạt tù bớt nhàm chán, phần nào quên đi những đói khát, ghẻ lở, nóng bức của phòng giam nêm người như cá mòi sắp lớp trong hộp.

Trong bối cảnh đó, một số tù ở các phòng nhận lệnh chuyển trại. Một buổi sáng tháng Giêng, kẻng vừa điểm báo hiệu giờ làm việc của trại, các quản giáo trại giam tay cầm danh sách đến từng phòng đọc tên các tù nhân phải chuyển trại. Không khí ồn lên như một cái chợ. Tiếng "cục tác" vang từ phòng này sang phòng khác. Hầu như mọi người ai cũng ngoác miệng kêu lên thành tiếng của loài gà. Tiếng kêu truyền từ phòng này sang phòng khác nghe như âm thanh của một lò sát sinh. Chả là tù nhân gọi những lần chuyển trại là "bắt gà." Hình ảnh người ta thò tay vào chuồng lùa bắt từng con gà đem đi giết lấy thịt gây ra sự hoảng loạn cho loài gia cầm này ra sao, thì bức tranh của các phòng giam mỗi khi có lệnh chuyển phòng, hay chuyển trại y như thế. Người đi ưu tư lo lắng, không biết rồi về đâu; còn người ở lại thì bồi hồi buồn bã, vì không biết ở là nặng tội, hay đi là nhẹ tội.

Từ phòng 5 khu C 2, tôi và một số người nữa bị chuyển sang phòng 2 khu A, nhập cùng với tù nhân từ các phòng giam khác. Chuyến chuyển phòng lần này giúp tôi rút ngắn được hình phạt còng tay 90 ngày vì tội đánh ăng ten.

Vừa bước chân vào phòng giam mới, tôi vui mừng vì gặp lại hai người bạn tù đã cùng ở với nhau những tháng trước đó ở phòng 5 khu C 1, là anh Hồ Chánh và anh Nguyễn Văn Lịch. Cả hai đều là Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn, từng làm dưới quyền của Đại tá Nguyễn Bé ở Trung tâm Huấn luyện Cán Bộ Quốc Gia Vũng Tầu thời trước tháng Tư năm 1975. Và cả hai anh đều phò bác Hồ Hữu Tường. Chưa kịp bỏ khăn gói đời tù xuống đất, anh Lịch đã nắm tay tôi kéo về phía góc phòng và giới thiệu với một ông già mà mới nhìn, tôi biết ngay đó là nhân vật tiếng tăm lừng lẫy Hồ Hữu Tường. Anh Lịch nói, bác Năm, thằng Thái nè, nó tức là thằng Giao mà anh Linh tính đưa đến gặp bác Năm lúc chưa bị bắt đó.

Lời giới thiệu của anh Lịch lôi tôi về cái đêm mưa gió tầm tã ở chân cầu Thị Nghè của những ngày gần cuối năm 75. Đêm đó, tôi đạp xe đến một điểm hẹn để cùng anh Linh đi gặp bác Hồ Hữu Tường. Anh Linh cũng là Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn mà tôi đã có dịp quen khi đi sinh hoạt với Đoàn Văn Công Chí Linh do nhạc sĩ Viết Chung cầm đầu. Cái hẹn đêm đó là để tìm đường cho tôi tham gia hoạt động tổ chức của bác Hồ Hữu Tường. Gặp anh Linh, trời vẫn còn mưa nặng hạt như muốn phá đường, phá phố. Anh Linh bảo tôi, đêm tối gió mưa thế này mà lò dò đến nhà bác Năm thì không an tâm lắm, vì căn nhà trong ngõ hẻm gần rạp si nê Đa Kao của bác Năm sau này thường xuyên bị công an theo dõi. Thế là chúng tôi chia tay, anh Linh hẹn tôi một dịp khác.

Trước đó, tôi đã nhờ một người bạn là học trò tiếng Tây Ban Nha của bác Năm để ý dùm tôi mọi động tịnh chung quanh nhà bác, mỗi khi anh đến nhà bác để học. Anh bạn bảo tôi rằng, chắc anh cũng phải thôi không dám đến học nữa, vì mỗi khi ra vào, công an nơi phường bác Năm ở

để ý anh kỹ lắm. Người bạn đó bây giờ làm chủ báo ở Melbourn bên Úc. Có lần gặp lại nhau mới đây, anh nói với tôi, hú hồn, may mà vượt biên sớm, chứ không thì đã oan mạng vì vụ bác Năm bị bắt. Tôi đã không có dịp gặp bác Năm ngoài đời, vì bác bị bắt trước tôi ít lâu. Còn anh Linh thì bỏ trốn đi đâu không biết, mà cho tới giờ phút viết bài này, tôi không biết anh sống chết phương nao.

Bác Năm vóc người có thể nói là hơi thấp, da xanh tái, hàm răng to, chắc và cáu vàng. Hai tai của Bác Năm dài, dầy, trông như tai Phật. Bác Năm nhìn tôi xoi mói. Bác bảo, thằng Thái mày ăn cơm chung với tao và hai anh Chánh và Lịch nghe, để bác Năm mày nói chuyện cho mày nghe. "*Bác Năm mày*", cách nói thân mật, xuề xòa đặc thù của người miền Nam.

Bữa ăn chung đầu tiên, nhìn bác Năm đưa tô canh chung của cả bốn người lên húp, tôi thương bác quá đi thôi. Cái tô nứt nẻ, được vá chằng vá chịt bằng mủ ny lông, chứa một thứ nước lỏng bỏng với vài lát bí đỏ nhạt thếch. Tôi nói đùa với bác mà muốn ứa nước mắt *"đời bác Năm te tua y như cái tô phải không bác."* Ông già cười bảo tôi, người ta gọi bác Năm mày là Hồ Hữu Tù mà, thời nào bác Năm mày cũng đi tù, tù Tây, tù Quốc gia, tù Cộng sản.

Ba ngày ở phòng 2 khu A trước khi chuyển sang trại giam T 30 Chí Hòa, bác Năm đem bàn cờ thế ra luận cho tôi nghe về thời cuộc và kể diễn tiến việc bác và các đồng chí của bác bị bắt. Bàn cờ thế là hai bên tướng đỏ đen đã lộ mặt. Bên đen, một con tốt đã qua sông chắn mặt tướng, hai xe đen kè ngang hông tướng đỏ, trong khi chân chiếu của mã đen ngay cung tướng đỏ, nên tướng đỏ hết đường lui. Bên đỏ, chỉ cần một nước chiếu xe nữa là tướng đen đi đời. Tới phiên bên đen tấn công, hai xe đen vỗ vào mặt tướng đỏ, tướng đỏ lần lượt ăn lên, nhưng lại bị chốt đen dí xuống. Tướng đỏ thua, không ăn lên chốt đen được vì lộ mặt tướng đen. Bác Năm giải thích, hai xe đen, một là Việt Nam Cộng Hòa, một là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Tướng đỏ là cộng sản miền Bắc, còn con tốt đen chính là bác Năm và tổ chức của bác Năm. Bác bảo tôi, Việt Nam Cộng Hòa đã thua ngày 30 tháng Tư năm 75, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã bị xóa sổ sau khi cộng sản miền Bắc vào Nam, và trong những ngày sắp tới, cộng sản miền Bắc phải nhượng quyền lại cho tổ chức tên là Việt Nam Độc Lập -Thống nhất-Trung Lập Đồng Minh Hội do bác lãnh đạo. Câu chuyện của bác ly kỳ, hồi hộp như chuyện võ hiệp Kim Dung vậy, nhưng tôi vẫn nghe.

Về việc bác và tổ chức của bác bị bắt, bác cho biết, ngay khi cộng sản chiếm miền Nam, bác đã in một tập tài liệu của Việt Nam Độc Lập -Thống nhất-Trung Lập Đồng Minh Hội, rồi gởi trực tiếp bằng đường bưu điện cho tất cả giới lãnh đạo đảng cộng sản, từ Bộ chính trị cho đến các Trung ương ủy viên và tỉnh ủy các tỉnh. Trong tài liệu, bác nói rõ về nhu cầu bắt buộc Việt Nam phải Trung Lập trong bối cảnh tình hình của khu vực Á Châu. Ông già khẳng quyết rằng, Trung Lập là giải pháp duy nhất cho Việt Nam, và bác là người đầu tiên của Việt Nam kiên trì đeo đuổi lập trường này. Nên, một mai khi tình thế bị o ép, cộng sản Hà Nội phải nhượng bộ để chấp nhận Trung Lập thì họ sẽ bắt buộc phải cậy nhờ đến bác. Bác còn lôi trong chiếc túi tù bộ quần áo veste cùng đôi giầy đen và nói rằng, vì sợ tình thế biến chuyển mau quá, không kịp về nhà lấy quần áo mặc trong lễ tiếp nhận chính quyền từ tay cộng sản, nên bác đã nhờ công an chấp pháp về tận nhà bác mang quần áo giầy dớ cho bác. Chính vì câu chuyện này mà nhiều bạn tù của chúng tôi đã sống với mơ ước có ngày theo chân bác thoát đời tù và dành lấy chính quyền trong vinh quang.

Ba ngày cuối cùng ở trại giam T 20, chúng tôi không được phát chiếu, muỗng chén ăn cơm. Bác Năm bảo, nó hành mình trước khi thả đó. Rạng sáng ngày thứ tư, từng hai người một, chúng tôi bị còng tay đưa ra xe để chuyển trại. Căn cứ vào số lượng thực phẩm là một ổ bánh mì mà công an phát cho mỗi người, tôi đoán là chúng tôi sẽ bị chuyển qua một trại giam nào đó rất gần, chứ nếu chuyển xa thì khẩu phần sẽ từ ba đến năm ổ bánh, và được phát cả nước uống nữa. Kinh nghiệm tù giúp tôi đoán như thế.

Quả thật, chúng tôi đến trại giam T 30 Chí Hòa vào khoảng 9 giờ. Tôi lại may mắn được ở chung với bác Năm cùng hai anh Chánh và Lịch. Tổ cơm chung của bác cháu chúng tôi vẫn thế, vẫn những lần húp canh chung trong một thau nhựa, thức ăn gia đình nuôi thì phải dè sẻn từng tí một, vì không biết lần nuôi kế tiếp sẽ là bao giờ.

Một tuần liền, trại giam không phát chiếu, phát tô muỗng, không cho đi tắm. Cái nóng hầm hập làm mồ hôi tù nhễ nhại, phát điên lên vì thèm một gáo nước xối lên người. Bác Năm bảo, tụi nó thử mình trước khi thả đó, ráng chịu đựng, đừng

chống đối. Bước sang tuần thứ nhì, đúng chu kỳ một năm vài lần trại giam cho tù ăn thịt heo, mỗi người chỉ được một miếng mỡ thịt bầy nhầy bằng đầu ngón tay cái với vài muỗng nước mỡ mặn chát muối, nhưng cũng đủ làm vui đời tù. Hạnh phúc hơn nữa là còn được phát chiếu, tô muỗng nhựa, và sướng cực kỳ là được đi tắm. Đời sống trại giam bắt đầu vào nhịp bình thường, nghĩa là ngày cơm hai bữa, tuần tắm hai lần, và hầu như không ai còn bị gọi lên văn phòng thẩm vấn nữa, vì chuyển qua Chí Hòa là xem như hồ sơ đã xếp lại, án tù bao nhiêu thì chỉ có... Lê Đức Thọ biết. Vậy mà bác Năm vẫn lạc quan như thường. Ông già Cái Răng – Cần Thơ này bảo tôi, tụi nó để mình dưỡng sức trước khi thả đó. Đúng là khẩu khí nghịch ngợm, vui tếu, coi trời bằng vung của nhân vật mõ làng Cổ Nhuế.

Những người tù ở phòng 9 khu BC Chí Hòa vào những tháng đầu của năm 1979 chắc hẳn không quên được hình ảnh của bác Năm. Ông già có thói quen, mỗi lần đi tắm, lúc nào bác cũng lượm lặt đem lên phòng những sợi chỉ tìm thấy chung quanh bể tắm. Bác tỉ mỉ nối các sợi này với nhau và đan thành một cái găng tay với năm ngón lòi ra ngoài. Cái găng sù sì đó bác đeo vào tay phải và dùng để kì cọ thân thể mỗi khi đi tắm. Tối đến, bác giăng mùng rồi vắt hai bên lên như một cái lều. Đó là giờ bắt đầu bác đem cờ thế ra chơi, rồi bảo hai đệ tử là anh Chánh và anh Lịch đi gọi từng người mà bác đã nhắm trước đến "lều vải" để bác luận thời cuộc cho nghe. Khi bác say sưa nói, hai anh Chánh và Lịch kính cẩn lắng nghe, như nuốt từng lời bác dậy, cho dù câu chuyện đêm nào gần như cũng cùng một nội dung: *"bác Năm mày sắp được thả để ra tiếp quản chính quyền."*

Những người trẻ trong phòng thì có người vì tin bác tuyệt đối nên chìm đắm trong hy vọng vào ngày sẽ "có danh gì với núi sông"; có người thì phân vân lắm, không biết thực hư ra sao. Những người tù thuộc thế hệ ít nhiều đã biết bác Năm thì dửng dưng, thậm chí có người còn xa gần mỉa mai cho rằng bác Năm hoang tưởng, tếu, ngây thơ.

Một kỷ niệm tôi cứ nhớ hoài về bác. Một buổi trưa, như mọi ngày, sau khi cho những tù nhân làm lao động lên các phòng lấy thùng đựng cơm để chuẩn bị cho bữa chiều, công an coi trại giam khóa các cửa sắt nơi ngăn chia các khu. Hôm đó, không biết vì lý do gì, hơn một giờ trưa rồi mà kẻng báo dứt giờ nghỉ vẫn không điểm. Trại giam thì không khí vắng lặng như tờ. Bác Năm là người phá tan cái im ắng đó. Bác phán tỉnh bơ rằng, tụi nó rút chạy rồi, anh em cần phải chuẩn bị phá cửa để về. Thế rồi bác Năm bèn "triệu tập một buổi họp khẩn" với đám trẻ, và bắt đầu phân công thằng này làm việc này, thằng kia làm việc kia để chuẩn bị tiếp quản chính quyền. Bác Năm giao cho tôi nhiệm khi ra tới ngoài phải lo vụ huy động xe đò chở anh em tù nhân của trại giam đến tập trung ở sân vận động Cộng Hòa để chờ nghe lệnh bác. Tôi còn nhớ, tôi đùa với bác rằng, trong khi chưa phá được cửa phòng giam, anh em cần phải bảo vệ bác vì sợ còn thằng công an nào nó căm thù nó xả súng vào phòng thì chết. Tôi cùng vài anh em khác đến ngay chỗ chứa các thùng nước của toàn phòng, nơi có bức tường si măng cao tới đầu gối, rồi cả đám chuyển các thùng nước để có chỗ làm "nơi ẩn trú" cho bác Năm. Tôi vừa làm vừa cười vì biết là mình đùa, còn những anh em khác, tâm trạng họ ra sao quả tình tôi không rõ. Ba giờ, sinh hoạt toàn trại trở lại bình thường, công an lên mở cửa từng phòng để cho lãnh cơm. Không biết lúc đó ông già Năm của tôi nghĩ gì.

Đêm cuối cùng trước khi bác Năm và hai anh Chánh và Lịch bị chuyển trại, bác cầu cơ xem mọi việc sẽ ra sao. Từ bé, đây là lần đầu tiên tôi dự một buổi cầu cơ. Bác Năm dùng một mảnh gỗ nhỏ lượm được lúc đi tắm vào buổi sáng để làm vật cầu cơ. Tôi thề là không thấy gì lạ hết, nhưng bác bảo cơ linh lắm, cơ đang chạy và cơ nói là sắp có biến chuyển đến nơi rồi. Không khí ban đêm ở trại giam như rờn rợn khi bác nói cơ là vong người chết ở ngay chỗ bồn chứa nước ở trung tâm trại giam.

Cơ linh thật! Sáng hôm sau, một buổi sáng tháng Sáu năm 79, bác Năm và hai đệ tử cật ruột bị bắt cùng vụ là Hồ Chánh và Nguyễn Văn Lịch bị gọi tên chuyển trại cùng với một số tù nhân của các phòng giam khác. Giờ phút chia tay, bác Năm nói với tôi, chắc chắn là tao được thả để tiếp quản chính quyền, kỳ nuôi sắp tới, mày sẽ nhận được quà của bác Năm gái mày, mày nhớ coi kỹ hũ mắm ruốc, sẽ có tin tao gởi vào.

Đó là lần cuối tôi nhìn thấy bác Năm Tường. Bác bị chuyển đi lao động ở trại giam Hàm Tân. Sau này, khi được thả ra khỏi trại giam Chí Hòa vào năm 83, tôi được tin bác đã mất hai năm trước. Anh em bạn ở trại giam Hàm Tân được thả về nói với tôi là bác Năm bị đau nặng, công an đưa bác về nhà, và bác ra đi với sự chứng kiến của bác Năm gái. Còn hai anh Chánh và Lịch thì đã

gần 20 năm rồi, tôi không biết tin gì về hai anh.

Bác Năm không còn nữa. Nhiều người cùng tù với bác cũng đã ra đi. Bác Nguyễn Tiến Hỷ, chú Vũ Hữu Bính chết sau khi được thả. Bác Thái Lăng Nghiêm qua Thụy Sĩ mới chết. Anh Nguyễn Đan Quế thì bị tù nhiều lần nữa sau khi được thả, và vừa bị bắt lại vì cương quyết chống lại cường quyền. Anh Đoàn Viết Hoạt thì đang tỵ nạn trên đất Mỹ và vẫn nhiệt huyết như ngày nào. Những người nói trên và nhiều người nữa cũng như bác Năm Tường, cả một đời tận tụy mà vẫn chưa nhìn thấy con người và đất nước Việt Nam được no ấm hạnh phúc.

Viết những giòng này, cháu nhớ thương bác vô cùng bác Năm ơi! Thương bác những ngày nghiệt ngã trong trại giam, bưng chén canh chung lên môi nuốt cùng bao nỗi cay đắng khổ cực của một phận người suốt đời mưu cầu cái chung cho dân tộc./.

Bạn có nghe nói về cuốn NGƯỜI MỸ ƯU TƯ của Hồ Hữu Tường?

Đó là một cuốn sách tác giả soạn ở Sài Gòn năm 1967, nhưng không được chính quyền cho phép xuất bản. Sau đó, vào năm 1968 cuốn sách được in tại Paris với một số lượng rất giới hạn.

*Nay nhà xuất bản An Tiêm đang in lại NGƯỜI MỸ ƯU TƯ, toàn bộ sách do **chính tác giả viết tay** với 500 trang khổ lớn. Sách sẽ phát hành nay mai tại Mỹ, Pháp và nhiều nước khác.*

Trang mở đầu:

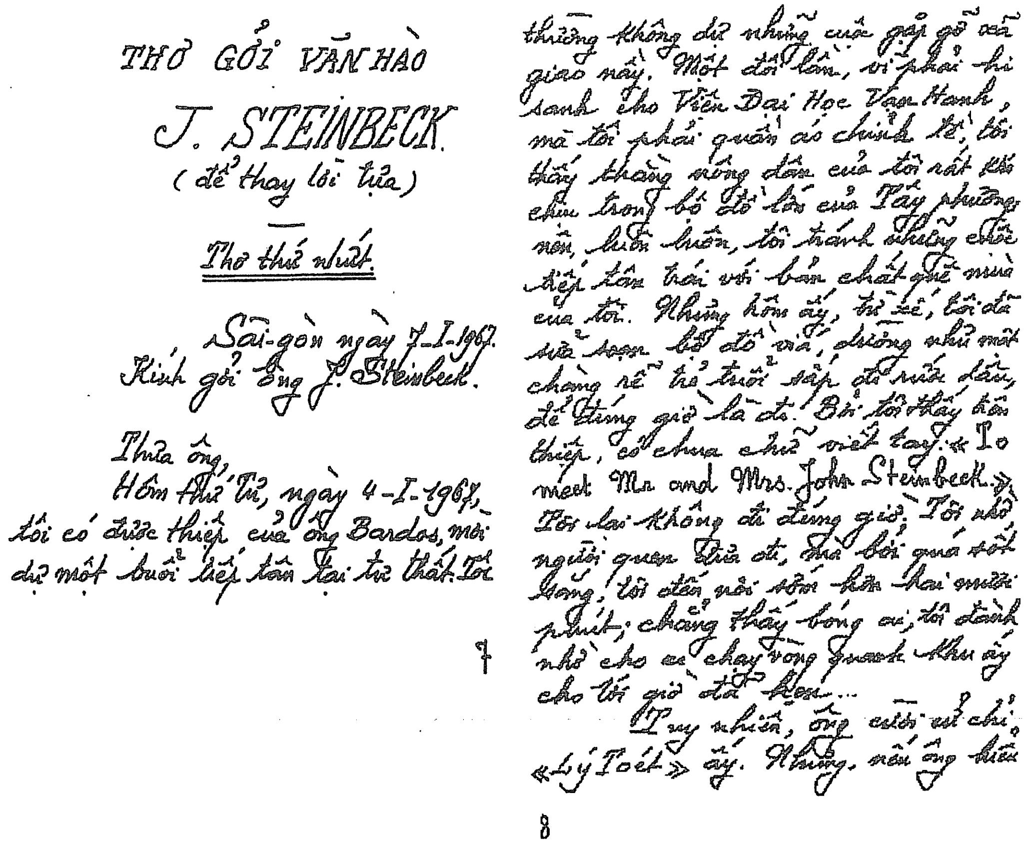

THƠ GỞI VĂN HÀO

J. STEINBECK.

(để thay lời tựa)

Thơ thứ nhứt.

Sài-gòn ngày 7-I-1967.

Kính gởi Ông J. Steinbeck.

Thưa ông,

Hôm thứ Tư, ngày 4-I-1967, tôi có được thiệp của ông Bardos, mời dự một buổi tiếp tân tại tư thất. Tôi

7

thường không dự những cuộc gặp gỡ xã giao này. Một đôi lần, vì phải hi-sanh cho Viện Đại Học Vạn Hạnh, mà tôi phải quần áo chỉnh tề, tôi thấy thằng nông dân của tôi rất khó chịu trong bộ đồ lớn của Tây phương, nên, luôn luôn, tôi tránh những cuộc tiếp tân trái với bản chất quê mùa của tôi. Nhưng hôm ấy, tử tế, tôi đã sửa soạn bộ đồ vía, dường như một chàng rể trẻ tuổi sắp đi rước dâu, để đúng giờ là đi. Bởi tôi thấy tấm thiệp, có chua chữ viết tay: « To meet Mr and Mrs. John Steinbeck. » Tôi lại không đi đúng giờ. Tôi nhờ người quen đưa đi, nhưng bởi quá sốt sắng, tôi đến nơi sớm hơn hai mươi phút, chẳng thấy bóng ai, tôi đành nhờ cho xe chạy vòng quanh khu ấy cho tới giờ đã hẹn...

Tuy nhiên, ông cười cái chí «Lý Toét» ấy. Nhưng, nếu ông hiểu

8

HỒ HỮU TƯỜNG: NGƯỜI CHẾT U UẨN

ĐỖ THÁI NHIÊN

Thời gian chẳng bao giờ chờ đợi bất kỳ người nào, thời gian chỉ biết miệt mài vun vút lao tới. Thế nên, một trong những tình cảm căn bản của con người là lòng nuối tiếc thời gian đã qua đi. Lòng nuối tiếc này khi gặp các điểm mốc của thời gian đã biến thành nỗi xao xuyến, bồi hồi. Thực vậy, trong không khí giao tiếp giữa đêm đen của năm cũ và sáng hồng của năm mới, có lẽ không ai trong chúng ta không bùi ngùi nghĩ đến quá khứ và không băn khoăn nhìn về tương lai. Bằng tất cả bùi ngùi và băn khoăn vừa kể, bài viết này đã chọn cái chết của Hồ Hữu Tường như một mảng quá khứ và chọn những toan tính của đảng CSVN chung quanh cái chết này như những tia sáng chiếu rọi vào thực chất điều được gọi là "*đổi mới*" của CSVN trong hiện tại và tương lai.

Lúc bấy giờ là mùa thu năm 1978, tôi được di chuyển từ phòng biệt giam qua phòng giam tập thể thuộc trại giam số 4 Phan Đăng Lưu. Trại giam này, công an Cộng sản dành riêng để giam tù chính trị trong thời kỳ thẩm vấn. Tù chính trị đối với Cộng sản bao gồm: những người có tư tưởng chống cộng trước hoặc sau năm 1975, những người trước kia đã làm công tác an ninh tình báo dưới các chế độ của VNCH, và những người tham dự vào các tổ chức chống cộng tại Việt Nam sau năm 1975.

Khoảng 4 giờ chiều ngày hôm ấy, sau nhiều tháng nằm xà lim, tôi bước vào phòng giam tập thể bằng cảm giác ấm áp của một người được trở về với xã hội loài người, dầu là xã hội tù. Tôi lại càng cảm thấy ấm áp hơn khi chợt nhận ra cùng phòng với tôi có Hồ Hữu Tường. Do cách biệt về tuổi tác và khác biệt về nghề nghiệp, tôi không có dịp quen biết với Hồ Hữu Tường trước khi vào tù. Tuy nhiên, nhà Hồ Hữu Tường và nhà tôi ở cùng xóm. Vì vậy hình ảnh của Hồ Hữu Tường lập tức gợi cho tôi nhớ khu xóm cũ cùng với những bà con láng giềng của tôi. Gợi nhớ này chính là nguồn gốc của cảm giác ấm áp. Có lẽ Hồ Hữu Tường cũng nhận ra tôi là hàng xóm láng giềng ngày trước nên ngay phút đầu gặp tôi, Hồ Hữu Tường vừa giữ thế kẻ cả, vừa tỏ ra thân mến. Tôi hoàn toàn không cảm thấy bị xúc phạm trước cung cách kẻ cả của Hồ Hữu Tường. Ngược lại, kiến thức của Hồ Hữu Tường cộng với tuổi đời 70 của ông ta lúc bấy giờ, cộng với "*chất Việt Nam*" mà Hồ Hữu Tường đã thể hiện trong mỗi suy tư và hành động đã dễ dàng chinh phục tôi đến độ tôi không còn nhận biết Hồ Hữu Tường đã trở thành người "*bạn tù*" khả kính và thân thiết của tôi tự lúc nào. Tôi gọi Hồ Hữu Tường là bạn bởi vì có lần, sau một lúc hàn huyên, Hồ Hữu Tường đã nói với tôi: "*Tao cho phép mày xem tao như bạn, tình bạn giữa tao và mày là tình bạn vong niên, tình bạn không phân biệt tuổi tác: tuổi tao gấp đôi tuổi mày.*" Vả lại, không riêng gì đối với cá nhân tôi, Hồ Hữu Tường bao giờ cũng giữ được mối liên hệ vui vẻ đối với mọi người. Đặc biệt đối với những người tù trẻ tuổi, mỗi tối sau giờ cơm, Hồ Hữu Tường thường giúp họ giải khuây bằng cách kể cho họ nghe chuyện cổ tích, chuyện Tàu, chuyện ma Bình Thuận... Liên hệ giữa Hồ Hữu Tường và những người tù trẻ này thân mật và vui vẻ đến độ : Có một hôm, cả phòng tù đang nghỉ trưa, một anh tù người Việt gốc Hoa nằm ở đầu phòng bỗng ngồi nhổm dậy nói lớn tiếng cho Hồ Hữu Tường nằm ở cuối phòng có thể nghe được :

— Bác Tường ơi! Thời Tây, thời Ngô Đình Diệm và cả thời này nữa, thời nào Bác cũng ở tù. Bác có hiểu tại sao Bác cứ ở tù hoài hoài vậy không ?

Hồ Hữu Tường nhìn Lý Hùng (tên chú tù trẻ) vừa cười vừa hỏi dò chừng :

— Mày trả lời giùm tao đi, tại sao ?

Lý Hùng nhanh nhẩu trả lời :

— Dễ quá mà ! Tên Bác là "Hữu Tường" nên Bác phải "*hưởng tù*" dài dài thôi !

Câu nói của Lý Hùng làm cả phòng cười rộ lên. Riêng Hồ Hữu Tường không cười, mắt nhìn xa xăm trông thật buồn, ông ta nói nhỏ giọng :

- Có thể thằng này nói đúng !

Sau một vài tiểu tiết để bạn đọc thấy rõ hơn hình ảnh của Hồ Hữu Tường trong tù, đến đây bài viết xin quay trở về câu chuyện chính : Cộng Sản vốn xem Duy Vật biện chứng như chiếc đũa vạn năng. Vận dụng chiếc đũa vạn năng này vào khung cảnh nhà tù, Cộng sản chỉ cho tù ăn vừa

đủ để không bị chết vì đói. Do đó bất kỳ người nào bước vào nhà tù Cộng sản đều thấy về mặt bao tử, tù được phân làm hai loại:

- Tù được thăm nuôi là loại tù đã chấm dứt giai đoạn thẩm vấn, có thân nhân và được công an cho phép gia đình tiếp tế lương thực hàng tháng.

- Tù không được thăm nuôi là loại tù chưa kết thúc thủ tục thẩm vấn. Thủ tục này có thể kéo dài từ ba tháng đến ba năm hay hơn thế nữa.

Có nhiều trường hợp một người tù đang được thăm nuôi lại có lệnh cấm thăm nuôi. Điều này có nghĩa là đương sự đã vi phạm kỷ luật nhà tù, hoặc đã bị nghi ngờ khai sai sự thật trong giai đoạn thẩm vấn.

Thông thường nếu không là bạn thân, tù nhân thường ăn cơm chung nhóm với nhau theo sự phân biệt có hay không có thăm nuôi. Tù không được thăm nuôi phải ăn cơm một mình, hoặc chỉ ăn cơm chung với những người cùng không được thăm nuôi. Mặt khác tù không thăm nuôi phải không hề nói hoặc làm bất kỳ điều gì nhằm xin hưởng lương thực của người khác. Đó là "*luật tự trọng*" trong những phòng giam tập thể. Vào lúc chuyển từ xà lim qua nhà giam tập thể, tôi là tù không được thăm nuôi. Vừa muốn giữ lòng tự trọng, vừa muốn làm cho những lần ăn cơm gạo mốc với nước muối bớt phần cô quạnh, tôi tìm cách làm quen và ăn cơm chung với hai người thuộc loại "*con bà phước*" (không được thăm nuôi) : một người tên Phạm Văn Luyện, người kia tên Phong. Anh Phong là một cựu binh nhì nhảy dù, can tội rải truyền đơn chống cộng, tuổi dưới 25, điệu bộ ngổ ngáo. Tôi tiến đến chiếu nằm của Phong, ngồi xuống, nheo mắt nhìn Phong cười, vào đề rất tự nhiên :

- Ê bồ ! Tôi vừa mới ở xà lim qua, đang rất mệt mỏi. Bồ cho tôi được ăn cơm chung với bồ được không ?

Phong đưa hai tay nắm lấy vai tôi, nghiêng đầu, nhìn thẳng vào mặt tôi cười thành tiếng :

- Ông thầy này ngộ ghê ! Thầy ăn cơm chung với tôi hay ăn một mình thì thầy và tôi đều ăn cơm với nước muối, cần gì phải xin phép ! Mà này, tôi đang ăn chung với một thằng Việt cộng, thầy có chịu ăn chung với nó không ?

- Thằng Việt cộng đó tên gì ? Phạm tội gì ? Nó đã ở tù bao lâu rồi ?

Phong trả lời thật rõ ràng :

- Tên anh ta là Phạm Văn Luyện, phạm tội tổ chức đưa người vượt biên để kiếm tiền. Luyện mới vào phòng này khoảng hai tuần, anh ta tự nhận là cán bộ tình báo của Hà Nội, kể chuyện tình báo rất hấp dẫn, tôi khoái nghe chuyện nên tôi ăn cơm chung với ảnh.

Từ đó Luyện, Phong và tôi ăn cơm chung. Luyện khoảng 42 tuổi, người ốm, dong dỏng cao, da đen sạm, tóc quăn. Nghe Luyện nói chuyện, từ giọng nói đến cách dùng chữ, người ta nhận ra ngay là Luyện đã hấp thụ trọn vẹn chế độ giáo dục của Cộng sản Miền Bắc. Phòng giam của tôi gồm toàn những người chống cộng gay gắt, thế nhưng tôi không hề nhận ra bất kỳ người nào có vẻ có ác cảm với Luyện. Phải chăng vì Luyện có dáng dấp phong trần, có lối nói dễ hiểu, có nhiều chuyện hấp dẫn? Phải chăng vì Luyện không giống những tên Việt cộng mà người ta thường gặp: Luyện không hề có vẻ thủ thế mỗi khi nói chuyện với người khác, nhất là nói về những nhân vật cao cấp của Cộng sản Hà Nội ? Phải chăng vì Luyện không bao giờ có ý dòm ngó, không làm điềm chỉ viên, và nhất là vì Luyện không bao giờ bỏ qua cơ hội có thể giúp đỡ người khác, dĩ nhiên toàn là những người chống cộng? Thiện cảm mà phòng tù của tôi dành cho Luyện có nguyên nhân là tổng số của những cái "phải chăng" kể trên.

Đối diện và cách nhà giam của tôi khoảng ba thước là một dãy xà lim. Mọi liên lạc (nói chuyện hoặc tiếp tế thức ăn) giữa xà lim và nhà giam tập thể đều bị nghiêm nhặt cấm chỉ. Người tù nào vi phạm luật cấm này sẽ bị lính canh hoặc còng tay vào song cửa của phòng giam (trong trường hợp này, người tù đương sự bị buộc phải đứng chứ không thể ngồi, kể cả giờ ngủ ban đêm), hoặc bị đánh đòn ngay trước cửa phòng giam.

Chiều hôm ấy, khoảng 6 giờ, thủ tục điểm danh đã xong và cơm chiều đã qua, đang khi mọi người chuyện trò to nhỏ với nhau, Luyện lén ném vào cửa gió (bằng hai bàn tay) của xà lim đối diện một ít thuốc lá và diêm quẹt. Ngay lúc đó, Luyện bị lính canh bắt gặp quả tang. Tên lính canh quát tháo ầm ĩ :

- Mày mới ném thuốc lá vào xà lim, tao bắt gặp, tao sẽ cho mày chết ! Mày tên gì ?

Luyện bình thản trả lời :

- Tôi tên là Phạm Văn Luyện.

Người lính canh chạy lên phòng giám thị một lúc rồi quay trở lại. Tôi không thấy người lính canh cầm theo chìa khóa hay còng tay. Nét mặt của người lính canh cũng không còn hung hăng như cách đó vài phút. Anh ta gọi Luyện đến gần cửa song sắt, nói giọng ôn tồn :

- Đây là lần thứ nhất anh vi phạm kỷ luật. Vì vậy phòng quản giáo tha cho anh. Nếu tái phạm anh sẽ bị nghiêm trị.

Nói xong, người lính canh bỏ đi. Cả phòng nhìn Luyện kinh ngạc. Theo tập quán trong tù: mỗi lần phạm kỷ luật (nhất là liên lạc với tù bị giam trong xà lim) là mỗi lần bị phạt, công an không

cần biết lần đầu hay lần cuối.

Trước đó nhiều ngày, Luyện thường nói cho Phong biết trước ngày giờ mà Luyện sẽ được công an gọi đi thẩm vấn. Sự thể này là điều rất khác lạ, bởi vì, công an Cộng sản không bao giờ báo cho tù nhân biết trước ngày giờ của các cuộc thẩm vấn.

Bài viết ghi lại hai chi tiết nhỏ kể trên với chủ ý ghi nhận Luyện như một "*người tù đặc biệt.*" "*Người tù đặc biệt*" này nói chuyện dễ dàng với tất cả các bạn tù, nhưng nhất thiết không nhờ vả bạn tù nào, đặc biệt là về mặt lương thực. Điều đáng chú ý là Luyện giao thiệp với mọi người trong phòng giam, ngoại trừ Hồ Hữu Tường.

Mãi sau hai tháng có mặt bên cạnh Hồ Hữu Tường, một tối cơm nước xong, lần đầu tiên tôi thấy Luyện bước đến chiếu nằm của Hồ Hữu Tường. Hai người to nhỏ với nhau khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Ngồi ở một góc phòng, quan sát đôi mắt, hoặc chú ý, hoặc trầm tư của Hồ Hữu Tường, tôi biết Hồ Hữu Tường rất quan tâm đến những điều Luyện nói. Câu chuyện giữa hai người chỉ chấm dứt sau tiếng kẽng báo ngủ của trại tù.

Câu chuyện giữa Phạm Văn Luyện và Hồ Hữu Tường có lẽ đã làm cho vị học giả này suy nghĩ lung lắm. Thế nên sáng hôm sau, Hồ Hữu Tường nói chuyện với tôi ngay:

- Mày có biết tối qua thằng Luyện nói chuyện gì với tao không?

- Chuyện gì vậy Bác ? Tôi làm sao đoán được!

- Câu chuyện ngộ lắm! Thằng Luyện cho tao biết nó là tù giả. Hồ sơ phạm tội tổ chức vượt biên của nó chỉ là hồ sơ giả. Nó bảo nó là người của Lê Đức Thọ. Nó được gài vào nằm chung phòng giam với tao trong hai tháng qua chỉ để quan sát xem "Bác Tường ngày nay có còn là Bác Tường của các năm 1945 nữa hay không" ? Ngay các lời nói đầu của nó, tao đã cảm thấy sự việc sẽ không đơn giản. Do đó, thay vì đi thẳng vào câu chuyện do Luyện mở đề, tao đã lái câu chuyện đi hướng khác để thăm dò về cá nhân nó. Nó bảo với tao: "Đầu thập niên 1960, Võ Nguyên Giáp hợp tác với Ung Văn Khiêm âm mưu lật đổ Hồ Chí Minh, công việc bại lộ, Võ Nguyên Giáp bị thất sủng. Buồn vì "*tình đời đen bạc,*" hằng ngày Võ Nguyên Giáp đi học nhạc cổ điển Tây Phương "*để giải sầu*". Thằng Luyện lúc bấy giờ được tình báo Hà Nội bố trí làm người hầu cận cho Giáp, nên hằng ngày phải ôm nhạc cụ đi theo Giáp. Nghe Luyện nói tới đây, tao làm bộ hỏi nó vài vấn đề căn bản về nhạc cổ điển Tây Phương. Những câu trả lời của thằng Luyện quả tình làm tao vô cùng kinh ngạc: nó thực sự có những hiểu biết căn bản về nhạc cổ điển. Sau câu chuyện nhạc cổ điển, thằng Luyện còn cho tao biết : do công vụ, nó đã rất nhiều lần đóng vai hầu cận Tôn Đức Thắng và Lê Duẩn. Tao vội vồ lấy cơ hội này để hỏi dò Luyện vài câu về cá tính và về sức khỏe của Thắng và Duẩn. Lần thứ hai Luyện làm tao ngạc nhiên : Luyện nói về cá tính và bệnh tật riêng của hai người này đúng như tao đã biết. Thời Pháp, tao ở tù chung nhiều năm với Lê Duẩn. Đối với Tôn Đức Thắng, gia đình vợ tao rất thân thiết với gia đình vợ Thắng. Tối hôm qua, thằng Luyện nói chuyện với tao rất nhiều, nhưng nội dung chủ yếu là bấy nhiêu. Mày có ý kiến gì không?

Tôi nhìn thẳng vào mắt của Hồ Hữu Tường, đôi mắt còn giữ nguyên vẻ mệt mỏi của một đêm thao thức. Tôi trả lời Hồ Hữu Tường, giọng cố làm ra vui vẻ để khỏa lấp những ưu tư trên trán của Hồ Hữu Tường:

- Câu chuyện có vẻ ly kỳ và hấp dẫn, phải không Bác ? Tôi tin là Bác đã ghi nhận những điểm cần ghi nhận. Tuy nhiên xin nói thêm các chú ý của tôi về Luyện. *Thứ nhất*: Luyện liên lạc với xà lim nhưng không bị phạt. *Thứ hai*: Luyện biết trước ngày giờ công an thẩm vấn nó. *Thứ ba*: Luyện sống trong tù rất bình thản, không giống bất kỳ tên Việt cộng tham ô nào. *Thứ tư*: trắc nghiệm bất ngờ của Bác đối với Luyện về nhạc cổ điển Tây Phương, về Duẩn và về Thắng. *Thứ năm*: những lúc nói chuyện với tôi, Luyện thường nhắc tới các sinh viên Saigon theo cộng sản thời Mậu Thân : Nguyễn Hữu Thái, Trần Triệu Luật, Huỳnh Tấn Mẫm, Đỗ Hữu Cảnh, Trịnh Đình Ban, v.v... Luyện cho rằng những người này hoặc làm việc trung thành với Mỹ, hoặc đi hàng hai. Luyện nói chính xác về tính tình của mỗi người trong nhóm sinh viên vừa kể. Tôi bảo là "*chính xác*" bởi lẽ tôi cũng đã hiểu biết rành rẽ về nhóm sinh viên này vào thời kỳ tôi sinh hoạt với Tổng Hội Sinh Viên Saigon từ 1963 đến 1970. Điều đáng chú ý là Luyện đã được đào tạo tại Miền Bắc, nhưng lại có tin tức chi tiết về sinh viên Saigon trước năm 1975. Dĩ nhiên Phạm Văn Luyện sẽ còn tìm tới nói chuyện với Bác nhiều lần nữa, và câu chuyện sẽ phải có kết luận.

Tôi nói với Bác các chú ý của tôi về Luyện để đề nghị Bác không nên xem Luyện như một thằng tù bất bình thường, bịa chuyện ra để giải trí.

Hồ Hữu Tường vỗ vai tôi, trở về với điệu bộ xuề xòa của các bậc lão niên Miền Nam :

- Mày nói tao đồng ý. Tao phải thận trọng trong giao dịch với thằng Luyện. Giao dịch này sẽ rất phức tạp. Nếu quả thật Luyện là người của Lê Đức Thọ, thì Thọ muốn gì ?

Ba ngày liên tiếp sau đó, mỗi ngày từ 6 giờ chiều (sau giờ cơm) đến 9 giờ tối, Luyện đều tìm đến nói chuyện với Hồ Hữu Tường. Câu chuyện được trần thuật tổng hợp như sau :

Nếu nội tình Việt Nam không có gì thay đổi (lúc bấy giờ là cuối năm 1978), chắc chắn Việt Nam sẽ không tránh khỏi trận đòn của Trung Quốc. Việt Nam chỉ thoát khỏi trận đòn này nếu Việt Nam có được một vị Quang Trung thứ hai. Theo nhóm Lê Đức Thọ : Quang Trung thứ hai có thể là Võ Văn Kiệt hay Phạm Hùng. Quang Trung không thể không có cố vấn Ngô Thời Nhiệm. Liệu chừng Hồ Hữu Tường có nhận lời làm Ngô Thời Nhiệm hay không ? Nếu mưu đồ này được thực hiện, vai trò của Hồ Hữu Tường sẽ nhiều lần tế nhị hơn vai trò của Ngô Thời Nhiệm ngày xưa. Tuy nhiên, vấn đề tiên quyết của việc thực hiện mưu đồ vẫn là câu hỏi làm thế nào để chấm dứt tình trạng phân hóa trầm trọng trong nội bộ đảng CSVN. Lê Đức Thọ dự đoán rằng do hiểu biết rộng rãi về kinh tế, chính trị, ngoại giao, cũng như do những liên hệ cá nhân Hồ Hữu Tường có thể tạo được không khí đoàn kết trong đảng CSVN. Mặt khác, Thọ cũng như đội ngũ lãnh đạo đảng CSVN chỉ e ngại rằng một lúc nào đó Hồ Hữu Tường sẽ biến thành Khruchev Việt Nam, ý nói Hồ Hữu Tường là một cáo già, có khả năng làm phản. Song song với nỗ lực tạo đoàn kết trong nội bộ đảng CSVN, Hồ Hữu Tường (nếu nhận lời làm Ngô Thời Nhiệm) còn có nhiệm vụ tạo dễ dàng cho chính phủ Quang Trung thứ hai trong việc bang giao với Âu Mỹ, và nhất là nỗ lực lôi kéo tư bản Tây Phương về cho CSVN. Sở dĩ Phạm Văn Luyện phải khổ công giả dạng một người tù để vào gặp Hồ Hữu Tường là vì chương trình do Luyện trình bày chỉ là một chương trình còn trong trứng nước do nhóm Lê Đức Thọ chủ trương, chưa được toàn bộ lãnh đạo trong đảng CSVN biết và chấp thuận. Chương trình này nếu tiết lộ không đúng người, đúng lúc, có thể bị phá vỡ. Mặt khác, Luyện cần giả dạng như vậy để có dịp ngầm nghĩa xem Hồ Hữu Tường có còn giữ lại trong lòng mình một thiện cảm nào đó đối với các bạn cũ như Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng hay không ? Nếu Hồ Hữu Tường chấp thuận các đề nghị sơ khởi của Luyện thì trong vòng bảy ngày Luyện sẽ rời nhà giam, và 14 ngày sau đó công an sẽ mang Hồ Hữu Tường đến một biệt thự sau lưng Tòa đại sứ Mỹ ở Saigon, hoặc đến một phòng ở lầu ba Khách sạn Continental. Tại địa điểm này, đại diện chính thức của Lê Đức Thọ hoặc đích thân Thọ sẽ gặp Hồ Hữu Tường để thảo luận thêm các chi tiết khác. Sau khi mọi thương nghị đã hoàn tất, Hà Nội sẽ trả tự do cho Hồ Hữu Tường để không bao lâu sau, tình báo Hà Nội sẽ tổ chức một cuộc không tặc nhằm mang Hồ Hữu Tường đi Calcutta, Ấn Độ. Cộng sản Việt Nam chọn Ấn Độ là vì tại Ấn Độ họ có cơ sở mạnh. Ở Ấn Độ, với sự hỗ trợ kín đáo nhưng tích cực của Cộng Sản, Hồ Hữu Tường sẽ tổ chức nhiều cuộc hội thảo, họp báo có chủ đích đòi hỏi một thể chế trung lập cho Đông Dương. Dựa vào những vận động này của Hồ Hữu Tường, Phạm Văn Đồng sẽ chính thức mời Hồ Hữu Tường về nước tham gia Chính phủ Liên Hiệp. Đứng đầu Chính phủ Liên Hiệp là một Quang Trung tân thời, cố vấn cho chính phủ này là Hồ Hữu Tường. Ngay khi Chính phủ Liên Hiệp thành hình, đảng CSVN sẽ rút ra sau hậu trường, nhưng vẫn kín đáo nắm thực quyền. Toàn bộ chương trình thai nghén của Chính phủ Liên Hiệp trá hình là như vậy.

Tôi hỏi Hồ Hữu Tường :

- Bác nghĩ gì về chương trình này ?

Hồ Hữu Tường vừa nhâm nhi miếng gừng tươi trong miệng, vừa trả lời tôi :

- Ngày nay, sau 52 năm lăn lộn trên chính trường, Cộng Sản đối với tao chỉ là sự ngu dốt cộng với tính xảo trá bất tận. Lịch sử phát triển của đảng CSVN chính là lịch sử của những cuộc "*thay đào đổi kép*" nhưng không đổi tuồng. Thay đổi đào kép chỉ nhằm mục đích đối gạt dư luận là tuồng đã đổi. Chính phủ Liên Hiệp do thằng Luyện trình bày là thí dụ điển hình của kỹ thuật đối gạt theo kiểu "*tuồng cũ, đào kép mới.*" Tuồng cũ là tuồng chuyên chính vô sản. Vở tuồng này ngay từ đầu đã đi ngược lòng dân, đã xa rời thực tại. Tao không chấp nhận tuồng cũ thì làm sao tao có thể chấp nhận đóng vai đào kép mới?

Hồ Hữu Tường nói tới đây, tôi nóng nảy đặt câu hỏi:

- Như vậy Bác đã dứt khoát từ chối mọi đề nghị của thằng Luyện chưa?

- Chưa! Tao bảo với nó: "*Hãy để tao suy nghĩ vài ngày.*"

Vài ngày sau đó, liên hệ giữa Hồ Hữu Tường và Luyện vẫn bình thường, vẫn Bác Bác Cháu Cháu... Thế rồi một buổi sáng đầu tuần, nhân viên công an thuộc Sở Công an Thành phố gọi Hồ Hữu Tường lên phòng thẩm vấn. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, Hồ Hữu Tường trở lại phòng giam. Chờ cho nhân viên giám thị khóa cửa phòng và đi khuất mắt, Hồ Hữu Tường tiến đến cạnh tôi, nói vừa đủ cho tôi nghe :

- Sáng nay thằng công an chấp pháp yêu cầu tao trả lời bằng viết mười câu hỏi ghi sẵn của Sở Công an Thành phố về hồ sơ cá nhân của tao. Trước khi trả lời mười câu hỏi vừa kể, tao yêu cầu thằng chấp pháp cho tao được nói chuyện

riêng của tao. Nó đồng ý. Tao liền kể cho thằng công an này nghe toàn bộ chi tiết câu chuyện giữa thằng Luyện và tao. Tao càng nói, nét mặt của thằng công an chấp pháp càng lộ vẻ kinh ngạc và bối rối. Nói xong, tao hỏi nó nên đối xử như thế nào đối với thằng Luyện. Nó chỉ hỏi tao thêm một số chi tiết về Luyện và tuyệt nhiên không đưa ra bất kỳ đề nghị nào. Sau đó tên công an thẩm vấn bảo tao trả lại nó giấy bút và mười câu hỏi. Nó không còn quan tâm đến mười câu hỏi nữa. Nó ra về.

Quả thực câu chuyện vừa kể đã làm tôi bàng hoàng. Tôi nói cho Hồ Hữu Tường nghe về những lo lắng của tôi :

- Thằng Luyện đã rất nhiều lần dặn Bác tuyệt đối giữ kín những gì nó nói với Bác. Nếu bất kỳ tên công an cộng sản nào, không thuộc nhóm Lê Đức Thọ, biết được công tác của Luyện thì tức thời nhóm Thọ sẽ một mặt phủ nhận Luyện, lúc đó Luyện từ tù giả thành tù thật, mặt khác thủ tiêu Hồ Hữu Tường để trả đũa và để nhận chìm câu chuyện. Sáng nay, Bác phản ứng như vậy nhằm mục đích gì ?

Hồ Hữu Tường thản nhiên trả lời :

- Dĩ nhiên là tao nhằm mục đích phá vỡ kế hoạch của Lê Đức Thọ, nếu quả thật thằng Luyện là nguòi của Thọ. Phe Thọ trách cứ tao ư ? Tao sẽ trả lời rằng, tao là tù, tao phải tôn trọng nội qui phòng tù. Im lặng về vụ Luyện tức là tao vi phạm kỷ luật trại giam. Lê Đức Thọ có tin tao thực tâm tôn trọng kỷ luật hay không, tao chẳng cần biết. Còn tánh mạng của tao ư ? Bọn Hà Nội chắc hẳn không ưa gì tao, nhưng đối với chúng nó thì tao là "*con gà đẻ trứng vàng.*" Bộ óc của tao sản sinh ra trứng vàng. Hà Nội đang vô cùng bối rối trước hiện tình quốc nội và quốc tế, ngày nào đó Hà Nội sẽ cần đến ý kiến của tao, giết con gà, Hà Nội sẽ mất trứng vàng. Tao chưa thể chết đâu, mày đừng lo!

- Tại sao Bác lại tin rằng Hà Nội xem ý kiến của Bác là ý kiến vàng ?

- Câu hỏi của mày phải được trả lời rất dài dòng. Tao chỉ nói với mày một cách khái quát rằng : Hiện nay Hà Nội xem tao là một trong vài người hữu hiệu nhất trong vai trò làm gạch nối giữa đám Hà Nội ngu dốt và Thế Giới Tự Do. Tao còn nhớ, những ngày còn ở tù chung với Lê Duẩn thời Pháp thuộc, có lần tao đã nói với Lê Duẩn rằng : "*Trên địa bàn sinh hoạt chính trị của thế giới, anh đừng bao giờ quên rằng mình là người da vàng, và cũng đừng bao giờ quên rằng người da trắng lúc nào cũng canh cánh bên lòng mối ưu tư mà họ gọi là "họa da vàng." Á Châu ổn định là một trong các yếu tố trội yếu của thế giới ổn định. Á Châu chỉ ổn định chừng nào Á Châu có được thế chân vạc tạo bởi ba khối : Khối Trung Hoa, Khối Ấn Độ và Khối Đông Nam Á. Tôi tin là một lúc nào đó, bằng cách nào đó, Trung Hoa chỉ còn là Hoa Bắc cộng với Hoa Trung. Hoa Nam sẽ kết hợp với các nước Đông Nam Á tạo thành Liên Bang Đông Nam Á. Trong trường hợp này, Trung Hoa* (hiểu theo nghĩa Hoa Bắc + Hoa Trung), *Liên Bang Đông Nam Á và Ấn Độ, mỗi khối sẽ có dân số trung bình khoảng 500 triệu, thế chân vạc sẽ ổn cố về kinh tế cũng như về chính trị, quân sự.*" Lê Duẩn rất chú ý tới ý kiến vừa kể. Hẳn nhiên Lê Duẩn sẽ tìm cách khai thác ý kiến này theo tính toán của người Cộng sản. Phần tao, tao vẫn đi con đường trung lập chế. Nghệ thuật và kỹ thuật cao cấp của chính trị chính là khả năng biến ý đồ của địch thành kế hoạch của ta. Trong tình huống căng thẳng ngoại giao giữa Hoa và Việt như hiện nay, chắc hẳn Lê Duẩn sẽ phải suy nghĩ nhiều hơn về Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. Cuối con đường suy nghĩ này, Lê Duẩn sẽ gặp tao.

- Tôi đồng ý với Bác là có thể Lê Duẩn rất quan tâm đến thế chân vạc của Á Châu. Tuy nhiên như Bác đã biết, đảng CSVN hiện nay rất phân hóa. Lê Duẩn cũng chỉ là một phe bên cạnh nhiều phe khác. Thế nên khi phá vỡ tính chất bí mật của kế hoạch khai sanh ra chính phủ Liên Hiệp, Bác có thể gặp một trong hai trường hợp kể sau :

a. Phe Lê Đức Thọ sẽ thủ tiêu Bác để bít đầu mối, và để trả đũa Bác đã làm vỡ kế hoạch của họ.

b. Phe chống Lê Đức Thọ sẽ thủ tiêu Bác để phá Lê Đức Thọ.

Bác nghĩ như thế nào về sự lo ngại của tôi?

Hồ Hữu Tường im lặng một lúc rồi chậm rãi trả lời:

- Ý kiến của mày không phải không có căn cứ. Tuy nhiên, ở vào hoàn cảnh của tao, tao không còn cách chọn lựa nào khác hơn là phá vỡ kế hoạch của Thọ, phá vỡ âm mưu "*tuồng cũ, đào kép mới.*"

Nói chuyện với tôi xong, Hồ Hữu Tường trở về chiếu nằm của ông ta. Tôi thấy Hồ Hữu Tường và Phạm Văn Luyện nhỏ to với nhau trong chốc lát. Luyện vốn là người rất thâm trầm, khó mà nhìn thấy cảm nghĩ của Luyện xuất hiện trên nét mặt. Thế nhưng hôm ấy, lần đầu tiên tôi thấy Luyện biến sắc mặt. Những ngày sau đó, Luyện không còn nói chuyện với Hồ Hữu Tường nữa. Luyện mất hẳn vẻ hoạt bát thường lệ. Luyện chỉ nói cho Phong (anh binh nhì nhảy dù) biết là bảy ngày sau anh ta sẽ rời phòng. Cuối cùng Luyện từ giã chúng tôi đúng như lời anh ta đã báo trước.

Lúc bấy giờ là trung tuần tháng 12 năm 1978.

Cuối tháng 6 năm 1979, công an ra lệnh cho Hồ Hữu Tường ôm vật dụng cá nhân rời khỏi trại Phan Đăng Lưu.

Tháng 8 năm 1979, tại khám Chí Hòa, tôi nghe tù nhân bàn tán với nhau về chuyến xe chở Hồ Hữu Tường từ khám Chí Hòa đi trại lao động đã bị phục kích, một số tù chết, số khác bị thương. Hồ Hữu Tường bị thương và được mang trở lại bệnh xá của khám Chí Hòa. Những tháng đầu tiên tại khám Chí Hòa, tôi ở cùng phòng với Cao Dao Nguyễn Trần Huyên, người tự nhận là một trong các sáng lập viên của báo Nhân Dân Hà Nội.

Vào dịp Giáng Sinh năm 1979, ông Cao Dao đã được phép gặp Ủy Ban Ân Xá Quốc Tế cùng với người con trai của ông ta có mặt trong Ủy Ban này. Nhân lần gặp gỡ này, ông Cao Dao có nói lại với bạn tù cùng phòng rằng: Ủy Ban Ân Xá Quốc Tế đã nhiều lần yêu cầu được gặp Hồ Hữu Tường nhưng công an cứ từ chối, viện cớ Hồ Hữu Tường đang bị bệnh. Đó là tin tức cuối cùng tại khám Chí Hòa về Hồ Hữu Tường.

Đầu năm 1981, vài người tù trong khám Chí Hòa nhận được tin từ những người đi thăm nuôi : Hồ Hữu Tường hấp hối tại trại tù Hàm Tân, được công an cho phép mang về nhà và từ trần tại tư gia.

Tin Hồ Hữu Tường qua đời làm cho tôi vô cùng thắc mắc. Nếu cần chọn một ông già thất tuần khỏe mạnh nhất, tôi không ngần ngại chọn Hồ Hữu Tường. Hồ Hữu Tường là người có thừa hiểu biết và kinh nghiệm về các phương cách giúp cho người tù bảo vệ sức khỏe trong điều kiện của lao tù. Vì vậy hơn một năm ở chung phòng với Hồ Hữu Tường, tôi không hề một lần thấy Hồ Hữu Tường bị bệnh, dầu chỉ là hắt hơi hay sổ mũi. Gần như trọn ngày, Hồ Hữu Tường bao giờ cũng ở trần, cũng ngậm gừng tươi trong miệng. Trong khoảng từ một đến bốn giờ sáng, nếu người nào thức giấc nửa đêm đều thấy Hồ Hữu Tường đầu đội mũ ni che tai, mình mặc bà ba nâu, ngồi đánh cờ tướng một mình : tay phải đánh với tay trái, đêm nào cũng như đêm nào. Mặc dầu ngủ ít theo tuổi già, ban ngày kể cả giờ ngủ trưa rất ít khi người ta thấy Hồ Hữu Tường nằm nghỉ. Người đàn ông có sức khỏe bền bỉ đó chỉ hai năm sau đã phải từ trần vì lý do "*suy nhược toàn diện.*" Hẳn nhiên, chẳng còn cái chết nào đáng hoài nghi hơn.

Do lòng tôn kính khả năng suy luận của bạn đọc, thay vì đưa ra một kết luận dứt khoát về trường hợp từ trần của Hồ Hữu Tường, bài viết chỉ xin trân trọng trình với bạn đọc một số ghi chú cần thiết như sau:

- **Ghi chú một**: mọi quan điểm kinh tế, chính trị được bài viết ghi lại đều là quan điểm do Hồ Hữu Tường phát biểu trong bối cảnh quốc nội và quốc tế năm 1978, trước khi xảy ra chiến tranh giữa Hoa Cộng và Việt Cộng.

- **Ghi chú hai**: vào lúc câu chuyện Phạm Văn Luyện xảy ra, bên cạnh Hồ Hữu Tường còn có ông Trương Đình Chư, nguyên chỉ huy trưởng Cảnh sát Đặc biệt Đà Nẵng, hiện có mặt tại Orange County, California, Hoa Kỳ. Vị sĩ quan này đã trực tiếp thấy và nghe tất cả dữ kiện bên trong và chung quanh hoạt động của Phạm Văn Luyện. Đề cập đến nhân chứng sĩ quan cảnh sát như vừa kể, bài viết có hàm ý biểu lộ thái độ triệt để nghiêm túc và tôn kính đối với bạn đọc trong mục tiêu trình bày sự thật.

- **Ghi chú ba**: bình luận để lượng giá toàn bộ cuộc đời hoạt động chính trị của Hồ Hữu Tường không là chủ đích của bài viết này. Bài viết chỉ nhằm diễn tả thật rõ và thật trung thực thái độ phản kháng của Hồ Hữu Tường đối với thủ đoạn "*tuồng cũ, đào kép mới*" của Cộng sản Việt Nam. Thái độ phản kháng này ngày nay đã trở thành một loại chúc ngôn có tác dụng lưu ý hậu thế. Lưu ý rằng: Mặc dầu Hoa Cộng và Việt Cộng chẳng thể nào trở lại thời kỳ nồng ấm của hình ảnh "*núi liền núi, sông liền sông... môi hở răng lạnh*" nữa, thế nhưng trước thảm cảnh tan vỡ của Cộng sản Thế giới, hai đảng Cộng sản Á Châu này buộc lòng phải liên kết với nhau để tồn tại. Không còn nghi ngờ gì nữa : chủ nghĩa Marx ngày càng để lộ tính thô thiển và bất lực, thay vì theo chân các nước cộng sản Đông Âu, CSVN lại biến hình thành một loại băng đảng hình sự : họ không ngần ngại đặt lợi lộc của băng đảng lên trên quyền lợi của dân tộc. Để thực hiện âm mưu vừa kể, một mặt CSVN tiếp tục đưa đẩy "*tuồng cũ, đào kép mới*" để mê hoặc những người nhẹ dạ. Mặt khác CSVN sẵn sàng áp dụng biện pháp Thiên An Môn trong trường hợp quyền thống trị bị lâm nguy. Rất có thể chính CSVN sẽ xử dụng những tay chân của họ trong việc tạo ra "*trường hợp quyền thống trị bị lâm nguy*" để có cơ hội biểu dương một Thiên An Môn Việt Nam nhằm khủng bố nhân dân trước khi nhân dân có điều kiện nổi dậy.

Chính phủ Liên Hiệp là gì? Hòa hợp hòa giải là gì? Dân chủ hóa, cởi trói văn nghệ là gì? Kinh tế thị trường tự do là gì? Nếu người chết có thể nói, Hồ Hữu Tường sẽ không ngần ngại trả lời: Tất cả chỉ là "**tuồng cũ, đào kép mới.**"

1990

CHUYỆN VỀ ÔNG HỒ HỮU TƯỜNG

LÊ NGỌC MINH

Năm 1970, chúng tôi, một nhóm chuyên viên kỹ thuật, có thuê một tầng lầu trong nhà riêng của ông bà Hồ Hữu Tường ở đường Trần Quang Khải, Đa Kao, làm văn phòng đồ án tu bổ và tân tạo cầu, đường cho USAID. Công việc nhiều khi bận rộn, làm cả thứ bẩy, chủ nhật, nhiều ngày làm tới 9, 10 giờ đêm. Chính vào thời điểm này, tôi được gặp ông Hồ Hữu Tường. Trước đó, tôi đã được nghe tiếng ông nhưng chưa bao giờ được gặp mặt, tôi đã được đọc một số sách, tiểu thuyết hay bài viết của ông như *Phi Lạc sang Tàu, Phi Lạc náo Hoa Kỳ, Phi Lạc náo Sài Gòn, Thu Hương, Chị Tập, Hoa Dinh Cẩm Trận*... cũng có những bài, những sách mà tôi thấy nói tới trong sách nhưng không tìm ra được mà đọc, tôi thấy rất tiếc.

Thời đó, ông Hồ Hữu Tường là dân biểu hạ viện VNCH. Ông người hơi thấp, đẫy đà, da ngăm ngăm, đầu cạo trọc, để chòm râu cằm, có hai chiếc răng hở đặc biệt, rất có duyên, "rất Hồ Hữu Tường." Mỗi khi đi họp quốc hội, ông mặc áo nâu, đeo tràng hạt như một tu sĩ Phật giáo, ra cửa, ngoắc một chiếc xích lô, chững chạc ngồi lên và... đi !

Khi nào rảnh, ông thường ra "*xem chúng tôi làm gì*." Mùa hè, ở nhà, ông thường mặc chiếc quần *pijama*, ở trần, thỉnh thoảng có khi ông vắt cái khăn mặt trên vai. Tướng ông khoan thai, đường bệ, vẻ mặt nghiêm nghị nhưng không xa cách, nói chuyện với chúng tôi một cách thân mật, về đủ mọi vấn đề mà có người nào đó trong số chúng tôi hỏi ông. Thỉnh thoảng ông cũng nói những chuyện khôi hài cởi mở và cười vui vẻ. Tôi rất có cảm tình và rất mến ông, nhất là sau khi đã đọc những bài người ta viết về ông một cách nể nang, kính trọng và nói về cái kiến thức siêu phàm của ông. Tuy vậy, cũng có một số người nói là ông lập dị, là ông bị "chạm dây"... Có những điều trong sách của ông, triết lý hay nhân sinh quan ông diễn tả trong sách tôi không hiểu hết, dù ông viết rất cơ bản, rất bình dân... Tôi biết, ông là một con đại bàng trong trời cao biển rộng, còn tôi chỉ là một con chim... sâu (còn bé nhỏ và ngu đần hơn con chimsẻ nữa!). Càng về sau, cuộc sống càng khó khăn, sau một năm làm việc tại tầng lầu thuê của ông bà, tôi tách ra khỏi nhóm, dọn đi nơi khác, mở văn-phòng trên đường Công Lý, đối diện cánh phải dinh Độc Lập, làm việc hàng ngày từ 7 rưỡi sáng đến 9 giờ đêm, cho tới 21-4-1975, tôi không có dịp đọc sách hoặc bài viết của ông hoặc nói chuyện cùng ông nữa.

Một lần nói chuyện với bà Hồ Hữu Tường về ông, bà nói nhưng không lộ vẻ bùi ngùi :

– Tôi lấy ổng ba chục năm thì hơn hai chục năm ông đi tù và đi biền biệt! (số năm ghi lại này tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ là ông đi tù và đi "*biền biệt*" nhiều lắm, để bà một mình chăm sóc gia đình).

Sau này khi biết là bà lấy ông và là đồng chí của ông trong ao nhiêu năm thì tôi phục bà quá. Ông đi "*biền biệt,*" khi về ném ra một mớ bản thảo, bảo bà đem in... Bà bèn lập một nhà xuất bản chuyên in các tác phẩm của ông, tôi còn phục bà hơn nữa!

Nhưng những ngày còn ở nhà ông, tôi thường thấy một số "*nhà báo*" đến xin bài hay tới phỏng vấn ông để viết bài, ông thường tiếp họ ở một bàn làm việc gần đó, nên những gì trao đổi giữa ông và họ, tôi đều nghe được, gần hết. Thỉnh thoảng cũng có những *nhà báo* (?) Âu, Mỹ đến thăm ông để phỏng vấn hay dò xét gì đó, ông tiếp họ ở phía sau, những lúc ấy, ông mặt bộ đồ bà ba nâu, trông như một nông dân thuần thục miệt vườn !

Tôi nhớ có một lần, một bạn phóng viên tương đối trẻ, phóng viên báo XX đến gặp ông, tự giới thiệu, rồi nói với ông :

– Thưa bác, con tới xin bác một bài, về vấn đề gì cũng được, cho đi một, hai số !

Ông hỏi :

– Vậy hả, ngồi xuống đây, có giấy bút gì chưa?

– Dạ có !

Ngay lập tức, ông đọc vanh vách cho anh bạn kia viết, như viết chính tả, một bài khá dài về *Trường Sơn Thượng Đạo*, con đường mà vua Quang Trung đã dùng để chuyển quân... hai người cáng một người... ra Bắc đánh quân Thanh...

Sau khi đọc một hồi cho anh bạn kia chép, ông hỏi :

– Vậy được chưa ?

– Dạ, được rồi bác, cảm ơn bác !

Anh đứng dậy chào ông rồi về.

Hai hôm sau, báo đăng. Hôm sau nữa, báo YY cũng đăng một bài tương-tự, cũng Trường Sơn Thượng Đạo, cũng hai người cáng một người... cũng đánh quân Thanh... mà dường như bài của báo YY là người nào đó đọc báo XX, viết trại đi chớ không phải anh ta sáng-tác !

"Trường Sơn Thượng Đạo," bốn chữ ấy tôi chưa từng nghe ai nói đến, chưa từng được đọc trong bất cứ sách nào trước khi nghe ông nói và từ đó đến nay tôi cũng không ai nghe ai nói đến, cũng không đọc được trong bất cứ sách nào. Tôi vẫn thỉnh thoảng thắc mắc, quả thật có Trường Sơn Thượng Đạo không. Dường như ông chỉ muốn nói rằng đường Trường Sơn (*từ của phía bên kia*) hoặc đường mòn Hồ Chí Minh (*tên gọi của phía bên này*) không phải là một cái gì mới của dân tộc (?).

Vào thời điểm đó (1970), Mỹ đã bỏ hoặc đang tính bỏ căn cứ Khe Sanh (tôi không còn nhớ rõ), nhưng cái tên Khe Sanh đang được báo chí Việt Nam nhắc tới, tôi hỏi ông Hồ Hữu Tường :

– Khe Sanh có phải là một trận lớn trong chiến tranh Việt Nam không bác?

Ông trả lời :

– Không, Khe Sanh không phải là một trận lớn! Việt cộng nó đâu có ngu vậy, nó đâu có chui vào cái bẫy trẻ con của Mỹ như vậy!

– Vậy nếu trận chiến lớn xẩy ra, nó sẽ xẩy ra ở đâu ?

– Vùng Thanh Nghệ Tĩnh. Nếu Mỹ muốn chận Việt cộng đưa người và vũ khí vào miền Nam, họ phải chận ngay yết hầu. Chận đó, sau đó tiêu diệt Việt cộng ở miền Nam thì có thể làm Việt cộng yếu đi nhiều! Yếu đi chớ không tiêu diệt hẳn được đâu!

Tôi nhớ mãi câu nói này. Ba chục năm sau, khi phái đoàn McNamara sang Hà Nội họp về "*hàn gắn vết thương sau chiến tranh,*" tôi đọc được một mẩu tin, đại khái, phái đoàn Mỹ hỏi phái đoàn Việt Nam :

– Việt Nam có điều gì *ngạc nhiên* về hành động gì của Mỹ ở Việt Nam hay không ?

Một số tướng lãnh hay nhân vật trong bộ Chính trị (tôi không nhớ rõ) trả lời phái đoàn Mỹ :

– Ngạc nhiên vì tại sao phía Mỹ và VNCH không đổ bộ vùng Thanh Nghệ Tĩnh để chận đường tiếp vận từ Bắc vào Nam, vì nếu họ làm như vậy, có lẽ miền Nam đã không mất năm 1975.

Đọc đến đây tôi lại nhớ đến ông.

Một bữa khác tôi hỏi ông :

– Theo ý bác, chiến tranh Việt Nam sẽ kết liễu như thế nào ?

Ông trả lời :

– Chiến tranh Việt Nam không thể nào chấm dứt bằng chiến tranh. Chiến tranh Việt Nam sẽ phải chấm dứt bằng hoà đàm. Mà nếu chấm dứt bằng hòa đàm thì rồi Việt cộng nó sẽ chiếm hết trọn gói.

– Nếu không muốn họ chiếm trọn gói, mình có thể làm gì được không ?

Ông chỉ tay vào tôi, như trẻ con chơi bắn súng, ông nói :

– Siêu lập ! Phải, Siêu lập !

Rồi ông bước vào nhà sau. Tôi không hiểu quan niệm "siêu lập" của ông là gì cho đến khi đọc bài của bác sĩ Trần Ngươn Phiêu in trên *Thế Kỷ 21* số vừa qua.

Tôi là một tay chụp ảnh tài tử, mà chuyên chụp chân dung loại "*có sao chụp vậy.*" Tôi thường đem theo máy ảnh khi đi làm và đã nhiều lần chụp chân dung ông. Một hôm, trời chiều, ánh nắng vẽ một đường viền bọc khuôn mặt ông từ đỉnh đầu, qua trán, mũi, miệng, cằm, bộ râu... và chút má phải; sau đầu và gáy chìm vào bóng tối. Tôi xin chụp ông và ông đồng ý. Đó là tấm ảnh của ông mà tôi ưng ý nhất. Khi rửa ảnh và đem biếu ông, ông khen ảnh đẹp, ngắm nghĩa mãi, rồi ông nói :

– Trông moa giống tên tướng cướp hay giống Lỗ Trí Thâm quá ! Đúng là giống Lỗ Trí Thâm quá, nhưng mà đẹp !

Rồi ông cười vui vẻ, đưa cho bà xem, bà nhìn tôi rồi cười tủm tỉm.

Khi di tản, tôi có đem tấm phim này theo, nhưng tất cả những phim tôi chụp từ 1962, bỏ trong một bao thư lớn, bọc *plastic*, bị mất tại An Thới, Phú Quốc nửa đêm về sáng ngày 30-4-1975 !

Có một câu hỏi, tôi muốn hỏi ông vì tôi tò mò và không hiểu nổi, là tại sao tháng 5-1955 ông lại chạy theo Bình Xuyên, để sau này bị ông Diệm bắt tại Rừng Sát. Nhớ lại tấm ảnh chụp lúc ông bị bắt, ông mặc bộ đồ bà ba, cười vui vẻ như không có chuyện gì xẩy ra cả, tôi đâm ra nghi ngờ cả khả năng *không hiểu nổi* của mình. Tôi rất muốn hỏi ông, nhưng tôi sợ câu hỏi sẽ không bao giờ thích hợp. Có thể, trong một dịp nào đó, trong một tiểu thuyết hay truyện kể nào đó, ông sẽ phần nào hé mở, nhưng cơ hội đó không bao giờ tới và đến giờ này, khi gần đất xa trời, tôi thấy câu hỏi đó không cần thiết nữa và tôi không tò mò nữa.

Ba mươi ba năm sau, đúng một phần ba thế kỷ, ngồi tại Tiểu Sài Gòn, đọc *Thế Kỷ 21* số đặc biệt về ông, tôi viết bài này như đốt một nén hương lòng tưởng nhớ về ông, ông Hồ Hữu Tường, một học giả mà tôi kính mến.

"HẬU" CON THẦN LẰN CHỌN NGHIỆP

HỒ HỮU TƯỜNG

LTS. *Trong số Thế Kỷ 21 tháng trước đặc biệt về Hồ Hữu Tường chúng tôi có đăng truyện ngắn Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp nổi tiếng của ông. Một điều ít ai biết là về sau tác giả có viết thêm một đoạn nữa nối theo truyện đã viết. Đoạn ấy đã được đăng với toàn truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp trong số báo Quê Mẹ, Giai phẩm Xuân Quý Hợi 1983 xuất bản tại Pháp, do Nguyễn Thái sưu tầm, mà chúng tôi xin trích đăng lại với một cái tựa tự đặt: "Hậu" Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp.*

Xin độc giả coi lại truyện Con Thằn Lằn Chọn Nghiệp từ số trước, và xem đoạn dưới đây như là phần tiếp nối.

*

....

Một hôm trong hồi xiêu bạt, hồn con thằn lằn thấy bóng của một trong hai khách đã đến am thuở nọ, mà câu chuyện nghe lóm đã làm duyên cho mình mấy năm đau khổ.

Thằn lằn vội vã bay theo vái chào và kể nỗi niềm đau đớn:

- Ngài đã giúp cho tôi giác ngộ được một ít, có hay đâu tôi phải mang cái nghiệp vô định này. Đã trót làm ơn, xin độ cho tôi đến bờ bến.

Người đáp:

- Cái khổ của ngươi là ngươi đã phát tâm cứu độ muôn vàn chúng sanh do những hạt tro mà đầu thai nên. Tâm ấy là lửa thiêng. Nó đốt lòng ngươi, cưỡng lại mà cãi, sao cho được? Âu là, ngươi nghe theo nó mà hành cái hạnh ấy đi!

- Nhưng mà, làm sao bây giờ?

- Bấy lâu nay, ngươi đã nghe tụng kinh. Kinh dạy bài học căn bản là Bi. Ngươi phải có lòng Bi, mà thương muôn vàn hột tro ấy!

- Tôi vốn thương nhà sư, mới dại dột mà làm cho nhà sư phát nộ. Thì tôi cũng sẵn lòng mà thương muôn vàn hột tro, do xác nhà sư thiêu mà ra. Rồi tôi cũng sẵn lòng thương những ai mà những hạt tro ấy đầu thai nên.

- Tốt lắm! Tốt lắm. Đã có Đại Bi, phải thêm có Đại Trí. Muốn cứu độ muôn vàn hột tro ấy, ngươi hãy lấy trí mà biết, hiện nay chúng đang đau khổ cái đau khổ nào? Rồi ngươi lấy Trí, mà tìm biện pháp nào để cứu độ chúng. Chớ tình thương mà không có thêm phương pháp để thực hiện tình thương ấy, thì tình thương chỉ là một sự than khóc sướt mướt và vô bổ mà thôi.

Lời của người làm cho hồn con thằn lằn đại ngộ một lần nữa. Nó phóng quang mà nhìn khắp trần gian, để kiếm xem hiện nay, những hạt tro, do các vị Kim Cang, La Hán tung rãi đang đầu thai nên gì, và đang đau khổ do cái gì. Lạ thay, những hạt tro này, bởi tiền kiếp mắc tội tham sân, si, nên chẳng được đầu thai làm người, lại đầu thai là lũ chuột. Chúng không được sống dưới thanh thiên bạch nhựt; ngày chúng phải chui rúc trong hang, tối đến bò ra ăn vụng, ăn vặt. Thế mà chẳng được yên thân, chúng bị một lão mèo to tướng, mắt sáng như sao, nhìn thấy rõ trong đêm tối, vuốt bén như gươm, tay lẹ như chớp, thêm thèm thịt chuột ăn bao nhiêu cũng không đã, lão mèo ngày lừ đừ ngủ, để ban đêm rình chụp chuột mà ăn tươi nuốt sống. Đời của chuột đã khổ rồi, mà bị lão mèo càng thêm khổ não, lòng phập phồng lo sợ. Rút vào hang cả ngày lẫn đêm, thì đói. Ló ra, thì sợ mèo chụp ăn. Hồn con thằn lằn, thấy chúng chuột như vậy, thương cảm vô cùng.

*

Bỗng nhiên, nó thấy lũ chuột tìm chỗ an toàn mà khai đại hội. Nó bèn vận thần thông nhĩ, mà nghe lũ chuột nói với nhau những gì. Nó nghe một con chuột cống khởi nói như thế này:

- Hỡi đồng loại chúng chuột! Đời của chúng ta khổ não lắm rồi. Ngày ở hang để tránh người đập giết, tối mới dám ló ra mà ăn vụng. Thế mà chồng lên cái khổ ấy, chúng chuột ta còn gặp cái đại họa, là lão mèo. Vì lẽ đó mà tôi triệu tập tất cả lại, để bàn tính coi có cách nào để thoát cái đại họa ấy chăng?

Một con chuột con, còn hăng tiết, hùng biện

nói:

- Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết! Chúng ta phải hiệp bầy lại, một lượt tiến tới, mà cắn mèo. Một mình mèo làm sao cự lại cả bầy chuột?

Một chuột già, mình đầy thẹo, kêu chít chít nói:

- Đừng có dại! Đừng có dại! Thuở tôi còn trẻ, tôi có nghe theo luận điệu ấy. Chúng tôi có tổ chức một bộ đội chuột, đến mấy trăm con, xông tới mà toan cắn mèo. Thế mà mèo chỉ quơ tay một cái, là ngủm một chuột. Mấy trăm chuột của bộ đội chết sạch. May mà tôi rán được, đầy mình thương tích, thoát chết chạy về, cả tháng mới lành. Kinh nghiệm của chuột già này, xin các thanh niên chuột nên gẫm cho kỹ. Chớ liều lĩnh mà thiệt mạng, lại không có chút kết quả nào!

Lời của chuột già như gáo nước lạnh dập tắt lửa hăng của chuột con. Các chuột im lặng khá lâu, thì có một con nhỏ nhẹ nói:

- Chuột mà tranh đấu với mèo, thật là không nổi. Ta tránh nó thì hơn.

- Đúng vậy!

- Phải lắm!

- Hay lắm!

Chuột kia nói tiếp:

- Muốn tránh mèo, ta phải nghĩ cách nào báo cho ta biết sự hiện diện của mèo. Để ta tránh trước, khỏi sợ bị mèo chụp. Cách ấy, tôi nghĩ rằng ta nên treo một cái lục lạc nơi cổ của lão mèo. Lão đi đến đâu, lục lạc rung vang báo tin cho chuột ta hay, mà lánh trước.

Hồn con thằn lằn nghe kế ấy, thuật lại cho người nghe. Và phê bình:

- Quả là Đại Trí!

Nhưng hồn con thằn lằn nhìn mãi, thấy lũ chuột im phăng phắc, chẳng có chuột nào động đậy, chẳng chuột nào thốt một lời, mà cũng chẳng chịu giải tán, cho chuột nào trở về hang nấy. Hồn con thằn lằn hỏi người:

- Sao lũ chuột lại như vậy?

Người đáp rằng:

- Bởi lũ chuột hèn nhát. Tuy kế là hay, song chẳng có chuột nào có cái Dũng, dám đeo lục lạc mà mang vào cổ lão mèo, để tự cứu, mà cũng để cứu đồng loại. Có Bi mà không có Trí, là vô bổ. Có Bi và Trí mà thiếu Dũng, là vô hiệu. Bi, Trí, Dũng là ba cái chơn vạc, thiếu một chơn ấy là vạc nghiêng đổ đi.

- Làm sao bây giờ?

- Ngươi muốn cứu chuột, ngươi phải làm chuột. Ngươi phải đầu thai làm con chuột có Đại Bi mà biết thương đồng loại, có Đại Trí mà biết đem lục lạc mang cổ của lão mèo, có Đại Dũng mà dám hy sinh, liều mình, chẳng sợ mèo ăn tươi nuốt sống, mang lục lạc xông đến gần lão mèo.

Lời của người làm cho hồn con thằn lằn đại ngộ lần nữa. Muốn cứu độ hạng nào, phải hòa mình vào hạng ấy. Thích Ca đã từ chối ngôi báu, vì Thích Ca muốn hòa mình vào chúng dân, để cứu độ chúng dân. Hồn con thằn lằn muốn cứu độ lũ chuột, thì hồn con thằn lằn phải hòa mình vào lũ chuột, đầu thai làm con chuột, về muôn vàn cạnh khía thảy đều không khác gì với giống chuột. Chỉ khác có một chút xíu là trong tâm hồn của con chuột này có Đại Bi, Đại Trí và Đại Dũng mà thôi. Có được đại ngộ ấy, thằn lằn ta bèn đầu thai làm chuột.

*

Bởi là do con thằn lằn đầu thai, nên khi chuột ta sanh ra, thì hình vóc còn mang máng giống con thằn lằn. Mẹ nó lầm tưởng là rồng. Bèn đặt tên cho nó là Long Thử.

Long Thử lớn lên, có vẻ trầm ngâm, đạo mạo. Lời nó kêu chít chít nào, nghe cũng có ý nghĩa ưu thời mẫn thế. Một hôm, nó gọi một bạn chuột lực lưỡng theo nó. Té ra, nó đã gặp được một nơi góc tàu ngựa, một cái lục lạc to bằng quả trứng, nên về gọi bạn theo nó. Đến nơi, nó nằm ngửa ra, ôm lục lạc vào lòng, và bảo bạn cắn đuôi nó mà kéo, như là kéo xe vậy. Kéo nó tới đâu, thì tiếng lục lạc kêu lên rổn rảng. Mà bạn nó, vì cắn đuôi nó mà kéo, đi chỉ nghe theo lịnh nó chít chít điều khiển, nên chẳng biết trước sẽ hướng vào đâu, thành ra không sợ sệt chi. Long Thử ra lịnh cho kéo đến lão mèo, tính đem lục lạc mà mang vào cổ lão mèo, như trước kia, lúc nó còn là hồn con thằn lằn, nó đã nghe nói vậy.

Nằm một góc, lừ đừ, lão mèo nghe vang tiếng lục lạc. Bèn giương mắt nhìn, chẳng biết con gì, đầu chẳng thấy mặt mũi chi, chỉ thấy một cái vòi quơ qua quơ lại, để tìm phương hướng, lại có đến tám chân, bốn chân để đi, bốn chân lại chổng lên mà nghỉ, mà kêu rống chẳng ngơi. Lão mèo quá sợ, nhảy phóc lên nóc nhà, kêu "miao! miao!" rất là kinh hãi.

Lũ chuột núp trong hang, nãy giờ thấy mèo rình, không dám ra. Bây giờ thấy mèo hoảng nhảy đi, bèn nà ra. Con nào đói thì mau mau đi tìm mà ăn vụng. Một số đông lại bu quanh Long Thử, lên tiếng chê bai:

- Việc này có gì là khó. Ai mà nằm ngửa ôm lục lạc chẳng được? Vì lối ăn cắp trứng ấy, chuột nào mà chẳng biết? Chỉ vì mèo dại, thấy hai con chuột cắn đuôi nhau, lầm tưởng là con quái gì, mà sanh sợ thôi!

Chẳng dè, nằm trên mái nhà, lão mèo nghe và hiểu tiếng chuột. Lão nhìn xuống, thấy quả là Long Thử ôm lục lạc, nằm ngửa cho một con chuột khác cắn đuôi; và cái mà lão lúc nãy tưởng đâu là cái vòi qua quơ lại, thật sự, chỉ là cái đuôi chuột! Lão vừa thẹn cho lão, vừa phục Long Thử đa mưu, vừa phát ghét lũ chuột vô ân, đã buông lời chê bai kẻ mới cứu mình khỏi nạn. Từ trên mái nhà, lão mèo phóng xuống, mỗi một tay hay chơn, sè vuốt mà móc họng một chuột.

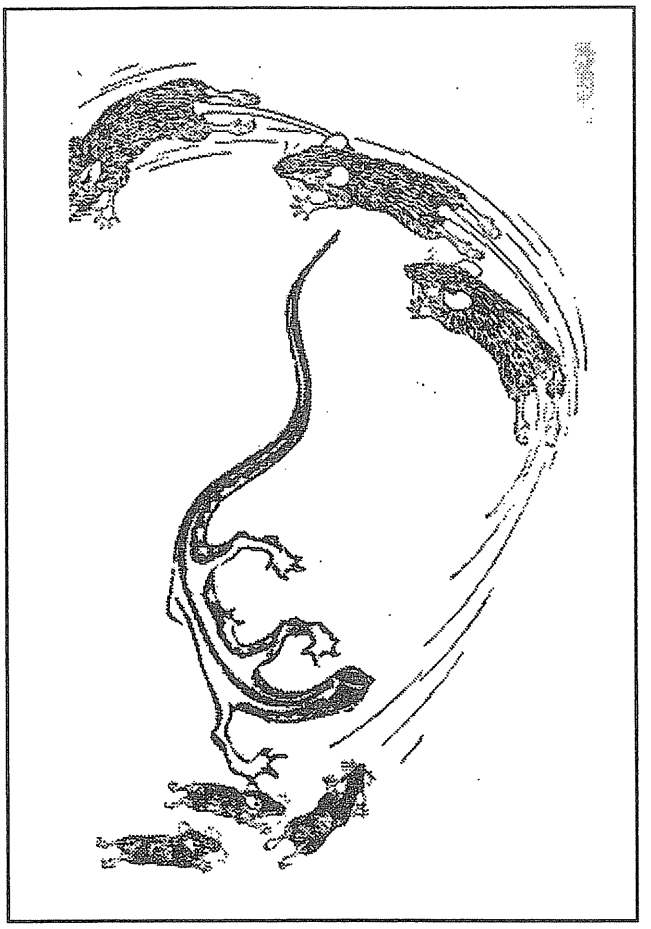

*

Tất cả các chuột khác hoảng chạy tứ tán. Long Thử và bạn nó cũng giựt mình hoảng hốt chạy theo, chun vào hang mà trốn. Chừng tinh thần định tỉnh lại, lũ chuột bèn lập tòa án chuột để mà xử Long Thử. Long Thử bị buộc tội là Thử gian, làm chuột mà lãnh lịnh của mèo, hại loài chuột của mình. Bằng cớ là bấy lâu nay, lão mẽo mỗi lượt chỉ móc họng được một chuột mà thôi; còn bây giờ, mèo và Long Thử toa rập, để cho mèo giết một lần bốn trự chuột. Nếu không phải nhờ Thử-gian đồng lõa mà giúp, dễ gì mèo chụp một lượt đến bốn chuột? Lời buộc tội quá hữu lý như vậy, đủ bằng cớ thiết thực như vậy, dễ gì Long Thử đem tâm tình của mình, một tâm tình vô hình, không biết tựa vào đâu, để mà chứng minh, để nói rằng mình chỉ có lòng cứu độ loài chuột, chớ chẳng có dạ phụng sự cho mèo để hại chuột? Long Thử bị kết án tử hình. Điều này nó dễ chấp nhận, nếu nó phải đem cái chết của nó làm điều kiện, để cứu độ loài chuột, mà nó quá thương yêu. Song cái bản án của nó, "tội Thử gian," làm cho nó đau khổ vô cùng; vì nó mang một cái oan vô tận, không ai giải cho được.

*

Lòng oan của nó xung lên, thành một vùng trở lực, tận đến cõi trời Đâu Suất. Ở cõi trần không thấy chi cả. Còn ở trên kia, Trở Lực ngăn cho Thần Tiên không lui tới được, làm cho lưu thông phải nghẽn. Thần Tiên phải hội nhau lại, tính làm sao cho việc đại bất công này được giải, thì vũ trụ mới tuần hoàn theo trật tự. Bàn cãi rất lâu, Thần Tiên tìm ra được một biện pháp, là bấy lâu nay, người ta đếm mười hai chi (tí, sửu, dần, mão, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi), thì mỗi chữ này vốn là trừu tượng, không có nghĩa gì; nhưng bắt đầu từ bây giờ, phải cho loài người hiểu rằng chữ đứng đầu tất cả, là chữ tí, phải dành để cho Long Thử tượng trưng. Những đức tánh quý báu của nó, mà đặt ra làm chủ tể cho luân lý, thì vũ trụ mới vận hành điều hòa được.

Từ ấy, hỏi đứa trẻ nào, nó cũng biết "tí là con chuột." Nhưng từ ấy nhẫn nay, loạn lạc vẫn kéo dài hoài; bởi loài người chưa giác ngộ, cứ lầm tưởng chuột ấy là thứ "chuột tham, sân, si" kia. Chừng nào, đứng đầu cho cuộc vận hành của vũ trụ là con Long Thử, con chuột học được, và hành được theo Bi, Trí, Dũng thì may ra, nguồn Thanh Bình mới khai được./.

Trích đoạn

PHI LẠC SANG TÀU

HỒ HỮU TƯỜNG

Hồi Thứ Hai

Tại Phú Ninh Phi Lạc làm mõ
Mong cứu nạn Hồng Hạc cầu hiền

Đây nói về ông Nguyễn Văn Tố, là một nhà khảo cứu nổi tiếng của nước Việt Nam, một hôm đang khảo cứu về thời Tây Sơn, khi bị vua Gia Long triệt hạ, có chép được tài liệu sau đây:

"Khi Tây Sơn đổ, thì con cháu Tây Sơn đều bị giết sạch. Vợ của Nguyễn Huệ là Ngọc Hân công chúa được tha giết, và được vua Gia Long dùng trong cung. Có nhiều quan đại thần can vua về việc ấy. Vua đáp: 'Nước của nó, ta còn lấy được. Vợ của nó, ta há không lấy được sao?' Thế là Ngọc Hân được nạp vào cung, làm vợ cho một vị hoàng đế nữa. Dân Việt Nam thời ấy, thấy đời công chúa lạ lùng như vậy, có truyền nhau câu ca dao này:

Gái đâu có gái lạ lùng?
Con vua mà lấy hai chồng làm vua.

Ý nói chỉ có Ngọc Hân công chúa vừa làm con vua (Lê Hiến Tông) và có hai chồng đều làm vua: Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh (tức là hoàng đế Quang Trung và Gia Long)."

Khi chép đến đây, thì ngậm ngùi tiếc cho một nhà sản xuất được hai kỳ tài trong lịch sử Việt Nam là Hồ Quí Ly và Nguyễn Huệ, mà đến đây phải dứt hẳn. Ông dựa ngửa vào ghế, trầm tư mặc tưởng, không dè buồn ngủ, đánh một giấc quá say, chiêm bao như ở trước đã thuật.

Khi sực tỉnh, nhớ lại lời dặn của Tả Quân, nhìn trước mặt tờ tài liệu hãy còn, liền chép miệng than rằng:

- Đâu là sự thiệt? Con cháu của Nguyễn Huệ đã bị giết sạch như các sách đã chép, hay là hãy còn sống sót, di chuyển đến đời này, như Tả Quân đã dạy trong mộng?

Cũng may, ông Trúc Khê Ngô Văn Triện vừa qua đó. Ông Tố mời vào hỏi:

- Ông có biết, ở xứ này, ai là người thông hiểu lịch sử nước nhà hơn hết chăng?

- Ngoài cụ và ông Trần Trọng Kim ra, thì có ai bằng?

- Danh thì như thế. Nhưng tôi muốn nói về thực cơ?

- Thì hai cụ vẫn có danh và có thực.

- Không, tôi không cãi điều đó. Nhưng tôi muốn nói đến những người học tót chúng, mà mai danh ẩn tích như phu tử núi La đời Tây Sơn kìa! Tôi muốn tìm những người chẳng có chút danh nào thế mà học rộng biết nhiều, để mà hỏi một ít điều bí ẩn của lịch sử.

- Vậy thì cụ nên đến làng Cổ Nhuế mà hỏi thằng mõ làng ấy.

- Thằng mõ à?

Nghe ông Tố làm lạ, thì ông Trúc Khê mới thuật cho nghe gốc tích thằng mõ:

- Vâng. Nó ngông lắm. Nó, gốc gác ở đâu không ai biết. Chỉ biết nó là một thằng đến ứng cử chức mõ ở làng Cổ Nhuế mà thôi. Điều ấy làm cho nó nổi danh rồi. Vì vậy mà ai cũng gọi nó là thằng mõ Cổ Nhuế.

Cụ cũng dư biết rằng Cổ Nhuế là một làng ở gần Hà Nội, dân đông, thiếu đất, mà cũng không có công nghệ đặc biệt gì để nuôi dân. Thế nên dân làng Cổ Nhuế làm cái nghề lấy phân cho thành phố Hà Nội. Mỗi ngày, đàn ông, đàn bà, người làng Cổ Nhuế gánh hai thúng trét chai, vào từng nhà mà đổ phân, rồi gánh về làng phơi khô, rồi từ đó mà gởi bán khắp nơi.

Đối với mọi làng, làng Cổ Nhuế không được ưu đãi, bởi cái nghề lấy phân của dân làng. Mà chức mõ làng Cổ Nhuế lại ít ai thèm đến. Bởi vì đi lấy phân gánh về, công việc đành là không thơm, mà miễn cưỡng còn làm được, tuy vậy nghề cũng nhàn và được nhiều tiền. Nhưng làm mõ làng Cổ Nhuế, cùng ngửi một không khí ấy, mà không nhàn, không được nhiều tiền, thì không ai chịu làm! Thế mà có một người đăng tên ứng cử làm mõ làng Cổ Nhuế. Thế có quái không? Vì vậy mà thằng mõ nổi danh, mà người ta không cần biết nó tên gì. Gọi nó là thằng mõ Cổ Nhuế

là đủ rồi.

Nhiều người cắc cớ tìm hiểu tại sao nó làm như vậy? Hỏi nó, nó hỏi vặn lại:

- Nhưng mà anh biết làng nào hay chữ hơn làng Cổ Nhuế chăng? Về hưu ở làng có đến mấy ông tiến sĩ, hoàng giáp. Đến như theo đòi tân học thì người làng đỗ đạt cũng rất cao. Chẳng hạn ông Nguyễn Mạnh Tường, hai mươi hai tuổi mà đỗ lưỡng khoa tấn sĩ ở Pháp.

Mấy người kia hỏi nó:

- Thế là anh muốn được thơm lây, nên nhận chức mõ làng nầy chớ gì?

Nó đáp:

- Làm gì mà được thơm lây? Nói trắng, là thúi thì có. Còn nói bóng bảy, ai học giỏi thì được danh riêng của mình. Danh của ông Nghè Nguyễn Mạnh Tường làm sao xan xẻ cho thằng mõ được?

Họ nghe vậy, thì hỏi nữa:

- Vậy chớ anh đến đây làm mõ để làm gì? Hay là anh nghi cục đất ở đây có thần đồng phụ nhĩ, nên muốn đến để may ra có chết, được chôn ở cục đất này, thì con cháu ngày sau đỗ đạt ông nghè, ông cống vậy?

Nó đáp một cách ngông rằng:

- Ông nghè, ông cống mà làm gì? Để khi có đình đám, ngồi mâm trên gật gù trước chén rượu, mà ai có hỏi điều gì, thì câm như hến à? Tôi làm mõ ở Cổ Nhuế đây, chỉ muốn được làm kẻ ăn một mình một mâm, ở nơi làng hay chữ này, hơn tất cả ông nghè tân hay cựu, hơn tất cả các ông hay chữ, hơn cả ông tiên chỉ trong làng mà người ta còn lật xuống được, để giành ngồi một mình một mâm như tôi vậy. Thế mà danh vẫn chánh, vì về phương diện hay chữ, mình có thua ai đâu?

Nghe nó khoe rằng nó hay chữ, thì họ hỏi:

- Anh đã thi đỗ cái gì?

Nó đáp:

- Thi à? Thi ấy là nhận thằng cha giám khảo là kẻ giỏi hơn mình sao? Tôi không thi cử chi, vì chưa gặp ai đáng làm giám khảo mà chấm bài cho tôi.

Họ nghe chướng, bèn hỏi nó:

- Anh đã học sách gì, mà dám khoe là hay chữ hơn hết?

- Học sách à? Học sách tức là nhận kẻ viết sách làm thầy sao? Tôi không học nơi sách nào cả.

Họ tức mình hỏi:

- Không học anh làm sao biết được?

Thì nó nói dõng dạc rằng:

- Không học mà biết mới hay chớ! Nếu phải học mà biết, thì cũng như các ông nghè, ông cống khác, chớ nào có hơn, mà tranh có một địa vị hơn họ?

Nghe ông Trúc Khê thuật đến đây, ông Tố liền nói:

- Thằng mõ ấy chỉ là một thằng gàn dỡ chớ gì?

- Nhưng nó tài lắm, cụ có điều gì không biết, cụ cứ thử hỏi nó xem?

Ông Nguyễn Văn Tố nửa tin nửa nghi.

Song theo nhà có óc khoa học, không thí nghiệm, biết đâu là chân lý? Không thí nghiệm mà dám nói quả quyết, ấy là thái độ của kẻ thiếu học. Ông liền bước ra khỏi văn phòng, xuống lầu, lên xe, cho chạy thẳng vào làng Cổ Nhuế.

Các nhà tai mắt của làng nghe cụ Tố đến, lấy làm vinh hạnh cho làng nhưng mà không biết cụ đến nói chuyện với ai, không dè cụ có ý muốn gặp thằng mõ. Mọi người đều quái lạ và nghi rằng chắc cụ đang thắc mắc về vấn đề gì quan trọng lắm. Họ liền lật đật mời cụ đến nhà ông tiên chỉ và gọi thằng mõ đến.

Hồi nào đến giờ, thằng mõ không được ngồi chung với ai cả. Không ai mời nó ngồi chung mâm. Mà nó nói chính là nó không thèm. Nay cụ Tố đến làng, chỉ cần nói chuyện với một mình nó, cầu nó hé màn bí mật về một khoảng to tát của lịch sử. Một khoảng rất có ảnh hưởng cho tương lai dân tộc, tương lai nhân loại. Không lẽ bắt nó đứng khoanh tay dựa cột mà nói. Mà cũng không thể lấy lễ mọn hơn là lễ thượng khách. Ít ra phải lấy lễ cầu thầy. Dầu cho nó trả lời không xứng với lễ ấy, thì lỗi về phần nó. Nhưng làm học giả như cụ không lẽ lại dốt?

Cụ Tố liền xin lỗi ông tiên chỉ, để nó ngồi trên mình. Mà ông tiên chỉ đã mời cụ Tố ngồi trên ông, thì nó lại ngồi trên cả ông tiên chỉ sao? Còn nó thì từ chối rằng:

- Việc đó con không dám! Con chỉ là thằng mõ trong làng. Mỗi lần có đình đám, thì cụ tiên chỉ ngồi một mâm, mâm trên, thằng mõ một mâm, mâm dưới hết. Lẽ nào con dám ngược với lệ làng, dám ngồi cùng mâm với cụ tiên chỉ, lựa là ngồi trên nữa?

Ông Tố đáp:

- Lý của ngài đúng lắm, lệ của làng xã Việt Nam rõ ràng, khéo léo. Có nề nếp mới có trị. Có trị mới có an. Nếu mõ ngồi trên ông tiên chỉ, thì mất hết tôn ti trật tự, xáo cả nề nếp, ắt là mất trị, mất trị thì làm sao an được. Lúc nãy, tôi sơ ý. Tôi chỉ xem liên quan giữa ngài và tôi. Tôi hỏi ngài để cần mở rộng kiến văn. Thì tôi phải kính ngài

theo lễ kính thầy. Vậy mới đúng đạo. Nhưng tôi lại quên cái liên quan giữa ngài và làng nầy, mời ngồi trên tôi, thì lại ngồi trên ông tiên chỉ, tức là loạn cả nề nếp của hương thôn.

Rồi day qua ông tiên chỉ, cụ Tố nói tiếp:

- Tôi xin lỗi ông về điều sơ sót, thành ra lầm lỗi ấy. Nhưng biết làm sao tìm một chỗ nào trong làng, để đãi theo lễ đãi thầy cho được?

Ông tiên chỉ nhìn nhận cái lý đó rất đúng. Nhất là ông biết làng có lắm phái nghịch, chực kéo lôi ông xuống, để giành chức tiên chỉ, thì cần làm sao cho họ đừng có cớ nói được. Thế thì để cho thằng mõ tiếp chuyện với cụ Tố ở đâu bây giờ?

Trong lúc cả hai lúng túng thì thằng mõ đứng dựa cột, gãi đầu nói:

- Xin phép hai cụ cho con bàn góp.

Cụ Tố đáp:

- À được lắm! Ngài là bực học cao hiểu rộng, ý kiến của ngài ắt sáng suốt lắm!

Ông tiên chỉ cũng đồng ý như vậy, nhưng không tiện nói ra mà thôi, bèn dạy nó:

- Ta cho phép mi. Mi cứ nói.

Thằng mõ chắp tay rất lễ phép, thưa:

- Cụ đây muốn nói chuyện với con. Thế là khách của con. Vậy để con tiếp khách nơi chỗ con ngụ. Thì ở đó chỉ liên quan giữa cụ và con, không đụng chạm đến cụ tiên chỉ.

- Chết, không được. Ông tiên chỉ liền chặn ngang.

- Không được thì thôi. Con xin lỗi vì trót dại, đưa ra một ý kiến ngu xuẩn như thế!

Cụ Tố liền hỏi:

- Có gì là ngu xuẩn? Ý kiến sáng suốt lắm chớ. Tôi chỉ là khách của ngài. Tôi nên đến nhà ngài, khỏi phải phiền đến một người thứ ba.

Ông tiên chỉ kéo cụ Tố nói nhỏ:

- Thằng mõ không có chỗ ngụ. Nó chỉ ở nơi góc đình. Và khi cụ đến đình rồi, không lẽ người tai mắt trong làng không đến hầu chuyện với cụ mà thành ra việc tiếp rước mất tánh chất long trọng của cả một làng tiếp một người khách quí? Chừng đó, cả một làng Cổ Nhuế phải ngồi sau cụ, cụ lại ngồi sau nó, thì còn gì là trật tự?

Ở ngoài, dư luận xôn xao. Một phái nói:

- Một làng nổi tiếng hay chữ mà không biết xếp đặt một chuyện cỏn con này, có phải xấu hổ với các làng khác không?

Phái khác cãi lại:

- Lỗi tại các ông. Cái gì bắt, mà phải chọn cái thằng kỳ quái ấy làm mõ, cho nên ngày nay phải bị rắc rối như vậy?

Phái khác đáp:

- Thì mình muốn được cái tiếng là cả làng hay chữ, từ các ông khoa cử, cho đến thằng mõ, đều là kẻ bụng chứa ngàn thơ.

Có người đính chính lại:

- Nào phải vì vậy mà chúng ta chọn nó làm mõ? Các ông bà nghĩ có phải không? Hồi trước, chân mõ làng nầy không ai thèm đăng cả. Nó xin đăng. Ai có biết nó là người hay chữ? Dầu cho người nào đến ứng cử, chúng ta cũng buộc lòng nhận. Ta đã có quyền lựa chọn đâu, mà các ông bà trách?

Phái nghịch của ông tiên chỉ đã thì thầm với nhau:

- Ông tiên chỉ mà không giải quyết được vấn đề nầy, thì danh thối của làng Cổ Nhuế sẽ bay khắp. Thối hơn mùi của hai thùng phân, mà dân làng gánh đi khắp thành phố Hà Nội nữa!

Vài người quá khích lại lên giọng:

- Việc này không xong, thì từ chức tiên chỉ đi!

Người nhà của ông tiên chỉ nghe bàn luận xôn xao như vậy, hơ hãi đến mách với ông. Ông xét ra đó là một việc lớn tày trời, không dám tự chuyên giải quyết được, bèn ra lịnh:

- Mõ, mi lập tức mời các nhà tai mắt trong làng đến, để giải quyết một vấn đề có can hệ đến tôn ti ngôi thứ trong làng.

Rồi xin phép cụ Tố:

- Xin cụ chịu phiền chờ cho làng nước quyết định làm sao, để cho việc tiếp rước có đúng được nghi lễ!

Trong lúc ấy tiếng mõ cóc, cóc vang rằng:

- Mời làng nước tề tựu đến đình, để giải quyết một vấn đề có can hệ đến tôn ti ngôi thứ trong làng.

Những nhà tai mắt của làng Cổ Nhuế bị một phen náo nhiệt. Hồi nào đến bây giờ, nếu mời hội, thì có hẹn trước một ngày, hai ngày. Tại sao nay phải đến hội lập tức? Thì phải là một vấn đề quan trọng. Hẳn là quan trọng chớ gì? Ở một làng có tiếng là hay chữ, mà không xếp đặt xong tôn ti trật tự trong làng, thì còn gì danh tiếng của làng?

Cụ nghè đang coi vét giếng, thì có người đến giục:

- Công việc vét giếng còn có thể hoãn lại ngày mai được. Cụ hãy hoãn lại mà đi nhóm.

Những thanh niên tân học thì đề nghị:

- Có lẽ ra Hà Nội đón ông Nghè Tường về bàn góp ý kiến. Về mặt luật pháp, ta phải xem coi những đề nghị có hạp với hương ước không đã.

Nhiều người ngạc nhiên bàn với nhau:

- Mà có việc gì dữ vậy?

- Tôi cũng chẳng hiểu nó như thế nào?

- Thì thằng mõ đã bảo kia mà?

Các cụ hội đồng đủ ở đình, ngôi thứ đâu đấy xong. Thằng mõ chạy tới, chạy lui, nào đi châm nước cho cụ Lý, nào đi bưng ống điếu cho cụ Tuần, nào chạy lấy đóm để đốt thuốc cho cụ Án.

Cụ tiên chỉ dặng hắng lấy hơi. Ai nấy biết là cuộc hội hiệp bắt đầu. Thằng mõ lui lại, đứng một bên cột đình chờ lịnh. Cụ tiên chỉ nói:

- Thưa các ngài, chúng tôi có một việc xin trình ra để hỏi ý kiến các ngài. Số là mới đây, cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, là tay bác học, lão thông, danh khắp ba kỳ, vừa đến làng ta để tìm manh mối một vấn đề bí ẩn lịch sử. Cụ không phải đến để hỏi với những nhà cựu học như chúng ta. Cụ không phải đến để học hỏi với vị lưỡng khoa tiến sĩ của làng đã làm nổi tiếng làng Cổ Nhuế của chúng ta trong giới tân học. Cụ lại cần hỏi ý kiến của thằng mõ của làng. Việc ấy là việc của cụ. Mà xét ra, tuy có thể một vài cá nhân ganh tị sao mình không được hỏi mà thằng mõ lại được hỏi. Song ta nên dẹp lại một bên những ý muốn riêng tư của cá nhân, mà nhìn quyền lợi chung của cả làng Cổ Nhuế chúng ta.

Các ngài vẫn biết. Làng ta có tiếng là làng hay chữ nhất của nước Việt Nam. Cái danh ấy đánh bạt cái mùi không thơm của nghề lấy phân của làng. Nếu không được danh tiếng lẫy lừng là một làng học giỏi thì có lẽ dân làng ta cũng không dám làm cái nghề nọ mà không xấu hổ với các làng khác. Vậy thì bổn phận con dân trong làng là phải bảo tồn cái danh chung của làng. Và mỗi dịp nào ta có thể làm cho rạng rỡ cái danh ấy, thì dầu hao tốn bao nhiêu, làng ta phải rán sức. Nay cụ Ứng Hòe đến hỏi. Dầu hỏi cụ Nghè, dầu hỏi cụ Án, dầu hỏi một người dân của làng, điều ấy vẫn là một bằng chứng rất xác thực, rằng làng ta là làng hay chữ. Các làng khác sẽ đồn rầm lên: "Đến như những vấn đề khó khăn, mà cụ Ứng Hòe không biết được thì người làng Cổ Nhuế vẫn biết được." Thế có phải là thơm lây cho cả làng chăng?

Các nhà tai mắt của làng đều đồng thanh trả lời:

- Đích như vậy!

Cụ tiên chỉ nói tiếp:

- Thế mà cụ hỏi nơi thằng mõ, thì danh tiếng của làng có phải càng sáng láng hơn không?...

Nhiều tiếng xen vào:

- Chính thế! Chính thế! Thằng mõ đã là hay chữ thì người trên trước trong làng lại còn thế nào nữa kia!...

Cụ tiên chỉ nói tiếp:

- Riêng tôi, tôi cũng nghĩ vậy. Một mặt cụ Tố là thượng khách của làng, cụ có muốn gì ta phải làm cho vừa ý cụ. Một mặt, ta cũng muốn người làng Cổ Nhuế ta có dịp trổ tài hay chữ cho người ngoài làng biết.

Cụ nghè Đê tán thành ý kiến ấy:

- Cụ tiên chỉ nghĩ đúng lắm! Chúng ta phải đặt danh tiếng chung của làng lên trên mọi quyền lợi riêng tư của từng người!

Cụ tiên chỉ chậm rãi nói hai tiếng:

- Nhưng mà!

Nói đến đây, ông tiên chỉ dừng lại, đè nén bao nhiêu thắc mắc trong lòng, làm cho mọi người đều chăm chú lắng tai. Một phút im lặng làm có thể tưởng rằng trong đình không có người vậy. Rồi cụ tiên chỉ nói tiếp:

- Nhưng mà còn một vấn đề nghi lễ nữa! Cụ Ứng Hòe là thượng khách của làng. Tiếp cụ, chúng ta chỉ nên lấy lễ thượng khách mà đãi. Riêng nơi nhà tôi, tôi phải mời cụ ngồi trên tôi. Nếu là nơi đình này, ít nữa cụ phải được ngồi một mâm với tiên chỉ làng. Không vậy, làng ta chẳng hóa ra là một làng quên lễ giáo của các tiên hiền để lại sao?

Các cụ đồng thanh đáp:

- Có vậy mới phải chớ!

Cụ tiên chỉ nói tiếp:

- Nhưng, cụ Ứng Hòe đến đây mà hỏi việc, lại là một việc khảo cứu nữa, với thằng mõ. Đối với thằng mõ, cụ phải lấy lễ trọng mà đãi. Ở nơi chỗ riêng, hay là ở nơi công, cụ phải lấy lễ cầu học mà đối với nó, nghĩa là phải đặt nó ngồi trên cụ. Không vậy, cụ chẳng hóa ra là người kém lễ sao? Cụ là thượng khách của ta, mà ta không giúp cụ trọn lễ, thì ta cũng thất lễ với cụ vậy.

Các cụ cùng tán thành:

- Hẳn như thế!

Cụ tiên chỉ nói:

- Mà nếu giúp cho cụ Ứng Hòe trọn lễ, thì cụ ngồi trên chúng ta, thằng mõ ngồi trên cụ, thì lại ngồi trên chúng ta. Vậy còn gì tôn ti trật tự của làng nữa? Tuy là tiếp riêng ở nhà tôi, song dù sao, tôi cũng là tiên chỉ của làng, tôi là đại diện của làng, nên tôi không dám hành động ngược với hương ước. Sở dĩ, tôi mời các ngài đến đây, chỉ vì riêng tôi, tôi giải quyết vấn đề ấy không được, nên tôi nhờ ý kiến chung của làng nước.

ĐỨC PHỔ

QUÊ TÌNH

mái tranh treo ngọn khói
chiều rụng hững hờ
một ngày qua cũng thế
ngàn ngày có hơn chi
Mẹ quẩn quanh chái rạ
nhốt đời trong lu nước giếng
làm sao qua khỏi cổng làng
bởi lũy tre tình
măng mãi.

Nghe ông tiên chỉ nói xong, các cụ ngó nhau, không ai tìm một đề nghị nào khả dĩ nghe được. Một sự yên lặng nặng nề làm cho ai nấy cảm thấy khó chịu.

Cụ nghè Đê, là người già nhất trong làng ngỏ ý:

- Chuyện này rắc rối là bởi thằng mõ. Đâu ta hỏi ý nó xem ra làm sao?

Cụ tiên chỉ gọi:

- Mõ!

- Dạ!

Rồi thằng mõ từ cột đình tiến tới, tay gãi đầu.

- Mi nãy giờ có nghe không?

- Thưa cụ con có nghe.

- Ý kiến mi như thế nào?

- Các cụ cho phép, thì con mới dám nói!

- Mi cứ nói đi. Các cụ đã cho phép rồi!

- Tôi xin đề nghị như thế nầy. Cụ tiên chỉ dùng một cái bàn tròn mà tiếp khách. Cụ Ứng Hòe ngồi trên cụ tiên chỉ. Tôi được ngồi trên cụ Ứng Hòe mà vẫn phải ngồi dưới cụ tiên chỉ. Thì là cụ tiên chỉ trọn lễ với khách, khách trọn lễ với tôi, mà tôi vẫn giữ được là kẻ bực dưới chót của làng nầy.

Các cụ đều hoan nghinh:

- Có giải quyết như vậy mới tỏ ra rằng làng Cổ Nhuế ta luôn luôn là một làng hay chữ chứ!

Cả làng Cổ Nhuế ở trong một cảnh tưng bừng. Các nhà tai mắt mừng, vì đã giải quyết xong một vấn đề nghi lễ ổn cả mọi phần. Dân mừng vì các nhà tai mắt mừng.

Riêng bọn thanh niên háo thắng, theo chủ nghĩa "hương thôn" cực đoan, thì càng hò hét hơn nữa. Họ đã làm sổ quyên tiền mua sẵn một con lợn để dành đó. Thế mà hãy còn dư tiền mua hai chai rượu đế, ba trăm bánh đa, và một dây pháo nữa. Kết quả dồi dào ấy nhờ lời hiệu triệu hùng hồn của nhà lãnh tụ "hương thôn chủ nghĩa" thảo ra như thế nầy:

- Hỡi anh em đồng hương!

Ai là kẻ chôn nhau cắt rốn nơi làng Cổ Nhuế nầy đều có một cái danh giá chung để binh vực. Ấy là cái danh hay chữ của dân làng nầy. Phàm làm người sanh ra ở làng Cổ Nhuế thì phải gắng hết sức để cho danh ấy ngày càng rạng rỡ. Khi đi học, phải đứng đầu lớp. Khi đi thi, phải đậu đầu sổ. Và đến khi ra đời, cần phải tỏ ra rằng mình không kém ai về mặt học vấn. Các bực trên trước của chúng ta đều làm phận sự của dân làng một cách đầy đủ. Nhờ vậy mà danh tiếng của làng lừng lẫy khắp trời Nam.

Tuy vậy, các làng khác chưa lần nào công nhận chánh thức cái danh tiếng ấy. Họ chưa lần nào hạ mình tỏ rằng về mặt học hỏi, họ phải thua dân làng Cổ Nhuế của ta. Nay cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố là một người cựu học uyên thâm, tân học hoành bác. Danh của cụ không ai không nhắc. Thế mà cụ phải buộc lòng đến làng ta, để hỏi về một vấn đề khảo cứu. Đó có phải là một vinh hạnh cho làng ta chăng?

Vậy nên đảng "hương thôn" chúng tôi mua sẵn một cây roi mây, để phạt kẻ nào không làm tròn phận sự của một người dân làng Cổ Nhuế. Nghĩa là trong cuộc đấu học với cụ Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố nầy, nếu phải thua, thì phạt ba chục roi.

Nhưng thắng trận khải hoàn, thì có công phải thưởng.

Hỡi ai là người hăng hái với danh tiếng chung của làng! Hãy kẻ ít người nhiều chung đậu một số tiền, dọn tiệc sẵn đó.

Một bên là cây roi mây,

Một bên là bữa tiệc khao công.

Trong khi người cùng làng với ta đang tranh đấu, thì chúng ta phải tỏ ra lúc nào ta cũng có

nhiệt tâm với chủ nghĩa hương thôn, kẻ ít người nhiều, góp tiền để bày tiệc ấy. Rán sức! Hãy rán sức!

Nơi nhà cụ tiên chỉ, một tiệc ê hề bày trên một cái bàn tròn. Ba người ngồi theo thế "Tam quốc đỉnh lập." Cụ tiên chỉ, Cụ Tố và thằng mõ.

Sau ba tuần rượu nghi lễ rồi, cụ Tố hỏi:

- Tôi có một nghi vấn muốn nhờ ngài giải. Số là tôi nghiên cứu để viết bộ *Tây Sơn mạt sử*. Dựa vào tài liệu lịch sử, tôi đều thấy rằng Nguyễn triều vừa lập, thì bao nhiêu con cháu của Tây Sơn đều giết sạch...

Thằng mõ cười nhích mép một tí, trả lời:

- Ngài muốn tôi nói rõ xem con cháu của Nguyễn Huệ hãy còn sống sót được chăng?

Cụ Tố gật đầu nói:

- Đúng như vậy!

Thằng mõ trả lời:

- Thưa cụ, điều đó không đúng với sự thật, tuy vẫn đúng với sự thật.

Cụ Tố lấy làm lạ hỏi:

- Nghĩa là làm sao?

Nó đáp:

- Khi vua Gia Long đến Hà Nội, dẹp được triều Tây Sơn, thì rõ ràng có nạp Ngọc Hân công chúa vào cung...

Cụ Tố thêm vào:

- Như sử sách đều chép.

Thằng mõ cải chính lại:

- Nhưng đó là một Ngọc Hân công chúa giả. Nguyên mẹ của Ngọc Hân công chúa là Phạm Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Khi Ngọc Hân vừa lớn, thì về thăm nhà, bà mẹ gặp một người con gái tướng mạo giống hệt con mình bèn đem vào cung mà cho chơi cùng công chúa. Nhờ vậy mà công chúa học chữ, học đàn, đánh cờ, thêu vẽ gì, thì nàng ấy cũng được như vậy. Khi Ngọc Hân gả cho Nguyễn Huệ, thì nàng ấy cũng được theo hầu.

Đến khi Nguyễn Huệ mắc phải chứng huyết vận, biết mình không thể sống được bèn gọi Ngọc Hân công chúa đến mà dặn rằng:

- Ta tưởng dùng tài người mà cải thời trời được. Không dè ngắn số, mà chương trình vương bá phải gãy nơi đây. Cả một sự nghiệp này khó duy trì được, bởi thiếu người anh hùng cầm đầu. Thế nào, phải nghĩ đến ngày hư việc lớn. Tuy vậy dòng họ Hồ của chúng ta noi theo một sứ mạng cao cả. Từ Đế Thuấn đến Hồ Quý Ly, đến ta đây, bao giờ cũng đeo sứ mạng nặng nề, là lập một cảnh thái bình cho thiên hạ. Sự nghiệp của Đế Thuấn không thể dài hơn đời của người. Sự nghiệp của Hồ Quí Ly và của ta bị trở lực mà không to rộng được. Nhưng một ngày kia con cháu ta sẽ làm được việc lớn. Vậy nàng nên tìm kế, mà giữ gìn huyết thống của họ Hồ này...

Nói xong Nguyễn Huệ băng. Ngọc Hân bèn đổi cho nàng phi kia giả làm mình, rồi dắt con ẩn lánh nơi phủ Từ Sơn, là quê mẹ. Nhưng không dám nói rõ tông tích của con mình, sợ không kín miệng, nên đổi họ của con là Nguyễn theo họ mình và truyền một khẩu hiệu để con cháu nhớ đời đời mà thôi.

Cụ Nguyễn Văn Tố nghe nói đến đây, nửa tin, nửa nghi, bèn hỏi rằng:

- Ngài dựa vào sách nào? Trang mấy, tờ a hay tờ b, dòng thứ mấy?

Thằng mõ cười đáp:

- Nếu có bằng cớ như thế, thì một ngàn cái đầu của con cháu Nguyễn Huệ cũng không còn. Nhà Nguyễn lẽ nào lại không giết cho hết gốc rễ đi, để dứt hậu hoạn?

Cụ Tố vẫn muốn dùng phương pháp của trường Đông Phương Bác Cổ, nên hỏi nữa:

- Nhưng lấy gì làm bằng cớ?

Thằng mõ đáp:

- Thì chi nhánh ấy lấy cái khẩu hiệu của Ngọc Hân truyền lại cho dòng mình. Nay gần một trăm năm chục năm, dòng ấy sanh con đẻ cháu đã khá nhiều. Ta chắc chắn là cái hy vọng của Nguyễn Huệ có ngày thực hiện được. Bằng cớ mà ngài muốn đó thì chính là cái khẩu hiệu mà họ ấy đã truyền nhau.

Cụ Tố hỏi:

- Ngài nói khẩu hiệu nào?

Thằng mõ đáp:

- Thì là cái khẩu hiệu của Đế Thuấn truyền lại cho con cháu mình, mà các sách đều có ghi chép đó!

Ông tiên chỉ nãy giờ nghe cũng ngạc nhiên, không biết Đế Thuấn, khi băng, đã dặn lại khẩu hiệu nào cho con cháu? Vừa muốn hỏi, nhưng sợ thất lễ, chờ ông Tố hỏi thằng mõ:

- Ngài nói câu ấy là câu nào?

- Câu ấy các sách có chép: khi Đế Thuấn tuổi già, thì gọi con cháu đến dặn rằng: "Hồi nào đến bây giờ có tục truyền hiền. Khi kẻ cầm đầu vận nước biết sức mình kém suy, thì tìm trong thiên hạ ai là kẻ hiền, để truyền quyền thiên tử cho. Chính ta đây được ngôi cũng nhờ Đế Nghiêu truyền lại. Nay ta đã già, xét ra trong nước thấy

ông Vũ là kẻ chân hiền, nên truyền lại cho ngôi cả, mà cũng là trách nhiệm nặng. Vậy các con nên nhớ rằng có được ngôi ấy, chẳng phải là con vua, mà bởi vì có đức lớn. Điều kiện để lên được ngôi thiên tử, cầm đầu thiên hạ, hẳn không phải là có mấy dòng máu, hay mấy giọt máu của vua trong người. Điều kiện ấy là tài đức. Vậy ta dặn các người một khẩu hiệu. Phải nối nhau mà thêm tài, tích đức, thì mới có ngày có được thiên hạ. Tài sơ đi, tức kém đi, thì ắt mất vậy. Có tài dày, đức đủ thì sẽ có được thiên hạ.

Một tia sáng bừng trong lòng của cụ tiên chỉ, người nói phụ vào rằng:

- Chính sách Mạnh Tử đã chép câu ấy. *Kế thế vi đức, dĩ hữu thiên hạ* đó mà!

Thằng mõ thêm vào:

- Phải, chính là câu ấy. Đời này truyền cho đời kia, mà đến sau không ai rõ nguồn gốc của nó như thế nào. Chỉ có dòng chính thống Đế Thuấn mới hiểu rõ nó như vậy. Nhưng Ngọc Hân công chúa không dám truyền nguyên cái khẩu hiệu ấy. Đời đó, dại mà tỏ ý... "dĩ hữu thiên hạ" thì tránh làm sao khỏi có người nghi mình nuôi chí lớn, rồi họa đến chẳng sai? Thế nên công chúa ngắt sáu chữ chót đi, mà chỉ truyền lại hai chữ *Kế Thế* mà thôi.

Khi nghe giải xong, ông Nguyễn Văn Tố tạm gọi là vừa lòng, bèn cáo từ mà về. Suy nghĩ cho kỹ, tuy không có sách vở nào làm bằng cớ, song đó là một giả thuyết có thể tin được. Những nhân vật thông minh và hiểu rộng như Nguyễn Huệ và Ngọc Hân công chúa, có những người cố vấn tài tình như La Sơn Phu Tử, há lại không thấy xa mà lo cho mình như lời thằng mõ thuật hay sao?

Tuy vậy, người không dám quả quyết, nên chép ra đây làm giả thuyết mà thôi.

Đây nói về sư Hồng Hạc khi tỉnh giấc chiêm bao, thì không biết thiệt hư thế nào, bèn hỏi Hòa Thượng ở nước Việt Nam, có ai tên Nguyễn Văn Tố hiệu Ứng Hòe, nhân viên của trường Đông Phương Bác Cổ chăng? Hòa Thượng vốn là người Tàu, ít khi để ý đến cái chi là của người Việt Nam, phải đi tìm các ông giáo sư ở Sài Gòn mà hỏi. Ai nấy đều trả lời rằng có. Sư Hồng Hạc bèn dự bị hành lý, đi xe lửa mà ra Hà Nội.

Tìm được trường Đông Phương Bác Cổ, nhà sư bèn đến hỏi thăm ông Nguyễn Văn Tố. Hai người đều lấy làm lạ sao đã cùng nhau có chung một giấc chiêm bao. Nhân tiện ông Tố bèn thuật cho sư Hồng Hạc hay kết quả của việc sưu tầm của mình, nhứt là việc của thằng mõ làng Cổ Nhuế đã thuật mấy hôm trước.

Sư Hồng Hạc bèn nói:

- Nếu vậy, người ấy đích là Thánh Nhân, như trong sấm đã dạy rồi chớ gì?

Ông Tố đáp:

- Điều ấy tôi không dám biết. Tôi chỉ khảo cứu một vấn đề bí ẩn của lịch sử. Và hiện nay tôi có thể đưa ra cái giả thuyết rằng: khi cuối đời Tây Sơn, Ngọc Hân công chúa giả làm thường dân, dắt con mà lánh nạn. Thành ra dòng dõi của Nguyễn Huệ hãy còn. Đến như việc trong đám con cháu của Nguyễn Huệ, có ai là Thánh Nhân chăng? Vị Thánh Nhân ấy có phải là thằng mõ làng Cổ Nhuế chăng? Hai vấn đề này không phải là việc khảo cứu của tôi.

Sư Hồng Hạc nghe vậy bèn nói rằng:

- Có thể nào gặp được vị ấy chăng?

Ông Tố đáp:

- Có khó gì? Ngài đến làng Cổ Nhuế mà hỏi thằng mõ là gặp được ngay.

Sư Hồng Hạc bèn lên xe đi thẳng vào làng Cổ Nhuế cùng một người thông ngôn. Đến làng hỏi thăm, thì làng ấy không có ai làm thằng mõ nữa. Có người cắt nghĩa:

- Từ hôm cụ Tố đến viếng làng đến nay, làng này đã khuyết một chân mõ và đã đăng bảng chiêu người vào làm.

Sư Hồng Hạc nghĩ rằng Thánh Nhân đã thấy rằng nơi mai danh ẩn tích của mình đã bị bại lộ nên trốn đi, thì bắt đầu chán nản. Người bèn hỏi:

- Tại sao vậy? Còn người mõ cũ đâu?

Người kia đáp:

- Cụ ấy thôi làm rồi. Số là hôm trước, ở làng này có một cuộc "đấu chữ" tuy thật ra không có đấu chút nào. Lúc ấy cụ Tố là người hay chữ mà còn phải hỏi ý kiến của cụ mõ. Cụ mõ nói xuôi rót. Ấy là cuộc đấu chữ đem thắng lợi về cho làng.

Xong cuộc rồi, đảng "hương thôn" của làng có bày ra một tiệc rất long trọng, xôi thịt ê hề, để đãi người đã làm rạng rỡ danh làng mình. Vị lãnh tụ của đảng có đọc một bài diễn thuyết rất hùng hồn, để yêu cầu nâng cụ mõ lên chức khả quan hơn, hầu tỏ ra rằng vẫn biết mang ơn những đứa con xứng đáng của làng. Từ lúc ấy, cụ mõ được làm chức "cố vấn học thuật" của làng Cổ Nhuế, và được ăn riêng một mâm ở đình, cũng như tiên chỉ vậy.

Sư Hồng Hạc bèn ngỏ ý muốn gặp vị "cố vấn học thuật" của làng. Bỗng một chàng thanh niên đến, đưa một quyển sách, nói với sư Hồng Hạc

rằng:

- Từ mấy hôm nay, đảng trưởng của chúng tôi có cho một hiệu lịnh mới này: phàm các khách quí đến làng nầy mà hỏi việc gì với vị Cố vấn của chúng tôi đều phải khai tên họ, gốc gác, chức vị và muốn hỏi điều gì. Vậy ngài chịu khó chép vào quyển sổ này, để ngày sau tiện việc khảo cứu.

Sư Hồng Hạc bèn vâng lời, viết vào sổ các chi tiết của điều mình muốn (1).

Đây nói về sư Hồng Hạc gặp được vị cố vấn học thuật bèn tỏ ý của mình.

Trả lời rằng:

- Tôi không phải là vị Thánh Nhân mà ngài muốn nói đó. Nhưng có mấy điều tôi cần dặn ngài, nếu ngài thật lòng muốn tìm người ấy.

Sư Hồng Hạc hỏi:

- Thưa ngài, dạy điều chi?

Vị cố vấn học thuật đáp:

- Năm nay mới là năm Đinh Sửu. Mà theo lời sấm của Khổng Minh, thì nước Tàu hãy còn bị nạn ngoại xâm. Đến năm mà "Thần kê nhất thanh" tức là năm Dậu thì mới qua khỏi hạn của quẻ ấy.

Sư Hồng Hạc nhìn nhận:

- Ngài dạy như vậy thật là chí lý!

Vị cố vấn nói thêm:

- Còn như "chủng hoạn cứu nạn" ắt phải sau năm Dậu chớ!

- Vâng!

- Mà khi ấy "nạn" phải có hẳn rồi, mới phải là thời kỳ Thánh Nhân ra đời được.

Sư Hồng Hạc nghe nói vậy có hơi buồn, nhưng biết làm sao mà cưỡng lại được. Thì vị cố vấn học thuật khuyên rằng:

- Vậy ngài hãy chờ đến năm Dậu vậy!

Sư Hồng Hạc không biết làm sao, bèn cất một cái am nhỏ cạnh làng Cổ Nhuế mà tu, nhưng kỳ thực là ở chờ rước cho được vị Thánh Nhân nọ.

Ngày tháng thấm thoát, không bao lâu đã năm năm. Sư Hồng Hạc hơi sốt ruột sao mà đã tháng bảy năm Ất Dậu rồi, nước Tàu chưa tránh được nạn binh lửa. Thình lình bom nguyên tử nổ ở Nhật, nước Nhật phải đầu hàng Đồng Minh, rút khỏi nước Tàu. Nhà sư rất đỗi vui mừng mà thấy lịch sử bước qua một đoạn khác. Bèn đến hỏi với vị cố vấn học thuật của làng Cổ Nhuế về việc cầu Thánh Nhân.

Vị cố vấn đáp rằng:

- Tôi có đến ngỏ ý với người tài cao đức trọng ấy về lòng tin cẩn của ngài để mong đón rước người sang Tàu. Nhưng mà...

- Nhưng người đáp thế nào?

- Người đáp rằng nước nhà chừng sắp gặp cơn binh lửa, không lẽ không ra tay cứu nước? Bỏ mà đi không đành.

Lúc ấy có nhiều võ quan cao cấp của quân đội Tàu kéo sang chiếm đóng miền Bắc nước Việt là người thuộc phái Hồng Môn. Họ nghe tiếng có sư Hồng Hạc ở ngoại ô Hà Nội, thì đến viếng. Nhân đó hiểu được những nỗi thắc mắc của nhà sư và đề nghị bắt cóc quách vị Thánh Nhân ấy sang Tàu cho rồi.

Nhưng nhà sư cản lại, bảo đừng:

- Không nên! Không nên! Ta đến cầu người, thì đừng vô lễ!

Tuy vậy vẫn buồn dàu dàu, không biết làm sao rước cho được Thánh Nhân về Tàu. Một hôm đang ngồi thiền định, bỗng có một người gọi. Sư Hồng Hạc đi theo, thì thấy mình đi mau như gió, băng đồng, lướt núi, đến một nơi đền đài hùng vĩ mà người dắt lối cắt nghĩa cho biết rằng đền nhà Hồ ở Thanh Hóa. Vào đền, thấy một cung điện trang hoàng, ở chánh điện có một người ngồi giữa, ra vẻ một vị hoàng đế. Sư Hồng Hạc hoảng kinh sụp lạy, thì nghe tiếng mời ngồi và phán rằng:

- Nhà sư muốn nhờ con cháu ta qua giúp nước Tàu chăng?

Nghe hỏi vậy, sư Hồng Hạc thất kinh biết vị ngồi ngay chánh điện là Hồ Quý Ly, một vị hoàng đế Việt Nam bị nhà Minh phá tan sự nghiệp. Bỗng nhớ mình là một nhà lý thuyết của phái Hồng Môn mưu đồ phản Thanh phục Minh, tức là một bên đối địch với Hồ Quý Ly thì càng thêm sợ nữa.

Hồ Quý Ly nói thêm rằng:

- Nhà Minh cho quân sang phá tan sự nghiệp của ta, đốt sách Minh Đạo của ta, lại bắt nhân tài của ta. Đến như con ta là Hồ Nguyên Trừng chế được súng thần công, thì nhà Minh lại cướp lấy công và bảo với thế giới rằng, nước mình đã chế ra được thứ "đại phát minh" ấy. Đáng lẽ, ta phải trừng phạt cái tội vô lễ ấy. Nhưng xét vì nước ta là một nước nhỏ, dân số hai mươi triệu. Con cháu ta làm sao dựa vào số người nhỏ nhít ấy mà làm chủ hoàn cầu, dựng nên đế đạo được? Vậy ta để cho chúng nó noi gương Trương Lương, người nước Hàn mượn dân Hán mà đánh Tần, dẹp Sở, hay mượn gương của Nã Phá Luân, con dân của đảo Corse cỏn con, dựa vào sức bành trướng của dân Pháp hồi cách mạng mà chinh phục Âu châu.

Nay nước Tàu trải qua một thời nội loạn. Vậy

ngươi hãy rán nói khéo cho cháu ta vui lòng sang Tàu. Nó sẽ là chất men làm cho cả dân Tàu cách mạng thành ra một dân mạnh mẽ khắp thế giới, may ra xây dựng được Đế Đạo, làm rạng cho nhà Hồ của chúng ta.

Sư Hồng Hạc lạy mà vâng lời và hỏi thêm:

- Nhưng tôi làm sao mà nói cho người bằng lòng?

- Người cứ nói với nó những lời của ta vừa nói đó, ắt nó phải vâng theo.

Sư Hồng Hạc muốn hỏi nữa thì muỗi đốt đau quá, giựt mình thức dậy, mới hay là chiêm bao.

Khi tỉnh giấc dậy, sư Hồng Hạc bèn trở lại làng Cổ Nhuế tìm vị cố vấn học thuật. Cũng không phải là ngẫu nhiên, việc biến ở Sài Gòn đã xảy ra, làm cho cả nước sống trong bầu không khí hồi hộp. Nhiều thanh niên bỏ cả nghề nghiệp, quyết lòng đầu quân vào Nam, mà hy sinh cho nước. Không biết vị cố vấn có đầu quân chăng, mà ở làng Cổ Nhuế lại vắng mặt người. Hỏi thăm, thì người đã về bên phủ Từ Sơn. Sư Hồng Hạc bèn lên xe, qua cầu Long Biên. Khi ô tô lần lần bò qua cầu, thì bất giác nhà sư nhớ đến mấy câu sấm của Trạng Trình:

Dục thức Thánh Nhân hương
Quá Kiều cư Bắc phương

Khi đến phủ Từ, thì sư Hồng Hạc gặp ngay vị cố vấn học thuật của làng Cổ Nhuế nói:

- Tôi đón ngài đã hơn một giờ đồng hồ. Nếu ngài không đến đây, có lẽ tôi phải về làng Cổ Nhuế mà tìm ngài!

Sư Hồng Hạc hỏi:

- Ngài tìm tôi để làm gì?

Vị cố vấn học thuật đáp:

- Để cứu thầy tôi. Người mà ngài đã ra công tìm kiếm từ mấy năm nay, mà chưa gặp đó!

Sư Hồng Hạc nghe nói, ngạc nhiên, liền hỏi:

- Còn ngài không phải là người dòng dõi Nguyễn Huệ sao?

Vị cố vấn học thuật của làng Cổ Nhuế cười và đáp rằng:

- Không phải! Tôi đây họ Nguyễn, không phải họ Hồ. Thiệt ra, tôi là dòng dõi bên ngoại của Ngọc Hân công chúa. Khi công chúa trốn về quê mẹ, thì giả là dân của gia đình bên ngoại tức là họ Phạm. Còn con thì lấy họ Nguyễn.

Sư Hồng Hạc nghe nói đến đây, tỉnh như sau một cơn mộng nặng nó đè ép, làm cho nhẹ nhàng mà thấy sự thật, nghĩ thầm:

- Thảo nào lời sấm bảo rằng:

Danh vi Nguyễn gia tử...

Vừa là cháu của Nguyễn Huệ (họ Nguyễn là họ mượn) mà hơn một trăm mấy chục năm nay phải giả làm con nhà họ Nguyễn nữa.

Rồi nhà sư hỏi thêm:

- Chẳng hay thầy của ngài bị việc chi, mà cần phải cứu?

Đáp rằng:

- Số là hơn một trăm năm nay dòng dõi của Nguyễn Huệ phải trốn tránh mãi, sợ e triều đình Huế biết được tông tích mà giết đi chăng. Vừa đây, Bảo Đại thoái vị chấm dứt triều Nguyễn. Hậu duệ Tây Sơn hết sợ bị hại. Thầy tôi là dòng đích, liền ra lịnh cho tông tộc đều đổi họ Nguyễn ra làm họ Hồ. Điều ấy làm nguy hại cho tánh mạng của thầy tôi....

Sư Hồng Hạc lấy làm lạ, sao mà việc đổi họ ấy lại nguy hiểm như vậy, bèn hỏi:

- Việc gì mà đến thế?

Vị cố vấn học thuật đáp:

- Số là, gần đây, một lãnh tụ cộng sản, vốn đích là họ Nguyễn, song biết lòng dân mến yêu Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ, tức là Hồ Thơm, bèn bỏ quách họ Nguyễn của mình đi, mà lấy họ Hồ. Song dân biết là trò bịp, nên chỉ mong con cháu đích của Nguyễn Huệ mà thôi. Hiện thời, nghe có tin đồn rằng ở phủ Từ này dòng dõi Nguyễn Huệ tức là Hồ Thơm và cũng là dòng dõi Hồ Quý Ly hãy còn, thì họ mừng như nhà nghèo mà được khối vàng to. Họ bèn la rầm lên là chánh nhà nầy mới đích là thủ lãnh của họ v.v. và v.v... Tuy nhiên, hễ giả thì ố thiệt. Riêng có thầy tôi, là người thông minh xuất chúng, thì bị tình nghi hơn nữa, số phận sẽ ra sao? Tôi biết ngài là nhà lý thuyết của phái Hồng Môn bên Tàu, rất có ảnh hưởng trong quân đội sang đóng ở Bắc Việt, vậy ngài hãy cứu thầy tôi.

Sư Hồng Hạc hỏi:

- Làm sao mà cứu được? Thầy ngài là người Việt Nam, quân đội Tàu tuy chiếm đóng ở đây, song chỉ để tước khí giới của lính Nhật, mà không có quyền can thiệp vào nội trị của người Việt.

Viên cố vấn học thuật nhích mép cười nói:

- Ngài quên sử sách nhà sao? Xưa các nước lớn muốn dùng Quản Di Ngô, Bách Lý Hề ở nước khác, đều phải dùng kế bắt cóc; thì nay ngài không biết dùng kế bắt cóc ấy hay sao?

Bèn kề vào lỗ tai của sư Hồng Hạc mà nói như vầy... như vầy...

Muốn biết sự việc ra thế nào xin xem đến hồi sau phân giải.

(Trích Phi Lạc Sang Tàu, *hiện kim hóa, in lần thứ VI Nhà sách Khai Trí, Lê Lợi, Sàigòn)*

NGUYỄN VĂN TƯỜNG VÀ SÁCH LƯỢC CHỐNG PHÁP DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Tiếp theo và hết)

III. Vua Hàm Nghi và Phong trào Cần Vương

A. Hóa giải âm mưu đảo chánh của Tướng de Courcy

Từ khoảng cuối 1884, một nhóm thực dân được các sử gia Pháp gọi là 'phe Hà Nội' [Clan de Hanoi] gồm có Tướng tổng chỉ huy quân sự Brière de L'Isle, GM Puginier, và Silvestre, mà chính sử ta gọi là *'Thượng thư bộ Lại'* của phía Pháp, đã soạn thảo sẵn mô dự án thủ tiêu hai ông Tường Thuyết và vua Hàm Nghi, thay họ bằng các người thân Pháp hơn như ông Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình và Hoàng Tử Chánh Mông [vua Đồng Khánh]. Theo lời của chính Tổng trú sứ Lemaire, phe Hà Nội đã tìm cách qui trách mọi bất lợi, rắc rối, thất bại xảy ra cho phía Pháp vào lỗi của triều đình Huế, từ việc lôi thôi ở Lạng Sơn cho đến Cao Miên. (Thư Lemaire gởi Freycinet, 7/4/1885. S.H.A.T. 10H3 [ex carton 3], do Fourniau dẫn, *Annam-Tonkin 1885-1896, Lettrés et paysans vietnamiens face à la conquête coloniale.* Paris, L'Harmattan, 1989, 29). Tướng Brière, chẳng hạn, đã buộc tội triều đình thông đồng với nước Tàu bằng cách trưng ra một tài liệu bằng chữ nho, mà Lemaire xem lại chỉ là một văn kiện trưng thu gạo. (S.O.M. A0 [72] 2/1885; do Fourniau dẫn, *Annam*, 29, ct.31). Phe Hà Nội có một nhân viên thừa hành đắc lực ngay ở Huế là Đại Tá Pernot, chỉ huy trưởng đồn Mang Cá. Viện lý do an ninh, và sau khi gây gỗ, ông này buộc phía Việt Nam phải giải giới kinh thành, hầu dễ dàng tấn công sau này. Rồi ông cho phép quân sĩ Pháp dạo chơi chung quanh cấm thành. Không sợ bị trừng phạt, những người này đánh lính gác Việt đã ngăn cản họ, buộc những khách đi qua lại phải chào họ, nếu không họ hất liệng mũ, không cần biết trong những người này có đủ loại quan lại lớn nhỏ. (Lemaire gởi bộ Ngoại giao 9-4-1885. S.O.M. A0 [72], do Fourniau dẫn, *Annam*, 30). Những trò đùa đó không phải là không có hậu ý. Đại Tá Pernot giải thích cho thượng cấp biết rằng *'một khi thiên hạ quen thuộc với các trò chơi ấy, đến một thời điểm nào, tôi sẽ có thể tập hợp độ 50 người tại chỗ các phụ chính ở, và tìm cách không cho họ trốn và thực hiện cuộc đảo chính'* (Đại tá Pernot gởi Tướng Brière de L'Isle. S.H.A.T. 10H6 [ex carton 9]; sự kế thừa Tướng De Courcy. Thư tín Pernot-Brière - 4-5/1885, do Fournier dẫn, *Annam*, 30). Ngoài ra, quân Pháp còn thực hiện các cuộc tập trận giả sát ngay kinh thành, và cho bịt ngòi các đại bác Việt Nam đặt trên bờ thành.

Trong bầu không khí đó, Đại tướng De Courcy từ Hà Nội đến Huế, sẵn sàng thực hiện dự án đảo chánh của phe Hà Nội. Dựa vào tài liệu văn khố Pháp, Tiến Sĩ Vũ Ngự Chiêu đã tường thuật khúc chiết như sau:

*"... Ngày 15/6, sau khi thông báo cho Courcy về hiệp ước Thiên Tân, de Freycinet cho lệnh Courcy vào Huế càng sớm càng tốt để trình ủy nhiệm thư. Trường hợp phải dùng võ lực, đừng để triều thần Huế chạy thoát. [ct. 21: SHAT (Vincennes), 10H 43] []. Ngày thứ Sáu, 26/6, trước khi lên đường vào Huế, de Courcy xin chỉ thị nên bắt Thuyết, Tường, hay cả hai. [ct. 22: Ibid. 10H21] Hôm sau, Courcy rời Hà Nội, mang theo Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 3 Zouaves [16 sĩ quan, 870 lính] của Thiếu tá Metzinger, và một đại đội của TĐ 11 [3 sĩ quan, 154 lính]. Ngày 30/6, Courcy được lệnh toàn quyền hành động. Ngoại trưởng de Freycinet chỉ nhắc nhở Courcy nên sử dụng các quyền hạn đó một cách khôn khéo nhưng cứng rắn với các quan Việt [tức Phụ chính Tường và Thuyết]. **Riêng với Hàm Nghi, cần tôn trọng bản thân nhà vua [ct. 23: Ibid. 10H 43]"** (VN Chiêu, op. cit., tập 2, 419-420; NQT nhấn mạnh).*

Lúc đó, ở Hà Nội Tướng Brière cũng đã từng nói cho tất cả những ai muốn nghe là theo ông, chỉ có một giải pháp duy nhứt là dẹp hai phụ chính hiện tại đi. (Gosselin, op. *cit.*, 197) Chuyện đầu tiên de Courcy đòi hỏi là cả Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phải qua họp tại tòa Khâm với y, không được thiếu người nào để bàn về việc

trình ủy nhiệm thư. Ông Thuyết thác bệnh, y cứ bắt phải đi. (*ĐNTL, XXXVI*, 219-220) Hai ông thấy tình thế nguy ngập, không còn lối thoát, nếu đi, y bắt thủ tiêu cả hai, thì còn ai mà chống chọi và thực hiện cuộc di tản triều đình lên Tân Sở. Cái sách lược dài hạn của NVT, *'hoà để giữ, giữ để mưu chiến'* không còn hiệu nghiệm, vì không còn giữ được nữa. Cái thời cơ dùng Tàu làm thế ỷ dốc với Tây không còn nữa, vì Hiệp Ước Thiên Tân thiệt thọ mới ký ngày 9-6-1885, và De Champeaux vừa mới báo tin chính thức cho triều đình. (*ĐNTL, XXXVI*, 215). Như NVT đã trình lên Tự Đức, *"Đối với rợ, không có thượng sách, chỉ châm chước theo thời cơ'* và *'không nên chấp vào cái thành thực nhỏ bé'* của các cuộc kết ước (Bản tấu 8-3 Tự Đức 21 [1868]), hai ông phụ chính có thể đã thấy cần phải tìm cách điều đình với Pháp để tìm một thế hòa mới, lấy chính cái thực lực của mình, tức các sơn phòng và phong trào Cần Vương đã chuẩn bị lâu nay, làm hậu thuẫn để mặc cả với Pháp. Nhưng Pháp đã biết cái hậu thuẫn sơn phòng này mà có đếm xỉa gì đến đâu. Vậy phải làm sao cho họ thấy rằng ta thực sự dùng hậu thuẫn đó, tức ta phải thực sự dời triều đình lên Tân Sở để đánh Pháp trong trường kỳ.

Phụ chánh Nguyễn Văn Tường, chụp ở Sàigòn trong dịp ký hiệp ước 1874

Trong tình trạng hiện tại, muốn thực hiện việc này cũng hết sức phức tạp và khó khăn về phương diện quân sự, chưa kể đến chuyện làm sao cho mọi người chịu nghe theo giải pháp đó mà không lộ ra cho địch biết. Địch đã đóng quân khá nhiều ở chung quanh kinh thành từ lâu, nay còn đem thêm trên 1.000 quân, cùng nhiều tàu và trọng pháo, nên khi di tản rất khó mà bảo vệ được vua và Tam Cung, hoàng thân quốc thích, đình thần, v.v. giữ cho họ khỏi bị địch vây bắt, chém giết. Hơn nữa, đem các ông hoàng bà chúa quen sống trong nhung lụa lên chiến khu để làm gì, họ chẳng làm gì được mà còn gây gánh nặng kẻ hầu người hạ. Đánh thì hai ông, qua kinh nghiệm, dư biết là không thắng được, mà thua thì không di tản kịp thời và an toàn được. Di tản mà không đánh cũng sẽ bị giặc vây bắt, giết chóc. Trước tình thế tấn thối lưỡng nan đó, hai ông đã quyết định dùng 'quyền biến', phân chia nhiệm vụ, ông Thuyết đánh, cốt để đưa Vua Hàm Nghi đi lãnh đạo phong trào Cần Vương, ông Tường ở lại, dùng thế ông Thuyết để mặc cả với Pháp một thế hòa mới. Như vậy, hai ông hy vọng hóa giải âm mưu đảo chánh của De Courcy, và đặt y trước một thế cờ mới: Vua và ông Thuyết thoát khỏi bàn tay y rồi, với cái viễn ảnh một cuộc chiến tranh du kích kéo dài triền miên không biết bao nhiêu năm; ông Tường còn đó, có bắt và giết ông cũng chả thay đổi được gì, mà thương thuyết với ông để đưa Vua và ông Thuyết về để lập lại trật tự thì có cơ giải quyết được vấn đề của mình. Nếu ông Tường không điều đình được và bị De Courcy giết hay đày, thì vua và ông Thuyết sẽ tiếp tục cuộc kháng chiến cho đến thắng lợi hoặc chết, mặc dầu biết rằng hy vọng thắng lợi về dài có phần mỏng manh. Đó là một ván bài *'đánh xả lán'*, 'liều *may rủi với trời'* (Bửu Kế, *Chuyện Triều Nguyễn*, Nhà xuất bản Thuận Hóa Huế, 1990, 97) áp dụng câu châm ngôn *'còn nước thì còn tát'*. Kế hoạch được thực hiện đúng như các ông có thể đã dự trù, và đòi hỏi cả hai ông đều phải hy sinh để thực hiện những gì mà người kẻ sĩ phải làm, không cần biết đến hậu quả cho bản thân mình.

Khuya đêm 4-7-1885, ông Thuyết ngầm chia quân làm hai đạo gồm những phần tử thân tín, Phấn Nghĩa quân, một đạo do em là Tôn Thất Lệ

chỉ huy đánh úp tòa Khâm sứ, một đạo do chính mình cùng Trần Xuân Soạn bất thần tấn công Trấn Bình Đài [Mang Cá]. (*ĐNTL, XXXVI*, 220) Nghe súng nổ, đền đài sụp đổ, NVT vội vào cung *'tâu vua và Tam Cung xin ra ngoài thành, ủy cho quan hầu hộ giá lên Chùa Thiên Mụ tạm trú'*. Còn NVT thì *'lập tức lên Giám mục Lộc tại nhà thờ Xã Kim Long, nhờ Giám Mục viết thơ nói với Tòa rằng việc ấy do Tôn Thất Thuyết làm quấy, chớ thiểm và đình thần bổn quốc không có ý gì khác, xin quan Toàn quyền và quan Khâm sứ châm chước thế nào để bảo tồn sự hòa hảo trước. Khi 7 giờ sáng mượn người đem thơ đến sứ quán, thiểm ở lại nhà Thờ để đợi. Vì lúc đó hai bên đương bắn nhau nên đến 12 giờ trưa thơ ấy mới đến Sứ quán. Đến 3 giờ chiều mới được phúc thơ của quan Khâm sứ nói rằng nên rước Hoàng Đế về sẽ được hòa hảo không có ngại gì. Tức thì thiểm lên chùa Thiên Mụ, thì Ngự giá cùng Tam Cung đã bị Tôn Thất Thuyết đưa ra Tỉnh Thành Quảng Trị.' ("Thư: Lại Bộ Thượng Thơ Nguyễn Văn Tường gởi Nguyên Soái Pháp tại Tahiti."* Tiếng Sông Hương, 1994, 127)

Câu chuyện hai ông sắp đặt chỉ giản dị như vậy. Ông Thuyết đánh không phải để thắng trận, vì có bao nhiêu quân tham gia đâu, chỉ cốt để nhân cơ hội đưa vua và một số quan quân chống Pháp lên Tân Sở. Còn NVT đi một mình lên gặp GM Caspar để cho phía Pháp hay lập tức rằng chiến cuộc do ông Thuyết một mình gây ra trái với ý muốn của triều đình, và yêu cầu Pháp để ông tái lập lại trật tự. Các sử gia Pháp thường kết tội De Courcy đã không đuổi theo bắt đoàn ngự đạo, vì họ không biết đến cái kế quyền biến của hai ông, làm cho De Courcy không còn lý do tiếp tục cuộc chiến sau khi nhận được sự giải bày của NVT qua GM Caspar. Trong lúc đó thì ông Thuyết và đoàn ngự đạo an toàn đi ra và ở lại tỉnh thành Quảng Trị, bàn bạc việc ai đi hay không đi Tân Sở. Rút cục, ông Thuyết và vua cùng một số quan quân đi Tân Sở. Tam Cung và một số quan quân khác ở lại. Ít lâu sau Tam Cung trở về Huế theo lời mời của NVT. Mọi sự được xếp đặt như đã dự định. (*ĐNTL, XXXVI*, 220-5)

Hơn một tuần, sau khi rời khỏi kinh thành, ngày 13-7-1885, vua Hàm Nghi ra dụ Thiên hạ Cần Vương giải thích việc vua làm và kêu gọi mọi người giúp vua chống Pháp. Dụ này có thể đã do hai ông và ông phụ chính thứ ba là Phạm Thận Duật thảo ra sẵn trước khi đánh và chạy. Văn từ trong dụ nhiều chỗ giống trong các bản tấu về kế sách của NVT dâng lên Tự Đức, và cũng dùng chữ *'quyền'* [quyền biến] để mô tả việc bỏ thành của vua, như trong bài thơ *'giải trào'* của NVT sẽ bàn sau. Dụ bắt đầu:

*"Từ xưa kế sách chống giặc không ngoài ba điều: đánh, giữ, hòa. **Đánh thì chưa có cơ hội, giữ thì khó lượng được sức, hòa thì chúng đòi hỏi không biết chán.** Đương lúc sự thế khó khăn như vậy, bất đắc dĩ phải dùng quyền. ..."* Rồi vua giải thích thêm: *"...Bọn Tây được phái đến càng ngang bức, hiện tình mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước chúng tăng thêm binh thuyền đến, bắt theo những điều mình không thể nào làm được; ta chiếu theo lệ thường khoản tiếp, chúng không chịu nhận một thứ gì. Người kinh đô náo động, mối nguy biến ngay trong chốc lát. **Kẻ đại thần mưu việc nước, chăm nghĩ đến kế yên xã tắc, trong triều đình phải đắn đo về hai điều: cúi đầu tuân mệnh, ngồi để mất cơ hội, sao nhìn thấy chỗ âm mưu biến động của địch mà đối phó trước? Ví bằng việc xảy ra không thể tránh, thì cũng còn có việc ngày nay để mưu tốt cái lợi sau này, cũng là do thời thế xui nên vậy.** Phàm những người đã được cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã biết cả. ..."* (Bản dịch của Chu Thiên, *Thơ Văn Yêu Nước [1858-1900]*. Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1976, 521-3, NQT nhấn mạnh).

Như vậy là bản dụ xác nhận cái mưu kế chống Pháp nói chung và De Courcy nói riêng, như đã trình bày: chiến, thủ, hòa đều không xong, nên phải dùng xảo kế để đối phó với âm mưu đảo chánh của địch, bằng cách đánh chúng trước, để tạo ra cái tình trạng mới hiện tại, hầu tính kế lâu dài. Ai đã bày ra cái kế ấy? Dụ nói rõ chỉ trừ tên họ: *"Kẻ đại thần mưu việc nước, chăm nghĩ đến kế yên xã tắc, trong triều đình"*. Số *'kẻ đại thần...'* có thể bao gồm ít nhất là hai ông phụ chính và ông Duật, phụ chính thứ ba trong Viện Cơ mật đã cùng đi với ông Thuyết, và không thể không có NVT được. Tự nhiên dụ không thể nói rõ là NVT đã cùng các vị này đặt ra kế ấy, vì lý do chiến thuật dễ hiểu là phải để ông đứng ra ngoài, để đóng vai trò điều đình với Pháp. Tóm lại, dụ đã ám chỉ rằng cuộc chính biến mới xảy ra là kết quả của một kế hoạch chung của triều đình để đối phó cấp thời với một âm mưu đảo chính do De Courcy gây ra, chứ không phải là do sự bốc đồng của ông Thuyết như sử sách thường nói.

Tính cách *'kế hoạch chung'* đó càng lại được xác nhận rõ hơn với bản dụ gởi Nguyễn Văn Tường ra cùng ngày 13-7 với dụ Cần Vương mà chính

sử đã lược tóm như sau:

*"Y [De Courcy, NQT ct.] thấy ta ngày càng khuất, y càng ngày càng lấn, khiến triều đình không còn mặt mũi nào, vạn bất đắc dĩ mà ta phải bỏ thành đi ra ngoài. Nay đại thần Tôn Thất Thuyết cùng ta quanh quẩn, còn ngươi là phụ chính đại thần thì ở lại mà thương đàm, kẻ ở người đi đều lấy lòng yêu nước lo dân làm căn bản. **Trời đất thật cũng chứng giám, ngươi nên khéo thể tấm thịnh tình của tiên hoàng đối với nước láng giềng rất có thủy chung và cùng y giảng giải về lý thế, cân nhắc về lợi hại, hết lòng thỏa hiệp, phàm những khoản gì bách thiết, chung nhau bàn đổi, cốt khiến cho hai nước như anh em, vinh nhục cùng quan hệ, vui lo cùng chung nhau mười phần chân thành, không còn dùng đến uy thuật. Lúc này ta mạnh cho hồi loan, trên để phụng dưỡng ba cung, dưới để yên lòng thần dân, khanh cùng với Tôn Thất Thuyết trung trinh chói lọi, muôn thuở cùng sáng, những phường nịnh tử gian phu, đều phải lặn hình dấu bóng.** Nam triều ta há chẳng hân hạnh ư, nước Đại Pháp chắc cũng vui vẻ mà cùng giữ lấy cường thịnh vậy. Nếu không như thế thì miếu xã lăng tẩm và các vương công không kịp đi theo ấy thì hết thảy ủy cho khanh. Ta duy có chọn đất lành ở, sợ trời vui trời, rường cột cương thường, cả nước cùng thế, không đâu không phải là triều đình, và không phải là tôi con vậy. **Trẫm quyết không cùng với họ tranh được thua vậy. Tình thế ví lại không thôi, trẫm nguyện phái thêm cán viên, lấy đường đi khắp các nơi, nghiêm sắc cho Ninh Bình trở về phía Bắc, bao nhiêu quan tỉnh, phủ huyện đều để ấn lại mà đi, người nào như có trung nghĩa tài lược không kể quan hay dân, đều cho được tiện nghi làm việc, cốt không phụ tấm lòng tốt của triều đình dưỡng dục, tác thành, yên được bóng thiêng liêng ở trời của liệt thánh, và đáp phó được nguyện vọng tha thiết của thần dân trong nước.** Khanh nên nghĩ cho kỹ nhé, có muốn nên tấu đối, thì gởi theo đường trạm chờ xét cũng chẳng hại gì."* (*ĐNTL, XXXVI*, 226, NQT nhấn mạnh).

Tóm lại, qua dụ này, mà chắc là các ông Thuyết và Duật đã soạn theo kế hoạch đã thỏa thuận trước, vua Hàm Nghi xác nhận vua vẫn còn đó, chỉ tạm lánh vì De Courcy quá áp bức, và chính thức hóa việc NVT ở lại là do sự ủy nhiệm của vua để lo thương đàm với Pháp, hầu đi đến một thỏa hiệp triều đình có thể chịu đựng được, trong đó hai bên đối xử với nhau như anh em dưới thời Tự Đức. Vua cũng nói sẵn sàng trở về sau khi NVT điều đình có kết quả, không có ý định 'ăn thua đủ' với Pháp, và chỉ đánh Pháp khi việc điều đình không thành, đồng thời giữ sự liên lạc. Vua thông cảm cái vai trò bội bạc mà NVT 'chịu nhục' phải làm nên nhấn mạnh rằng '*...kẻ ở người đi đều lấy lòng yêu dân làm căn bản. **Trời đất thực cũng chứng giám...***' Đồng thời, sứ mạng giúp nước, giúp vua của NVT được vua Hàm Nghi đề cao trong một bản dụ gởi hoàng tộc ngày 18-7-1885, tức năm ngày sau đó, mà chính sử tóm lược như sau:

*"Dụ Thọ Xuân thân vương, phụ chính Hoài Đức công và các bọn hoàng phiên công chúa nghĩ coi: Nước Nam ta nhiều lần bị kẻ khác ức hiếp nhiều khoản, phàm có tai mắt khí huyết không ai là không uất ức buồn rầu. Chẳng riêng người trong họ ta mà thôi. Trẫm vâng di mệnh của tiên quân và các vương công phụ thần cùng suy tôn lên quyền giữ việc nước. Phàm có trăm điều đều duy kiến nghị, phải ấy thì theo. Trẫm tuổi trẻ, kiến thức chưa rộng, dám đâu chuyên trái việc gì, cho nên hễ khi tiếp được thư của nước Đại Pháp gởi đến khoản gì, nếu quá lăng nhục và yêu sách quá đáng, nhân tình không thể chịu được, mật nghe vương công và các phụ chính khuyên bảo, không đâu là không cưỡng tự đau đớn nín náu, chịu theo êm việc, vì muốn bảo toàn xã tắc, để họ mạc lâu dài hưởng tôn quí giàu sang vậy. Không ngờ sứ Pháp ngang ngược ngày thêm, không còn được chút quốc thể, cúi xuống đất, ngửa lên trời, xiết bao hổ thẹn, vạn bất đắc dĩ mà phải làm ra việc này, quay nhìn nơi lăng miếu và các bậc ý thân, thực không biết bao nhiêu là tưởng nhớ, chả biết trong tôn tộc từng có tin đến sự lo xuôi nghĩ ngược của ta không? Nay **đã có phụ chính huân thần là Nguyễn Khanh [NVT, NQT ct.] ở lại giảng nói. Che chở nhiều việc, hơi được yên ổn, huân thần tâm sự như thế, cáng đáng như thế, thực là đau khổ quá chừng.** [] Nhân vật nước ta, những người trung nghĩa từ xưa, tưởng không hơn được. **Trẫm cũng dụ cho đại thần ấy hết lòng bàn tính công việc, tâu chờ quyết định.** Vương công đều là cốt nhục chí thân, đều nên thương ta khổ tâm thể tất ta vô cùng. **Phàm việc gì cùng với Nguyễn Khanh châm chước thỏa đáng, cốt không trái với cương thường của trời đất.** Nên được nền bình trị lâu dài của quốc gia, ngỏ hầu để được tiếng thơm muôn đời, thế là lành lắm tốt lắm. Trời đất dài lâu, gặp nhau có hẹn. Nước nhà suy thịnh gặp hồi đổi thay, càng nên trân trọng di dưỡng, để yên tấm lòng xa của người tuổi trẻ. **Còn ra sẽ ủy cho Nguyễn Khanh sẽ vì ý***

thân điều đình cho thỏa đáng, vụ được như thường. Phàm người họ ta, cần tin lời ta nhé, thế thì ta mới yên lòng." (*ĐNTL, XXXVI*, 227-8, NQT nhấn mạnh). Tóm lại, dụ này gởi cho hoàng tộc đại ý cũng giống hai dụ Cần Vương và gởi NVT nói trên, nhưng còn chia xẻ nỗi khổ tâm của NVT qua những câu :"*huân thần tâm sự như thế, cáng đáng như thế, thực là đau khổ quá chừng. []... những người trung nghĩa từ xưa, tưởng không hơn được."*

Sở dĩ toàn bộ nguyên văn của hai dụ vừa nói được trích dẫn là vì hai tài liệu này không thấy được các sử gia ta trước 1975 đề cập đến mặc dầu họ đều nói là có tham khảo Đại Nam Thực Lục. LM Delvaux có trích dịch dụ Hàm Nghi gởi NVT trong bài viết đã nói năm 1941, ("*Quelques précisions...*" BAVH, số 3, 1941, 269-270) nhưng không cho biết xuất xứ, và cũng chẳng bàn tán gì. Trong sử sách Pháp, không thấy ai biết đến hai dụ đó, ngay cả sử gia Fourniau trong một cuốn sử đầy đủ, cập nhật, và tương đối vô tư và khách quan nhất về bang giao Pháp Việt mới xuất bản năm 2002. Gần đây, một số sử gia ta ở ngoại quốc có đả động đến vài đoạn trong hai dụ, nhưng cũng chả bàn tán gì bao nhiêu về ý nghĩa của các tài liệu đặc biệt này. Sự thiếu sót vô tình hay cố ý các tài liệu gốc căn bản như những tài liệu này đã đưa đến quá nhiều sai lạc trong các sử sách viết về cuộc bang giao Pháp Việt.

Thêm vào các tài liệu gốc đó, có thể kể đến một bài thơ của chính NVT bày tỏ nỗi băn khoăn của ông lúc từ Kim Long trở lại Huế, mà bốn câu sau đã được Trần Trọng Kim ghi chép trong một cuốn sử xưa ở bậc sơ học. Bài thơ này ăn khớp với kế hoạch *'kẻ ở người đi đều chung lo việc nước'* đã được tác giả Trần Xuân An trình bày trong một hội nghị mới đây ở Huế: ("*Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau ngày kinh đô quật khởi* [5.7.1885]", HTNVTHUE02, 59-82)

GIẢI TRIỀU

Tam thập niên lai phí kỷ kinh
Vô đoan dạ bán bách sầu sinh
Kỷ thai tam sắc, vân lôi biến
Giả thích song suy, kê khuyển kinh
Thương kính vạn trùng thương thúy liễn
Thần tâm nhất dạng luyến đan đình
Thị phi nhiêu phó thiên thu hậu
Xã tắc quân vương thục trọng khinh?

CHIA TÁCH TRIỀU CHÍNH

Ba chục năm qua phí trí mình
Nửa đêm, gian tả! ép buồn sinh
Cờ chia ba khoảnh, giông quyền biến
Kẹp siết theo roi, chó hãi kinh
Núi biếc vạn trùng lo kiệu ngự
Lòng son một dạng luyến sân Đình
Phải chăng, ấy gởi nghìn thu luận
Theo nước phò vua đâu trọng khinh?

Hai câu bổ sung:

CHIA TÁCH TRIỀU CHÍNH...

U trung thùy bạch thiên thu hậu?
Xã tắc quân dân thục trọng khinh?

Sâu kín lòng trung ai soi tỏ?
Tổ quốc, dân, vua đâu trọng khinh? (*Ibid.*, 59)

Một sử gia Pháp, mặc dầu không biết gì nhiều về các nguồn tài liệu này về phía Việt Nam, cũng đã thoáng cảm thấy tình trạng lưỡng phân triều chính đó. Sau khi ông thấy mọi sự xảy ra trong cuộc rời bỏ kinh thành như là một sự sắp đặt của phía Việt Nam, ông kết luận:

"... giai cấp cai trị Viêt Nam có vẻ tìm một giải pháp trong hai đường hướng đối nghịch với nhau, nhưng mỗi cái đều nhằm bảo vệ, ít nhất là trong trường kỳ, sự đồng nhứt quốc gia: chiến đấu bằng cách kêu gọi một cuộc tổng nổi dậy hay là qui thuận để gìn giữ những gì tối thiết. Mọi việc đã xảy ra như là ngày 9-7, triều đình, trên cả mọi sự đối nghịch, đã mặc nhiên với ít nhiều ý thức, chia xẻ các hiểm nguy để có thể theo đuổi hai bối cảnh..." (Fourniau, *Annam*, 35).

Ngoài ra, còn có một số tài liệu rải rác khác tương hợp với kế hoạch chia cách triều chính nói trên, do Tiến sĩ Đỗ Bang trình bày trong Hội Nghị 2-7-2002 vừa nói. *("Góp phần làm sáng tỏ những uẩn khúc trong cuộc đời của nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường [1824-1886]"*, HTNVTHUE02, 20-41). Căn cứ vào một số tư liệu đầu tay như *'Hạnh Thục Ca'* và một bài dụ của Bà Từ Dụ trong đó bà chỉ thị cho NVT điều đình với Pháp, về *'Dậu Tuất niên giang phong hỏa ký sự'* cho rằng việc đánh Pháp đêm 4-7-1885 là có sự bàn bạc và phân công giữa NVT và Tôn Thất Thuyết, bức thư của NVT gởi Nguyên soái Tahiti kể lại cuộc di tản vua và Tam Cung và gặp GM Caspar, cũng như gia phả gia đình NVT, [t.35-7] TS Bang đã kết luận rằng: "*Với những tư*

liệu minh chứng này, Nguyễn Văn Tường không những được minh oan về tội 'đầu thú, quy hàng' mà ông vẫn được xem như là một trong những nhân vật hoạt động yêu nước tích cực nhứt cho đến thời điểm xảy ra cuộc tập kích quân Pháp..." (*Ibid.*, 37) Trước đó, sau khi phân tích hai bản dụ nói trên của vua Hàm Nghi và dụ của Đức Từ Dụ chỉ thị cho NVT thương thuyết, TS Bang cũng có nhận xét:

*"Rõ ràng việc Nguyễn Văn Tường ở lại Huế là một sứ mạng nguy hiểm, phức tạp được vua Hàm Nghi và Thái hoàng Thái hậu Từ Dũ là hai người chịu trách nhiệm tối cao của Triều đình Huế hồi bấy giờ giao phó. **Đó cũng là một sách lược chính trị tích cực 'Chia tách triều đình' trong một tình thế nguy nan chưa từng có, với một hy vọng bảo tồn được kinh đô, tôn miếu, xã tắc và khôi phục chủ quyền của đất nước.**"* (*Ibid.*, 35, NQT nhấn mạnh).

Hình ảnh Nguyễn Văn Tường vừa qua đời trên giường bệnh tại Tahiti.

B. Quyết tâm tiêu diệt phe kháng chiến của thực dân Pháp

Đại tướng De Courcy đã được đề cử với toàn quyền quân sự và dân sự, trực thuộc bộ Chiến tranh về các vấn đề quân sự, và bộ Ngoại giao về các vấn đề chính trị ngoại giao. Các tác giả Pháp thời đó đã mô tả ông như là một nhà độc tài võ biền, không biết một tí gì về chính trị. Theo đại úy Gosselin, "*Đại tướng có cái lỗi lầm to lớn nhất ... là không biết gì hết về nước An-Nam. Ông biểu lộ một sự khinh bỉ rất sâu đậm đối với cái tính chất a-na-mít, không tin rằng các quan có khả năng làm được một việc gì nên chuyện, và rút cục tưởng rằng đoàn tùy tùng hùng mạnh của ông đủ để làm cho các phụ chính, triều đình và dân chúng phải khiếp đảm. Hơn nữa, bản tính ông rất hay nghi ngờ, không chịu nghe một lời khuyên nào, không chấp nhận một ý kiến nào, và không muốn nghe các tin tức do các người từng trải ở địa phương cố gắng cung cấp, như GM Caspar và ông De Champeaux.*" (Gosselin, *op. cit.*, 203, do Devillers dẫn, *op. cit.*, 285, NQT dịch). Tướng Prud'homme cũng xác nhận rằng De Courcy "*không thoát khỏi tính đa nghi, không những đối với những sĩ quan cọng sự với ông đã được tuyển chọn tình cờ trước khi ông rời nước Pháp, mà còn nhứt là đối với các viên chức hành chánh mà ông gặp đang tại chức khi ông đến Đông Dương.*" (Prud'homme [X], *L'Annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886*, par le général X, 1901, 10, do Devillers dẫn, *op. cit.*, 285).

Tất cả những yếu tố đó trong bản ngã De Courcy đã làm tan rã kế hoạch '*một triều lưỡng phân nhưng nhứt dạng*' của phía Việt Nam. De Courcy đã bắt NVT đày đi Côn đảo sau hai tháng giam giữ, khai thác, và dày vò ông. Từ Côn đảo, Chính phủ Pháp đày NVT sang Tahiti, và ông từ trần ít lâu sau khi đến đây. Đó là sự hy sinh của cá nhân NVT, nhưng đứng về phương diện quyền lợi của quốc gia dân tộc, vua Hàm Nghi vẫn tiếp tục công cuộc kháng chiến theo như kế hoạch dài hạn mà NVT cùng Tôn Thất Thuyết và các triều thần chống Pháp đã dự trù. Nước Pháp đã mất biết bao nhiêu nhân mạng, tài sản cho công cuộc chiếm đóng, bình, định, cai trị trong hận thù, mãi cho đến 1954 khi bị tống khứ bằng võ lực ra khỏi Việt Nam, vì đã bỏ lỡ cơ hội đi với giải pháp NVT. De Courcy từ Hà Nội vào, đinh ninh sẽ giải quyết vấn đề dễ như trở bàn tay, đã bị 'quyền biến' của NVT hóa giải sau vài ngày đến Huế.

Trước tình hình rối loạn của kinh thành do sự '*phỗng tay trên*' của ông Thuyết, De Courcy đành miễn cưỡng chấp nhận đề nghị hợp tác của NVT theo khuyến cáo của GM Caspar và Khâm sứ De

Champeaux. Nhưng muốn ăn chắc, De Courcy đối xử với NVT như một tù nhân bị giam lỏng ở Thương Bạc và đặt dưới sự canh gác của sĩ quan tùy viên của y là Đại-úy Schmitz và một toán quân Pháp (Gosselin, *op. cit.,* 211), và hạn cho NVT hai tháng để vãn hồi trật tự, với tư cách là viện trưởng Hội đồng Cơ mật dưới quyền điều khiển của y và De Champeaux. Như sử gia Nguyễn Thế Anh đã nói, "*Thật là một tình trạng không có lối thoát cho ông Tường, bởi vì, tù binh về thực tế của Pháp, những mệnh lệnh của ông đưa ra sẽ không có một hiệu lực gì, vì sẽ được xem một cách chính đáng như là làm theo chỉ thị của người Pháp.*" (NTAnh, *op. cit.,* 112). Ngày 6-7-1885, y cùng NVT ký một tuyên cáo kêu gọi dân chúng, tố cáo ông Thuyết và mời vua và Thái hoàng Thái hậu trở về Kinh đô (Điện văn của Courcy gởi bộ Chiến tranh 6-7-1885, J.O., do Fourniau dẫn, *Vietnam*, 402). Rồi một tuyên ngôn được gởi đi các địa phương giải tán quân đội chính qui, chỉ giữ lại lính lệ ở các tỉnh và phủ huyện, cùng các lực lượng cảnh vệ ở các tỉnh lỵ. (A.E., Hồi ký và tư liệu, Á châu, tập 47, fo 38, do NT Anh dẫn, *op. cit.,* 112). Bất chấp Hiệp ước Bảo hộ 1884, ông đề nghị với chính phủ Pháp truất phế triều đại nhà Nguyễn và sát nhập An-Nam vào nước Pháp. Nhưng Paris không chấp nhận và chỉ thị phải lập lại triều chính như trước. (A.E., *Hồi ký và tư liệu, Á châu*, tập 103, non fol. [thơ 11-7-1885], do NTAnh dẫn, *op. cit.,* 113).

Ngày 11-7-1885, triều đình được y cải tổ: Thọ Xuân Vương, chú vua Tự Đức, lớn tuổi nhất trong hoàng tộc, được cử làm phụ chính duy nhất, đại diện cho vua cho đến lúc vua về, NVT giữ chức Viện trưởng viện Cơ mật, với một số thượng thư trong đó có De Champeaux coi bộ Binh thay mặt cho De Courcy. (*A.E., Hồi Ký và tư liệu Á châu*, tập 47, fo 104-105; A.N.S.O.M., Indochine A.F., 17/A 30 [16]; 30 [60] do NTAnh dẫn, *op. cit.,* 114). Trong lúc Tam Cung và các hoàng thân công chúa lần lượt trở về, thì vua vẫn biệt tăm, và cuộc nổi dậy của dân chúng theo lời kêu gọi Cần Vương xảy ra nhiều nơi, kèm theo các cuộc tàn sát giáo dân. Mặc dầu vậy, De Courcy vẫn quả quyết với Paris rằng bỏ Bắc Kỳ để chiếm cứ Trung Kỳ sẽ có lợi cho nước Pháp hơn, vì xứ này, theo y, nếu cai trị hay, sẽ trở thành một thuộc địa quí giá hơn. (*A.E., Hồi ký và tư liệu Á châu*, tập 47, fo 94-96, do NTAnh dẫn, *op. cit.,* 114). Nhưng Chính phủ Pháp không chấp nhận quan điểm này và chỉ thị cho y phải hoãn lại tất cả các cuộc hành quân ở Trung Kỳ, và từ chối gởi thêm viện binh mà y đòi hỏi. (NTAnh, *op. cit.,* 114).

Mặc dầu vậy, vào cuối tháng 7, De Courcy vẫn cố áp đặt một chế độ thuộc địa về thực tế vào xứ An-Nam bằng một dự án thỏa hiệp bổ túc cho Hiệp ước 1884. (A.N.S.O.M., Indochine A.F., 18/A 30 [73], do NTAnh dẫn, *op. cit.,* 115). Với sự thay đổi cơ cấu này, NVT vẫn giữ chức Viện trưởng Cơ mật, nhưng có Nguyễn Hữu Độ làm đệ nhứt Phó viện trưởng, và Phan Đình Bình đệ nhị Phó viện trưởng; Khâm sứ có quyền triệu tập và chủ tọa Hội đồng Cơ mật bất kỳ lúc nào; và kiểm soát viên Pháp sẽ được đặt bên cạnh thượng thư bộ tài chánh và ngoại giao. (NTAnh, *op. cit.,* 115). Đây là lúc Silvestre, một thành viên nòng cốt của 'phe Hà Nội' đã được de Courcy đưa vào Huế làm chung với De Champeaux. Chính Silvestre đã thảo ra dự án thỏa hiệp bổ túc và đưa các con cờ của mình là hai ông Độ và Bình vào viện Cơ mật. Có hai ông này rồi, nhưng còn thiếu người thay vua Hàm Nghi. Như đã nói, 'phe Hà Nội' từ 1884 đã nhắm Hoàng tử Chánh Mông. Bây giờ Silvestre, qua tay ông Độ, vận động cho ông Chánh Mông lên ngôi là vua Đồng Khánh, tức là cờ đủ bộ. (Devillers, *op. cit.* 281-4, 294-5, 303-6). De Courcy đã nhứt quyết chọn giải pháp dùng bù nhìn, cho rằng phe kháng chiến Cần Vương chẳng có gì đáng kể. Đồng thời, trong thời gian này, Đức Cha Puginier cũng gởi cho de Courcy ba bức thư dài ngày 17-7, 20-7, và 25-8-1885, khẩn khoản, van nài, và thúc dục de Courcy loại trừ NVT. (Dupuis, Jean, *Le Tonkin de 1872 à 1886*, Paris, A. Challamel, 1910, 545-559). Quyết định diệt trừ NVT đã được Gosselin mô tả như sau:

"*...chắc chắn là bị Silvestre chi phối, Ông [Courcy, NQT ct.] qui trách nhiệm cho NVT về những cuộc tàn sát giáo dân... theo ông thì trong hai tháng qua, Tường đã không thu hoạch được một kết quả gì trong lãnh vực bình định. Trái lại, cuộc nổi loạn đã lan ra trong khắp mọi tỉnh. Người ta đã mất dấu vết của ông Thuyết và vua, và hy vọng bắt được họ... giảm dần. De Courcy còn nghi ngờ Tường mật thông với phe phiến loạn, và cung cấp ngay cả tin tức thất thiệt cho bên bảo hộ. Tất cả việc đó không đúng lắm, nhưng De Courcy như muốn bằng cách đó, che đậy sự thất bại của chính mình.[ ] Ông quyết định loại bỏ Tường và cho bắt Tường sau thời hạn hai tháng mà ông đã dành cho, 'Tôi dẹp tên Tường bất chấp sự can thiệp gắt gao của De Champeaux'. Ông này cho rằng Tường còn có khả năng để thực hiện những gì người ta*

chờ đợi ở y, cho nên chống lại quyết định của De Courcy, và được Giám mục Caspar ủng hộ. Đức Cha thật tình nài nĩ ông Đại Tướng, nhân danh quyền lợi của nước Pháp, thu hồi lại quyết định đó. Tuy nhiên, De Courcy... không chấp nhận một lời khuyên nhủ nào hết. Cho nên Tường đã bị bắt ngày 6 tháng 9, giam ở Huế, và người ta ra lệnh tịch thu tất cả gia sản của ông. De Champeaux giận dữ, đưa đơn từ chức." (Gosselin, *op. cit.*, 218, do Devillers dẫn, op. *cit.* 302-3; NQT dịch). Theo chính sử thì "*...Hôm ấy đem Văn Tường đến cửa biển Thuận An. Buổi chiều Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình đi tàu thủy Pháp cũng về đến cửa biển ấy...*" (*ĐNTL, XXXVI*, 247)

Phe Silvestre lên, với vua Đồng Khánh và các ông Độ, Bình làm cho tình trạng càng thêm tồi tệ hơn nhiều. (Devillers, *op. cit.*, 308). Thấy không cứu vãn được tình thế, Khâm sứ De Champeaux gởi thẳng đơn từ chức về Paris. Silvestre, vài tháng sau cũng bị De Courcy cách chức. Tướng Warnet, Tham mưu trưởng cũng không chịu nổi De Courcy, và xin được triệu hồi. Trên đường về, khi ghé Sài Gòn, Warnet được điện tín Paris bảo nán lại xử lý thường vụ thay De Courcy, vì chính ông này cũng bị triệu hồi luôn. (Devillers, *op. cit.*, 303, 309, 315, passim). Vì sao? Một sử gia Pháp đã trả lời như sau:

"*Về mọi phương diện, ông* [de Courcy; NQT ct.] *đã đi ngược với chính phủ và không cung cấp cho chính phủ một yếu tố gì thuận lợi trong cuộc đấu tranh tại Quốc hội Pháp hầu trấn an phe chống 'Bắc Kỳ', đồng thời tiếp tục cuộc chinh phục. Báo chí Paris quyết liệt tố cáo ông như là một 'tên trơ trụi [pelé], ghẻ lỡ nguyên nhân của mọi tai vạ [...] một tên cộc cằn hy sinh quyền lợi tổ quốc cho tham vọng cá nhân của hắn'... Ngày 15-1-1886, Tướng De Courcy được triệu hồi để nhường chỗ cho phe dân sự. Sự mỉa mai của lịch sử đã muốn rằng một đồng nghiệp của ông là Tướng Boulanger thi hành lệnh này, làm cho De Courcy không khuây khỏa được. Ông mất hai năm sau khi trở về."* (Fourniau, *Vietnam*, 403, NQT dịch).

C. Hai tháng quyền biến của Nguyễn Văn Tường

Thương thảo với một ông tướng Pháp chỉ tin vào sức mạnh của vũ khí mà không biết một tí gì về chính trị, NVT đã ở vào một cái thế bội phần phức tạp, khó khăn và nguy hiểm. Chẳng hạn, buộc NVT đưa vua Hàm Nghi về mà không cho liên lạc với phe 'phiến loạn' tức phe Tôn Thất Thuyết, thì làm sao mà thực hiện được việc gì. Đối xử với NVT như tù binh để sai khiến và lợi dụng danh nghĩa, thì làm sao ông Thuyết, và ngay cả NVT, dám để cho vua về. Quân đội chính qui thì bị giải tán liền, bộ Binh thì do De Champeaux nắm giữ. Ngay chính Khâm sứ De Champeaux đã nhận thấy tình trạng bế tắc của NVT cho nên, khi NVT bị bắt, đã chứng minh cho De Courcy thấy rằng một lý do quan trọng NVT không đem lại trật tự như ý muốn là vì tình trạng 'cô lập bị giam giữ của ông' [l'isolement dans lequel il avait été tenu], và cần phải dành cho ông thêm một ít tự do hành động bằng cách 'vừa theo dõi ông nhưng không cản trở ông' ['tout en le surveillant mais sans le contrecarrer'] (Prud'homme, *op. cit.*, 42, do Devillers dẫn, *op. cit.*, 305; NQT dịch).

Bác sĩ de Lanessan, dân biểu hạt Seine, đã từng phục vụ ở Phi châu và ở Nam Kỳ với tư cách là y sĩ hải quân và về sau làm Toàn quyền Đông Dương từ 1891 đến 1896, tin tưởng rằng chính sách của Champeaux, nhằm phục hồi một chế độ bảo hộ thành thực, như chế độ trước ngày thất thủ kinh đô 4-7-1885 với sự hợp tác của NVT, chắc chắn sẽ đã đưa đến một nền hòa bình thật sự lúc đó. Nhưng De Lanessan, người đã biết rất rõ NVT dùng Tàu đánh Pháp, không quên nhấn mạnh cái điều kiện tất yếu cho sự thành công đó là phải làm sao "*cho dân chúng Việt Nam tin tưởng thực sự ở quyết định của chúng ta là không xâm chiếm Trung Kỳ và ngay cả Bắc Kỳ, và hài lòng với một nền bảo hộ tôn trọng các định chế quốc gia Việt Nam. Vả lại, nền bảo hộ đó, nước An Nam đã vui lòng chấp nhận nó, như sự yên tĩnh, mà xứ này hưởng thụ trước ngày 5-7-1885, đã chứng minh.*" (Lanessan, *L'Indo-Chine francaise*. Paris, Germer Baillière, 1889, 688).

Thay vì áp dụng chánh sách cởi mở của De Lanessan, De Courcy đã đưa tay sai nắm các chức vụ then chốt trong triều và buộc triều đình phải tận diệt phe kháng chiến, tức phe ông Thuyết đang cầm đầu mà chính NVT, về bề mặt, đã phải phủ nhận. Vì vậy, sử gia cần thông cảm với tình trạng khó khăn 'mở miệng mắc quai' của NVT và phân tích các hành vi của ông, hoặc được gán cho ông, trong thời gian hai tháng bị giam cầm sau ngày thất thủ kinh đô, như là những hành vi chiến thuật giai đoạn trong khung khổ sách lược chống Pháp dài hạn của ông. Không thể qui trách nhiệm cho ông về cái chết của các chiến sĩ Cần Vương Lê Trung Đình và Nguyễn Hữu Tạo ở Quảng Ngãi, chẳng hạn, trong khi quan địa

phương đã giết các ông này rồi mới báo cáo sau. (*ĐNTL, XXXVI*, 239) Vả lại bộ Binh đã do Khâm sứ nắm giữ và quân sĩ do Pháp điều khiển, và NVT thì bị cô lập ở Thương Bạc với một đoàn lính gác Pháp như đã nói trên.

Về việc NVT bị tố cáo là đã ra lệnh bắt vua Hàm Nghi và ông Thuyết, thì ta thấy thực tế xảy ra như thế nào? Lúc vua và Tam Cung còn ở Quảng Trị thì "Văn Tường ủy cho... *Phạm Hữu Dụng... đem hiện tình bàn với Thuyết tâu vua biết... [Thuyết... dặn Hữu Dụng về báo với Văn Tường, phải nên đoàn kết với Pháp, không lại lấn áp như trước, thì mới đón xe vua về]*". (*ĐNTL, XXXVI*, 223; NQT nhấn mạnh) Vậy rõ ràng là hai ông phụ chánh làm theo một kế hoạch chung như đã nói, chớ có chống báng gì nhau đâu: ông Thuyết nói rằng nếu NVT thương thuyết được việc Pháp không lấn áp nữa thì sẵn sàng đưa vua về. Mặt khác, lệnh ra khi nào cũng bảo '*rước vua về*', tức không được buộc vua về nếu vua không muốn, và không được làm gì nguy hại đến tính mạng của vua. Ông Thuyết ở bên cạnh vua thì làm sao bắt, hay giết ông mà không nguy hại đến tính mạng vua được. Hơn nữa, còn sự hiểu ngầm, và lệnh ngầm trong việc thi hành các chỉ thị, nếu viên chức thừa hành cũng hướng về phe Cần Vương.

Một hai chuyện do chính sử kể có thể chứng minh sự phối hợp giữa hai bên triều đình và Cần Vương, thay vì đánh giết nhau thật sự: "*Ngày nhâm ngọ, xa giá xe vua đến* sách *Bờ Cạn... Quan quân trông thấy xe vua [Thuyết phụng xe vua lộ ra] không dám bắn súng, chợt bị đạo quân Trần Xuân Soạn chắn ngang tản đi, khi ấy đạo quân Thuyết gián hữu có quân tỉnh Hà Tĩnh và lính Thổ Ninh Bình... Lấy Tham tri là Nguyễn Thành Ý,... Tôn Thất Phan, biện lý...Võ Khoa sung làm khâm sai, chia đi các tỉnh... Chia đường để rước vua về.*" (*ĐNTL, XXXVI*, 234-5). Một trường hợp khác: "*Xe vua đến Hàm Thao... Khâm sai Tôn Thất Phan đem 350 tên lính ở Hà Tĩnh... đi họp với phòng thần đợi rước xe vua về sơn phòng. Nghe truyền ngôn có quân Pháp lại, Thuyết liền ép xe vua đi nơi khác, bèn không rước được...*" *(ĐNTL XXXVI, 243)* Một điểm đáng lưu ý thêm ở đây là các quan đi bắt đều có làm việc chung quen biết hoặc thân thiết với ông Thuyết. Đặc biệt, ông Tôn Thất Phan với ông Thuyết còn là bạn thân, con gái của hai ông đều lấy ông Nguyễn Thượng Hiền. (Tôn Thất Hào, "*Chiêu tuyết Kỳ vĩ Quận công Nguyễn Văn Tường*," Kỷ yếu hội nghị khoa học, Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường, ĐHSP TPHCM 1996, 86). Tưởng bấy nhiêu ví dụ cũng tạm đủ để chứng minh sự phối hợp giữa hai ông Phụ chính trong một tình trạng rất nguy hiểm và phức tạp.

D. Uẩn khúc của Nguyễn Văn Tường

Dù sao đi nữa, NVT đã rất khổ tâm phải làm những việc đã làm, hoặc gánh chịu những việc người khác làm mà mình phải chịu tiếng. Thời cơ thuận lợi chưa thấy ló dạng, viễn ảnh điều đình với một chính khách Pháp hiểu biết hơn để đưa đến một hoà ước đôi bên chấp nhận được, hầu tránh một cuộc chiến dai dẳng, còn rất xa vời. Trước cảnh đổ nát của kinh thành, NVT đã không cầm được nước mắt khi thấy hồ sơ của hầu hết các bộ, viện, tàng thơ viện, quốc sử quán và quốc gia ấn quán bị thiêu hủy, và các chữ nho in rời mất hết. (Chesneaux, Jean, *Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne*. Paris, Éditions sociales, 1955, 134). Khoảng tháng 3 năm 1886, trên một hòn đảo xa xôi ở Thái Bình Dương, có lẽ cảm thấy mình sắp lìa trần vì bệnh ung thư ở cổ (BS. Bùi Minh Đức, "*Phụ chánh đại thần Nguyễn Văn Tường: một bệnh nhân tai mũi họng*," Y Tế Nguyệt san, số 2, 2002, 15-19), NVT đã gởi Nguyên Soái Pháp tại Tahiti một bức thư, mong gởi gắm tấm lòng mình cho thiên cổ: "*... Sáng ngày 28 tiếp, một ông quan ba đến chỗ thiềm trú nói rằng quan Toàn quyền sức biểu ông Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đính [Cha Tôn Thất Thuyết] và thiềm xuống tàu thủy. Thiềm hỏi đi có việc chi thì ông quan ba nói là do lệnh trên, không nói rõ. Chúng tôi theo xuống tàu tưởng qua tòa sứ hội thương việc gì thôi, không ngờ ông ấy mở máy đi thẳng xuống cửa Thuận An mà ra biển đem lên tàu lớn, đưa thẳng đến Côn Lôn... giam chấp. Đi lần này thật không ngờ, Tam Cung, đình thần và gia quyến thiềm đều không hay biết. Thiềm đã làm việc gì mà ra đi không tiền bạc, áo xống không kịp đem theo, đói khổ hàng tuần, tưởng là khó sống. Quan Toàn quyền là một đại thần của nước Đại Pháp, phàm làm việc gì tưởng cũng minh chánh...* ***Thiềm đã lìa nhà trong 34 năm, lo cho nước không thành được một việc, nay tuổi đã 64, còn sống được bao lâu nữa mà còn danh lợi gì đáng tham, duy một lòng ái quốc canh cánh bên mình, cho nên đeo đuổi theo quí quốc hợp lực đồ duy may thành đại cuộc thì cũng bổ ích cho bổn quốc trong muôn một, ấy là chỗ khổ tâm của thiềm. Ngày nay vô cớ gặp sự không may, vạn nhất bất thành, không thu được hài cốt thì đã***

mang tội bất trung với nước mà cũng bất hiếu với nhà. Ấy là chỗ đau đớn riêng của thiếm. ... " (Tiểu-Cao Nguyễn Văn Mại, *LÔ-GIANG Tiểu Sử*, Nguyễn Hy Xước phụng dịch, 1961, t. 42-44; NQT nhấn mạnh).

Lịch sử Côn Đảo có ghi nhận sự hiện diện của ba ông Tường, Duật, và Đính trong vài tuần trên đường quá giang đi Tahiti, và của ông Lã Xuân Oai, một vị quan đã theo vua Hàm Nghi. (Demariaux, Maurice, *Poulo-Condore, Archipel du Vietnam*. Paris, Harmattan, 1999, 30-1). Ngày nay, 116 năm sau ngày NVT từ trần, trong một hội thảo năm 2002 tại Huế, nơi NVT phục vụ gần suốt cuộc đời hoạn lộ, học giả Hãn Nguyên Nguyễn Nhã, sau khi phân tích sâu rộng toàn thể quá trình hoạt động của NVT, đã cảm thông cái "số phận oan nghiệt" của ông cũng như của Phan Thanh Giản, và nhận xét rằng "Trung nghĩa với vua, với nước, hy sinh mạng sống của mình, chết trong tay kẻ thù thì xưa nay đúng là có nhiều, song có ai hơn khi chết vì nước như vậy mà rồi vẫn cam nhận là kẻ đầu thú!" Rồi tác giả kết luận: "*Song lịch sử lại rất công minh, qua thời gian sẽ không bị lầm lẫn như người đương thời. Lịch sử chính là 'Hoàng Thiên Hậu Thổ' soi xét cho tâm sự khổ đau của liệt sĩ yêu nước Nguyễn Văn Tường như lời trong thư vua Hàm Nghi đã gửi cho Nguyễn Văn Tường vậy!*" ("*Công-tội, vị trí của Nguyễn Văn Tường trong nhóm chủ chiến ở triều đình Huế nửa sau thế kỷ XIX*", HTNVTHUE02, 136).

Không đợi đến hơn một thế kỷ sau, ngay thời đó, Jules Boissière [1863-1897], Phó công sứ Quảng Yên và nhân viên văn phòng Toàn quyền De Lanessan ở Bắc Kỳ từ 1886 đến 1897, đã hiểu NVT và cho ông là sản phẩm lý tưởng của nền giáo dục dân chủ truyền thống của Việt Nam. Boissière, một nhà thơ và một đại văn hào (Fourniau, *Vietnam*, 503), có lẽ là người Pháp duy nhất đã ca ngợi NVT không tiếc lời và không một chút dè dặt. Trong cuốn, *L'Indo-Chine avec les Francais* (Societé des Editions Louis-Michaud, viết vào 1896, t. 70-1), Boissière, sau khi mô tả một lớp học ở thôn quê Việt Nam, gồm 20 học sinh dưới sự hướng dẫn dạy dỗ của một ông thầy đồ, đã viết:

"... *Hãy nhìn trong đám trẻ này, một học sinh còn nghiêm trang hơn các bạn nó nữa, quần áo khá tồi tàn, nhưng cặp mắt thông minh, và vầng trán rộng. Đó là Nguyên-Van Thuong [sic], con một thợ mộc thường, Thuong mà ông thầy đã đón nhận không lấy tiền thù lao vì người cha nghèo, làm chỉ đủ nuôi các em gái và mẹ. Thật đấy! đứa trẻ này một ngày kia sẽ nổi danh trong các tiến sĩ; nó xứng đáng được vua chú ý tới vì kiến thức sâu rộng của nó; nó sẽ cai trị các tỉnh; nó sẽ chỉ huy các quân đoàn; phụ chính, quận công, nó sẽ điều khiển chánh sách của nước An Nam và đối địch với các tướng lãnh của chúng ta; một ngày kia, năm 1887 [sic], nó sẽ chết một cách oanh liệt nơi chốn lưu đày, và khi hài cốt của nó, do một tàu buồm của Pháp chở về từ Taiti [sic], được đặt trên tấm mộ gia đình, **tất cả những người An Nam ngay thật sẽ khóc nhà đại ái quốc [tous les honnêtes gens d'Annam pleureront le grand patriote]** mà thân xác đã nghỉ ngơi dưới lòng đất, trong lúc linh hồn nó, cùng với chiếc xe tang và đoàn tùy tùng, đã chu du qua khỏi tầng mây...*" (NQT dịch và nhấn mạnh).

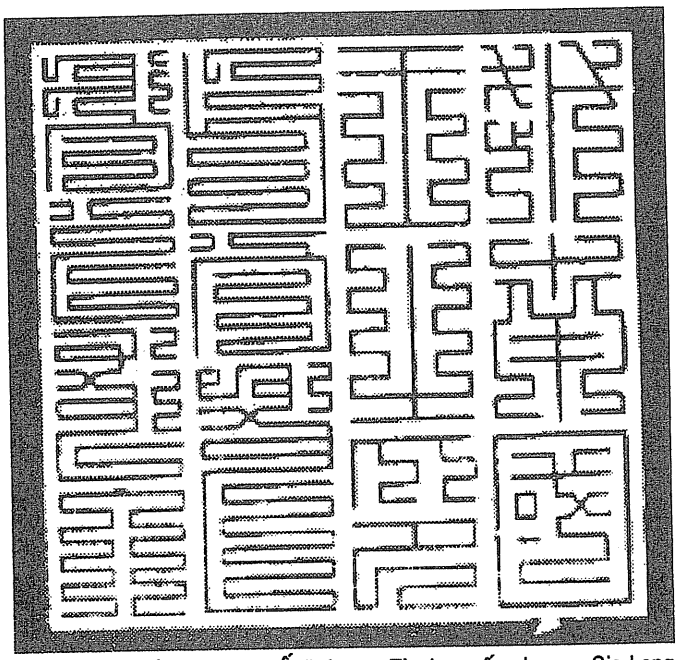

"Việt Nam Quốc Vương Chi Ấn" do vua Tàu ban cấp cho vua Gia Long năm 1803. Do mưu của Nguyễn Văn Tường, chiếc ấn này đã được công khai nấu chảy trước khi ký Hiệp Ước Patenôtre 1884, và đó đã là nguyên nhân tái tục chiến tranh giữa Pháp và Tàu.

Tóm lại, bài này đã dùng một số tài liệu đầu tay đặc biệt, như bản sao các tấu nghị của NVT với lời phê của vua Tự Đức trên đó, do gia đình NVT lưu giữ, bức thơ NVT gởi cho Toàn quyền

Tahiti lúc bị lưu đày, mà tác giả Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, một vị đại quan dưới thời nhà Nguyễn, đã có tấm lòng, vì đại cuộc, sao chép lại trong *Lô Giang Tiểu Sử*, và những tư liệu gần như gốc là *Đại Nam Thực Lục Chính biên*, cùng với sách báo đã dựa nhiều vào văn khố Pháp. Qua các tài liệu gốc, nhất là các bản tấu của NVT, bài khảo luận này khám phá ra rằng, sau một thời gian chống xâm lăng Pháp một cách vô hiệu với những quyết định cục bộ, rời rạc, chiến hay hòa, Tự Đức đã tìm ra được một sách lược chống Pháp dài hạn thích hợp, mà vua đã áp dụng một cách kiên cường với sự phò trợ của NVT. Thật vậy, sau khi người Pháp "*quỷ quyệt đã hơn mười năm nay mà triều đình, trên thì không thể xem thời xét thế, như cánh thuyền phân vân, cứ ủy suông cho chủ lo lắng, việc tự cường tự trị nói rồi lại bỏ, trù liệu thì chẳng tiến triển, không biết lòng của kẻ bề tôi như thế nào.*" (bản tấu của NVT ngày 8-3 Tự Đức 21, 1868), Tự Đức theo đề nghị của NVT, đã cho ứng dụng sách lược "hòa để mưu chiến" để đối phó với Pháp. Thật vậy, mặc dầu phía Pháp gây sự bằng mọi cách, xâm chiếm các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Kỳ, rồi vùng châu thổ Bắc Kỳ, vua đã hết sức nhịn nhục, mềm dẻo, không dùng võ lực đánh lại, mà dùng đường lối ngoại giao, "châm chước thời cơ" để tạo một thế "hòa để mưu chiến" với các hiệp ước do NVT ký năm 1874.

Nhờ kế sách đó, vua đã thu hồi lại các tỉnh thành Bắc Kỳ không phải đổ máu, và đồng thời, với sự nhượng đứt cho Pháp đất Nam Kỳ mà trong thực tế Pháp đã lấy rồi, bảo toàn được chủ quyền trên phần đất còn lại để thực thi chương trình tự cường trong trường kỳ, như sự thành lập các sơn phòng, nhập cảng và sản xuất võ khí mới. Theo các hiệp ước đó, phía Việt cũng nhận được của Pháp một số tàu thủy, đại bác và súng trường để tăng cường quân lực; và được Pháp hứa giúp chống lại mọi cuộc ngoại xâm hay nội loạn, và giặc biển nếu Việt Nam yêu cầu. Được rảnh tay đối với Pháp, triều đình đã có thể dồn sức lực để đánh dẹp các cuộc nội loạn ở đất Bắc do giặc Tàu tràn sang, hoặc các nhóm Việt tự xưng là con nháu nhà Lê, nhà Lý gây ra. Đồng thời, triều Nguyễn cũng chế ngự được cuộc tương tàn giữa phe Công giáo và Văn thân quá khích, và khống chế được sự lộng hành của cả hai bên để xác nhận chủ quyền của nhà vua trên phần đất còn lại. Công tác gay go nhất trong giai đoạn này là đối phó với các đại diện Pháp như các ông Rheinart, De Champeaux. Các ông này đã rất kiên trì trong việc lấn áp vua quan để đặt để một chế độ bảo hộ về thực tế trên Trung và Bắc Kỳ, nhưng họ không thành công. Sau khi nhận thấy sách lược "hòa để mưu chiến" được trắc nghiệm với kết quả khả quan, Tự Đức càng thêm tín nhiệm NVT và ủy cho ông ba nhiệm vụ quan trọng nhứt là Thương bạc đại thần (ngoại giao), Thượng thư bộ Hộ (tài chánh), và Cơ mật viện đại thần (việc quân quốc tối hệ). Với ba tư cách đó, NVT đã trở thành người cố vấn thân cận nhứt của vua, và đã giúp vua thực thi sách lược kháng Pháp trong trường kỳ.

Đến 1882, Pháp lại dở trò xâm chiếm Bắc Kỳ lần nữa với Đại tá Rivière. Nhận thấy dã tâm rõ rệt của Pháp, vua Tự Đức lần này không nhẫn nhịn lâu mà kêu gọi, và được, Thiên tử Trung Quốc cho quân sang giúp đánh Pháp. Ngày 9-7-1883 vua Tự Đức mất. Tự quân Dục Đức không được chính thức lên ngôi vì đã bị Pháp mua chuộc và thiếu tư cách. Vua Hiệp Hòa kế vị chưa được bao lâu thì Pháp cho quân đánh phá và chiếm đóng Thuận An và ép buộc Triều đình ký Hiệp ước Bảo hộ ngày 25-8-1883. Với quân Pháp đóng ở Cửa Thuận, vua Hiệp Hòa muốn đi với Pháp cho yên và mật thông với họ để loại trừ hai ông phụ chánh Tường và Thuyết cầm đầu phe chống Pháp. Hai ông này quật lại, truất phế vua Hiệp Hòa, và ngày 2-12-1883 đưa hoàng tử thứ ba lên ngôi, là vua Kiến Phúc. Hai ông phụ chánh phò vua mới tiếp tục sách lược chống Pháp dài hạn, "hòa để mưu chiến," của vua Tự Đức đã bị gián đoạn dưới triều Hiệp Hòa. Pháp vẫn không xâm nhập và sai khiến được Triều đình chiếu theo hiệp ước 1883, vì NVT nại là hiệp ước chưa được hai bên phê chuẩn, vả lại nó quá khắt khe và làm cho Triều đình không còn chút uy tín để triệu hồi các quan lại ở Bắc đang theo Tàu đánh Pháp, như Pháp đã yêu cầu. Pháp sợ Việt Nam ngả theo Tàu đánh Pháp thật sự, nên hứa sẽ sửa đổi hiệp ước cho dễ thở hơn. Để sống yên với Pháp như cũ, Triều đình chính thức áp dụng một đường lối "trung lập" giữa Pháp và Tàu, nhưng trong thực tế, vẫn lơ để cho các quan quân theo Tàu đánh Pháp ở Bắc. Chính sách "nước đôi" đó giúp Triều đình tồn tại đến ngày ký Hiệp ước Patenôtre ngày 6-6-1884, một hiệp ước bảo hộ soạn sẵn từ bên Pháp. NVT tìm mọi cách để loại chữ *bảo hộ*, thay bằng chữ *bảo trợ*, để tránh cách áp dụng ngang ngược của Pháp, nhưng vô phương, vì sự hậu thuẫn của Tàu đã chấm dứt tháng Năm vừa qua với Thỏa

hiệp Thiên Tân, theo đó Tàu sẽ rút quân khỏi Bắc Kỳ.

"Châm chước thời cơ," lợi dụng lúc Patenôtre đòi giao chiếc ấn của vua Tàu để mang về Pháp, NVT nhất thiết chỉ bằng lòng cho tiêu hủy chiếc ấn bằng cách thụt lửa cho chảy công khai trước khi ký hiệp ước. Việc đó làm nhục Tàu đến nỗi cuộc chiến tranh giữa Pháp và Tàu, thay vì chấm dứt, đã tái diễn dữ dội hơn trước không biết bao nhiêu lần, không những trên đất Bắc Kỳ mà còn trên lãnh thổ và biển Trung Hoa, và mỗi bên thiệt hại rất nặng nề. Trong lúc đó thì Việt Nam kéo dài tình trạng "trung lập" hay "tọa sơn quan hổ đấu" của mình thêm được hơn một năm nữa, đến giữa năm 1885. Tháng 8 1884, sau khi vua Kiến Phúc mất, nhân danh Hiệp ước 1884, Pháp đem 750 quân đòi triều đình phải thay vua Hàm Nghi bằng người của họ là Gia Hưng Vương, nếu không họ sẽ oanh tạc hoàng thành. NVT nhất định không chịu và cuối cùng Triều đình chỉ phải làm lại lễ tấn phong vua Hàm Nghi với sự chấp thuận và tham dự của Pháp. Một sử gia tiếng tăm của Pháp ngày nay đã tỏ ý thán phục tài năng ngoại giao chống Pháp của NVT. (Devillers, *op. cit.*, 302, ct. *)

Vào mùa xuân 1885, Pháp, nhân danh Hiệp ước Bảo hộ 1884, thành lập hai trung đoàn lính chiến người Việt ở Bắc để đánh người Việt, bất chấp sự phản đối quyết liệt và hăm dọa cắt đứt bang giao của triều đình. Đồng thời, Pháp dùng vũ lực ép buộc phía Việt phải giải giới ở kinh thành Huế, và cho lính tráng ở Mang Cá cư xử ngang ngược với người Việt. Rồi, sau khi Pháp thông báo cho Triều đình biết là Tàu đã bằng lòng rút quân theo Hiệp ước Thiên Tân 9-6-1885, Tướng De Courcy đến Huế vào đầu tháng 7, 1885, với 1.000 quân và tàu bè để trình ủy nhiệm thư. De Courcy cũng dự trù, bằng vũ lực nếu cần, thay thế vua Hàm Nghi và hai phụ chánh Tường và Thuyết bằng những con bài của Pháp là Hoàng tử Chánh Mông (vua Đồng Khánh) và hai ông Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình, theo một kế hoạch do "phe Hà Nội" soạn sẵn từ năm trước. NVT và Tôn Thất Thuyết nhận thấy chỉ còn cách là phải dùng chính thực lực của mình, là phong trào Cần Vương và các sơn phòng, để mặc cả ngay với Pháp một hiệp ước mới tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, hoặc tiếp tục việc chống Pháp dài hạn bằng võ lực, mãi cho đến lúc nào mặc cả được một thế "hòa để mưu chiến" mới, nếu không đánh đuổi họ được. Theo một thỏa thuận ngầm giữa hai ông, Tôn Thất Thuyết dùng quân thân tín bất ngờ đánh úp Pháp, cốt để đưa vua Hàm Nghi đi bưng. Trong lúc đó thì NVT tìm cách liên lạc ngay với De Courcy để phủ nhận việc làm của ông Thuyết, và yêu cầu tướng Pháp để ông tái lập lại trật tự. Với mưu kế đó, hai ông đã hóa giải toan tính đảo chánh của De Courcy, và đặt Pháp trước một thế cờ mới: Vua và ông Thuyết đã thoát khỏi tầm tay của họ, và đang lãnh đạo phong trào Cần Vương chống lại họ bằng một cuộc chiến dai dẳng; đồng thời vua ủy cho NVT điều đình với họ, và nói sẵn sàng trở về nếu điều đình có kết quả. De Courcy, thua trí, không điều đình gì hết, vừa bắt giam NVT, vừa để ông làm vì để lợi dụng uy tín của ông, vừa đem các ông Độ và Bình về, và cương quyết diệt phe Cần Vương.

Sau hai tháng, NVT bị De Courcy đày đi Côn đảo, rồi Tahiti và mất ở đây vào giữa năm 1886. Ông Thuyết và vua Hàm Nghi tiếp tục cuộc kháng chiến với các chiến sĩ Cần Vương trong nhiều năm rồi bị tiêu diệt. Cuối năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt, và đầu năm 1889 bị đày đi Algérie. Ông Thuyết kéo dài cuộc kháng chiến cùng nhiều chiến sĩ khác, và mất vào năm 1913 ở Tàu. Công cuộc chống Pháp vẫn tiếp tục dưới nhiều hình thức, mãi cho đến năm 1954 với trận Điện Biên Phủ, người Pháp mới thực sự chịu nhả Việt Nam.

Bài này đã trình bày lịch sử đứng trên quan điểm quyền lợi của quốc gia Việt Nam, xem công cuộc chống Pháp của nhà Nguyễn và các ông Tường, Thuyết như là một giai đoạn trong quá trình tranh đấu để gìn giữ, và dành lại độc lập cho dân tộc. Nó đi ngược lại sử sách do thực dân nhào nặn ra ở nhiều điểm căn bản cũng như chi tiết. Chẳng hạn, vua Tự Đức không phải là một ông vua hèn nhát, chủ hòa, và có xu hướng đầu hàng Pháp. Vua Hàm Nghi không hề có ý định trốn về theo Pháp. Giữa NVT và Tôn Thất Thuyết, không hề có mâu thuẫn gì với nhau trong chuyện chống Pháp. Vì vậy những chuyện nói ông Thuyết ép buộc vua Hàm Nghi "để cái đầu lại" trước khi về; hoặc vua nhờ một vị linh mục nhắn Pháp giải phóng ngài khỏi bàn tay ông Thuyết; hoặc ông Thuyết cho người về đốt nhà NVT, v.v. đều cần phải xét lại. Ví dụ: chính ông Toàn quyền De Lanessan (*op. cit.*, 688) đã xác nhận rằng quân đội Pháp đốt nhà của NVT mà! Những vấn đề đó, nằm trong phạm vi chiến tranh chính trị của người thực dân Pháp, mà sử gia Việt đã vô tình hay cố ý dùng để viết sử ta và gây ra quá nhiều

VỀ TẮM AO XƯA

BÙI DƯƠNG CHI

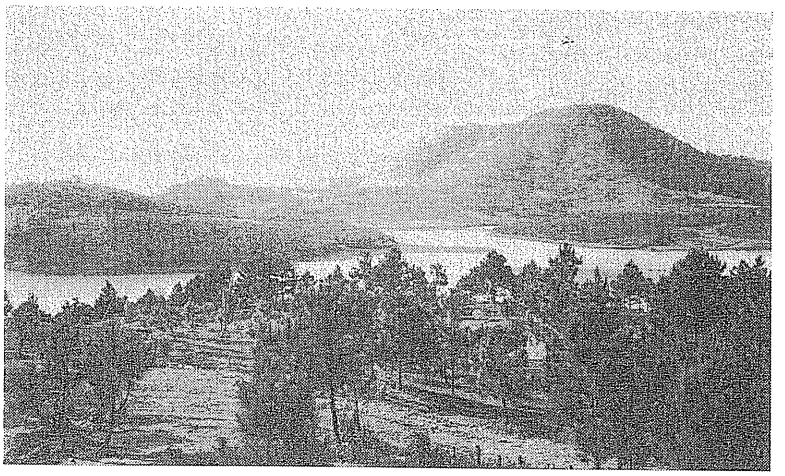

Thi sĩ đỉnh cao

Học Kỳ Mùa Thu, 1998.

Những tiếng "No! No!" lanh lảnh đượm âm sắc hoảng hốt làm tôi vội vã bỏ lại trên quầy dán tem thư của trạm bưu chính trên đỉnh đèo Hải Vân[1] cả ba cái thiệp đang kiểm lại địa chỉ để gửi về cho bà xã và hai cháu ở Mỹ.

Bước qua cửa trạm, tôi nhẩy từ thềm cao bốn bậc xi-măng xuống khu du khách dừng chân vãn cảnh và chạy nhanh về hướng đám đông đang lao nhao bao quanh một mái tóc nâu vàng.

Thấy tôi, Katie ngừng la và giật vạt áo gió khỏi nắm tay của một tên đàn ông trông rất hung hăng. Tôi hỏi chuyện thì Katie trả lời cha này đòi nó những 10 ngàn đồng. Tôi bảo đã nhắc đi nhắc lại là chụp hình thì phải xin phép hoặc hỏi giá trước cơ mà. Katie đáp là chỉ chụp cảnh, không chụp người. Tôi hỏi tên hung hăng sao đòi nhiều vậy thì được biết đó là công chỉ chỗ đi "toa lét" và chỗ chụp cảnh đèo đẹp nhất.

Tôi khuyên Katie, "10 ngàn đồng chỉ bằng 3 quarters, dĩ hòa vi qúy, tránh voi chả xấu mặt nào".

Còn đang nhùng nhằng thì đám đông bán hàng rong và đồ lưu niệm bỗng im bặt, giãn ra. Một người đàn ông hùng hổ sấn vào, tay chỉ mặt tên hung hăng, gằn giọng, "Lại mi nữa. Cút! Cút! Cút ngay!". Tên hung hăng như thỏ gặp cáo, xuống nước xin tôi 2 ngàn. Tôi vội vã đưa tiền và bảo Katie về ngay chỗ đậu xe, đừng chụp hình chụp cảnh gì nữa.

Katie quay đi thì ông hùng hổ lớn tiếng chặn lại, "Đi đâu? Tính bôi nhọ nước Việt Nam phải không?".

Vừa thở phào mừng húm nhờ có ông hùng hổ nên chỉ phải trả 2 ngàn là hết bực mình thì lại toát mồ hôi vì câu buộc tội thuộc loại "phủ đầu, chụp mũ".

Tôi thầm than tại con phải gió[2] tiếc tiền. Giá nó trả ngay 10 ngàn thì bây giờ thầy trò đang lên xe xuống đèo ra Huế, thảnh thơi biết mấy! Đúng là tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa. Ông hùng hổ này không phải là Công An thì cũng thuộc loại "cấp ủy"[3] ở đây. Chẳng vậy thì sao các bà hàng rong đang mải mê xem hoạt cảnh "ta nắm áo bà đầm" phải nín khe, tránh lối? Không vậy thì sao tên hung hăng lại phải cụp đuôi, nhả mồi.

Katie bối rối nhìn tôi. Tôi bảo chưa ra xe được.

Quay sang ông hùng hổ, tôi trình bầy là cô sinh viên này không nói và không có thái độ, cử chỉ gì bôi nhọ Việt Nam cả. Tôi chỉ sợ hắn bắt Katie ở lại "làm việc"[4] thì cả đoàn phải ngồi chờ, hoặc hắn bầy trò "làm luật"[5] thì tội nghiệp con nhỏ, dám phải nộp bộn tiền để khỏi phải tháo bỏ cuộn phim.

Băm băm ngón tay chỏ vào sát mặt Katie, hắn dẫn chứng là đây có bao nhiêu cảnh đẹp không chụp lại đi chụp cái nhà vệ sinh. Rõ ràng cố tình

bôi nhọ nước Việt Nam, còn chối cãi vào đâu được nữa.

Sau khi nghe thông dịch, Katie nhờ tôi nói giùm là em không chụp hình nhà vệ sinh nhưng trong khi chờ đến lượt đi tiểu, em có đứng trước cửa kiểm soát lại ống kính. Tiểu xong, em có ra sau nhà vệ sinh chụp hình, hôi thối lắm nhưng ở đó cảnh mây, núi và bờ biển trông rất tuyệt diệu.

Tôi dịch lại nhưng bỏ mấy chữ "hôi thối lắm" vì ngại có khi cả trò lẫn thầy bị gán thêm tội bôi bẩn đất nước. Để chứng tỏ Katie thực tình, tôi trình bầy là chính các hướng dẫn du lịch cũng đồng ý đứng quanh khu nhà vệ sinh thì thấy cảnh mây, núi và biển rất nên thơ.

Hắn chực đáp lại nhưng chắc đổi ý nên chỉ tay lên phía cửa ải, hạch tôi:

-Biết mấy chữ trên kia là gì không?

-Dạ, là Hải Vân Quan.

-Ai xây?

-Dạ, không rõ nhưng nghe nói xây dưới triều vua Minh Mạng.

-Thông dịch hay hướng dẫn?

Tôi chửi thầm, "Tiên sư bố nhà mày! Tao đáng tuổi cha chú mày mà mày ăn nói trống không như vậy", nhưng vẫn phải nhũn nhặn trả lời:

-Dạ, tôi là thầy giáo.

Đổi giọng và cách xưng hô, hắn nửa nói nửa hỏi:

-Bác dậy được Tây à?

Thấy hắn lộ vẻ sửng sốt và lời lẽ đã có chiều phải chăng, tôi trả đũa:

-Tây, ta tôi dậy được hết, miễn là biết lễ nghĩa.

Trầm ngâm một hồi, hắn nói:

-Nhờ thầy nói với cô này cứ ra xe trước. Mời thầy ở lại uống chén trà.

Để chắc ăn, tôi đợi Katie lên xe rồi mới cảm ơn và từ chối uống trà với lý do không muốn bắt các sinh viên phải chờ đợi, mất thì giờ quý báu của chúng nó.

Rõ ràng không muốn dính dáng làm quen đến vậy mà hắn vẫn khẩn khoản mời tiếp, khéo léo lấy cớ chẳng mấy khi được dịp tiếp chuyện người có thực học. Tôi miễn cưỡng chiều ý, sợ già néo đứt giây.

Chưa hết chén trà, hắn hỏi tôi có thích thơ không.

Tôi vội rào trước là khi nào thảnh thơi, không bận công việc thì mới thích.

Đúng là hỏi lấy lệ nên tôi vừa dứt lời, hắn đã ra giường lật gối lấy một quyển vở học trò, trịnh trọng đưa và nói đây chỉ là một số những bài thơ hắn làm gần đây!

Tôi đeo mục kính, mở quyển thơ, đọc qua loa bài đầu tiên. Sang tới mấy bài kế tiếp, tôi đọc kỹ hơn và dần dần thấy có cảm tình với hắn vì lời thơ đều ghi lại những cảm nghĩ bộc trực về cuộc sống hiện đại. Tôi ngỏ lời khen chữ dùng tuy mộc mạc nhưng ý tứ rất xúc tích, can cường .

Hắn hỏi thầy khen thực không. Tôi trả lời thực và hứa nếu có duyên tái ngộ thì lần tới sẽ ở chơi

NGUYỄN BẠCH DƯƠNG

VƯỜN TRƯA

Trưa đứng bóng, gió run vườn cửa khép
Bướm cố tình không vờn múa hoa khô
Từ lúc đó lá vàng thay bướm mộng
Đậu lặng thầm nơi thảm cỏ vô tư.

Con chim cũ không ghé vườn ăn trái
Để buồn lòng con chim mới bay ngang
Những tiếng hót rơi đâu ngoài sông cái
Đành vô duyên đơn lẻ lá bay vàng.

Trưa đứng bóng nắng lạc chòm lá thấp
Dáng cây quen vẽ xuống đất nâu già
Những cành nhánh rung rinh lời không nói
Chiếc lá rơi vướng lại gốc cây nào?

Trưa đứng bóng cầm trong tay chiếc nón
Em không nhìn biết trả nón cho ai
Vườn cửa khép hay lòng nhau khép cửa
Trưa tắt dần chiều xế nặng hai vai.

nói chuyện lâu hơn.

Tôi đưa tay chào tạm biệt và góp ý nên chọn một vài bài đăng báo. Ai ngờ hắn nắm chặt và mời tôi ngồi nán thêm ít phút.

Hắn thổ lộ cũng vì đăng báo mà phải lên đây lao động. Tôi đỡ e dè, hỏi:

-Anh là Công An hả?

Hắn trả lời:

-Dạ, không phải. Trước kia làm nghề chụp hình, nay thành lao công dọn dẹp và thu tiền khách dùng nhà vệ sinh.

Hắn nhắc tôi đáng lẽ phải thu 500 đồng (3 cents) nhưng miễn cho cô sinh viên bị tên lưu manh làm phiền để tỏ tình hữu nghị. Hắn còn đưa tôi xem họa đồ một vườn hoa và cây cảnh hắn dự tính tự làm trước nhà vệ sinh để khách tham quan bớt khó chịu vì mùi xú uế.

Tôi nói lúc đầu tưởng là Công An vì thấy mọi người lộ vẻ e sợ.

Hắn đáp đại khái là bà con biết hắn làm việc hữu ích, không ăn cắp, phết phẩy[6], nên nể vì lắm. Mấy thằng lưu manh thấy hắn cũng phải chịu phép.

Tôi cảm động, chìa tay từ gĩa một lần nữa và hẹn sẽ gặp lại "thi sĩ đỉnh cao".

Hắn mở ví đưa tôi cái danh thiếp nhàu nát, mặt trước có một gương mặt vẽ bằng những nét mực đỏ với tên Lại Phiền Hà, mặt sau có bài thơ. Hắn nói đó là tấm danh thiếp cuối cùng.

Bài thơ in như sau:

Tôi là thi sĩ Báo không ưa,

... ...

gánh nặng hai vai những sự đời
Để thân cho gió, mây, mưa phủ
dọn rác phân hôi miệng vẫn cười
thà sống trọn đời như cây cỏ
còn hơn loài quỷ chốn giàu sang
Mong bạn đừng cười màsuy ngẫm
cái tên tự gọi LẠI PHIỀN HÀ.

Đặt chân lên bực cửa xe, tôi hỏi, "Anh là người dân tộc[7] à."

Hắn trả lời là người Kinh.

Tôi nhận định người Kinh ít ai họ Lại.

Hắn bỡ ngỡ một chút rồi cải chính đó là bút hiệu thi sĩ.

Tôi nói:

- Bút hiệu Lại Phiền Hà nghe lạ tai quá.

Hắn đáp:

-Trước kia lấy tên thật. Nhưng từ hồi phải lên đây lao động, các ông ấy ban cho bút hiệu này.

Tôi nói:

- Ban chức danh "Nghệ Sĩ Nhân Dân," "Nghệ Sĩ Ưu Tú" chứ ai lại ban bút hiệu. Hắn mỉm cười giải thích:

- Cứ mỗi lần tôi gửi một vài bài thơ nói lên cảm nghĩ của tôi về cuộc sống ngày nay cho báo ở tỉnh để nhờ cậy đăng thì mấy hôm sau Công An lại lên hạch hỏi. Chắc đi xe gắn máy lên đây cực nhọc quá nên thấy mặt tôi là mấy ông ấy than: "lại phiền hà!"

Tháng Giêng Tây, năm 2003.

Vợ chồng tôi và vợ chồng đứa con trai thuê xe từ Hội An ra Huế. Lên tới đỉnh đèo Hải Vân, trong khi hai cháu trèo lên chỗ cửa ải chụp hình và bà xã vào bưu trạm nay trông đã khang trang gửi thiệp, tôi đi dạo quanh kiếm người thi sĩ đỉnh cao. Số phụ nữ bán bánh kẹo và quà lưu niệm chỉ còn lèo tèo mấy người vì bây giờ đã có nhiều hàng quán ngăn nắp, nghe nói là của những người khá giả ở thành phố bỏ tiền xây dựng. Tôi đi vào khu nhà vệ sinh, vẫn nặng mùi, vẫn chỉ có hai ngăn nam nữ và vẫn chưa có vườn hoa cây cảnh.

Quay ra, tôi hỏi bà thu tiền có biết cái ông trước kia quét dọn khu này còn ở đây không. Bà thu một ngàn và trả lời không biết. Mấy chị bán hàng rong sốt sắng bàn tán sau khi tôi đã mua giùm người thì một gói đậu phụng, người thì một gói mè xửng, kẹo gương ..... nhưng không chị nào biết ông Lại Phiền Hà mấy năm trước phụ trách dọn dẹp nhà vệ sinh là ai cả!

Học Kỳ Xuân 2003

[1] Đèo Hải Vân, "thiên hạ đệ nhất hùng quan", thuộc tỉnh Quảng Nam, cách phía Bắc thành phố Đà Nẵng khoảng 30km (19 miles). Đỉnh đèo cao 496m (1600 ft). Đèo nằm trên một nhánh núi của rặng Trường Sơn đâm ngang ra biển Đông. Năm 2000, Nhật Bản hợp tác với Việt Nam đào hầm xuyên qua nhánh núi. Dự tính tới năm 2005, xe cộ sẽ lưu thông dễ dàng, nhanh chóng vì không còn phải vòng vo lên xuống đèo. (Theo sách Vietnam, nhà xuất bản Lonely Planet, Australia, phát hành năm 2001)

[2] "Phải gió": trúng gió độc, đau bệnh nên mất sáng suốt.

[3] "Cấp ủy": đảng viên Cộng Sản có quyền thế.

[4] Bị Công An mời đến cơ quan hỏi thăm công việc.

[5] Cảnh sát, công an hoặc quan chức nhũng nhiễu, tùy hứng buộc tội và định mức tiền nạn nhân phải nộp phạt để họ bỏ túi.

[6] Bẩy vẽ thêm các khoản chi phí để moi móc tiền bạc của dân.

[7] VN có 54 dân tộc, kể cả dân tộc Kinh. Người Kinh, thường được gọi là người Việt. Các sắc tộc khác được gọi chung là dân tộc ít người. "Người dân tộc" có nghĩa là người thuộc các dân tộc ít người.

CHẨN ĐOÁN VÀ VẤN ĐỀ THÔNG TIN XÁC SUẤT

NGUYỄN VĂN TUẤN

Đầu thế kỉ 20, Nhà văn Herbert George Wells, một cha đẻ của bộ môn tiểu thuyết khoa học giả tưởng, tuyên bố, "Nếu chúng ta muốn có một cộng đồng có học trong một xã hội công nghệ hiện đại, chúng ta cần phải dạy công dân ba điều: đọc, viết, và suy nghĩ thống kê." Ngày nay, trước thềm thế kỉ 21, xã hội đã tiến đến đâu trong cái chương trình giáo dục cộng đồng này? Trong xã hội chúng ta đang sống, trẻ em được dạy về cách đọc và viết, nhưng không được dạy về thống kê, và đó là một hiện tượng mà giới khoa học gọi là "dốt số" (innumeracy).

Ai trong chúng ta cũng có thể lấy ra vài câu chuyện để chứng minh cho câu phát biểu trên. Chẳng hạn như một chuyên gia dự báo thời tiết trên ti-vi nọ ở Chicago nói trên đài rằng "xác suất trời mưa vào ngày thứ Bảy là 50%, xác suất trời mưa vào ngày Chủ Nhật cũng 50%, do đó, xác suất trời mưa vào hai ngày cuối tuần sẽ là 100%." Trong một trường hợp gần đây, Tạp chí New Scientist cho biết một thanh tra trong cơ quan Quản lí thực phẩm và thuốc (Food and Drug Administration, Mỹ) ghé thăm một nhà hàng ở Thành phố Salt Lake nổi tiếng với món ăn có tên là "quiches" được chế biến làm từ trứng tươi. Người thanh tra nói với ông chủ nhà hàng rằng theo nghiên cứu của FDA, cứ mỗi bốn trứng, trứng thứ tư có vi khuẩn salmonella, do đó nhà hàng chỉ nên dùng ba trứng đầu để làm quiche. Chúng ta có thể cười cợt những trường hợp này bởi vì ai cũng có thể hiểu được một cách dễ dàng cái sai lầm trong cách lí giải của nhà dự báo thời tiết và người thanh tra, nhưng hai câu chuyện còn cho thấy một vấn đề nghiêm trọng khác. Khi trực diện với các vấn đề y khoa và luật pháp, xã hội cần cái giáo dục mà H. G. Wells từng kêu gọi từ 100 năm về trước, nhưng có dấu hiệu cho thấy hình như xã hội đã quên lời kêu gọi đó.

Sống với những bất định

Trước kia, với cuộc cách mạng khoa học, chủ nghĩa khẳng định (determinism) là một lí tưởng. Nhưng ngày nay, xã hội đã chuyển từ chủ nghĩa khẳng định, và chấp nhận điều kiện mà trong đó sự bất định là một điều không thể tránh khỏi.

Hãy lấy việc thử nghiệm HIV làm một ví dụ. Tài liệu của các cơ quan y tế thường được soạn với một văn phong rất khẳng định. Chẳng hạn như có tài liệu viết rằng nếu một người được thử nghiệm HIV và nếu kết quả thử nghiệm là dương tính, người đó coi như là nhiễm vi-rút. Nếu người được thử nghiệm HIV là một người bình thường, không có triệu chứng hay nằm trong nhóm có nguy cơ nhiễm HIV, một kết quả thử nghiệm như thế sẽ đem lại cho họ nhiều lo lắng, buồn rầu, thậm chí có thể dẫn đến tự tử. Nhưng thông tin về bệnh AIDS (và nhiều bệnh khác) được truyền đạt cho công chúng với một ảo tưởng như thế.

Trong thực tế, cứ mỗi cộng đồng với 10.000 người (những người không nằm trong nhóm có nguy cơ bị bệnh AIDS cao) thì có một người có vi-rút HIV, và nếu người này được thử nghiệm, kết quả thử nghiệm sẽ là dương tính. Phần còn lại (9.999 người), lại có một người khác sẽ có kết quả dương tính nếu đi thử nghiệm, nhưng đó là một kết quả dương tính sai (false positive). Trong trường hợp này, chúng ta có hai người có kết quả dương tính, mặc dù chỉ có một người thực sự bị nhiễm vi-rút. Biết và hiểu được những sự thật hết sức đơn giản như thế có thể phòng ngừa những tai họa khủng khiếp cho một cá nhân.

Ấy thế mà giới y khoa và ngay cả bệnh nhân, hoặc trực tiếp sản xuất, hoặc cần, những ảo tưởng như thế. Ai cũng biết (hay nghe đến) định luật của Benjamin Franklin: trên đời này, không có gì chắc chắn, ngoại trừ cái chết và thuế má. Nhưng khi giới thầy thuốc được hỏi thì họ lại cho một câu chuyện khẳng định hơn. Họ nói đại để rằng "Nếu tôi nói cho bệnh nhân rằng tôi không biết, họ sẽ cảm thấy lo lắng bồn chồn, do đó cách tốt nhất là không nói cho họ biết cái dốt của mình." Thành ra, một trong những nỗ lực hiện nay trong

các khoa giáo dục là tìm cách huấn luyện cho giới y khoa, luật khoa (hay giới chuyên môn nói chung) để họ trở thành những công dân trưởng thành và giúp họ truyền đạt những thông tin về sự hiểm nguy hàng ngày trong cuộc sống.

Cách diễn đạt thông tin đóng một vai trò quan trọng trong việc phổ biến sự hiểm nguy. Đại đa số dân chúng không hiểu xác suất, nhưng họ có thể hiểu những thông tin gần gũi hơn như tần số tự nhiên. Vấn đề này có thể giải quyết bằng một ví dụ như sau. Ở Mỹ và các nước Tây phương, phụ nữ thường được khuyên nên đi khám vú thường xuyên (bằng mammography hay quang tuyến X). Giả sử như nếu một phụ nữ đi khám lần đầu tiên và kết quả là dương tính. Phụ nữ này có lẽ hỏi bác sĩ "Kết quả này có nghĩa gì? Có đúng là tôi bị ung thư vú? Hay là xác suất mà tôi bị ung thư vú là 99%, 95%, hay 90% hay chỉ 50%?" Trong một nghiên cứu ở Đức, khi các bác sĩ, kể các các bác sĩ chuyên khoa về quang tuyến kinh nghiệm lâu năm, được hỏi câu này, một phần ba họ trả lời rằng với kết quả thử nghiệm dương tính, xác suất mà bà ta bị ung thư vú là 90%.

Tuy nhiên, câu trả lời đó sai. Trong một cộng đồng người da trắng, cứ 100 người trong độ tuổi 40-50, có một người bị ung thư vú (tức xác suất 1%). Nếu một phụ nữ bị ung thư vú, xác suất mà thử nghiệm cho ra kết quả dương tính là khoảng 90%. (Nói một cách khác, cứ 100 phụ nữ thực sự bị ung thư vú đi thử nghiệm, 90 người có kết quả dương tính, tức sai sót 10%). Nếu một phụ nữ không bị ung thư vú, xác suất mà thử nghiệm cho ra kết quả dương tính là 9%. Nói theo ngôn ngữ chuyên môn, độ dương tính thật (sensitivity) là 90%, và độ dương tính giả (false positive) là khoảng 9%.

Quay trở lại vấn đề: câu hỏi của người phụ nữ phải được trả lời như thế nào? Như tôi vừa đề cập, có đến một phần ba bác sĩ nghĩ rằng xác suất bà bị ung thư vú là 90%, một phần ba bác sĩ khác nghĩ rằng câu trả lời là giữa 50% và 80%, và một phần ba khác lại cho rằng xác suất là từ 1% đến 10%. Nên nhớ đây là những người có trình độ chuyên môn khá cao, với kinh nghiệm lâu năm, những người có thể quyết định phương án chữa trị cho bệnh nhân. Ấy thế mà giữa họ có một sự khác biệt rất lớn trong việc phán xét (từ 1% đến 90%!) và nếu bệnh nhân biết được sự khác biệt này chắc chắn họ sẽ không hài lòng. Tình hình này thực ra rất phổ biến trong các phòng thí nghiệm và trung tâm lâm sàng về ung thư. Tức là, khi người ta đối đầu với xác suất, tâm trí của họ gặp khó khăn trong việc phán đoán.

Bây giờ, thay vì thể hiện tình hình trên bằng xác suất, hãy thử trình bày nó bằng một tần số tự nhiên. Giả dụ như một cộng đồng gồm 100 phụ nữ. Trong số này, theo thống kê, có một người bị ung thư vú (tức là tỉ lệ 1%), và nếu phụ nữ này đi thử nghiệm, chị sẽ có kết quả dương tính (với xác suất 90%). Số 99 người còn lại không bị ung thư, nếu đi thử nghiệm, có khoảng chín người có kết quả dương tính. Do đó, tính chung, có 10 người có kết quả dương tính. Bao nhiêu người trong số này thực sự bị ung thư vú? Trả lời: một. Tức là 10%. Không phải 90%. Không phải 50%. Cũng không phải 1%.

Con số 10% có làm cho chúng ta hoang mang hay không? Câu trả lời còn tùy thuộc vào hoàn cảnh từng cá nhân và tình thế cụ thể, nhưng nói chung là một xác suất dưới 50% chưa phải là yếu tố để chúng ta phải đi đến những quyết định nghiêm trọng có ảnh hưởng về lâu về dài. Ấy thế mà có thể có người đã đi đến những quyết định không tối ưu. Theo một nghiên cứu gần đây trong cộng đồng người Việt ở bắc California, trong số những phụ nữ gốc Việt được chẩn đoán là bị ung thư vú, 64% họ cắt bỏ vú (masterectomy), trong khi đó tỉ lệ cắt bỏ vú trong cộng đồng người Mỹ da trắng chỉ 50%, hay trong phụ nữ gốc Trung quốc là 56%. Bao nhiêu phụ nữ gốc Việt đã có chẩn đoán ung thư vú sai (dương tính giả)? Hậu quả tâm lí của việc chẩn đoán sai ra sao? Tại sao tỉ lệ cắt bỏ vú trong cộng đồng người Việt cao nhất trong tất cả các cộng đồng sắc dân? Chưa ai biết câu trả lời chính xác cho các câu hỏi này, nhưng thiếu thốn thông tin và khả năng phán đoán có thể đóng một vai trò quan trọng.

Ung thư tuyến tiền liệt là một dạng ung thư khác mà kết quả thử nghiệm cũng không chắc chắn. Ở các nước như Mỹ và Âu châu, giới y tế khuyên đàn ông tuổi từ 40 đến 50 nên đi thử nghiệm có tên là PSA (viết tắt từ chữ Prostate-Specific Antigen). Đây là một phương pháp thử nghiệm rất đơn giản, bác sĩ chỉ chỉ cần lấy vài mililitre máu và gửi đi một phòng thí nghiệm, vài giờ sau sẽ có kết quả ngay. Điều thú vị ở đây là phần lớn những đàn ông từng đi thử nghiệm PSA lại không biết gì về lợi ích cũng như chi phí của thử nghiệm PSA. Đây là một ví dụ tiêu biểu về sự tin cậy vào y khoa quá đáng, hay tin tưởng vào những lời đồn đại, vì khi điểm qua những nghiên cứu trong giới chuyên môn về ung thư, ai cũng có thể thấy rằng phương pháp thử nghiệm này chẳng đem lại lợi ích gì trong việc làm giảm xác suất tử

vong trong cộng đồng. Nói một cách khác, hiện nay, chưa có bằng chứng cụ thể về lợi ích của thử nghiệm PSA. Thực ra, có bằng chứng nghiên cứu cho thấy thử nghiệm PSA có thể gây tổn hại, hơn là đem lại lợi ích, cho bệnh nhân. Phương pháp thử nghiệm này có một độ dương tính giả khá cao. Nếu một người đàn ông đi thử nghiệm nhiều lần, xác suất mà kết quả thử nghiệm cho rằng ông bị ung thư tuyến tiền liệt khá cao, dù trong thực tế ông chẳng bị ung thư. Nó cũng giống như một loại còi báo động giả vậy, và người đàn ông phải sống trong lo sợ suốt đời.

Đối với những người bị ung thư, giải phẫu là một phương pháp điều trị, nhưng giải phẫu thường làm cho bệnh nhân mất khả năng kiềm chế (incontinence) hay bất lực, hai biến chứng rất quan trọng đến cuộc sống của một người đàn ông. Vì lí do đó, cơ quan phòng chống ung thư Mỹ viết rất rõ ràng trong báo cáo của họ là đàn ông không nên và không cần phải đi thử nghiệm PSA vì không có bằng chứng thuyết phục nào cho thấy một thử nghiệm như thế đem lại lợi ích sức khỏe cho họ. (Tôi sẽ quay lại vấn đề này trong một bài sau).

Đó một vấn đề hết sức khó hiểu trong một thế giới mà học sinh 12 tuổi còn biết đến thống kê, ấy thế mà người lớn lại không hiểu những điều rất căn bản về thống kê, thử nghiệm, bệnh tật, và hậu quả của chữa trị. Tại sao? Một lí do có thể dùng để giải thích cho hiện tượng này là những cân nhắc về lợi hại của giới y khoa không tương đồng với cân nhắc của bệnh nhân. Không thể và không nên đơn giản đổ thừa cho giới thầy thuốc rằng họ không chăm sóc bệnh nhân cẩn thận, vì trong thực tế, họ phải đối đầu với một khả năng là nếu họ không khuyến cáo bệnh nhân tham gia vào những đợt thử nghiệm PSA và nếu bệnh nhân bị ung thư, thì bệnh nhân có thể sẽ kiện họ ra tòa. Lí do thứ hai: giới thầy thuốc là thành viên của một cộng đồng, họ có những kiêu hãnh về chuyên môn, và nếu họ không phát hiện được ung thư họ sẽ cảm thấy rất xấu hổ, và chắc chắn không một bác sĩ nào muốn có một thành tích như thế trong hồ sơ chuyên môn của mình. Lí do thứ ba: có một bộ phận trong giới y khoa có lợi ích tài chính trong việc thử nghiệm, vì chính họ là chủ những phòng thí nghiệm, và có nhiều thử nghiệm cũng có nghĩa là tăng nguồn thu nhập và lợi nhuận. Một người thầy thuốc có ý thức luôn giải thích cho bệnh nhân những lợi và hại trong thử nghiệm, và dành quyền quyết định cho bệnh nhân.

Nhưng ai biết được? Giảo nghiệm tử thi (những người chết không phải vì ung thư tuyến tiền liệt) cho thấy cứ ba hay bốn người thì có một người bị ung thư tuyến tiền liệt. Ai cũng có, không ít thì nhiều, một vài bướu ung thư. Nếu ai cũng đi thử nghiệm PSA và phương pháp thử nghiệm này phát hiện ung thư, thì sẽ có rất nhiều đàn ông phải sống trong lo sợ, phập phồng, và buồn rầu vì biết mình bị ung thư (dù ung thư này chẳng làm cho họ chết). Đây là những sự thật hết sức đơn giản mà nhiều đàn ông trong các nước Âu Mỹ không nhận ra.

Tìm hiểu cách tiếp nhận thông tin

Thành ra, khi đối diện với những xác suất, vấn đề cần được hiểu là con người đi đến một quyết định như thế nào. Theo lí thuyết quyết định (Decision theory), những quyết định dựa trên lí trí dựa vào cái mà giới tâm lí học gọi là phép tính thiết thực bình quân (expected utility calculus). Chẳng hạn như trong kinh tế học, một quyết định quan trọng như chọn vợ/chồng, hay mua cổ phần

TRẦN HOÀI THƯ

THẬT XA

Khi một người bỏ đi thật xa
Sợi tóc sâu mọc dài nỗi nhớ
Con sóc nhỏ gặm hoài trái khổ
Người đi rồi nức nở mùa thu
Thì người đi, không biết tôi đau
Sáng trở lạnh dạ mền cảm cúm
Con sáo xưa, bỏ lồng xanh tím
Sáo bay rồi, trời đất mênh mông
Lòng tôi đây, lụt lội mạn nguồn
Giữa đất khách thuyền đâu cập bến...
Thôi đành giữ trong lồng, kỷ niệm
Một nhành bông nguyệt quế, héo khô

thị trường, người ta thường hay xem xét những hậu quả của quyết định đó, gắn cho những hậu quả này một giá trị xác suất, rồi cộng tất cả các giá trị này lại, và họ sẽ chọn một quyết định với tổng giá trị cao nhất. Giới tâm lí học cho biết lí thuyết này được ứng dụng rất phổ biến, và họ cho rằng con người hành xử theo phương án này để đi đến những quyết định.

Khi con người quyết định dựa vào một lí do chủ yếu (và lờ đi những lí do khác), câu hỏi cần được đặt ra là trong môi trường nào tâm trí con người đi đến một quyết định như thế. Lấy một ví dụ đơn giản, hãy tưởng tượng rằng anh A đang tìm vợ; theo lí thuyết, A sẽ cân nhắc mọi hậu quả, khả năng, và lựa chọn, và gắn vào mỗi hậu quả một xác suất. Giả dụ như cuối cùng thì A cũng chọn được một người để đề nghị làm đám cưới, nhưng người này đã có chồng và chồng cô ta chẳng tốn công tính toán, nghiên cứu như anh A, mà họ chỉ yêu nhau. Ở đây, vai trò của cảm tính, của tình cảm rất quan trọng. Tình yêu, dù là tình yêu lãng mạn hay tình yêu vì tương lai con cái, giúp cho con người có bổn phận phải sống bên nhau và chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm có thể đóng một vai trò tương tự như vai trò của sự nhận thức. Chẳng hạn như sự ghê tởm có thể làm cho con người không dám ăn uống nhiều, và làm cho sự lựa chọn của con người trở nên đơn giản hơn.

Do đó, trong thực tế, phần đông quần chúng không hành xử theo mô hình tính thiết thực bình quân. Có thể mô hình hóa những quyết định của con người bằng một thuật toán có thể gọi là phương án hà tiện (frugal heuristics). Thỉnh thoảng phương án này nhanh hơn, và cũng tiết kiệm thì giờ hơn. Chẳng hạn như đứng trước một quyết định phải chọn một trong hai việc làm, người quyết định phải nghĩ đến những hậu quả hay ảnh hưởng cá nhân về lâu về dài. Công việc làm mới có đem lại nhiều thu nhập hơn không, có làm cho họ nổi tiếng hơn không, con cái họ có cơ hội theo học trong các trường có tiếng không, v.v... Tuy có nhiều hậu quả như thế, nhưng khi quyết định, người ta có khi chỉ dựa vào một lí do chủ yếu.

Phương án hà tiện có khi rất hữu hiệu trong thực tế. Một nghiên cứu tâm lí xã hội gần đây minh chứng cho phát biểu này. Khi người Anh được hỏi giữa hai thành phố, Hanover và Bielefeld ở Đức, thành phố nào có nhiều dân hơn, phần lớn họ trả lời là Hanover, và câu trả lời này đúng. Nhưng khi người Đức (sống ở Đức) được hỏi một câu hỏi tương tự, hầu hết họ đều cảm thấy lưỡng lự và không biết chọn thành phố nào! Những người Đức này, dĩ nhiên, là đã từng nghe nhiều về hai thành phố, và họ cố gắng tìm kiếm thông tin trong trí nhớ để đi đến quyết định. Trong khi đó, người Anh ít khi nào nghe đến Bielefeld, mà chỉ nghe đến Hanover, nên họ chọn thành phố nổi tiếng hơn. Trong trường hợp này, ít thông tin có hiệu quả tích cực hơn là nhiều thông tin.

Một phát hiện như thế (nhưng được tiến hành một cách đảo ngược) cũng được ghi nhận ở Mỹ. Khi các nhà nghiên cứu hỏi người Mỹ giữa San Diego và San Antonio, thành phố nào đông dân hơn, khoảng hai phần ba sinh viên thuộc Đại học Chicago trả lời đúng: San Diego. Nhưng khi họ hỏi các sinh viên ở Đức, những người ít nghe đến San Diego và càng ít người nghe đến San Antonio, một câu hỏi tương tự, 100% sinh viên trả lời đúng. Bởi vì họ chưa bao giờ hay ít nghe đến San Antonio, do đó, họ chọn San Diego. Đây là một trường hợp lí thú của phương án hà tiện, khi mà con người với một hạn chế về thông tin và tri thức có khả năng phán đoán chính xác hơn những người có nhiều thông tin. Lí do mà phương án này có hiệu quả là vì trong thực tế, có một mối tương quan giữa sự nhận thức danh tính và những đặc tính như dân số. Chúng ta đã từng nghe đến một thành phố, bởi vì thành phố đó có một sự kiện nào đó xảy ra. Nó không phải là một chỉ số về sự chắc chắn, nhưng là một kích thích có giá trị.

Do đó, quyết định của con người thường dựa vào cái gọi là lí trí có giới hạn (bounded rationality), chứ không phải lí trí vô giới hạn. Một số nhà kinh tế học đã từng nghiên cứu sự ảnh hưởng của lí trí có giới hạn trong việc quyết định (mà họ gọi là tối ưu hóa trong điều kiện có giới hạn (optimization under constraints), và một số trong nhóm này đã từng được trao giải Nobel. Ai cũng biết con người không có tài lực bất tận, và cũng không có thời gian vô hạn. Trong điều kiện như thế, con người chúng ta nói chung thường chỉ dùng một số ít thông tin để đi đến quyết định.

Ý nghĩa của những nghiên cứu này có giá trị thực tế trong vấn đề truyền đạt thông tin chẩn đoán cho bệnh nhân. Xác suất là một chỉ số toán học, một ý niệm trừu tượng, và có giá trị cho một quần thể; nhưng đối với một cá nhân, con số xác suất trở nên vô nghĩa. Tuy nhiên, con số xác suất có thể giúp cho chúng ta có một quyết định sáng suốt và tối ưu trong điều kiện hạn chế thông tin./.

KHÔNG CÓ GÌ, PHÍA SAU

HỒ MINH DŨNG

Cha mẹ tôi, lúc đầu, sinh toàn con trai. Mẹ tôi buồn, mong sinh được con gái. Cha tôi an ủi: "Có hoa mừng hoa, có nụ mừng nụ." Mẹ tôi không chịu: "Có nếp phải có tẻ." Hai người không sinh sự với nhau, nhưng mẹ tôi hành động theo cách riêng: đi cầu tự.

Cầu tự là phương cách cuối cùng của người vô sinh, xin với lực lượng thần thánh để được sinh một mụn con trai nối dõi tông đường. Mẹ tôi đã có con trai rồi thì công việc nầy không hợp lý. Mẹ tôi biết, nhưng vẫn biện bạch lý lẽ, rồi làm một cách nhiệt tình.

Công việc của mẹ tôi như sau:

Thay vì đến các đền miếu thiêng, mẹ đến một nơi có tiếng huyền bí trong làng. Đó là tảng đá lớn bằng ba bốn người ôm nằm dưới bụi cây rậm, không biết cây tên gì, thấy có những đọt mềm mại vươn lên, nên người ta gọi là vòi voi. Hình thể tảng đá nầy giống đàn bà, không mặc áo, nằm ngửa, không đầu, không chân, chỉ từ hai vai xuống bẹn. Phía trên có hai ụ nhô lên như hai cái vú. Phía dưới cùng có một lỗ sâu. Óc tưởng tượng dù kém cõi mấy, cũng có thể hình dung ra được, đó là nơi sinh sản của giống cái. Người ta gọi tảng đá nầy là Đá Bà.

Thiên hạ đồn, trước đây, trong làng xã đã có người ế vợ, ở góa, vợ bỏ, say rượu hay trai tráng mạnh khỏe mới lớn chưa kịp lấy vợ, lúc hoàn cảnh bức bách, có đến làm chuyện không hay với Đá Bà.

Có một thời, để duy trì thuần phong mỹ tục, hội đồng hương chính làng tôi đã cho đóng nêm gỗ cứng vào lỗ và cho người thợ hồ dùng đục, đục bớt hai vú cho nhỏ đi. Nhưng kẻ đục bị dăm đá bắn lên làm mù một mắt. Chẳng bao lâu sau, trong làng sinh ra nhiều tai ương, mất mùa, trộm cướp. Đàn ông xóm trên xóm dưới, vô cớ chia phe đánh nhau chí tử bằng cán cuốc, đòn xóc bể trán u đầu hàng tháng không ai can nổi.

Một bà góa ít nói trong làng, đang gặt lúa, bỗng lấy vạt áo che mặt, lên đồng, thay lời thần linh cho biết đẽo vú, lấp lỗ, là chuyện xâm phạm đời tư của đá, họa vô đơn chí còn giáng dài dài. Các cụ lại hối hả mổ lợn giết gà mang đến cúng và cho người chột khi xưa đục đến bết xi măng vào vú và gỡ vật lấp ra.

Khi mẹ tôi đến thì hình thể Đá Bà nhạt nhòa vì mưa gió mùa đông năm trước bào mòn sạch sẽ rêu mốc, làm cho tấm thân trần trụi, phơi bày, tăng thêm phần linh thiêng. Ngoài của vật tự tạo, mẹ tôi còn ăn chay niệm Phật, giữ mình thanh khiết cả tháng để mong tấm lòng thành động đến tâm quỷ thần.

Phẩm vật mẹ tôi mang đến không kém phần chu đáo: Chín miếng trầu cau têm hình cánh phượng. Một con gà trống luộc bắt tréo hai cánh lên để đỡ cái đầu cho ngỏng cao như đang đà gáy sáng. Chín quả trứng gà vỏ đỏ để xin sinh con gái da dẻ hồng hào. Một đĩa cá thoi loi chiên dòn mong con ngày sau như loài cá nầy, sống lặn ngòi ngoi nước âm thầm trong ao đầm, nếu hiện tượng thủy văn có đột ngột thay đổi cũng không chết sớm như cá thát lát, cá thiều. Hai nải chuối chín cây mẹ mua tận vườn nhà cháu chắt quan lại. Ngoài ra, mẹ còn bắt tôi đội theo cái mâm thau, trên có một con cua gạch trói chặt càng, giết chết bằng cách cắm cây đinh sắt xuyên bụng, để xin sau nầy sinh con không sinh ngang. Một mớ ốc, hến, sò ngâm chết trong nước vôi, cầu xin cho con lớn lên gọn gàng, không lôi thôi, dãi nhớt, và một cái cọc nhọn nhỏ đã nhờ người khác họ với tôi cắm xuống chuồng heo, rồi nhổ lên, sau nầy đặt dưới gầm giường cho đứa trẻ khỏi khóc dạ đề.

Cha tôi cho việc nầy là không đúng, tốn kém. Nhưng cũng chìu để mẹ tôi yên lòng. Ông hoàn toàn thụ động, được mẹ tôi chỉ định nách theo chiếc nôi đan toàn tre cật. Trong nôi có chiếc trâm đẽo bằng rễ cây cam thảo, mấy cây kim cắm vào cuộn chỉ, một dải vải màu để làm quai nón lá, một chiếc lược sừng trâu răng bên dày, bên thưa, một mảnh gương soi lồng trong khung hình trái tim và chiếc áo dấu có in hình Quan Công, Phục Ba tướng quân để đứa bé sinh ra mặc

khỏi bị tà ma theo dõi, quấy phá. Toàn là những thứ trang bị cần thiết cho một đứa bé gái sắp sửa chào đời.

Không biết nhờ cụ đồ nho ở làng nào, viết cho mẹ tôi một tờ sớ xin sinh con gái thống thiết, xúc động:

"Kính cẩn nghiêng mình trước uy Đá Bà,

Tôi người nữ, tên Hiếu, họ Ngô, quê quán tại X thôn, Y xã, Phú Vang huyện, Thừa Thiên tỉnh, Việt Nam quốc, đến đây xin trải tấm tình thiệt dâng lên. Phẩm vật thô sơ nhặt góp vội vàng nơi hoang dã mà lòng thì đẽo gọt hết gai góc rồi. Tôi lấy chồng hơn hai chục năm chỉ sinh toàn nam. Bầu trời lồng lộng kia hừng hực nhờ có thái dương, thái âm. Giải ngân hà hun hút nọ sáng ảo mờ nhờ có sao đực, sao cái. Huống chi lòng tôi chật hẹp, gia đạo nhỏ nhoi, mỏng bạc mà không có âm dương kết tinh thì sợ có ngày tình thâm tan tác, rơi rụng. Tôi ăn không dám đụng đến miếng ngon, ngủ không dám kê gối mềm, mong có một mụn con gái. Việc nầy vợ chồng tôi đây, ở dương gian, không làm được, nên đến níu chân cầu cứu Đá Bà đây.

Tâm xấp xỉ nhà Phật, xưa nay tình Bà chưa đoạn với ai, nay đến phiên tôi, mong đừng bỏ qua lời tôi khấn như nước chảy đầu vịt."

Khấn xong, mẹ tôi cúi sạp lạy nhiều lần và thì thầm cầu xin thêm. Cha tôi đốt hương cắm vào bát sành đặt ngay giữa bụng đá, rồi rải chín miếng trầu chung quanh. Cha tôi thận trọng cố đừng để một miếng nào lọt xuống lỗ.

Xong đem tất cả của lễ về.

Trên đường về, đi năm bảy bước, mẹ tôi dừng chân, quay lại, đưa tay lên ngoắt. Rồi thòng cánh tay ra trong tư thế đỉnh đạc dắt người.

Cha tôi nói:

- Mợ bây đọc bài sớ có câu hớ rồi, sợ không linh ứng. Đá Bà có chân đâu mà níu?

Đôi mắt còn ngấn lệ của mẹ tôi quắc lên:

- Đối với phép tắc thần thánh thì chân tay mọc ra mấy hồi, sao chưa chi ông thốt lời cản trở?

Cha tôi ờ ờ cho qua chuyện. Chân mới chạm đến sân nhà, mẹ tôi la lớn: "Chúng bây đâu, ra đón em vô." Các anh tôi ngơ ngác không hiểu gì, thì ra mẹ tôi tưởng tượng đã có một đứa con theo về.

Từ hôm đó, trong bữa ăn, mẹ tôi đơm thêm chén cơm, so đôi đũa để bên mâm. Khi ăn, thỉnh thoảng mẹ liếc mắt qua, âu yếm thì thầm: "Ăn đi con, ăn cho no!" Đi đâu xa, phải lên xe xuống đò mẹ đều trả hai xuất tiền. Đến mùa khí hậu thất thường, xóm thôn có nhiều người cảm mạo, mẹ lo đi kiếm lá sả, lá khuynh diệp, hương nhu về để dành xông cho đứa con còn vận hành đâu đó trong cõi hư vô.

Ngày ấy, tôi còn thơ dại, thấy cha mẹ mang đồ cúng về lòng khấp khởi mừng.

Mẹ tôi xé nhỏ con gà bóp rau răm, bổ chín trứng ra thành nhiều miếng nhỏ, nấu thêm xôi, chè, chia đều, đem đi biếu lối xóm lấy thảo. Riêng những thứ trong nôi và mâm của tôi đội thì đem ra đầu hồi đốt, chỉ chừa lại cái gương, cái lược để mẹ tôi dùng hàng ngày giữ lại hơi hám cho con gái sau nầy.

Khi lửa cháy đến cua, hến, ốc, sò toát ra mùi thơm quyến rũ, tôi xin mẹ khều ra ăn, mẹ tôi đanh giọng, "Đồ nầy thuộc về thần, không phải người."

Nửa năm sau, mẹ tôi mang bầu.

Chín tháng mười mấy ngày thì sinh con. Đúng là con gái thật.

Ông đồ viết sớ ngày trước được mẹ đem nhiều phẩm vật hậu tạ và xin đặt tên, ông ấy bảo đặt tên Thạch, để nhớ ơn Đá Bà.

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

NHƯ BÓNG

gặp người xưa lại
một chiều mưa êm
tim yêu chợt xót:
duyên người đã yên

đây hồn em mềm
đây vai em xuôi
người qua, cứt bước
em buồn đã quen

sông nào chẳng sóng
sóng chẳng là sông
tình yêu như bóng
nhập nhòa sắc không!

*

Trong bốn người con trai của cha mẹ tôi, tôi út, được cha mẹ cho lên tỉnh học. Còn các anh chỉ học hết các lớp trường làng, rồi sau đó, theo nhau lang bạt kỳ hồ.

Khởi đầu là anh cả tôi, sau khi cưới vợ được một năm thì lên đường. Anh tôi không chuẩn bị gì cho chuyến đi, nhưng lời anh nói ra, ai cũng nghĩ là anh đi luôn. Trong bữa tiệc nhỏ gọi là đãi bạn bè trước khi chia tay, anh lên tiếng: "Làng nầy toàn cát mun, khoai sắn là loại thực vật dễ trồng mà cũng không ngóc đầu lên nổi. Tôi liều thân đi kiếm một nơi khoai sắn ngóc đầu nổi."

Chị dâu tôi bàng hoàng, hỏi:

- Mình đi có cho em theo?

Anh trả lời dứt khoát:

- Đất đai thời nầy không dễ kiếm, khi nào kiếm ra, tôi nhắn em theo.

Mẹ tôi khóc:

- Tìm ra đất, con gắng về thăm một chuyến, rồi đem vợ đi. Tìm đất tốt khó, tìm vợ tốt cũng khó.

Anh thứ hai hưởng ứng:

- Phải đó anh, con ong bay xa mới kiếm ra mật. Nếu thuận lợi, cho bọn em theo luôn.

Anh cả không nói gì. Mẹ quay qua cha tôi đang ngồi trầm ngâm giữa đám khách đông:

- Con ông tự tiện bỏ nhà đi, ông không có một tiếng để nói à?

- Biết nói chi - cha tôi rầu rĩ, sinh con ra nuôi lớn rồi, bây chừ quyền nó. Tôi có buồn, là buồn tổ tiên trụ vào chỗ đất không lành nên chim không đậu.

Sáng hôm sau, anh tôi đi sớm, chỉ có mẹ, chị dâu và tôi tiễn anh ra bến đò. Bến đò làng tôi nằm cuối con hói mùa nước cạn, chỉ có người đưa đò chống chiếc đò chở đồ đạc, còn hành khách phải đi trên đê cho đến khi ra sông lớn rồi mới xuống đò.

Chị dâu tôi theo bén gót chồng, hai người có nói với nhau gì thêm nữa tôi không biết. Mẹ tôi thì nhìn qua bên kia cánh đồng xa tít, một dãy núi non chập chùng và chân trời mịt mù phía đó, gợi lòng mẹ hình dung thêm sự đau buồn của đứa con đi xa, không biết đi đâu.

Khi bước xuống đò, anh tôi nói với tôi: "Chú em còn nhỏ, ráng học. Sau nầy không như anh, bỏ làng đi."

Đến khi đò xa hút, chúng tôi trở về. Chị tôi nện hai lòng bàn chân xuống đê như trút nỗi hờn căm.

Cha tôi cũng buồn bã nói với tôi một câu, ý tương tự như anh tôi vừa nói: "Mi lo mà học, có học, có việc làm ăn, không lo chim lìa tổ. Dốt, chỉ có việc nặn cứt heo ở đình làng."

Hai anh còn lại của tôi chờ mãi không có tin anh cả, lần lượt đâm đơn đi lính. Đi lính thời ấy cũng là phương kế làm ăn, nhưng cha mẹ tôi yên lòng hơn vì có nơi để đi.

Xác lính chở về quê quán đương nhiên được đặt dưới tiền đường đình làng có đốt trầm hương rồi mới đem chôn, hồn tử sĩ được nhận là có quan hệ huyết tộc, trong cõi u minh lúc nào muốn ghé vào đình hưởng hương khói cũng được.

Chiến tranh ngày càng khốc liệt, trai tráng trong làng đi lính chết gần nửa, nhưng hai anh tôi không hề hấn gì. Lâu lâu về phép, lại hí hửng kể cho bà con lối xóm nghe những chuyện vui tai ở tiền tuyến mà người hậu phương không thể nào biết được. Hình ảnh sự hủy diệt, tàn phá khốc liệt của

chiến tranh mà hai anh mang về còn mờ nhạt hơn những tin đồn tai họa khủng khiếp phía những người khước từ bản quán tha phương cầu thực.

Đi đúng hai năm, anh cả tôi về. Có mang theo một cô vợ bé.

Câu nói đầu tiên của anh là: "Dân gian truyền câu ngựa phi có hồi quay cổ, không sai. Từ nay, nhất quyết tôi không đi đâu nửa bước. Người bỏ làng đi, thua đi lính ở điếm, rủi chết thì xác vùi đường dập xó."

Chuyện anh cả về, gia đình tôi, họ hàng nội ngoại đều vui. Ai cũng tưởng chị Hạ (tên chị dâu) là người duy nhất không vui. Nhưng không, chị ấy cũng vui.

Sau nầy tôi mới biết, khi xưa hai người mới yêu nhau, một lần ngồi trên động cát, dưới ánh trăng hạ huyền, đem chuyện trăm năm ra thề nguyền. Anh có nói: "Dòng họ tôi bao đời rồi, phái nam phần nhiều hai vợ trở lên, nếu mai kia, tôi cầm lòng không đậu, có hai vợ thì em đừng buồn." Vốn bản tính hiền lành, khoan nhượng, chị Hạ nói: "Có ham hố đèo bòng, thì đèo thêm một mống thôi nghe." Đó là lời giao ước thuở ban đầu mà chị Hạ còn giữ đến ngày anh tôi "cầm lòng không đậu."

Người anh tôi đem về cũng tên Hạ. Để phân biệt, trong gia đình tôi nhất trí gọi chị đầu là Nhất, chị sau là Nhị.

Chị Nhị quê ở Miền Nam, cũng hiền lành, chất phác, độ lượng, yêu mến quê chồng và thực hiện đúng câu tục ngữ "ở ống thì tròn." Cũng vì chị ấy quá đỗi tin người nên bị anh tôi dùng lời ngon ngọt dụ dỗ đến thất thân. Anh tôi định giở trò xưa của Sở Khanh, chị biết được, chặn họng: "Anh chỉ có một cái miệng mà đã nói lời bất nhất, giả dụ như ông trời sinh ra anh hai cái miệng, thì thiên hạ có ai dám nhìn mặt anh." Câu nói tuy không nặng, nhưng làm cho anh đau lòng, tỉnh ngộ và quyết định đem chị ấy về làng. Còn điều có vợ rồi thì anh không dám nói ra, chờ khi về đến bến đò làng, mới ướm ý:

- Em theo anh ra thấu đây là đã chấp nhận ăn đời ở kiếp?

- Phải.

- Có dao búa nào chia lìa được không?

- Không.

- Vậy thì xin lỗi em nhé.

- Còn gì nữa đây, anh?

- Anh đã có một vợ rồi.

Chưa kịp thấm đòn, nước mắt chị đã chảy dài xuống má, miệng chị há rộng ra như sắp ngáp. Nhưng chỉ một lát, chị trấn tĩnh được:

- Chị ấy bây giờ đâu?

- Ở nơi anh đem em về.

- Anh nói thiệt à?

- Thiệt.

- Sao không cho em biết sớm?

- Sợ em bỏ anh.

- Nếu biết cơ sự thế nầy thì em không nỡ dứt tình cha mẹ mà theo không anh đâu. Dại lỡ rồi. Chỉ mong anh coi chị ấy là gốc, em nhánh. Đừng bắt chước thói đời có trăng phụ đèn.

Đến cổng nhà, chị Nhị lại nói:

-Báo trước, đến lúc nào anh "quen mui thấy mùi ăn nữa" thì em về quê. Anh đừng tưởng xa vạn dặm mà em không nhớ đường về đâu nhé.

Chị gia nhập gia đình tôi, tự đặt mình thuộc tầng lớp thấp, làm lụng tất bật suốt ngày để quên đau buồn thường tình của nữ giới và mong chung quanh hiểu cho, con người, đều do số phận khuynh đảo, chẳng khác chi bèo, bọt ngoài biển lớn. Chị làm cả công việc mà quê chị không có như xuống ruộng sâu, nước lút đến tận cổ, cào rong, gánh lên bón sắn khoai hay cuốc đất trồng hoa màu trong vườn đến nỗi hai bàn tay chị sưng trấy lên phải bôi vôi, lấy vải quấn lại. Gia đình chị khá giả, công việc nặng nhọc chưa từng làm, nay vì chồng, chị làm hết thảy, việc nào cũng cần cù, nhẫn nại, khi mệt lắm, mới tìm bóng mát nghỉ. Lúc nào chị cũng ngồi quay mặt về Phương Nam. Trong nhà chỉ có tôi biết phương ấy là quê nhà của chị, chị nhớ về.

Chị Nhất cũng là đàn bà, thấu hiểu hoàn cảnh nầy, nên cứ suy đi nghĩ lại mãi mình nên thương hay ghét một người khi không bỏ vô ao đời mình những chuôm chà vô lối. Một hôm hai người rủ nhau đến ngồi dưới bụi mía lau nói chuyện. Chị Nhất mở đầu:

- Em ngủ nhà dưới có buồn không?

Chị Nhị khiêm tốn:

- Buồn chi chị ơi, chỗ ngủ của em, nếu chị không dung, thì phải ngoài hè.

- Em đừng nghĩ thế mà chị mang tội. Mình là đàn bà cả, đàn bà sa chân khốn như con nai con lạc về đồng nội. Biết đâu kiếp sau, chị cũng sa chân, mà sa... đau.

- Cám ơn chị.

Một lát, chị Nhất lại nói:

- Từ nay luân phiên nhau lên ngủ nhà trên nhé.

Chị Nhị từ chối:

- Em bây giờ ở với ảnh vì nghĩa cũng được.

Nếu ai ép em làm chuyện chị không vui, thì em xin đi. Ai cũng tưởng em, xa xôi quá, quên đường về. Em không quên.

Anh thứ hai tôi về phép, thấy chị Nhị đẹp, da trắng nõn, cơ thể tròn trịa, ăn nói cẩn trọng, duyên dáng, lại chí thú làm ăn, mà bị đối xử rẻ rúng, tuổi hoa xuân tựa hồ như trên đường vùi dập, nên thương thầm, rồi nẩy sinh tà ý, tính chuyện chiếm. Khởi đầu là tấn công anh cả:

- Quyền huynh thế phụ, tôi không dám dùng lời thất lễ với anh. Nhưng công việc anh làm sau chuyến đi xa về là của phường trôi sông lạc chợ. Tôi đại diện cho những đứa con còn lại của cha mẹ, vừa phản đối, vừa lên án anh.

Anh cả quát:

- Chú là em, không được hỗn.

Mẹ tôi nghe anh em to tiếng với nhau, từ trong bếp chạy ra can:

- Bọn bây, khúc ruột nối nhau, chém nhau không được chém đầu lưỡi.

Khi nói câu nầy, khuôn mặt mẹ tôi méo mó dị thường làm cho hai anh tôi tạm thời tản mác, nhưng chỉ một lát sau lại rủ nhau ra đầu hồi gây tiếp.

Cuối cùng, anh cả tôi xuống giọng:

- Em nói có phần đúng. Lỡ rồi biết làm sao đây?

- Đời, ai cũng có một đôi lần lỡ. Nhưng lỡ lời mới chữa không được, lỡ chân chữa được. Anh ở dạng lỡ chân.

Anh cả biết đứa em xông pha nơi đầu tên mũi đạn, sống rày chết mai, nên không nói gì thêm, lại cho mình là người có lỗi, nín thinh.

Anh thứ thấy anh cả xuống nước, liền quay ngọn kích qua mục tiêu chính. Anh viết một bức thư không dài nhưng lâm ly bi đát nói lên nỗi thống khổ của một thanh niên chưa vợ lăn lộn trong lửa khói, anh còn ví chị như một đóa hoa rừng đẹp, (sim, muông, tu hú, v.v. chẳng hạn). Rất có thể mai đây, những ngày xa chị, tay ghì súng siết cò nhả đạn rầm rầm về phía quân thù, mà mắt còn dõi theo sự chuyển động rạng rỡ của từng cánh hoa ấy. Cuối thư, anh gút lại, nếu chị bỏ chồng yêu anh, thì anh sẽ xin đổi về Miền Nam chiến đấu và đem chị theo luôn. Anh cam đoan thêm, trong quá trình làm chồng sau nầy, quyết không có tiếng bấc tiếng chì.

Đọc xong thư, chị Nhị đem chuối vào đống trấu đang cháy. Cắn răng, không cho chồng biết. Chỉ tìm gặp anh hai, nói gọn một câu:

- Thân tôi đây, đến chết cũng là chị của chú.

Anh hai nghe, chợt tỉnh, hối hận, rút bớt chuyến phép, vội vã về đơn vị. Chỉ mấy tháng sau, anh xin đổi về Miền Nam. Chẳng bao lâu, anh viết thư ra thăm và báo tin đã cưới vợ trong ấy. Kèm theo thư là tấm hình cô dâu. Mới thoạt nhìn qua, ai cũng nói giống chị Nhị như hai giọt nước.

*

Con gái cầu tự của mẹ tôi là đứa bé bụ bẫm, khôi ngô, đến bảy tuổi thì em mắc một chứng bệnh gì đó mà máu cam chảy nhiều quá. Mẹ tôi đem bé vào bệnh viện, bác sĩ khoa tai mũi họng cho uống thuốc cầm máu. Uống quá liều lượng hay vì nguyên do nào nữa mà hậu quả biến chứng sinh một bệnh khác, di họa đeo đẳng suốt một đời ngắn ngủi của em.

Có người gọi bệnh nầy là si ngai, nghĩa là thể chất và sự nhận thức con người dừng lại thời điểm đó, không phát triển thêm nữa.

Em sống, năm tháng cứ chồng chất lên đời, nhưng em vẫn hành động và suy nghĩ như lúc còn bảy tuổi. Năng lực hiểu biết và vai trò liên tưởng trong em mơ hồ, hỗn độn. Em thích nằm võng hơn nằm giường. Thích mẹ vỗ về, an ủi, kể chuyện cổ tích. Có người hàng xóm nào hát ru con ngủ, nghe được, em lần mò đến nằm bên đứa bé ấy, ngủ ngon lành.

Khi tôi học hết trung học, ra trường dạy học kiếm sống, về làng thăm thì tuổi em đã mười sáu. Cơ thể em vẫn nhỏ thó như ngày nào, chỉ đứng quá rốn tôi, tóc em còn đỏ hoe ở đầu mút chưa chấm thấu vai, chỉ có đôi môi là mọng đỏ, ánh lên một sức kỳ diệu như những cô gái có nhan sắc đến tuổi biết yêu.

Tôi thương em, lòng quặn đau, thỉnh thoảng có hỏi một vài câu thử xem khả năng nhận thức lí tính của em:

- Em thương ai nhất?

Thạch trả lời liền:

- Mẹ

- Em thích ra chợ mua bán kiếm lời đem về giúp mẹ không?

- Chợ có chỗ cho em ngồi à?

- Những bạn gái cùng tuổi với em đi lấy chồng gần hết, em có biết không?

Em ngơ ngác:

- Không.

Tôi tiếp:

- Sang năm gả em lấy chồng nhé?

Em cười thơ ngây, bày hai hàm răng non, không nói gì.

Chừng đó cũng đủ biết, không bao giờ tri thức em có hệ thống và chính xác như người lớn bình thường.

Cũng có lần tôi cõng em ra đồng chơi.

Quê tôi, buổi chiều mùa hạ, mây thường un lên bốn phía chân trời. Phía nào, ở dưới thấp cũng như treo một tấm rèm bằng vải thô loang lổ lâu ngày không giặt. Còn trên đó thì ráng chiều nhiều màu ửng lên.

Tâm hồn em phản ứng trước vạn một cách đường đột, đôi mắt thì dồn nén, âu sầu bởi những ảo tưởng thị giác.

Tôi chỉ cho em thấy những đám mây mang hình thể sự vật trên trời, em chăm chú vui mừng và tâm hồn bị kích động dữ dội bởi chứng loạn cảm, rồi đột ngột em cất tiếng cười rạng rỡ. Sau khi nụ cười tắt, nước mắt em lại dầm đìa chảy ra.

Cha mẹ tôi không biết có ngàn vạn hiện tượng rối rắm trong y học, cho em là "con ranh" của kẻ đày tớ hầu hạ thần thánh đầu thai, chứ không phải con chính thức của thần thánh.

Lại nghe lời thầy cúng làm cái chuồng gỗ, nhốt em vào đó, rồi gánh đặt lên mình Đá Bà vài ba ngày, một hình thức coi như giận lẫy, trả lại, để thần thánh động tâm xét lại vấn đề.

Cảm giác của em chột, không đủ sức phân biệt lành dữ, lại được mẹ tôi mua cho một con búp bê mới, nên vui vẻ lòn vào chuồng ngồi. Khi hai người gánh đi, em tôi tỉnh táo đảo mắt nhìn quanh cảnh vật và chim chóc, bướm ong bay lượn bên ngoài rồi cười tươi.

Đến khi mẹ tôi đốt hương khấn vái xong, thấy người nhà quay về, em tôi mới khóc thét lên như trông thấy cọp dữ nhe răng chồm tới. Mẹ tôi dọa: "Khóc to, thiên lôi nghe được, đem giông tới đánh bể đầu." Em không khóc nữa, mệt lử, ôm chặt búp bê, ngủ ngồi.

Tôi dạy học xa không biết chuyện nầy để phản đối, nhưng trong họ cũng có người khuyên ngăn cha mẹ tôi, đừng để em một mình giữa bụi bờ, sẽ ảnh hưởng tai hại thêm tâm lý và sợ trúng gió máy nguy hiểm tính mạng. Cha mẹ tôi không nghe, chỉ chia phiên người nhà ngồi xa xa canh chừng.

Nhưng ngay đêm đầu, chờ đến canh ba, chị Nhị đột nhập vào, tháo chiếc lồng tre, cõng em về.

Cha mẹ tôi chưng hửng vì sự việc xẩy ra ngoài dự tưởng, nhưng thấy nét mặt em tôi thất thần, xanh như tàu lá, sương khuya ướt đẫm tóc tai và quần áo cả hai chị em, nên mẹ tôi dùng lời nhẹ nhàng trách móc chị:

- Sao con làm việc nầy không hỏi ý kiến mẹ?

Chị tôi bình tĩnh thưa:

- Con, dù cha mẹ không cưới hỏi, nhưng về làm dâu đã nhiều năm, cố giữ mình hiếu thảo chưa một lần sơ suất, nay làm việc nầy không phải con làm, mà thần thánh dạy con làm. Số là khi tối, con mới chợp mắt, thấy một bà tiên tóc bạc phơ đến báo mộng phải đem em về gấp, không thì rắn hổ mang bò vào cắn em, phun nọc độc thấu tim phổi, chết không kịp ngáp.

Mẹ tôi tin lời nói dối lương thiện đó, từ bỏ kế hoạch trả lẫy. Nhưng nỗi ám ảnh thường xuyên khác, buộc mẹ nói ra:

- Cha mẹ nghèo, ngày càng già đi, chạy vạy lắm mới có miếng ăn nuôi miệng. Sinh con ra mà cứ khù khờ dại hoài thế nầy, lấy gì nuôi. Nay mai cha mẹ còn phải chết, gánh nặng nầy ai xê vai vào gánh.

Chị Nhị cầm tay mẹ, nước mắt đoanh tròng:

- Mẹ ơi, để đó cho con. Mất con còn thấy trời, thề không bỏ em.

Sau đó, chị càng cật lực làm việc nhà, đi cấy thuê gặt mướn để dành tiền ngày sau kế tục nuôi em.

*

Năm hai mươi ba tuổi em tôi qua đời.

Em qua đời cũng khác thường. Xưa nay em chưa bao giờ tự soi gương. Hôm đó, bất thần em tìm tấm gương có khung hình trái tim ngày trước mẹ đem đi cầu tự, nhìn ngắm cặn kẽ mặt mình trong đó rất lâu. Rồi em đưa năm ngón tay sờ sờ phía sau gương, không thấy gì, em quăng gương xuống đất. Vừa lúc gương vỡ thì em cũng ngã xuống, kêu lên một tiếng "Mẹ ơi!" rồi tắt thở.

Phút lìa đời, nét mặt em tươi vui như khi nằm ngủ với bạn trẻ lối xóm, có tiếng người ru bên tai.

Cha tôi bảo đi mua chiếc quan tài của trẻ con cho đỡ tốn tiền. Chị Nhị nói, dù cơ thể nhỏ nhưng tuổi tác lớn, phải mua quan tài người lớn cho em nằm thoải mái, để thong dong ra đi. Chị bỏ tiền dành dụm ra mua loại gỗ tốt.

Đoàn người đưa em tôi ra cồn mồ, khi đi ngang qua tảng đá, ai cũng nghe hai chân mình nặng nặng, cố trì hoãn vài khoảnh khắc nhìn vào. Chị Nhị cũng có nhìn vào, nhưng không thấy gì ở đó nữa, ngoài những đọt vòi voi vươn lên, lấp lánh ánh trời chiều.

Atlanta, 2000-2003

CHUYẾN TÀU

HỒ PHÚ BÔNG

** Tặng các bạn tù đã đặt chân đến Dương Đông, Phú Quốc, 27 tháng Chạp năm Ất Mão (27-1-76) trên Dương Vận Hạm 503 của Hải Quân VNCH bỏ lại.*

Đi làm cỏ ở Trung Đoàn, Mẫn đem về một cây ổi con. Gốc nó được bó một nắm đất bằng ngón tay cái. Mẫn xem lá xem nhánh thế nào đó và kết luận đây là ổi xá lị.

- Vài hôm nữa về tôi sẽ trồng nó trước sân nhà!

Hợp có chút mỉa mai:

- Nhà nào.

Mẫn cam phận:

- Thì nhà ở kinh tế mới cũng được

Tín xen vào:

- Thôi đi cha nội. Đem nó trồng đàng sau hè ở đây đi. Bao giờ có trái thì trèo lên cây hái, mang về nhà làm quà biếu vợ con, mừng ngày sum họp!

Câu nói phang ngang của Tín như một gáo nước lạnh tạt ngay vào mặt. Không phải mặt của riêng Mẫn, mà cả mọi người đang huyên náo về tin đồn. Mẫn là một trong số người tích cực tiếp hơi cho tin đồn lan truyền nhanh hơn. Cứ như là càng rùm beng thì sẽ nhanh chóng biến thành sự thật!

Những chiếc bánh vẽ đôi lúc cũng giúp làm đã cơn thèm trong giây lát!

Chương trình học mười bài mới nửa chừng nhưng Tết thì chỉ còn chưa tới mười ngày nữa . Nội việc tù lán phó đi họp nhưng chưa nghe hậu cần thông báo kế hoạch Tết, cũng là một tin đồn loại sốt dẻo:

- Nếu còn ở lại thì chắc phải có kế hoạch Tết rồi!

- Chương trình học mười bài, nếu học ở đây chưa kịp thì về học tại địa phương. Kế hoạch đồng nhất và *mấy ổng nói thì trước sau như một* mà!

Mỗi người đều lý luận sao cho hợp với mong muốn của mình. Nếu mọi người được cho về thì hơn cả tháng dài, cả trại đi gỡ PSP ở phi trường trực thăng khiêng về làm cái hội trường đồ sộ để làm gì? Hình như không ai muốn đặt câu hỏi kiểu nầy!

Sau giờ thảo luận buổi chiều, mọi người đang lu bu lo chuyện cơm nước thì tiếng còi tập họp bất ngờ nổi lên. Từng ông quản giáo đến ngay lán kêu *khẩn trương nhanh lên* tập họp. Tù nhìn nhau với nhiều thái độ. Mẫn hớn hở, lớn giọng và kéo dài từng tiếng một:

- Tới. . . rồi . . .!

Tín thì bình tĩnh, cũng lớn tiếng, nhưng gãy gọn:

- Tới rồi!

Mẫn *tới rồi* với cây ổi xá lị sẽ đem về trồng trước sân nhà. Tín thì *tới rồi* với tư thế sẵn sàng đi đến bất cứ một nơi nào trên con đường vạn dặm. Xám xịt! Tín mang tâm trạng của Thúy Kiều sau khi ra khỏi nhà *cũng liều nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần tới đâu!* Cho dù hiện tại chưa thấy bóng dáng chàng Thúc Sinh mà đang trong vòng tay họ Sở!

Những người bị đọc tên vội vàng quay vô thu dọn đồ cá nhân. Nghiêm trong nhóm ba người bị gọi tên. Bố Tôn phụ giúp Nghiêm gom góp đồ đạc:

- Bố có nhớ địa chỉ nhà tôi ở Sài Gòn không?

- Cậu cũng còn nhớ địa chỉ nhà tớ ở Thị Nghè chứ ? Còn có ngày về thì liên lạc với nhau.

Đàng kia Tín phụ giúp Mẫn. Khi nghe gọi tên mình trong danh sách toàn An Ninh, Tình Báo, Chiến Tranh Chính Trị, Mẫn hụt hẫng. Tái xanh. Mẫn như không còn nhớ cả những đồ đạc cá nhân, vì đối với Mẫn thì đây là chuyện không thể tưởng tượng được. Thư của vợ Mẫn cho biết, cha mẹ vợ Mẫn là người của cách mạng, đã bảo lãnh cho Mẫn rồi, nên Mẫn chỉ chờ đợi được gọi tên cho về. Cây ổi bao giờ sẽ có trái, không ai biết nhưng trái tình yêu đầu tiên của vợ chồng Mẫn thì hai tháng nữa ra đời! Tuy tính tình khác biệt nhưng Tín và Mẫn lại chơi rất thân. Tiễn Mẫn, Tín mới lộ chút xúc động. Cắn răng, quai hàm bạnh ra. Bắt tay Mẫn khá chặt:

- Nhớ giữ gìn sức khỏe!

Đám tù ra đi lặng lẽ khuân vác đồ đạc. Căng

thẳng nên không nói với nhau một lời nào. Di chuyển đến Trung Đoàn. Đoàn molotova khá dài đã vén bạt phía sau đang chờ sẵn. Mỗi xe có hai ông bộ đội súng đạn sẵn sàng. Hình ảnh nầy đã giết chết suy nghĩ còn sót lại của vài người ngây thơ, vẫn bám víu hy vọng được cho về ăn Tết! Tù ngồi từng cụm với đồ đạc lộn xộn, đợi các ông cán bộ bàn giao cho nhau.

Bóng tối chụp xuống. Mấy chiếc xe nổ máy, mở đèn chiếu vào đám tù để các ông cán bộ tiếp tục làm việc. Khẩu phần lương khô do Trung Quốc cung cấp cho bộ đội miền Bắc được đem phân phát cho tù. Mỗi người nhận ba ngày ăn. Khẩu phần lương khô của Trung Quốc như một chiếc bánh in phong kín bằng giấy thô, khác hẳn với lương khô của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, có gạo sấy đựng trong bọc plastic trắng trong và thịt hộp.

Với ba ngày lương khô thì tù sẽ bị đưa về đâu? Tù lại suy nghĩ, lại đoán mò!

Có thể lên cao nguyên trung phần, nhưng lực lượng Fulro còn đó và đang chống họ. Họ không thể thả hổ về rừng!

Đi Bắc chăng? Xe cộ họ đang rất cần để chở tài sản của miền Nam ra Bắc có đâu để chở bọn tù!

Khoảng chín giờ đêm, từng toán khoảng ba mươi người với đồ đạc cá nhân nhồi nhét lên từng chiếc molotova. Tấm vải bạt được trùm xuống. Đời tù lại ngộp thở. Tối tăm. Xe dằn, xóc. Quẹo phải, quẹo trái, lầm lũi trong đêm. Thỉnh thoảng có vài ánh đèn lọt được vào bên trong cho tù biết xe đã gần vào một thị trấn nào đó. Tù tìm cách đâm thủng bạt để xem đường. Từng chặng, từng chặng đều có tù âm thầm thông báo nhau. Khi nghe thông báo xe trực chỉ về Sài Gòn thì mọi người đều tỉnh ngủ hẳn. Nôn nao và chờ đợi. Ai cũng muốn nhìn lại được cảnh đường phố Sài Gòn như thèm được nhìn lại khuôn mặt người tình sau mấy tháng dài xa cách. Chỉ cần nhìn thấy bất cứ góc phố hay con đường nào của Sài Gòn cũng được. Sài Gòn, người tình yêu dấu. Sài Gòn, người tình với nỗi khát khao mong đợi. Sài Gòn, người tình trăm năm.

Bây giờ người tù có được cái lỗ trên tấm bạt để thấy tí chút bên ngoài, đang làm thông tín viên, là người hạnh phúc nhất. Sài Gòn về đêm thênh thang ngày xưa, đủ loại ánh đèn với những dòng xe xuôi ngược, không bằng Sài Gòn sắp xuất hiện qua cái lỗ nhỏ như đầu ngón tay trên tấm bạt bây giờ.

Nếu xe chạy về hướng bà Quẹo, xuống ngã tư Bảy Hiền, quẹo trái qua Lăng Cha Cả thì sẽ gần nhà Nghiêm lắm. Nghiêm chỉ nghe thông báo, không thấy gì bên ngoài nhưng cũng mong xe chạy về hướng nhà mình. Nhà Nghiêm nằm sâu trong hẻm nên tấm bạt xe nếu có vén lên, có được ngồi nhìn thoải mái chung quanh cũng không thể nhìn thấy. Nhưng từng góc phố, từng trụ đèn đường Nghiêm cũng có thể hình dung ra được. Trụ đèn đường xéo cửa nhà Nghiêm bị bể mất một miếng bên góc để lộ một cộng sắt cỡ bằng ngón tay, mấy mươi năm rồi cũng như vậy. Nơi đó đêm đêm có chiếc xe phở của đôi vợ chồng bán đến khuya. Người chồng dùng hai thanh gỗ gõ vào nhau như tiếng vang của con chim gõ kiến về đêm để rao hàng. Âm thanh đó đã trở thành quen thuộc trong cả xóm. Tuổi học trò, những đêm thức học thi, đói bụng nhưng lười xuống tầng dưới mở cửa, Nghiêm có thể ra trước hiên lầu mua, rồi thòng một sợi dây xuống kéo cái xô có đựng tô phở với đầy đủ gia vị lên. Góc bên phải nhà Nghiêm có một bụi biện lý hoa nở quanh năm, hai màu đỏ trắng. Tàng lá sum suê che bóng đủ để bà Tư già với chiếc bàn nhỏ ngồi bán lặt vặt, trái chuối , cái kẹo. Xa hơn là căn nhà lầu ba tầng của ông Hợp, có cái xe Lam ba bánh, mỗi 3 giờ sáng là bắt đầu rời nhà chạy ra bến đón khách. Tiếng máy nổ dòn tan trong khi cả khu phố còn say ngủ, đã đánh thức cả xóm, nhưng không có ai phàn nàn. Cái xóm lao động ồn ào náo nhiệt nầy càng ồn ào náo nhiệt hơn sau ngày 30-4. Mọi sinh hoạt đều đảo lộn. Xe phở biến mất. Đôi vợ chồng nầy cùng con cái, nghe đâu đã tháo chạy di tản. Người thì bảo đi thoát, người lại bảo bị chết, không thể nào xác định được. Chỉ biết, trước ngày đi họ còn kịp cho tất cả vật dụng cho vài người thân trong xóm. Chiếc xe phở và những dụng cụ mấy mươi năm cần mẫn, chắc chắn là những mảnh đời gắn liền với nhau, như là một phần của da thịt để lại. Chiếc xe Lam vẫn còn đó. Tiếng nổ dòn dã trong đêm về sáng vẫn còn đó nhưng tiếng vang của nó không còn đánh thức mọi người mà lại như một nhắc nhở của kỷ niệm, vì mọi việc rồi sẽ đổi thay. Tiếng hai thanh gỗ gõ vào nhau của xe phở đã mất, chỉ còn lại tiếng máy xe Lam như một cái gì đơn lẻ. Thiếu vắng. Nhưng dưới bóng mát của chùm hoa giấy, với thúng quà vặt, bà Tư già vẫn còn ngồi lại một mình. Mọi người đem ra đường tất cả bàn ghế, tủ giường bày bán khắp nơi. *Bán đổ bán tháo!* Bán cho trống nhà để trở thành vô sản! Vô sản chân chính. Nghiêm vẫn còn nhớ giọng bà Tư già nói với Nghiêm, khi bà chỉ vào

tấm ảnh màu của ông Hồ Chí Minh đã được bày bán khắp nơi :

- Bán, bán cho sạch nhà, sạch cửa để rước *ông Nội tôi vô ở!*

Khi nghe tù thông tín viên cho biết xe không về hướng Bà Quẹo, nhưng ra ngã xa lộ Đại Hàn, thì mọi người trong xe mới trở về thực tại. Một thực tại ê chề mà tù chỉ mới vừa quên đi trong giây lát. Về đâu ?

Vẫn có tù chưa chịu chấp nhận sự thật:

- Có chắc xe đang chạy trên xa lộ Đại Hàn không?

Giấc mơ được nhìn một góc phố, một con đường Sài gòn về đêm không còn nữa. Một giấc mơ quá ngắn. Tù thông tín viên thông báo tiếp. Xe quẹo vào Xa Lộ Biên Hòa. Cầu Sài Gòn. Và sau đó là hai tiếng New Port. Không còn tù nào thắc mắc, nhưng tù thông tín viên cũng quan sát lại thật kỹ, rồi tái xác nhận lần nữa:

- Đúng rồi! Tân Cảng New Port!

Hai tiếng New Port, Tân Cảng được lặp lại như có echo cứ vang vang lùng bùng trong lỗ tai, thốn đến màng nhĩ!

Cả xe tù chết lặng!

Đêm đã vào khuya. Sương xuống lạnh. Cái pha đèn từ con tàu khổng lồ đang há mõm chiếu sáng cả một khu vực rộng lớn. Người và người lố nhố. Tù và tù nhợt nhạt, xanh xao dưới ánh đèn pha chói chang. Bộ đội dày đặc, súng cầm tay cô lập đám tù. Dòng sông đêm trước mặt, nước đen quánh, vẫn cuồn cuộn trôi. Còn đâu những chiều vàng ngồi với người tình trong chiếc lều quán bên xa lộ Biên Hòa, nhìn dòng sông đục ngầu phù sa, kể chuyện về lính, nói chuyện tương lai, những yêu thương đằm thắm, mộng mơ ? Còn đâu những hàng dừa nước hai bên bờ sông thơ mộng, in trong màu mắt biếc của người tình, cùng nhau nghe tiếng bình bịch của những chiếc ghe máy, tiếng mái chèo quẫy nước, con thuyền rẽ sóng lướt đi?

Dòng sông trôi ra biển có bao giờ quay lại? Đời tù theo dòng nước sẽ trôi về đâu?

Cả 2000 tù yên lặng. Chỉ có tiếng tu huýt ré lên liên tục. Tù lần lượt bước xuống cầu thang. Chiếc cầu thang không còn mang ý nghĩa của sự nối liền nhưng là sự chia cắt. Chia cắt với đất liền. Chia cắt giữa hiện tại và tương lai. Chia cắt giữa Sài Gòn thân yêu, gia đình, vợ con, với đọa

CHU VƯƠNG MIỆN

QUẢNG NAM

gió từ đèo Le gió về Trung Phước
mây từ Hoàng Sa mây kéo Sơn Chà
ta từ Quảng Ninh ta vào Châu Rí
làm rể Quảng Nam cát mịn Tiên Sa
lỗi hẹn một lần không về Giao Thủy
nát cả lòng nhìn dòng nước Vu Gia
đây "đất học" "vùng Văn" làng cô giáo
một cụm gồm năm ngọn núi đá hoa
em bỏ ta đi làm dâu Hiếu Đức
làng cổ Phong Nam dằng dặc hoa trà
Bãi Bắc, Bãi Nam – vùng Suối Đá
sáu tháng mùa mưa sáu tháng mùa khô
ở thánh địa Mỹ Sơn dầy tháp cổ
em chê ta – chỉ một gã làm thơ
Ngũ Hành Sơn nhìn qua Bà Nà
mối tình đầu xin gửi lại Faifoo
trải ba mối tình ta về Tiên Phước
cả duyên trộn nợ ta gặp em
quế Trà Mi – Tam Kỳ từ kiếp trước
dấu tích Hội An [vùng Đại Chiêm]
đây Thuận Châu nhớ thương về Trà Kiệu
mối ân tình nàng công chúa nhà Trần
xuôi Chiên Đàn nước mặn về Châu Ổ
trải bao đời sáng giá một Huyền Trân
em dòng dõi Lê Duy Lương – Duy Mật
biết bao đời chống Trịnh Nguyễn Tây Sơn
cả giòng họ bị đày vào Ngũ Quảng
đem Lam Sơn thắp sáng nước non Chàm
ta ngừng đó một đời không đi nữa
từ thôn Nam Thọ nước Thu Bồn
cả giải đất Nông Sơn nhiều quặng mỏ
ngước nhìn lên sừng sững núi Cà Tang
gió Thái Bình Dương lùa qua Non Nước
mênh mang sương tỏa cù lao Chàm
lỡ mai sau quá yêu đời ta chết
cũng một lần là rể đất Quảng Nam.

đày trước mắt.

Bộ đội ghìm súng đứng hai bên sẵn sàng bắn vào tù nào dám phản ứng. Mẫn biết, nhưng hoảng loạn trong tuyệt vọng, Mẫn bất ngờ hét lớn "bắn đi, bắn đi" rồi lao mình xuống dòng sông đêm.

Súng nổ.

Những tràng AK vang dội. Mọi khẩu súng khác đều hướng vào tù sợ bạo loạn.

Chuyện vừa xảy ra của Mẫn, với chuyện về cây ổi xá lị, rơi lại phía sau lưng . Tù bị đẩy nhanh về phía trước.

Con quái vật khổng lồ đang há mõm thật lớn nuốt vội vàng đám tù! Ngậm miệng, rồi vẫy sóng xa bờ.

*

Tù chen chúc nhau trong hầm tàu. Hầm tàu là một hộp sắt vuông vức, rộng như một hội trường lớn, vách bằng thép dày, han rỉ màu nâu đỏ. Về phía mũi tàu, có một hành lang duy nhất, có song sắt thưa, ở trên cao, thông với buồng lái và boong tàu, nơi đó mấy ông bộ đội ghìm súng nhìn xuống.

Những cửa liên lạc với hầm tàu bên dưới đều đóng kín. Im ỉm.

Cả 2000 tù cộng với hành trang, chêm chặt như nêm. Thế ngồi co cụm, không đủ chỗ để duỗi chân. Có người ngồi trên sàn, có người ngồi trên túi quần áo, có người đứng để dễ thở hơn, nhưng nằm thì không đủ chỗ. Ngồi xuống sàn thì đầu gối gấp lại chân sẽ bị tê rất nhanh. Ngồi trên túi áo quần có chút thư giãn hơn nhưng cơ thể thì nghiêng ngửa không có điểm tựa. Có người thử tựa lưng vào nhau nhưng cũng không thể chịu đựng lâu được. Đứng thì cũng không thể đứng hoài một chỗ không cử động. Cứ thế, hết ngồi lại đứng, hết đứng lại ngồi, tại một chỗ cố định. Người nào có nhu cầu tiêu tiểu thì cả một cực hình. Cái đệ tứ khoái của con người, giờ đây là một tai họa. Phải chen chân vào chỗ người khác ngồi, để lần từng bước, đi về hướng mấy cái buồng xí ở trung tâm hầm tàu. Nơi đó được che sơ sài, tạm bợ bằng vải bạt, chứa một số thùng phuy cắt ngắn, hai miếng gỗ đậy lên mặt có chừa một khe trống ở giữa. Nhiều người phùng mang trợn mắt, không còn ai giữ gìn ngôn ngữ trong tình huống nầy. Loại tử tế nhất là: *đừng đạp lên đầu con nghe cha nội!*

Khi càng âu lo về nhu cầu tiêu tiểu thì cơ thể hình như bị kích thích ngược lại, nhu cầu sẽ nhiều hơn! Cố gắng ngồi yên thì có chút dễ chịu, nhưng đến khi buồn tiểu không thể nín được nữa thì cũng không thể đứng thẳng người lên được, vì bọng đái căng cứng, đau đớn. Ráng cố gắng lần mò đến được buồng xí thì mãi mười, mười lăm phút cũng không thể tiểu ra được, trong lúc cả hàng dài chờ đợi phía sau với đầy đủ điệu bộ, ngôn ngữ thô lỗ nhất!

Khi xuống tàu phải theo hướng dẫn của mấy ông cán bộ, đã chia thành từng ô cho từng đơn vị tù. Những đơn vị tù nào phải chịu vòng quanh khu mấy cái buồng xí thì quả thật là đại họa!

Con tàu đang đi về đâu? Với ba ngày lương khô thì có thể đi về đâu?

Ánh nắng buổi sáng chiếu lọt vài tia lẻ loi vào hầm tàu như những sợi chỉ lân tinh đầy sinh động. Mấy điểm sáng hình bầu dục rơi trên đám tù hay đọng trên vách hầm tàu, thu hút nhiều suy diễn về hướng đi của con tàu. Tù loại Hải Quân có thể ước tính thời gian tàu còn ở trong sông hay đã ra biển, đi về hướng nào, thời gian bao lâu .

Ra Bắc, Côn Đảo hay Phú Quốc?

Những khuôn mặt hốc hác, bơ thờ. Những đôi mắt của loài thú bị đông lạnh, sâu trũng, thâm quầng. Tuyệt vọng. Đã biết là tù, đi đâu cũng là tù, đến đâu cũng là tù, thế giới của tù thì nơi nào cũng như nhau, bị hăm dọa, đày ải giống nhau, nhưng tù vẫn mong được ra Côn Đảo hoặc Phú Quốc hơn là đi Bắc, dù Côn Đảo đã nổi tiếng trong lịch sử. Cái bén nhạy của tù cho biết dù là Côn Đảo vẫn còn hơn *thiên đường* ở miền Bắc. Chỉ cần một địa danh nào đó còn liên hệ với miền Nam cũng là điểm bám víu trong bước khốn cùng!

Buổi chiều, khi thấy những giọt nắng bò dần trên vách trái về hướng mũi tàu, tù hy vọng sẽ được ra Côn Đảo hay Phú Quốc.

Cũng buổi chiều, quang cảnh trung tâm của hầm tàu bắt đầu đổi khác. Khu vực quanh các buồng xí dần dần trở nên mất trật tự. Những dòng tù hướng về đó vì nhu cầu khẩn thiết, đều bị cự tuyệt, phản đối. Đám tù quanh các buồng xí la ó kêu gào. Những tù đã giải quyết xong nhu cầu, trên đường về trở lại, cũng bị la ó, phản đối. Phân người và nước tiểu tràn dần ra, chảy ướt chung quanh . Những đôi bàn chân tù đến đó hoặc trở về đều ướt đẫm. Cứ thế. Cứ thế. Nhầy nhụa từ từ lan dần khắp nơi. Tiếng văng tục, kêu gào, la ó từ trung tâm hầm tàu cũng lan dần, lớn dần ra chung quanh.

Mấy ông bộ đội ở trên cao vẫn ghìm súng nhìn xuống. Điếc đặc như những bức tượng! Người lái tàu chỉ có nhiệm vụ lái con tàu . Người cầm súng canh giữ chỉ có nhiệm vụ canh giữ. Không có ai giải quyết chuyện dưới hầm tàu hoặc đã được quyết định từ trên với ông hạm trưởng rồi.

Tất cả đều im lặng. Những con người máy. Tù chưởi rủa: tù nghe. Tù kêu gào, la ó: tù khô hơi tắc tiếng. Những con người máy vẫn đứng ở trên cao với khẩu súng! Đám tù vẫn kêu gào từ địa ngục. Địa ngục không thể cao dần lên. Địa ngục chỉ có chiều sâu. Thăm thẳm. Chiều sâu không bao giờ thấy đáy!

Sức khỏe cạn kiệt. Phải vật lộn với nhầy nhụa hôi thối mấy ngày đêm, đôi bàn tay không thể còn sạch nhưng không có nước để rửa. Chính mình phải sợ hãi đôi bàn tay của mình như của một người xa lạ! Đầu óc tù đã hoảng loạn hoặc đã thành đá, thành băng. Lũ tù là lũ heo đang ở trong chuồng, không phải là loại heo nuôi theo công nghiệp, nhưng là loại heo nuôi để lấy phân ở các chuồng vùng quê. Không cần biết nơi nào sẽ đến. Côn Đảo, Phú Quốc hay *thiên đường* miền Bắc, nơi nào cũng được. Phải đến. Con tàu phải dừng lại trước khi mọi người đi vào hôn mê.

Số tù di chuyển cùng xe với Nghiêm có chút may mắn hơn là được sắp xếp ở cạnh bên hông tàu, gần phía sau cùng. Độ nhầy nhụa, ướt át ít hơn. Dù vậy , mọi người đều phải ngồi lên túi áo quần và bên dưới đã bắt đầu ngấm nước! Khi không còn sức để gìn giữ, mọi việc đều phải buông trôi.

Không còn sức để lên tiếng, không còn nghe tiếng sóng vỗ bên ngoài, chỉ có tiếng máy tàu nổ đều đều ghê khiếp. Tiếng máy như lớn dần, lớn dần. Có phải tiếng T 54, tiếng M 113 hay là M 48 đang chồm tới, sắp cán qua người... trong hôn mê, hoảng loạn! Lượng nhầy nhụa và nước lại từ từ dâng lên, dâng lên gần đến mắt cá chân . Rồi lại từ từ rút dần xuống chỉ để lại nhớp nháp, nhèm nhẹp . Thì ra chiếc tàu đang chuyển mình! Nghiêng qua, đảo lại . Hai bên hông hầm tàu cứ như triều dâng, lúc đầy lúc vơi.

Lại đến lúc mấy chiếc quạt khổng lồ đang hút gió từ đại dương, thổi vào hầm tàu, bỗng im bặt! Không còn dưỡng khí, tù ngạt thở. Không khí như đặc lại. Mọi người đang liệm đi. Một số tù nào đó ở phía mũi tàu, đang cố gắng kêu gào lần cuối cùng. Họ đang nâng một xác người trần truồng, mềm nhão, lên khỏi đầu, như đang dâng một con vật trong lễ tế thần. Ở hành lang phía trên kia, vẫn những bức tượng cầm súng. Điếc đặc!

Hơi người đọng lại chảy thành dòng trên vách sắt.

Khi ngạt thở con người thường *dướn* cổ dài ra hoặc chúi mũi vào góc kẹt tìm chút sinh khí. Hình ảnh con người trong các lò hơi ngạt thời Đức Quốc Xã đang bắt đầu.

Trong giây phút tử thần xuất hiện thì cánh cửa sắt khổng lồ cuối con tàu từ từ mở lớn. Một mảnh trời trong xanh cứ lớn dần, lớn dần. Luồng sinh khí tràn vào.

Biển nước trong xanh, trời trong xanh, không khí trong lành. Giây phút cõi thiên đường mở cửa!

Những chiếc quạt lớn để thông gió trong hầm tàu ngưng lại, không phải vì lý do kỹ thuật khi mở cửa con tàu! (*) Chắc ông hạm trưởng đã nhận được lệnh trên, làm tù hoàn toàn kiệt sức, để tránh mọi phản ứng tuyệt vọng của tù khi đổ bộ lên bờ ?!

Tù dắt dìu nhau lội xuống biển. Tầm nước ngang ngực. Hành trang nổi lềnh bềnh trên sóng nước. Là không khí, là nước, là gió! Chưa bao giờ, tuyệt đối chưa bao giờ, tù cảm thấy tuyệt vời như vậy. Không một ai có thể hình dung ra được niềm hạnh phúc lớn lao nầy.

Nhìn lại, đây không phải là 2000 tù đang đổ bộ lên bờ! Là một đàn chim biển bị ô nhiễm sinh thái, do một chiếc tàu dầu khổng lồ nào đó bị tai nạn gây ra!

Tù lần lượt về các trại, trong liên trại tù binh Cộng Sản trước kia. Đơn vị tù bọn Nghiêm vào trại 11, liên trại 3. Hệ thống nước cũ trong trại đã bị phá hỏng. Mỗi người chỉ được cấp phát một ca nước làm vệ sinh cá nhân. Hành trang ba ngày đêm ướt đẫm không thể nào giặt, đành trãi ra phơi. Không đủ chỗ, tù phải phơi cả trên nền cát. Cả trại tù như không phải của con người, là mùi vị, hang ổ của một loài thú ăn thịt sống lâu ngày!

Vào buổi chiều, ba ngày sau, bọn Nghiêm mới được dẫn ra ngoài tắm giặt. Đám tù vác toàn bộ hành trang đi trên con đường mòn, khúc khuỷu, hơn hai cây số, để ra biển. Vài căn nhà lá lụp xụp bên đường đã đốt hương đèn trên bàn thờ. Một bà mẹ quê đang ngồi làm thịt gà bên lu nước, cạnh bụi chuối. Mấy em bé đã mặc đồ mới, ngơ ngác nhìn tù. Ai đó trong đám tù mới sực nhớ ra, lên tiếng:

- Ba mươi Tết, chuẩn bị đón ông bà.

Một người khác tiếp:

- Không biết người Cộng Sản có ông bà không nhỉ ?

(Những Chuyện Chưa Quên 2)

(*) Người viết đã phối kiểm với vài vị Sĩ Quan Hải Quân, được biết, không có lý do kỹ thuật nào bắt buộc khi mở cửa tàu phải tắt hệ thống quạt thông gió trong hầm tàu .

TIẾNG CON CHIM LẠ PHẠM MẠNH ĐẠT

PHẠM TRẦN, *Washington, DC*

Phạm Mạnh Đạt không phải là Ca-Nhạc sỹ sống bằng tiếng hát, cây đàn như nhiều người cùng lứa tuổi say mê âm nhạc, nhưng ông là một trong những nghệ sỹ hiếm hoi của âm nhạc Việt Nam còn tha thiết với tiếng đàn Hạ Uy Cầm (guitar Hawaiian).

Chúng ta không có tài liệu xác nhận đàn Hạ Uy Cầm du nhập vào Việt Nam thuở nào nhưng theo lời Nhạc sỹ lão thành ẩn danh Nguyễn Túc hiện còn sống ở Arlington, Virginia thì tiếng đàn Hạ Uy Cầm đã thánh thoát khắp 36 phố phường Hà Nội từ trước năm 1940.

Ông nói:"Thuở ấy sở dĩ đàn Hạ Uy Cầm được phổ biến, cũng như Tây Ban Cầm (guitar Espagnol) , đàn Mandoline,sáo ta và Harmonica, vì giá bán không đắt lắm, vừa túi tiền với những nghệ sỹ nghèo."

Không giống các nhạc cụ khác, tiếng đàn Hạ Uy Cầm đã mau chóng mai một trên sân khấu trình diễn Việt Nam từ lâu ở cả trong lẫn ngoài nước. Nhạc sỹ Phạm Duy nói về tiếng đàn Hạ Uy Cầm Phạm Mạnh Đạt: *"Cho tới khi tân nhạc khởi sự thành hình với nhiều loại âm nhạc khác, ca khúc mang âm hưởng Hạ Uy Di bớt xuất hiện, tiếng đàn Hawaiene (viết theo Pháp) na ná tiếng đàn bầu Việt Nam vắng dần, rồi hầu như biến mất, trong khi Tân Nhạc Việt Nam ở miền Nam, có nhiều ban nhạc bắt chước tứ quái The Beatles xuất hiện với thành phần Guitar điện, Guitar bass, Organ và trống Jazz gọi là Combo. Không còn ai nhớ đến cây đàn Hạ Uy Di nữa.*

Trên 50 năm sau chỉ còn có một người nặng tình với cây đàn Hạ Uy Di đó là Phạm Mạnh Đạt, không những anh là người nhạc công duy nhất ở Hải ngoại biết đánh đàn này của những năm gần đây, anh còn dùng Ghi-ta Hạ Uy Di để chuyên chở một số ca khúc Việt Nam mới và cũ để làm cho tân nhạc phong phú hơn, ra khỏi cái routine nhạc Combo ồn ào, kích động... trở về với sự bình tâm và tĩnh lặng của tâm hồn sau nửa thế kỷ xáo động."

Thật vậy nếu ai đã có dịp nghe tiếng đàn Hạ Uy Cầm Phạm Mạnh Đạt qua các Tác phẩm nhạc Việt Nam của ông cũng sẽ thấy người Nhạc sỹ 69 tuổi này đã bỏ ra rất nhiều công lao để viết ra những dòng nhạc trau chuốt dịu dàng và thiết tha gắn bó với quê hương, đất nước và con người Việt Nam.

Những hình ảnh của quê cha đất tổ, nỗi lòng của những người đi xa, tâm sự của những mối tình dang dở và của những nơi chốn thời thơ ấu là những hình ảnh luôn luôn ẩn hiện trong quá trình âm nhạc của Phạm Mạnh Đạt.

Dòng nhạc hiếm quý của Phạm Mạnh Đạt đã không liên tục kể từ khi ông viết Nhạc phẩm đầu tay "Hẹn Ngày Mai" năm 1956 mà Lệ Thu, một trong những "ca sỹ học trò" thành công nhất của Phạm Mạnh Đạt, đã hát lên nhiều lần. Bản nhạc này ông viết để nói lên ước mơ trở về quê cũ của những thế hệ vừa mới di cư từ Bắc vào Nam sau khi đất nước bị chia đôi năm 1954. Bây giờ ca khúc này lại gắn với hoàn cảnh của các thế hệ người Việt phải bỏ nước ra đi từ sau biến cố năm 1975 !

Cũng may, kể từ ngày có mặt ở nước ngoài, âm hưởng Hạ Uy Cầm "bị bỏ quên" của Phạm Mạnh Đạt đã được ông hồi sinh mạnh mẽ. Tính đến nay, Nhạc sỹ đã hoàn tất được trên 10 Tác phẩm chọn lọc CD, DVD và VIDEO.

Từ "Một Chuyến Về Quê" đến "Sài Gòn Có Em", "Mưa Buồn" và "Hà Nội Chiều Mưa Bay" trong DVD "Tìm Trong Kỷ Niệm", Phạm Mạnh Đạt đã không chỉ tìm lại dĩ vãng cho riêng ông mà còn đưa chúng ta, những người đang sống xa quê hương, trở về với những hình ảnh thân yêu của chính mình với lũy tre làng,cây đa, bến cũ cho đến những phố cũ và những hình ảnh dấu yêu của một thời Hà Nội, Huế, Sài Gòn và Đà Lạt.

Ngoài những tiếng hát quen thuộc như Lệ Thu, Ý Lan, Thảo My, âm hưởng Hạ Uy Cầm của Phạm Mạnh Đạt còn được những giọng hát hàng đầu trong nước của Mai Thúy Hằng, Hương Thủy, Hiền Thục, Quang Minh và Thanh Long góp sức làm sống lại một dòng nhạc đã một thời bị lãng quên.

Qua những giọng ca ấy, người nghe như cảm thấy dòng nhạc Phạm Mạnh Đạt có một ma lực nào đó cuốn hút họ ra khỏi những nhọc nhằn của cuộc sống để thênh thang bước vào một thế giới thần tiên khác.

4-6-2003

Giới thiệu sách mới:

'LỘT TRẦN HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH – Exposing the Myth of Ho Chi Minh' và 'QUẢNG NAM TRONG LỊCH SỬ' tập 2 của TRẦN GIA PHỤNG

Trong tháng Năm, tại Toronto, nơi bỗng nhiên nổi tiếng vì SARS đến thăm đầu tiên ở Bắc Mỹ, xuất hiện hai tác phẩm của ông Trần Gia Phụng. Thứ nhất là sách song ngữ Anh Việt *Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh – Exposing the Myth of Hồ Chí Minh* do Trần Gia Phụng biên soạn và Timothy Trần chuyển ngữ. Sách song ngữ Việt Anh, nên rất hữu ích cho các bạn đọc trẻ, các thanh thiếu niên sinh trưởng ở nước ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ, muốn nghiên cứu về lịch sử hiện đại Việt Nam, nhưng gặp khó khăn khi đọc tiếng Việt. Nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh được chính ông ta và đảng Cộng sản Việt Nam huyền thoại hóa để lôi kéo dư luận quần chúng trong và ngoài nước và làm tăng giá trị những cuộc chiến tranh phục vụ cho mục đích riêng tư của họ. Nay tác giả Trần Gia Phụng phân tích lại từng loại huyền thoại đã được dựng nên, đem so sánh với con người và bản chất thực sự của Hồ Chí Minh để trả lại sự thật cho lịch sử. Tác giả Trần Gia Phụng đã lần lượt xem xét một cách bình tĩnh và khách quan các "huyền thoại" sau đây mà guồng máy tuyên truyền của đảng cộng sản Việt Nam từ nhiều thập niên qua đã ra công tô vẽ:

- Huyền thoại về người cha
- Huyền thoại ra đi tìm đường cứu nước
- Huyền thoại cuộc sống độc thân giản dị
- Huyền thoại đoàn kết dân tộc
- Huyền thoại giải phóng dân tộc
- Huyền thoại "tư tưởng Hồ Chí Minh"
- Huyền thoại lăng Hồ Chí Minh

Với sử liệu, tác giả Trần Gia Phụng đã "giải phóng" con người thật của Hồ Chí Minh ra khỏi đám mây dày đặc của dối trá để ông ta được hiện nguyên hình với bản chất thật của mình. Và trả ông ta về với cái tên cúng cơm của ông ta là Nguyễn Sinh Cung.

Đây là một cuốn sách rất cần đọc, không phải để thỏa lòng ghét bỏ về chính trị, mà là để trở về với sự chân thật là nét đặc thù của sự thuần lương trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Đảng cộng sản là hiện thân của sự dối trá cao độ trong tất cả chế độ chính trị của loài người từ xưa đến nay, đã mang thói xấu đó vào nước ta làm tật nguyền một thành phần dân tộc Việt Nam, và di hại của nó đến ngày nay vẫn chưa có dấu hiệu được chữa khỏi hẳn. Cần có nhiều cố gắng "lột trần huyền thoại" như cuốn sách này, để người Việt Nam, và cả những dân tộc khác trên thế giới nữa, ra khỏi sự dối gạt khổng lồ do guồng máy tuyên truyền của cộng sản tạo ra trong thế kỷ 20.

Sách dày 178 trang, giá 10 Mỹ kim.

Tác phẩm thứ nhì của ông Trần Gia Phụng là *Quảng Nam trong lịch sử* tập 2. Tuy những bài viết của tác giả tập trung quanh chủ đề về Quảng Nam, nhưng lại có tính cách lịch sử chung của đất nước. Những đề tài ông đề cập đều mới mẻ, như *Vài ảnh hưởng của Champa đối với Đàng Trong, Tại sao Tây phương đến Quảng Nam vào thế kỷ 17? Chúa Trịnh nhượng Quảng Nam cho người Hòa Lan, Sắc đẹp nghiêng thành, Quảng Nam trong cuộc tranh chấp Trịnh, Nguyễn và Tây Sơn vào cuối thế kỷ 18, Những nhân sĩ Quảng Nam bị đày ra Côn Lôn sau vụ Trung kỳ dân biến năm 1908, Những bà vợ của các nhà cách mạng Quảng Nam, Quảng Nam trong biến cố Tết Mậu Thân.* Đặc biệt đây là lần đầu tiên, lá thư của Thanh Đô Vương Trịnh Tráng viết cho người Hòa Lan nhượng đất Quảng Nam, để được người Hòa Lan viện trợ, đem chiến thuyền đến đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong, được đưa ra trình làng với người Việt Nam. Trong sách nầy, ông Trần Gia Phụng vẫn theo phương pháp viết khảo luận sở trường của ông, với một văn phong trong sáng như các tác phẩm trước mà độc giả rất quen thuộc. Sách dày 184 trang, giá 10 Mỹ kim.

Có thể tìm mua ở các hiệu sách, hay gởi chi phiếu cá nhân đến địa chỉ: Trần Gia Phụng, P. O. Box 63015, 1655 Dufferin Street, Toronto, ON. M6H-4H8, Canada.

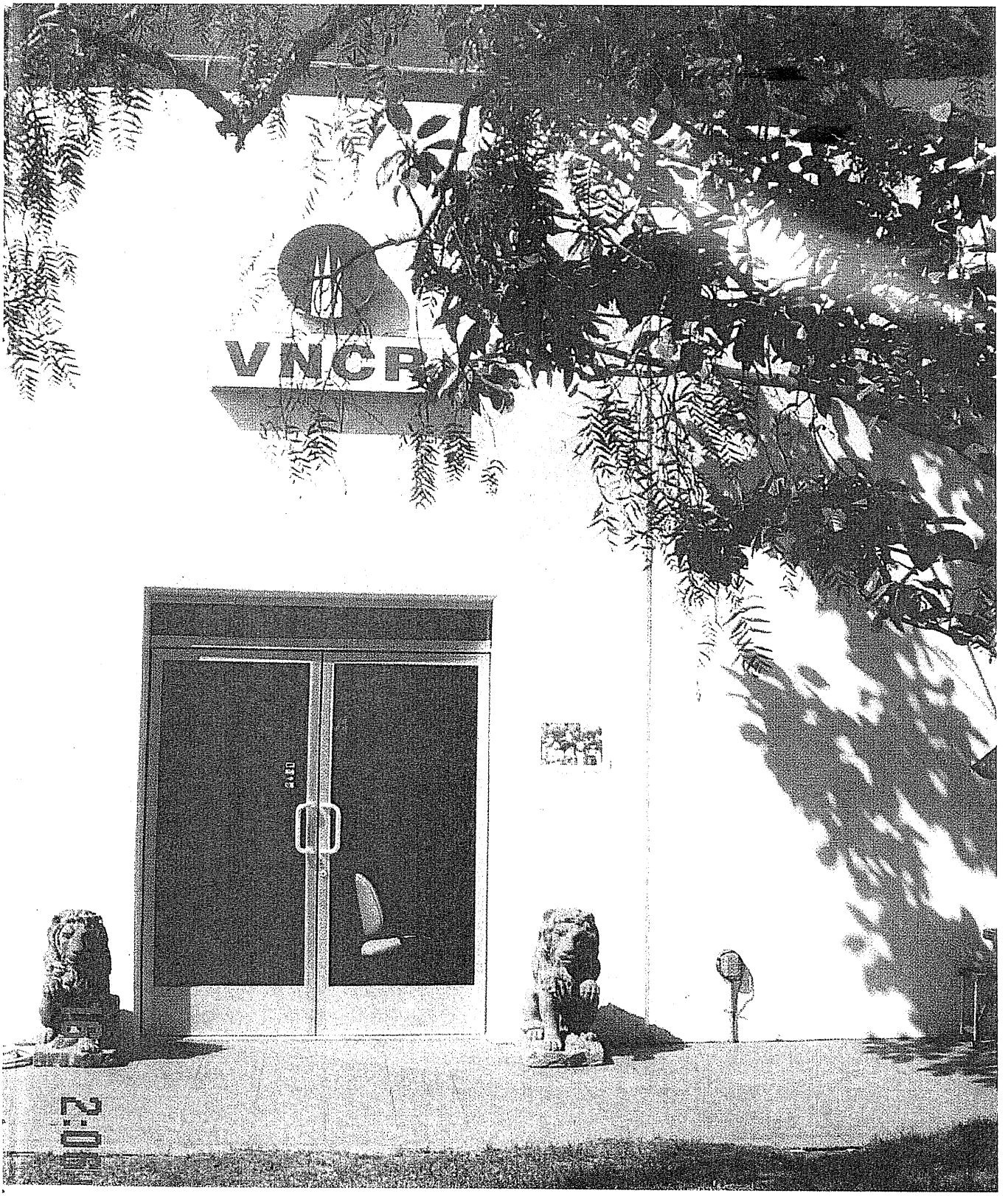

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim